

Kim Lăng Thập Tam Thoa

Contents

Kim Lăng Thập Tam Thoa	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	8
3. Chương 3	12
4. Chương 4	14
5. Chương 5	18
6. Chương 6	20
7. Chương 7	23
8. Chương 8	29
9. Chương 9	37
10. Chương 10	46
11. Chương 11	50
12. Chương 12	57
13. Chương 13	61
14. Chương 14	69
15. Chương 15	73
16. Chương 16	77
17. Chương 17	82

Kim Lăng Thập Tam Thoa



Giới thiệu

Cuộc hủy diệt thành phố, tàn sát hàng vạn tù binh và dân thường do quân đội Nhật tiến hành khi tr

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/kim-lang-thap-tam-thoa>

1. Chương 1

Mở đầu

Cô tôi, cô Mạnh Thư Quyên cứ mãi miết tìm một người. Nói chính xác là cô tôi tìm một người đàn bà. Tìm mãi tìm mãi, cô mỗi ngày một già đi, quên cả chuyện chồng con. Tôi lớn lên, đến cái tuổi để cô có thể trút bầu tâm sự, tôi mới phát hiện ra rằng, người mà cô muốn tìm là một cô gái điếm. Khi cô ta và cô tôi quen nhau, cô ta là ngôi sao của nghề đó. Theo cách nói mới, cô ta là nhân vật có máu mặt.

Tháng 8 năm 1946, trong buổi xét xử tội phạm chiến tranh Nhật Bản tại Nam Kinh, cô tôi gần như đã tìm thấy con người này. Cô ta ngồi trên ghế của người làm chứng, chỉ ra những sĩ quan cao cấp của Nhật Bản đã tổ chức một vụ hãm hiếp qui mô lớn.

Cô tôi nhận ra cô ta qua giọng nói. Chen chân trong đám người bên ngoài cuộc xử án, cô nghe thấy lời làm chứng của cô ta qua chiếc loa mắc trên cột điện cho dù cô ta đã dùng tên khác.

Từ bên ngoài len vào phòng xử án, cô đi mất hơn một giờ đồng hồ. Năm mươi sáu năm trước, trong cái ngõ vụn người này, dân phố sẵn sàng chịu cái nóng thiêu đốt của những ngày tháng tám để được tai nghe mắt thấy sự kết thúc nhục nhã của những kẻ đã từng đầy đọa họ tám năm trời.

Bên trong bên ngoài phòng xử án không còn một chỗ đặt chân, cô tôi cảm thấy như bức tường bị bỏ rơi ra, cứ mỗi lần bị xô đẩy, nó lại bị biến dạng đi. Những người dân Nam Kinh còn sống sót sau cuộc thảm sát giờ này hầu như đều tụ tập bên ngoài phòng xử án, đứng cách xa đến nửa dặm, nghe tiếng loa truyền, họ cũng thấy hả hê.

Từ xa, cô tôi đã nhìn thấy phía sau cô ta. Dáng người cô ta còn ngon mắt lắm, bị giày vò nhưng cũng chưa đến nỗi nhàu nát. Khi lách theo một khe hở đến được gần sau lưng cô ta, cô Thư Quyên đã bị hơi nước bốc lên từ hàng vụn con người hấp cho ướt đầm đìa. Cô đưa tay ra vỗ lên bờ vai tròn nổi tiếng nhất Nam Kinh những năm ba mươi. Khuôn mặt quay lại không nằm trong ký ức của cô tôi. Một khuôn mặt không ra mặt; về sau cô đoán rằng có thể khuôn mặt kiểu điếm bẩm sinh đó đã bị hủy hoại rồi về sau đã được bác sĩ chỉnh hình sửa sang lại.

“Triệu Ngọc Mặc!” Mạnh Thư Quyên hai mươi tuổi khê kêu lên kinh hãi. Người đàn bà tên Triệu Ngọc Mặc giương mắt giả vờ ngạc nhiên.

Cô nói: “Tôi là Mạnh Thư Quyên đây.”

Cô ta lắc đầu, nói bằng một giọng đặc trưng của Triệu Ngọc Mặc: “Cô nhận lầm người rồi.” Những năm ba mươi, lãng tử Nam Kinh chẳng ai không quen biết, ai cũng thích nghe giọng hát có chút lạc điệu của cô.

Cô tôi không cam chịu, len đến trước mặt cô ta và nói mình là Mạnh Thư Quyên, một trong các học sinh đã được cô ta và các chị em của cô ta cứu thoát!

Cho dù Mạnh Thư Quyên nói thế nào Triệu Ngọc Mặc cũng nhất định không nhận. Cô ta lườm xéo một cái, chiếc cầm lạnh lùng còn lại sau khi chỉnh hình nẩy nhẹ một cái, cô nói tiếng Nam Kinh mang giọng Tô Châu: “Triệu Ngọc Mặc là ai kia?”

Nói xong câu đó, cô ta đứng lên len qua phía sau hàng người đứng đầu rồi đi mất. Cái cầm thanh nhã tuyệt đẹp rớt nhẹ, trước cái cầm đó không ai có thể oán trách bất cứ điều gì bất tiện mà cô ta gây ra.

Tất nhiên Mạnh Thư Quyên không thể nào đi theo cô ta được vì chẳng ai dẫn ra cho cô đi cả. Cô đành phải dùng cách vào như thế nào thì ra như thế. Khi thoát được ra ngoài rồi, cô chẳng thấy bóng dáng Triệu Ngọc Mặc đâu nữa.

Từ lần đó, cô Mạnh Thư Quyên của tôi kiên quyết thực hiện ý định, cho dù Triệu Ngọc Mặc đã thay đổi không còn chút nào là Triệu Ngọc Mặc nữa, cô nhất định phải tìm ra tung tích của cô ta và mười hai người chị em của cô. Qua ghi chép của các phóng viên, cô tôi tìm được một số người, một số được tìm thấy qua các cuộc nói chuyện với đám lính Nhật về già, nhưng phần lớn cô tìm được qua mấy chục năm lăn lộn trong dân chúng vùng Giang Tô, An Huy, Chiết Giang.

Cả một khối tư liệu đồ sộ trải rộng trên tám bản đồ lớn, Mạnh Thư Quyên nhìn thấy tọa độ của mình ở thành phố Nam Kinh khi thất thủ ngày 13 tháng 12 năm 1937 và vị trí nhà thờ Wilson, nơi cô cùng các bạn học ẩn náu. Tư liệu cho cô thấy bức tranh rộng lớn của Nam Kinh trước khi gặp tai họa và cũng cho thấy một kiếp người nhỏ bé như con giun con dế đang kinh hoàng, hoảng loạn trong bức tranh...

Và đây là cô Mạnh Thư Quyên 13 tuổi của tôi.

Mạnh Thư Quyên ngồi phất dậy và phát hiện ra rằng mình đã đứng bên mép giường. Lúc đó khoảng hơn năm giờ sáng hoặc sớm hơn chút nữa, chưa đến bốn rưỡi. Không phải tiếng đại bác mà là một dòng chất dịch nóng trong người đánh thức cô dậy. Dòng dịch nóng kèm theo sức ép cuối cùng vọt ra, lúc ấy Thư Quyên tỉnh giấc. Dòng kinh nguyệt đầu tiên trào ra.

Chân đất đứng trên sàn nhà, cô cảm thấy chất dịch vừa nóng bỗng đã vội lạnh ngắt như băng. Bên trái giường có bảy tấm thảm trải sàn, một lối đi cắt ngang, tiếp theo lại có bảy tấm nữa. Một ngôi nhà xa gần đâu đó bị cháy, ánh lửa bập bùng chiếu qua tấm rèm cửa sổ màu đen làm cho khoảng không gian trong căn gác đung đưa. Thư Quyên nhìn các bạn ngủ say trong ánh lửa, nghe tiếng thở vừa dài vừa sâu; trong giấc mơ của họ là một cảnh thanh bình.

Thư Quyên khoác lên mình tấm áo gấm, lần mò đi về phía cầu thang. Không phải là cái cửa thẳng góc với mặt phẳng ngang, từ trên gác nhìn xuống, nó chỉ là một cái nắp hình chữ nhật để người quản lý đôi lúc chui lên chữa điện hay chống dột. Tối qua khi Thư Quyên và các bạn đến nhà thờ Wilson, linh mục Engman của nhà thờ bảo các cô phải ở yên trên gác, đi tiểu có thùng tôn, đại tiện mới xuống dưới nhà.

Cái nắp hình chữ nhật gắn với cầu thang, giữa có một cái chốt làm rất khéo, khi cái nắp mở ra thì cầu thang thò xuống.

Chiều qua, linh mục Engman và phó linh mục Atonado dẫn Thư Quyên và mười sáu học sinh nữ chạy đến bờ sông định lên phà Phố Khẩu. Sẩm tối, phà từ Phố Khẩu quay về thì bỗng có một tốp thương binh được chở đến. Những người này đều bị thương vì đạn của quân mình, số là họ được lệnh khẩn cấp rút lui, đến nửa đường thì gặp đơn vị quân đội chưa nhận được lệnh rút lui đánh chặn vì tưởng họ là lính đào ngũ, họ bị quét súng máy, cầu súng cối, dùng xe tăng cán. Trước khi rút lui họ đã được lệnh hủy hết vũ khí hạng nặng, giờ đây trước mũi súng của đơn vị đánh chặn, họ trở thành những tấm bia thịt. Khi hai bên hiểu ra thì đơn vị rút lui đã bị thương vong mấy trăm người. Những người lính đã nã đạn vào họ, quá ân hận cho nên đã điên cuồng cướp sà lan cho đám người bị thương. Vậy là thầy trò đám nữ sinh lỡ mất chuyến qua sông.

Khi đó linh mục Engman thấy rằng đêm ở ven sông quá nguy hiểm, súng mạnh ai nấy bắn; gươm mạnh ai nấy chém, ông nghĩ lính Nhật cũng vậy thôi. Thế là với sự giúp đỡ của A Cố và George Trần, ông và phó linh mục Atonado dẫn các em học sinh quay về nhà thờ. Ông hứa với đám học sinh trước khi trời sáng nhất định sẽ kiếm được thuyền, cho dù không có thuyền thì cũng còn lối thoát cuối cùng, đó là tránh nạn tại vùng an toàn. Engman cho rằng Nam Kinh dễ thủ khó công. Chỉ với tường thành kiên cố và địa thế hiểm yếu của Trường Giang, muốn công thành cũng phải mất mấy ngày.

Mấy chục năm sau, mỗi khi nhớ lại, Mạnh Thư Quyên vẫn thấy bàng hoàng: Tháng 12 năm 1937, thủ đô Nam Kinh của Trung Quốc thất thủ nhanh đến vậy! Linh mục Engman dày dặn từng trải đã tính nhầm khiến ông và đám nữ sinh tuột mất cơ hội thoát thân cuối cùng.

Đó là một sai lầm chết người, đã phải trả một giá quá đắt để sửa chữa.

Cô bé mười ba tuổi Thư Quyên men theo chiếc cầu thang gỗ kéo kẹt đi xuống. Chân đặt lên nền xuống đóng sách kinh thánh, cô cảm thấy cái lạnh cắt da của tháng mười hai. Nếu không có mấy tiếng súng lẹt đẹt phía xa, khung cảnh thật yên tĩnh, cô như nghe thấy cả tiếng thân mình cọ xát nhẹ nhàng với màn đêm. Lúc này đây, cô vẫn chưa biết đó là sự yên tĩnh chẳng lành, sự yên tĩnh của thành trì buông xuôi không còn chống trả, sự yên tĩnh quy phục.

Thư Quyên đi trong sự yên tĩnh ẩm ướt, cô thuộc đường đi từ đầu này đến đầu kia xuống đóng sách. Tất cả có hai mươi hai cái bàn dùng để cho học sinh đóng sách kinh thánh và sổ tay giảng kinh. Giờ đây các nữ học sinh ở lại nhà thờ với Thư Quyên phần đông là trẻ mồ côi, chỉ có hai người như Thư Quyên, cha mẹ ở

việc ở ngoài nước hoặc ngoài tỉnh. Cô cho rằng những người cha người mẹ này đều cố tình bị lỡ, họ không muốn quay về thủ đô Nam Kinh, nơi chẳng còn thiết tha gì với chính phủ và quân đội của mình nữa.

Đúng vào khi nửa thân dưới trần truồng đứng trước chiếc thùng vệ sinh, cô gái có một cảm giác lạ lùng và ghê sợ, cơ quan nội tạng thần bí bắt đầu chộn rộn và co bóp, tiết ra chất dịch đỏ sẫm, cô không hề biết chút gì về bên ngoài bức tường nhà thờ là một buổi sớm điển rồ thê thảm của ngày tận thế.

Hàng trăm hàng ngàn xe tăng cắm cờ lá cao (1) đang tiến vào Nam Kinh, cửa thành mở toang, kẻ xâm nhập thọc vào nơi sâu nhất của thành trì. Những thân người chết ngổ ngang máu thịt đầm đìa trên đường phố. Lúc này cô gái mười ba tuổi Thư Quyên chỉ thấy một nỗi ô nhục ê chề là đám máu kinh nguyệt của thân phận con gái; cô mơ hồ cảm thấy từ lúc này cô trở thành một tấm thân sẽ gây ra những điều xấu xa, sẽ là mảnh đất ươm mầm tội ác cho bất cứ kẻ nào, để mặc cho chúng tùy ý trồng cây và hái quả.

Buổi sớm đó, Mạnh Thư Quyên đã chấm dứt quãng đời thiếu nữ ngây thơ, một tấm khăn nhét giữa hai chân; cô bước ra ngoài với một dáng đi chằng lầy gì làm thanh nhã. Từ mấy ngày trước, tháp chuông kiểu Gothic của nhà thờ đã bị phá sập thành đồng gạch đổ nát cùng với mảng cửa lớn trông ra phố. Từ nay lối vào ra là chiếc cổng phụ nhỏ tí. Đồng đổ nát in hình trên nền đỏ của đám lửa đầu đó như muốn chứng tỏ rằng nó cũng hùng vĩ nguy nga không kém. Tòa nhà chính ngăn cách với xưởng đóng sách bằng một hành lang nhỏ dẫn đến cổng phụ, đầu kia hành lang là bãi cỏ sau tòa nhà chính. Linh mục quý nó hơn cả giường đệm của mình, ông tự hào nói với giáo dân rằng đó là miền đất hứa cuối cùng của Nam Kinh. Mấy chục năm nay, thăm cỏ là nơi hành lễ, tổ chức tang chạp cưới xin cho giáo dân. Trên thảm cỏ trải lá cờ sao vạch và cờ chữ thập đỏ cỡ lớn. Ngôi nhà gạch đỏ của linh mục nổi bật trên thảm cỏ xanh như chỉ có trong thần thoại.

Trời đông đã ửng hồng.

Nắng đẹp. Rất nhiều năm sau cô tôi vẫn còn than rằng: Ngày tận số của Nam Kinh mà lại là một ngày đẹp trời!

Mạnh Thư Quyên bước đi trên đôi chân ở giữa ngăn cách bằng chiếc khăn, ngượng nghịu đi qua xưởng đóng sách. Leo hết cầu thang, cô lập tức bước vào cỏi mộng bình yên.

Trời sáng, các nữ sinh đều tỉnh dậy. Họ bị tiếng khóc đàn bà bên dưới gác đánh thức.

Ba tấm cửa sổ của căn gác đều treo rèm phòng không màu đen và dán chéo những băng giấy. Lúc này băng giấy bị các cô bóc đi để có thể nhìn ra sân trước và một góc cổng phụ.

Thư Quyên áp mặt vào khung cửa, cô trông thấy linh mục chạy từ sân sau ra cổng phụ, tấm áo vừa rộng vừa dài như cánh bướm giương lên trước gió. Ông vừa chạy vừa kêu: “Không được trèo tường! Không có gì ăn đâu!”

Một nữ sinh mạnh dạn mở toang cửa ra, các cô bé chen nhau thò cổ ra xem. Trên bức tường bên cổng phụ có hai cô gái trẻ ngồi vắt vẻo, cô mặc áo dài lụa hồng có vẻ như là một cô dâu vừa chạy thẳng từ giường tân hôn đến, cô kia khoác tấm áo lông chồn, chiếc váy hoa bên dưới có một cúc không cài, để lộ ra những lớp y phục đủ cả xuân hạ thu đông.

Các cô bé nhìn chưa đã, kéo nhau xuống thang gác đứng chập ở cửa xưởng đóng sách nhìn ra.

Khi Thư Quyên cũng chen vào xem thì trên tường không còn là hai cô gái nữa mà là bốn cô. Hai cô lúc này bị Engman chặn lại đã đáp xuống khoảnh đất nhà thờ. A Cố và George Trần chạy đến giúp sức cũng không ngăn cản được tốp lính tiên phong nước mắt mũi dãi đầm đìa này.

Linh mục Engman trông thấy đám nữ sinh chen chúc thì thào nơi cửa bên nổi nóng bảo A Cố: “Dẫn bọn trẻ đi, không cho chúng nhìn thấy những người đàn bà này!” Vì nhà thờ bị cắt nước, bộ râu không cạo mọc tua tủa, trông ông già sọm đi.

Thư Quyên hiểu được tình hình đang xảy ra, mấy người kia đúng là một đám đàn bà không nên để mắt tới.

Trong đám con gái có đứa có chút hiểu đời bảo các bạn: “Bọn ở nhà chứa đấy.” “Nhà chứa gì?” “Nhà thổ bên sông Hoài đó!”...

Phó linh mục Atonado từ tòa nhà chính chạy ra hét to: “Đi chỗ khác! Ở đây không chứa dân tị nạn!” Ông trẻ hơn Engman đến hơn hai chục tuổi nhưng mặt già hơn tuổi, tóc lại già hơn mặt. Tên ông là Fabbi, giáo dân gọi thân mật là Fabbi Dương Châu(2). Câu nói đặc giọng Dương Châu của Fabbi khiến đám đàn bà đang kêu khóc van xin im bất giác. Sau khi biết mình không nghe nhầm họ lại nhao nhao như thợ cắt tóc, như đầu bếp gào trong quán ăn.

Một linh mục Tây mắt sâu mũi lõ nói giọng Dương Châu tròn vành rõ chữ!

Một ả gái điếm hai lăm hai sáu tuổi nói: “Chúng tôi chạy từ bờ sông tới đây! Xe ngựa bị lật, ngựa hoảng loạn chạy mất. Bây giờ trong thành đầy lính Nhật, chúng tôi không đến được khu an toàn nữa rồi!”

Một ả mười bảy mười tám cướp lời: “Khu an toàn cũng chẳng đủ chỗ mà ngồi, có chen được vào cũng phải cầm đầu trồng cây chuối!”

Một cụ bưng bưng như sôi: “Tôi có người quen ở sứ quán Mỹ đã bằng lòng cho trú nhờ, tối qua lật lọng không nhận nữa! Thế là bà cô trẻ này mất trắng cho nó một bữa vui vẻ!”

Một giọng bắt cần đời: “Tiên sư cha nó! Lúc đến kiếm vui thì em nào cũng như khúc giò lụa!”

Thư Quyên thấy đầu vầng mắt hoa vì những câu chữ lạ lẫm. A Cố đến lôi đi, cô giãy ra. Cô nhận thấy tất cả các bạn đã trở về căn gác. George Trần được lệnh dùng gậy cản bọn gái điếm lại. Anh ta hai tay hai gậy lại trở thành người van xin: “Các cô nghe tôi đi! Các cô vào đây cũng chết! Không chết đói cũng chết khát. Học sinh một ngày hai bát cháo loãng, uống nước trong bồn nước rửa tội. Xin các cô nghe tôi đi ra đi!...” Nói một câu lại một gậy đập xuống bậc cửa, chấn động cả cổ tay cánh tay, người bị đau là chính anh ta.

Ả gái điếm hai bốn hai lăm tuổi đột nhiên quì xuống trước mặt Engman, đầu hơi cúi xuống, thế là Thư Quyên nhìn thấy một thân hình mà suốt đời cô không quên. Một dáng người biết biểu cảm thay cho nét mặt. Sau đó sống chung một thời gian với người đàn bà này, Thư Quyên phát hiện thêm rằng, không chỉ cái lưng, trên người cô ta không một chỗ nào nhàn rỗi cả, chỗ nào cũng biết cười, biết than vãn, biết ra hiệu một cách tinh tế. Còn bây giờ Mạnh Thư Quyên đang nghe linh mục Engman vận dụng vốn tiếng Trung Quốc hơn ba mươi năm để tranh luận với cô ta nhưng cũng chỉ mấy câu George Trần đã nói: Gạo hết, nước hết, chỗ cũng chẳng còn, đông người trú thì chẳng có gì an toàn. Khi không diễn đạt được hết ý thì ông nhờ George Trần dịch từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Trung Quốc - Dương Châu.

Thân người đàn bà quì đã mọc rễ nhưng vai và lưng vẫn liên tục biểu cảm.

Cô ta nói: “Cái mạng chúng tôi rẻ mạt, chẳng đáng để cho ngài cứu; nhưng chúng tôi chỉ cầu mong chết được tử tế. Hèn hạ như loài chó lợn cũng đáng được chết cho nhanh gọn, chết mà không phải đau đớn.”

Phải nói rằng lúc này con người cô ta trang trọng và lịch sự. Nói mãi nói mãi, tóc cô ta xổ ra, chảy tràn trên đôi vai. Một mái tóc đẹp!

Linh mục Engman lạnh lùng bảo cô ta, trong những học sinh ông che chở, có những người có cha mẹ là nhân sĩ danh giá, cũng là con chiên lâu năm của nhà thờ. Mấy hôm trước họ đều đánh điện yêu cầu linh mục bảo vệ cho con em họ tránh khỏi mọi xâm hại. Ông đã lần lượt đánh điện trả lời rằng ông đem tính mạng mình ra đảm bảo lời hứa.

Fabbi không còn kiên nhẫn được nữa, ông biến trở lại thành người Dương Châu. Ông dùng tiếng Anh nói với Engman: “Nói kiểu đó với họ bây giờ không ăn thua nữa rồi! Phải nói bằng thứ ngôn ngữ họ hiểu được – George Trần, anh lên sân khấu diễn Tôn Khi đi! Làm thật vào!”

A Cố đã buông Thư Quyên ra. Anh ta lao đến định giật lấy cái gậy trong tay George Trần để múa. Một người đàn bà ngã từ trên gác xuống rơi vào lòng A Cố, suýt nữa đè cái cổ ngắn của anh ta chui vào trong ngực. Chiếc áo choàng da báo xô đi, tấm thân trần người đàn bà phơi ra. A Cố cả đời chỉ thấy một người đàn bà trần như nhộng đó là vợ mình. Tưởng là một cái xác kiêu diễm rơi xuống, anh ta hãi quá kêu lên thất thanh “ô trời ơi”. Thừa cơ, đám đàn bà trên tường nhảy ào ào xuống sân nhà thờ như ếch gắp mưa rào. Còn lại một người đàn bà da đen cao lớn kéo thêm ba bốn ả gái điếm bên ngoài lên tường.

Fabbi tuyệt vọng: “Khấp quá! Cả một cái thuyền hoa trên sông Tần Hoài cập bến hay sao đây!” Dù sao ông cũng là người nhà thánh không thể hành động thô bạo với người ta được, chỉ có thể nói mạnh mẽ thôi.

Ông chỉ vào đám đàn bà quát lớn: “Loại đàn bà như các người thì sợ gì hả? Ra phố mà chèo kéo bọn lính Nhật đi!”

Mấy người đàn bà đối đáp lại: “Thế mà là linh mục Tây kia đấy! An nói kiểu gì vậy?” “Muốn chửi chúng tôi thì cứ chửi đi! Chửi sao mà độc địa thế không biết!...”

A Cố muốn thoát thân khỏi mù đàn bà dở sống dở chết nhưng mù ta khỏe quá, hai cánh tay như hai cái râu bạch tuộc, càng giãy nó càng quấn chặt.

Linh mục Engman thấy rõ khí thế như nước lũ của đám đàn bà mua hương bán phấn này không thể cản nổi, ông đành bó tay, bảo A Cố mở cổng ra.

Thư Quyên nhìn thấy người đàn bà chậm rãi đứng lên, thì ra đó là người đàn bà có vóc dáng khá cao. Sàn đá sạch sẽ đến xanh bóng bị đám đàn bà xanh đỏ làm cho nhem nhuốc. Hòm xiểng, tay nải, chăn màn đủ màu cũng kéo theo vào, lôi theo cả mọi thứ dây dợ, tất dài, đồ lót.

Cô Thư Quyên của tôi khi đó không biết rằng những gì cô nhìn thấy là một mảng rất nhỏ của cái mà sau này các nhà viết sử gọi là vụ đại thảm sát xấu xa nhất, tàn khốc nhất. Xung quanh mảng nhỏ đó đầy xác người dân Nam Kinh, rãnh thải nước hai mép đường biến thành rãnh thải máu. Phải chờ biết bao lâu cô mới biết đầu đuôi câu chuyện, mới biết mình là đứa trẻ may mắn đến thế nào, linh mục và bức tường cao ngất của giáo đường đã che bớt đi cho cô những hình ảnh và âm thanh đẫm máu; đầu người rơi xuống, thân người phun máu tạo ra một âm thanh độc nhất vô nhị.

Đứng trước cửa xướng in, cô nghĩ miên man: Nếu bố mẹ không ích kỷ, không thiên vị thì làm sao có thể bỏ cô lại đây trong lúc này, để những người đàn bà nhơ nhuốc kia làm bẩn đôi mắt trong sạch của cô? Cô luôn luôn nghi ngờ sự yêu chiều của bố mẹ đối với mình, đến lúc này thì cô hết nghi ngờ. Bố mẹ yêu đứa em gái của cô hơn. Bố có cơ hội đi Mỹ để học lên, ngay lập tức ông bảo chỉ có thể đưa đứa bé đi vì nó chưa đến tuổi đi học, sẽ không bị lỡ học khi ra nước ngoài. Mẹ cũng nói đỡ cho bố, rằng điều quan trọng hơn nữa là để bác sĩ Mỹ chữa bệnh hen cho em. Bố mẹ bảo với Thư Quyên rằng một năm trôi qua nhanh lắm, nhóang một cái cả nhà bốn người lại sum họp. Thế là yên chuyện, vốn bị ẩn ức đã lâu, đứa con gái lớn cam chịu sự bất công để tha thứ cho bố mẹ!

Ông bà ngoại ở tít tận Ninh Ba lúc đầu định đến Nam Kinh chạy nạn, nhân thể chăm sóc Thư Quyên, nhưng tứ bề loạn lạc, đường thủy đường bộ đi về phía tây đều hung hiểm, cuộc hành trình tám trăm cây số là cuộc đánh bạc với tính mạng, hơn nữa ông bà già biết rằng mình bảo vệ cháu chẳng thể tốt hơn linh mục Engman và giáo đường Mỹ của ông ta. Trong bức điện ông bà còn nhắc nhở Thư Quyên học hành, ở cùng các bạn sẽ không bị thất học.

Những khi buồn bực nhất Thư Quyên đều oán trách họ, tận đáy lòng mình cô rất hận cha mẹ.

Cái con yêu tinh kia làm sao thể nhẫn, chết ngất trong lòng A Cố rồi kia! Hai vạt trước tấm áo lông báo phanh toang ra! Dưới ánh sáng màu chì của buổi sớm, cái thân người nung núc lộ ra trên màu lông đen của chiếc áo, dòng sữa chảy ra lênh láng. Cô vội thụt đầu vào trong cửa.

Đứng rất lâu, đôi má nóng bừng mới nguôi dần. Đến mười cô Thư Quyên cũng không thể xấu hổ thay cho mù ta được.

Thư Quyên leo lên gác trở về phòng như chạy trốn. Các cô gái vẫn xúm xít nơi cửa sổ, các băng giấy dán kính lột đi, tấm rèm đen gạt ra, ba ô cửa dài và hẹp biến thành các lô xem hát. Tình hình bên dưới đã hoàn toàn mất kiểm soát, đám đàn bà chui rúc vào mọi nơi mọi chỗ tìm đồ ăn nước uống, tìm nơi phóng uế. Một ả gái điếm kéo một ả khác vén tấm màn gió xanh đen bằng nhung thẹn thùng nói với các linh mục Tây: Chạy miết cả đêm không dám kiếm một nơi đi ngoài, đành phải xấu mặt ở đây vậy. Nói rồi hai ả biến mất sau tấm bình phong.

Fabbi hét lên bằng tiếng Anh: “Đồ súc vật!”

Engman đã sống gần sáu mươi năm trời, chỉ riêng ở Trung Quốc, ông đã kinh qua hai cuộc biến loạn: Bắc phạt, Quân phiệt nhưng ông chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng xấu xa đến thế này, ông không đáng phải chịu đựng bọn người thô bỉ đề tiện đến thế. Vị linh mục có một ưu điểm, đó là lấy cao thượng thanh nhâ thẳng thớm bỉ, đối phương càng thô bỉ ông càng thanh nhâ; cuối cùng đạt đến đỉnh điểm, đúng lúc đó, bằng

một giọng ôn tồn, bình thản, ông nói: “Xin hãy tự chủ, thưa ngài Atonado.” Rồi ông quay lại nói với các ả giang hồ, kể cả hai người vừa trở ra sau tấm bình phong nét mặt hớn hở tay đang kéo dây quần, ông cân nhắc từng chữ: “Bây giờ chị em đã vào đây, với tư cách là linh mục cai quản nhà thờ, tôi khẩn thiết yêu cầu chị em tuân theo quy tắc.”

Fabbi kêu lên bằng tiếng Anh giọng Giang Bắc: “Thưa Cha, cho họ vào thì thà cho lính Nhật vào còn hơn!”(3). Ông nói với hai người làm công người Trung Quốc: “Sống chết thế nào cũng phải lôi cổ họ ra! Đã nhìn thấy rõ chưa? Đứa nào cũng làm loạn cả!”

Một ả có tấm thân tròn lẳn bỗng kêu lên: “Cứu tôi với!”

Mọi người quay sang nhìn, thì ra ả kêu vờ, ánh mắt cười cợt lẳng lơ.

“Cái người này cầu véo tôi!” ả chỉ tay vào A Cố.

A Cố quát lên: “Ai làm gì mụ?”

“Cái của nợ của mày đừng vào mẹ mày!” Bộ ngực đồ sộ phập phồng.

A Cố trả miếng: “Đụng thì đã sao? Người ta đụng được tao không đụng được à?”

Ai cũng thấy rằng A Cố cũng không phải là nghiêm túc cho lắm. “Đủ rồi!” Engman nói bằng tiếng Anh. Nhưng A Cố vẫn thấy chưa đủ, vẫn cãi nhau với ả điếm. Linh mục mới nói bằng tiếng Trung Quốc: “Đủ rồi!”

Thực ra Engman đã nhận ra một điều, George Trần và A Cố đã phản bội, họ đang ngấm ngầm làm nội ứng cho đám gái điếm.

Fabbi nói: “Cha hãy nghe...”

“Ông hãy nghe đây, cho họ vào.” Engman nói. “Ít nhất cho họ ở một ngày tại đây. Khi hoàn thành việc chiếm đóng, người Nhật sẽ chịu trách nhiệm giữ gìn trật tự cho thành phố, khi đó chúng ta sẽ mời những người này ra khỏi nhà thờ. Dân tộc Nhật Bản nổi tiếng về kỷ luật trật tự, tin rằng họ sẽ mau chóng kết thúc tình trạng hỗn loạn thời chiến.”

“Một ngày không thể kết thúc được!”

“Vậy thì hai ngày.”

Nói rồi linh mục Engman quay người bước đi. Quyết định của ông đã được đưa ra, chẳng còn gì để bàn tán nữa.

“Thưa Cha, con không đồng ý!” Fabbi đứng phía sau nói to.

Engman quay lại, vẫn rất mực thanh nhã. Ông trả lời Fabbi một cách ngắn gọn: “Tôi biết anh không đồng ý.” Sau đó ông quay đi. Ông không nói gì nhưng rõ hơn cả nói ra lời: “Anh không đồng ý thì đã sao?” Rất khó để có thể thách thức quyền uy và ưu thế trong phong thái thanh cao của ông. Fabbi Atonado lớn lên ở nông thôn Dương Châu, là con trai của tu sĩ truyền giáo Mỹ hậu duệ của hai người gốc Ý. Ông ta đối xử với người Trung Quốc y hệt như cường hào địa chủ, coi họ thấp hèn hơn mình mấy bậc. Do tính cách thô lậu của Fabbi, Engman cũng coi ông ta thấp hèn hơn mình mấy bậc.

Một ả điếm bé con chạy vào xưởng đóng sách trông thấy mấy khuôn mặt nữ sinh hiện ra trên gác, nghĩ rằng ở đó dễ chịu lắm, ít nhất cũng ấm áp. Fabbi tóm ả ta lại. Con bé định luồn nhanh khỏi tay Fabbi nhưng bị ông này nắm chắc lấy cái túi đeo lôi ra khỏi xưởng. Cái túi xổ tung ra những quân mạt chược rơi ào ào xuống đất. Chỉ cần nghe tiếng rơi giòn tan cũng biết là quân bài xương hạng cao cấp.

Mụ điếm đen trũi to con kêu lên: “Con ranh, mất một quân thì tao xe xác mày!”

Con bé quát lại: “Xé con lợn đen ấy, xé cả cái x đen luôn!”

Nghe con bé chanh chua quá, sợ nó còn nói những điều khó nghe, Fabbi đã buông con bé ra lại vội chộp lại rồi vừa lôi vừa đẩy, tống nó ra ngoài.

“Cút đi! Cút ngay! A Cố đâu, mở cửa cho nó ra!” Fabbi mặt đỏ gay quát lên.

Con bé nói: “Ông ơi, ông là đồng hương với con đó...”, nó bỗng loạng choạng đôi chân rồi đổi giọng: “Xin ông, từ nay con không dám nữa ạ!...”

Dưới khuôn mặt non choẹt là một thân hình đủ cân đủ lượng, nung núc, đẩy đi lại bật về: “Ông ơi, ông dạy bảo con bé đồng hương này của ông! Con mới tròn mười lăm!...Chị Ngọc Mặc ơi! Chị xin giúp ông già cho em!”

Cô gái điểm có tên Ngọc Mặc đã thu dọn hành lý, chuẩn bị đi về phía con bé đang van nài, cô cười rất tươi và nói: “Cái miệng của em phải làm vệ sinh một chút! Xin được ông già dạy bảo chẳng thà cho em ngậm một viên thuốc làm sạch miệng.”

A Cố vốn con nhà tử tế, chỉ cần hai mươi phút để biến thành một công tử ăn chơi. Anh ta hớn hở dẫn đường cho đám đàn bà đến ở tại nhà kho dưới hầm bếp. Bọn họ lách thếch đi theo A Cố, vừa đi vừa nhìn ngang nhìn ngửa bình phẩm mọi thứ của nhà thờ.

Thư Quyên từ ngực trên cửa sổ ghi nhớ cái tên Triệu Ngọc Mặc của người đàn bà có dáng người đẹp. Từ những cảnh tượng nhìn thấy, cô biết rằng Triệu Ngọc Mặc là nhân vật chính trong đám gái điểm, cũng có vẻ như là đầu trò. Về sau cô hiểu rằng, đó gọi là thủ lĩnh. Cấp bậc gái điểm trên sông Tần Hoài được qui định rất nghiêm ngặt tựa như tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ vậy. Thân phận, trình độ, cung phụng mỗi bậc một khác. Hơn nữa cấp bậc là do công chúng đặt cho. Về mặt này người Nam Kinh từ cổ xưa đã quan niệm rõ ràng, các tài tử văn nhân đời này sang đời khác đều khen ngợi gái điểm, từ Bát Diễm Tần Hoài đến Trại Kim Hoa đều là những nhân vật chính diện trong văn chương của họ. Thư Quyên mười ba tuổi, chẳng bao lâu cô cũng hiểu, Triệu Ngọc Mặc là cấp bậc cao nhất trong nghề này, tương đương đại tướng năm sao. Cũng như trong giới quân nhân, đàn bà trên thuyền hoa Tần Hoài đều mang cấp hiệu trong khi phục vụ, lon của Triệu Ngọc Mặc có năm ngôi sao, quan khách nhìn đó mà trả tiền, còn phải nhắm tính lượng bạc trong túi xem có chơi được hay không.

Chú thích:

(1) Ý nói miệt thị, cờ Nhật màu trắng có mặt trời tròn đỏ ở giữa, bị ví như một miếng cao dán – ND. (Trong nguyên bản không có các chú thích, người dịch chịu trách nhiệm về các chú thích trong bản dịch).

(2) Dương Châu là một thị trấn gần Nam Kinh – ND.

(3) Giang Bắc là nói phía bắc sông Trường Giang, nói như ta là tả ngạn – ND.

2. Chương 2

Buổi lễ sớm, tiếng súng rộ lên, hình như đầu đó lại nổ ra trận chiến, tiếng súng dồn dập gấp gáp.

Trưa, Fabbi đi khu an toàn lấy lương thực trở về nhà thờ, không có lương thực đem về, chỉ có tin xấu. Trên đường đi, ngổn ngang xác người, ba bốn tuổi, bảy tám chục tuổi, có những xác đàn bà thân dưới lỏa lồ, hổ đạn đại bác cày lên trên đường đều được lấp bằng xác người cho bằng phẳng. Người không hiểu tiếng khi lính Nhật quát lên, người bỏ chạy khi trông thấy súng đều phải ngã gục, sau đó cái xác được chất làm công sự. Buổi sáng các học sinh nghe những loạt súng dồn dập dài đến nửa giờ đồng hồ, các nhân viên quốc tế ở khu an toàn ngỡ rằng là quân Nhật đang hạ sát hàng binh Trung Quốc. Fabbi nói xong cười nhạo nhìn các học sinh rồi nhìn linh mục Engman như muốn nói, ông đã đoán sai rồi, với cục diện đẫm máu này làm sao vẫn hồi trật tự trong một hai ngày?

Giờ ăn trưa, mười sáu nữ sinh ngồi hai bên chiếc bàn dài. Từ lúc các học sinh vào trú ở nhà thờ, linh mục Engman đã bảo George Trần đem thức ăn của ông vào buồng riêng, ông tin rằng sự uy nghiêm phải được duy trì bằng khoảng cách và tầm ngăn; với các nữ sinh, tốt nhất có một khoảng cách bằng thảm cỏ. Nhưng hôm nay nghe Fabbi Atonado từ khu an toàn chạy về, ông bỏ bánh ở đó chạy đến.

“Bởi vì lương thực và nước uống là vấn đề sống còn cho nên chúng tôi nhận mười mấy người này,” Fabbi nói.

“George,” Engman hỏi: “Ta còn bao nhiêu lương thực?”

George Trần nói: “Còn một gánh bột, gạo chưa đến một thùng. Nước thì chỉ có tí chút ở bồn rửa tội... À, nhưng mà còn hai thùng rượu.”

Fabbi trừng mắt nhìn George Trần, rượu có thể dùng để tắm rửa được ư? Có thể pha trà, nấu cơm, nhào bột sao? Toàn nói ba lằng nhằng!

George Trần hai mươi tuổi ảm ức nhìn lại Fabbi, thiếu nước ngài có thể uống thêm ít rượu, dù sao ngài cũng uống như uống nước mà.

Nhưng linh mục Engman lại nói: “Anh tưởng tượng giỏi hơn tôi.”

Fabbi cúi, nói với George Trần: “Một gánh bột cho từng này người? Hai ngày nữa thì uống gió tây bắc à!” Biết làm sao được, anh ta không thể cúi với Engman, bèn trút hết giận lên đầu George Trần.

George Trần nói: “Hãy còn một ít dầu, ngài bảo đổ đi, tôi tiếc! Còn một vại dưa đã mốc, hơi có mùi, nhưng ăn vẫn khá ngon!” Những câu ấy nói ra vừa là kể công vừa là nịnh nọt, động viên linh mục.

“Vài ngày nữa tình hình sẽ dịu đi. Hãy tin tôi. Tôi đã đi Nhật mấy lần, người Nhật lịch sự ôn hòa nhất thế giới, họ không cho phép ở vườn hoa có một cành cây không ngay ngắn.” Linh mục Engman nói.

Tuy các nữ sinh đã được học tiếng Anh từ nhỏ nhưng nghe linh mục Engman nói, các cô thường để lộn vài từ không hiểu, giọng của ông có sức truyền cảm rất mạnh đủ để các cô mê mẩn mà để sót mấy từ cụ thể.

Linh mục vừa rời đi, trong bếp có tiếng hòm xiêng đổ ầm ầm.

George hỏi: “Ai đấy?” rồi chạy lao vào.

Hai giây sau, Thư Quyên nghe tiếng đàn bà: “Ăn hết nhẵn rồi à?”

George nói: “Đây còn một ít bánh qui...”

Không hiểu sao, nghe nói vậy, các nữ sinh đều chạy xuống bếp. Thư Quyên chạy đầu. Trong nháy mắt cậu George Trần này thành kẻ phản bội, cậu ta đem bán phần ăn của các nữ sinh. Bánh qui chỉ ăn lúc có súp mì, súp ngày càng loãng không có bánh qui thì làm sao no được, chỉ đánh lừa cái miệng thôi.

Thư Quyên nhìn thấy ba bốn ả điểm đã vét nhẵn như chùi chỗ bánh qui, có vẻ như là một vụ làm ăn. Ắ cầm đầu tên là Hồng Lăng, tròn xoe nhưng không béo, tay chân nhanh thoăn thoắt, mắt đảo nhanh như chớp rướn đôi mày mảnh như sợi chỉ bảo mọi người đừng có trêu vào cô ta.

“George Trần! Tại sao anh lại cho người ta ăn phần bánh của chúng tôi?” Thư Quyên hỏi, hai chữ “người ta” không phải giọng nói ra mà là giọng chữ.

George Trần nói: “Người ta đến xin!”

Sô-phi nói: “Xin thì anh cho à?” Cô là trẻ mồ côi cho nên trường dòng đặt cho cô cái tên Sô-phi, cô phải nhận.

“Ôi dào, giành nhau làm gì?” Ả đen cười cợt.

“Vay các cô ăn trước một ít, ngày mai họ bán, mua trả các cô là được chứ gì?” Hồng Lăng nói.

“George Trần, anh điếc à?” Thư Quyên quát lên. Lúc này cô cũng tỏ ra ghê gớm. Tất cả những uất ức mười ba năm trời cô trút hết ra, kể cả việc bị bố mẹ phân biệt đối xử, ném cô vào cái nhà thờ xập xệ đói khát như một con chó bỏ đi, lại còn bị thằng George Trần chân trong chân ngoài phản bội để bọn gái điểm bắt nạt...

“Kệ xác nó, ta cứ tìm xem còn bánh qui ở đâu...” Hồng Lăng nói, đôi lông mày cong vút như trăng non.

“Hừm, tôi nói chuyện với cô hả? Cô đáng nói chuyện với tôi hả?” Mạnh Thư Quyên tỏ thái độ đanh đá.

Ngay cả các cô nữ sinh cũng thấy xấu hổ thay, một cô bé nói nhỏ: “Thôi, thôi...”

Con bé Hồng Lăng trợn mắt mở mồm là văng ra: “Cái con mặt x thối tha!...”, nếu không có bàn tay thò ra từ phía sau bịt miệng nó lại thì có lẽ lời nói nó phát ra chắc khiến cho cho đám nữ sinh và tất cả lũ đàn bà ở đây ngất xỉu.

Người bịt miệng nó là Triệu Ngọc Mặc. Dưới hầm kho nghe rõ ràng cuộc cãi cọ trong bếp cho nên cô ta chạy lên cắt ngang miệng lưỡi bắn thỉu của con bé.

Bọn gái điếm ai về chỗ nấy từ lâu rồi, Mạnh Thư Quyên vẫn ngồi ủ rũ ở đó. Cô tức mình đến bả cả người, hàng trăm câu nói bắn thỉu của bọn người này dồn nén trong lòng. Cô giận mình vô tích sự, tại sao lúc đó không nghĩ ra câu nào hay hơn, có tính sát thương để bắn xả vào mặt chúng nó.

Các nữ sinh đều bỏ lên gác, cô vẫn ngồi đó ảm ức. Cô ngồi cho đến khi ánh hoàng hôn đã tràn vào, bụng cô đau thắt. Chẳng ai nói với cô rằng cơn đau khủng khiếp đó sẽ xảy ra. Lẽ ra đó là việc của người mẹ nhưng mẹ vắng mặt. Qua lớp ván sàn cô nghe được tiếng động bên dưới: Tiếng chơi mặt chược, tiếng đàn tì bà, tiếng rên rỉ tỏ tình; đúng thế bọn gái điếm quen rên rỉ rồi, không có đàn ông thì đành rên rỉ với đàn bà.

Trong bóng hoàng hôn ảm đạm, Mạnh Thư Quyên ngồi lắng nghe tiếng súng dai dẳng không dứt từ bên ngoài vọng đến. Người Nhật khôn kiệp đưa cuộc chiến đến tận Nam Kinh, cô chẳng biết tin gì về ông bà ngoại, bố mẹ và em không dám về, bọn Nhật dồn đám điếm căn bả đến “mảnh đất hứa cuối cùng” của linh mục Engman. Thư Quyên quá đau đớn, quá căm thù, cô nghiêng rằng thù ghét mọi thứ, cuối cùng cô thù ghét chính mình vì cô có tấm thân và nội tạng và cả những cơn đau quặn ruột và dòng máu bắn thỉu y như bọn gái điếm dưới hầm kia.

Buổi chiều, linh mục ra khỏi nhà thờ một lát. George Trần lái xe đưa ông vào thành nội khoảng hai cây số thì quay lại. Họ không nhận ra Nam Kinh nữa, nhà cửa đổ nát, xác người ngổn ngang đầy đường khiến George Trần lạc đường. Trên một con đường nhỏ dẫn đến Trung Hoa Môn, họ trông thấy lính Nhật giải mấy trăm binh sĩ Trung Quốc đến Vũ Hoa Đài. Họ bèn dừng xe lại. Linh mục Engman đánh liều hỏi thăm viên đội trưởng rằng họ đưa tù binh đi đâu, sau khi người tùy tùng dịch xong, viên sĩ quan nói: Đưa họ đi khai hoang để trồng cây. Nhưng nét mặt y thì bảo rằng y không mong người đối thoại tin lời nói láo ấy. Engman về đến nhà thờ, bữa tối không ăn, ông ngồi một mình hàng giờ trong phòng. Sau đó ông cho gọi tất cả nữ sinh đến, ông kể lại tường tận những gì ông trông thấy lúc chiều, ông hiền từ nhìn Fabbi và nói, sáng nay ông phán đoán quá lạc quan, xem ra Fabbi nói đúng, trước khi tìm được nguồn lương thực mới, việc đảm bảo sao cho ba chục con người này không chết đói chết khát là một gánh nặng. Ông bảo George Trần soát lại kho lần nữa xem có thể tìm được cái gì ăn được, quá hạn, hư thối, mớ meo cũng được.

Linh mục chưa dứt lời thì cửa bên thò ra mấy cái đầu của bọn gái điếm. Họ chen chúc trong phòng bên xem sảnh giữa có chuyện gì hay, có phần của họ hay không. Thấy đám nữ sinh ủ rũ, họ chẳng thiết phần của mình nữa bèn lui đi. Nhưng Fabbi bảo họ quay lại.

Fabbi nói: “Từ nay các người phải ẩn náu ở nơi của mình, không nên lên, nhất là không nên đến đây.”

“Đây là đâu?” Một ả vẫn cợt nhả.

“Đây là nơi có học sinh.” Fabbi nói.

Engman đột nhiên nói: “Hình như xưởng xà phòng Vĩnh Gia cháy rồi. Xưởng có nhiều dầu mỡ cháy mới to thế.”

Mọi người nhìn theo ánh mắt ông, hoàng hôn vừa nãy đã tối mờ bây giờ lại sáng rực. Thư Quyên và các bạn chạy ra sân, ánh lửa chiếu vào những tấm kính cửa sổ còn sót lại trên tòa chính, những mảnh kính màu ghép hình Đức Mẹ bế Chúa Dài đồng lấp lánh như châu báu. Các nữ sinh đứng ngây nhìn cảnh tượng lộng lẫy mà rùng rợn.

Ánh lửa cho mọi người thấy mặt đất và cảnh vật khi chìm khi nổi hiện lên thật rõ nét.

A Cố và George Trần đang đoán ánh lửa từ đâu ra, họ cho rằng ở xưởng xà phòng, cách đây năm con phố. Fabbi bảo các nữ sinh lên gác ngay. Đây là một hoàng hôn mà tai họa sẽ nổ ra bất kỳ lúc nào.

Sau khi đám nữ sinh rời đi, ả gái điếm Hồng Lăng vẫn đi loanh quanh ở cửa xưởng, phì phèo điều thuốc lá.

“Cô định đi đâu?” Fabbi quát lên.

Hồng Lăng đang cúi tìm cái gì giật mình rơi điều thuốc, cô ta chống cái hông tròn căng nhật lên.

“Mất đồ không cho em tìm hay sao?” Cô ta cười toe toét.

“Đi về chỗ của cô!” Fabbi cắt ngang: “Không tuân thủ kỷ luật tôi mời cô ra!”

“Anh là Fabbi Dương Châu phải không? A Cố bảo với chúng em thế.”

“Nghe rõ chưa? Cô về chỗ ngay!” Fabbi chỉ tay về phía nhà bếp.

“Thế thì nhờ anh tìm giúp, tìm được thì em về chỗ. Nhìn thì anh là Tây, nhưng mở miệng ra thì quê một cục.” Cô ta cười rung cả người, toàn thân cô là con sóng chạy từ trên xuống dưới.

Thư Quyên và các bạn đều đã ở trong căn gác, mười sáu khuôn mặt chen nhau trên ba ô cửa. Mười lăm khuôn mặt hồn nhiên, chỉ có Thư Quyên ánh mắt khinh ghét nhìn đứa con gái mặt hạng đang giả ngây giả ngô, đúng là miếng thịt thái thế nào nằm thế đó.

“Anh Fabbi cũng chẳng thèm hỏi người ta một câu, tìm cái gì.” Hồng Lăng lườm bâu.

“Tìm cái gì?” Fabbi cau kinh.

“Tìm quân mặt chược. Vừa rồi rơi cả một bộ ở đây, nảy lóc cóc khắp nơi anh còn nhớ chứ? Nhặt lại được một ít, thiếu mất năm quân.”

“Nước mất rồi các người còn đầu óc mà chơi.”

“Ở đây chúng em không có gì chơi, buồn chết đi được.”

Hồng Lăng biết các nữ sinh đều đang xem nó diễn kịch. Nó càng ồm ẹo, nó không nhếch nhác như khi đến mà chải chuốt bóng bẩy, một dải lụa xanh ngọc buộc trên tóc.

Trong đám gái điểm có một ả gọi Triệu Ngọc Mặc đến. Cô điểm năm sao tròng mắt từ xa: “Mọc rễ ra ở đó để làm gì? Người ta trang điểm tí chút còn mày định mở xưởng nhuộm hả! Về ngay!” Cô ta nói to một cách vất vả, rõ ràng là người không quen quát tháo.

“Chính các chị bảo em đi tìm, thiếu quân không chơi được là gì!” Hồng Lăng vặc lại.

“Về đây!” Ngọc Mặc đi đến quát lên, đồng thời ra tay, cô nắm cánh tay Hồng Lăng lôi trở về.

Đột nhiên nó ngẩng đầu nhìn lên gác nói với đám nữ sinh: “Chúng mày liệu mà trả lại mau!”

Chẳng ai thèm để ý.

“Chúng mày lấy năm quân chẳng chơi được, chúng tao thiếu năm quân cũng không chơi được.” Thế là Hồng Lăng lôi cả đám nữ sinh vào chuyện. Đám nữ sinh nhìn nhau, một cô bạo dạn nhại lại tiếng Giang Bắc của con bé: “...cũng không chơi được...” Một trận cười vang.

Fabbi mắng đám học sinh: “Ai lấy thì trả cho nó!”

Các nữ sinh nhao nhao: “Ai thèm lấy của nó? Để mà lây bệnh à!”

Hồng Lăng nghe tức quá, hét lên: “Đúng rồi, người tao đầy mụn giang mai. Mủ ăn vào tận xương rồi, đứa nào ăn cắp của tao, tao truyền bệnh cho nó!”

Các nữ sinh kêu khiếp, có người nhằm Hồng Lăng nhổ bọt qua cửa sổ nhưng không trúng đích.

Ngọc Mặc lôi Hồng Lăng vào bếp. Nửa thân trên và hai đùi con bé vắn xoắn lại mà đi, nó vẫn chưa chịu thua: “Chúng mày có hiểu không? Mấy quân cờ đó tao đã bôi mủ vào rồi đó, cứ sờ vào đi!...” Nó khúc khích cười, đột nhiên nó kêu ối, giãy ra khỏi tay Ngọc Mặc, nó chỉ vào cô và nói với George Trần đang tò mò đứng nhìn: “Chị này vắn tay em!” Nó ồm ẹo nói cứ như là George Trần sẽ bênh nó.

Các nữ sinh vắn hăng máu, bất chấp lệnh cấm của Fabbi, các cô gào theo đám gái điểm đã rút: “Lại đây! Hãy còn thứ cho chúng mày đây này!”

Quả nhiên Hồng Lăng chạy trở lại, trên cửa sổ và bên dưới, những khuôn mặt thiếu nữ nhang nhác như nhau, nó ngẩng mặt chìa tay: “Trả lại cho tao đi!”

Cô nữ sinh tên Từ Tiểu Ngu nói: “Hãy đợi chút!”

Triệu Ngọc Mặc nhận ra ác ý của cô nữ sinh, cô ta kêu lên: “Hong Lăng mày khôn lên một tí có được không?” Nhưng đã muộn, từ ba ô cửa sổ đồng thời ném xuống những cây gậy khúc côn cầu. Nếu các cô bé ném mạnh và chính xác hơn thì Hồng Lăng bướt đầu vỡ mặt.

Fabbi quát đám nữ sinh: “Ai làm cái trò này?... Từ Tiểu Ngu là một!”

Nhưng Mạnh Thư Quyên đẩy bạn ra và nói: “Không phải Tiểu Ngu mà là cháu. Cháu làm.”

Ngọc Mặc nhìn kỹ Thư Quyên đến nỗi cô bé thấy lạnh sống lưng. Khi bị con ma hoặc con rắn nhìn chăm chăm chắc cảm giác cũng như vậy.

Hồng Lăng lải nhải đòi Fabbi phải trừng phạt thủ phạm.

Ngọc Mặc nói: “Thôi, đi thôi.”

Hồng Lăng nói: “Tại sao lại thôi?!”

Con bé để lộ ra giọng gốc của mình, thì ra nó người miền Bắc, vùng Hoài Bắc.

Ngọc Mặc Nói: “Tại vì người ta cho mày ở nhờ một cái hang chuột. Tại vì người ta phải chịu đựng cái đám người như ta, tại vì ta không biết điều, không biết xấu hổ. Tại vì ta sinh ra không bằng người ta, chết cũng chẳng ra ma, đánh cũng đến thể thôi, giãy vò cũng đến thể thôi.”

Con bé sững người. Fabbi ngơ ngác. Anh ta tuy là Fabbi Dương Châu, tuy có thể nói bằng tiếng Dương Châu, nhưng câu nói của Ngọc Mặc dùng tư duy của người Dương Châu khó dịch ra. Nhiều năm sau Thư Quyên mới nhận ra rằng Ngọc Mặc chửi thật đích đáng, cô ta chửi Hồng Lăng, chửi Fabbi, chửi cả người đời. Để giữ cho các em nữ sinh được trong sạch từ đó làm cho chúng trở nên giỏi giang thì người đời phải đảm bảo sao cho loại người như Ngọc Mặc luôn luôn phải ở cấp bậc hèn mạt.

3. Chương 3

Tối đến, ánh lửa càng sáng hơn, sáng đến mức các bé gái không thể ngủ được, bên cạnh Thư Quyên là Từ Tiểu Ngu, cha của Tiểu Ngu là một trong các phú ông lớn nhất của Giang Nam. Buồn bán đến tận Áo Môn, Hồng Công, Singapore, Nhật Bản. Khi Nam Kinh tẩy chay hàng Nhật, bỏ nó thay đổi toàn bộ nhãn mác hàng Nhật, bán ra như hàng nội, chẳng thiệt xu nào. Buồn rượu với người Bồ Đào Nha, tất cả rượu vang đỏ vang trắng nguyên chất ông ta thay bằng rượu giá rẻ thu mua về. Rượu đỏ nhà thờ Wilson dùng trong lễ Misa đều do ông ta biếu. Đêm 13 tháng mười hai năm 1937, rượu mà đám gái Tần Hoài uống chính là rượu do bố của Từ Tiểu Ngu hiến tặng.

Về Từ Trí Nhân, bố của Từ Tiểu Ngu, tôi còn tìm hiểu kỹ hơn cô tôi, vì ông ta sẽ chạy lăng xăng trong câu chuyện tôi đang viết đây. Bây giờ chưa phải lúc ông ta xuất hiện. Quan hệ của Từ Tiểu Ngu và Thư Quyên rất mong manh, hôm nay thân thiết thế, ngày mai thì chẳng ai biết ai nữa. Từ Tiểu Ngu là một cô gái xinh xắn, hình như cô không biết rằng con gái xinh dễ làm tổn thương người khác, người dễ tổn thương nhất là những cô bé thích ngấm ngấm cô ta, hăm mộ cô ta, muốn thân với cô ta. Thư Quyên chính là một cô bé như thế. Thư Quyên dễ bị Tiểu Ngu làm tổn thương, còn một lý do nữa là Thư Quyên ngấm ngấm không phục Tiểu Ngu vì cô học giỏi và cũng xinh, nhưng khi có Tiểu Ngu rồi thì Thư Quyên không nổi lên được nữa. Một đôi bạn gái như thế thường có mối quan hệ hành hạ và bị hành hạ, và hai bên luôn luôn đổi vị trí cho nhau.

Tiểu Ngu gác cánh tay lên eo Thư Quyên thử xem cô ngủ chưa, Thư Quyên cảm thấy nếu phản ứng ngay thì thiếu tự trọng, bởi vì hôm qua Tiểu Ngu thân thiết với Sô-phi, hôm nay khi ném gậy vào Hồng Lăng Thư Quyên đã nhận tội thay cho Tiểu Ngu, chính vì thế mà Tiểu Ngu thay lòng. Thư Quyên tự trách mình về điều ấy. Đúng vậy, cử chỉ đó của Thư Quyên đã làm cho Tiểu Ngu bị chinh phục. Tiểu Ngu dè mạnh tay xuống, Thư Quyên cựa quậy.

“Cậu tỉnh rồi à?” Tiểu Ngu thì thào.

“Gi thế?” Thư Quyên giả vờ vừa tỉnh dậy.

Tiểu Ngu ghé sát và tai Thư Quyên: “Cậu bảo ai xinh nhất?”

Thư Quyên hơi sững người, cô biết ý Tiểu Ngu hỏi về đám gái điếm, thực ra cô chưa nhìn rõ ai trong đám họ cả; cũng chẳng thiết nhìn kỹ, ngoài cái lưng của cô có cái tên Ngọc Mặc. Nhưng cô không muốn làm Tiểu Ngu cụt hứng, tình thân con gái rất ngọt ngào tươi mới. “Ý cậu thế nào?” Cô hỏi lại đồng thời lật mình quay lại kề sát mặt Tiểu Ngu.

“Thế thì ta phải xem lại.” Tiểu Ngu nói.

Thì ra các cô bé ai cũng vậy, đối với bọn đàn bà hạ đẳng từ thuyền hoa đến, các cô vừa khinh rẻ vừa háo hức, các cô nghĩ đến chuyện họ kiếm sống bằng cái bộ phận kín đáo giữa hai đùi mà đỏ mặt thốt lên “eo ơi!” và giấu kín sự xao động lạ lẫm trong cơ thể mình. Tội lỗi vốn có sức hấp dẫn, những việc làm tội lỗi mà các cô không dám nghĩ không dám làm hình như có thể để cho bọn người này thế mạng.

Hai cô bé đứng trong sân, quên cả mục đích lên chạy ra để làm gì. Hình như là chỉ để xem ngôi nhà gạch đỏ của linh mục Engman còn ở đó hay không, lại có vẻ như chỉ để xem ô cửa sổ của Fabbi có sáng ánh nến không. Nhưng tiếng đàn tì bà đã làm họ tỉnh ra.

Trần của kho ngầm cao đúng đến đùi của Thư Quyên. Đi ra phía sau bếp sẽ thấy lỗ thông hơi của nhà kho. Có ba cái lỗ thông hơi, bên trên chụp một cái lưới sắt có lớp gỉ dày cộp. Bây giờ cái lỗ thông hơi là cái lỗ để Thư Quyên và Tiểu Ngu nhìn trộm vào.

Tiếng đàn tì bà phát ra từ ngón tay Đậu Hoàn. Cô này nhỏ nhắn xinh xắn, khuôn mặt trái đào, che phần dưới đi, cặp mắt cô lúc nào cũng cười rạng rỡ, che phần trên đi thì trông như suốt ngày hậm hực điều gì, cứ như ai đó vay gạo trả thóc cho cô vậy. Cho dù thế nào Đậu Hoàn là một người đẹp, nếu không có số phận hèn mạt, cô có thể làm đảo lộn chúng sinh. Cuộc tuyển chọn người đẹp của hai cô gái qua lỗ nhòm trộm đã có kết quả.

Cái kho không còn là cái kho nữa mà là chiếc thuyền hoa, chần dệm xanh đỏ, áo lông chồn lông báo trải khắp nơi, các móc dùng để treo xúc xích, giăm bông để trống được bọc bằng giấy bạc bao thuốc lá treo đầy khăn quàng, xu chiêng, nịt bụng... Bốn ả đứng quanh cái thùng xoa mặt chực rào rào. Xem ra, thiếu năm quân không làm các ả mất hứng. Trước mặt mỗi người để một cái bát đựng rượu vang đỏ.

“Nan Ni! Để tớ đi một vòng xem nhé?” Đậu Hoàn nói.

Nan Ni lấy ngón tay móng đỏ kéo trễ mi mắt xuống. Bộ điệu này trẻ con cũng hiểu: nghĩa là đừng tưởng bỏ; giương mắt lên mà xem.

“Trời ơi buồn quá!” Đậu Hoàn nói rồi cầm bát rượu của Nan Ni tợp một ngụm.

“Thế thì mày đến linh mục Tây mượn mấy cuốn sách tử tế mà xem.” Ngọc Mặc trêu chọc và cười.

Đậu Hoàn nói “Em lên lầu hai nhìn trộm vào trong có gì. Toàn là sách! Fabbi Dương Châu ở sát vách phòng sách.”

“Tao cũng nhìn thấy. Có thể lấy sách xây tường được!” Ả da đen nói.

“Ngọc Sinh đi cùng với em lên xem đấy.” Hồng Lăng nói.

Hai cô bé nhìn nhau rồi lại nhìn cô da đen tên là Ngọc Sinh: Đen chùi chùi thế mà cũng “ngọc”!

“Đọc xong núi sách kinh ấy, chị em mình sẽ vào tu viện học lên nhé.”

“Vào tu viện sướng lắm, ăn no.” Ngọc Mặc nói.

“Ngọc Sinh, bụng mày to thế, làm ni cô ăn cơm tha hồ.” Na Ni nói.

“Ni cô phải có “hòa thượng Tây” nói tiếng Dương Châu đi kèm mới đẹp” Hồng Lăng cười tít mắt nói.

“Trong tu viện có gọi ni cô không, Ngọc Mặc?”

“Gọi thế nào cùng vậy thôi, đều ăn chay, ngủ chay.” Ngọc Mặc nói.

“Ăn chay cũng được, ngủ chay thì khó nhỉ, Ngọc Sinh?”

Mọi người cười ầm. Ngọc Sinh cảm nắm quân mạt chược ném Hồng Lăng. Tiếng cười càng to, bảo hôm nay Hồng Lăng bị trận thứ hai vì mạt chược, sau này thế nào cũng chết dưới quân mạt chược. Trong gian bếp chật chội nó đuổi Hồng Lăng đến kỳ cùng. Nó nói: “Hồng Lăng, mày đừng có vội, chị mày sẽ cứu “hòa thượng Tây” Dương Châu kia, tối mai sẽ cho mày ngủ mận, không phải ngủ chay đâu!”

Hồng Lăng đưa tay làm hiệu gì đó, hai cô bé không hiểu nhưng lập tức biết rằng đó là thứ mất dạy, bởi vì tất cả cười ầm lên, còn nó thì cứ xoa cái bụng tròn xoe mà cười.

Ngọc Mặc đứng đứng nhìn chúng nó đùa nghịch, cô ngồi một mình trên cái thùng dầu đặt ngang, một tay thuốc lá một tay rượu.

Xem hồi lâu, hai cô bé thay đổi sự đánh giá ban đầu. Trong đám người này, Ngọc Mặc mỗi lúc một đẹp hơn lên, cô ta không phải là tuyệt thế giai nhân nhưng rất ưa nhìn, rất dễ gây ấn tượng. Mái tóc rất dày, khi xổ ra có vẻ rất nặng, khiến khuôn mặt nhỏ đi. Khuôn mặt không vuông không tròn, nhỏ và ngắn, cằm hơi đưa ra phía trước, cho nên lúc nào cũng hơi có vẻ kệnh kiêu, một vẻ kệnh kiêu “khinh tôi thì tôi cũng khinh lại”. Đôi mắt đen và to bắt bạn phải ngắm nghía, cô ta nhìn cái gì đó mà bạn không nhìn thấy khiến cô ta đắm chiêu. Cái miệng là điểm yếu nhất trên khuôn mặt cô ta, mỏng mà to, một cái miệng tướng khổ và lẩm cẩm, nhưng điều lạ là, người có cái miệng như thế lại quý lời như vàng. Nhìn cái miệng đó, cô ta phải là người đàn bà cay độc chua ngoa, có thể tàn nhẫn trở mặt như bàn tay. Điểm mạnh nhất là cô không hề có thái độ tự hạ mình, phá phách bất cần đời, có thể nghĩ cô là một mệnh phụ cao sang, cũng có thể nghĩ cô là một ngôi sao điện ảnh. Khác với khi đến sáng nay, cô đổi sang mặc chiếc áo dài hoa màu xanh đen, khoác chiếc áo choàng dày bằng len trắng, trên ngực có hai quả cầu to bằng len. Cô ăn mặc rất hợp thời trang, trên mảnh đất của các nữ sinh, vẻ phong trần của cô đã được trút bỏ sạch sành. Để mưu sinh hay để tìm kiếm sự bình đẳng mà cô ta phải ngụy trang như vậy, Thư Quyên không thể biết được.

4. Chương 4

Sáng hôm sau, đám đàn bà dưới hầm im phăng phắc. George Trần đưa cháo đến gọi họ không tỉnh dậy, đến một giờ chiều, họ lục tục lên nhà bếp hỏi tại sao không cho họ ăn. Họ đói lắm rồi.

Fabbi thấy lệnh cấm của mình chẳng ăn thua gì, bèn gọi Ngọc Mặc đến buồng ăn, đánh rắn phải đánh trúng đầu.

“Lần cuối cùng tôi cảnh cáo các người, còn ra ngoài đi lung tung thì các người không được chấp nhận nữa.”

Ngọc Mặc xin lỗi rồi nói: “Chúng tôi biết chúng tôi không được chấp nhận, nhưng họ đói thật sự.”

Đám đàn bà nhón nhác tụ tập ở cửa buồng ăn để xem đại biểu đàm phán của mình có làm hết trách nhiệm không, có cần họ giúp gì không. Mười bốn người bọn họ dồn cục lại, mồm mép chân tay đều sẵn sàng.

“Chuyện ăn uống nói sau. Trước hết hãy nhắc lại qui định mà tôi đã nói với các người” Fabbi nói.

Anh ta cố gắng chuyển giọng Dương Châu thành giọng phổ thông khiến mấy mụ hay tếu táo cười phì.

“Vậy thì anh nói chuyện cái nhà xí trước đi.” Nan Ni nói.

“Chỉ mỗi nhà xí nữ trong đó, khóa rồi. Chúng tôi đành phải đại tiện trong nhà thờ.” Hồng Lăng chỉ vào xưởng đóng sách.

“Nhà xí đó để các người sử dụng sao? Đó là để cho các ông bà các cô cậu làm lễ Misa sử dụng! Bây giờ nước xối cũng cạn rồi, thối hoăng lên thì làm sao?”

Ánh mắt của Ngọc Mặc trườn lên Fabbi, khi cô ta nhìn kiểu như thế, trên khuôn mặt nhỏ nhắn hầu như chỉ còn lại đôi mắt đen to, có muốn lẩn tránh cũng không được. Trái tim đập ba mươi ba năm của Fabbi ngừng lại giây lát. Anh ta không biết rằng đàn ông đừng để cho Ngọc Mặc nhìn như thế, bị nhìn là ăn đòn.

“Ông phó linh mục, bọn họ đều biết tự trọng, nhưng thường thường bị bắt buộc để mất tự trọng” Ngọc Mặc nói. Cô vạch ra một cách rạch ròi ranh giới giữa cô và đám đồng sự hoặc chị em đó để cho Fabbi đừng lẩn lộn, lúc thường loại như Fabbi nghèo kiệt xác đùng có hòng được nhìn mặt cô ca kỹ năm sao này.

Fabbi lại nói, rõ ràng có chịu hậu quả của cái nhìn chiếu tướng của Ngọc Mặc. Anh ta hạ thấp giọng nói với Ngọc Mặc như đọc sách, vấn đề nhà xí đúng là phiền phức quá, đã bảo A Cố giải quyết giúp. Họ sẽ cho hai cái thùng kẽm, có nắp các tông, đầy rồi thì đổ vào hố vệ sinh tạm thời đào trong vườn. Nhưng qui định phải đổ trước năm giờ sáng, tránh gặp các nữ sinh hoặc nhìn thấy Engman.

“Năm giờ sáng ư?” Hồng Lăng nói. “Sáng của chúng tôi là bây giờ.”

Con bé gơ cánh tay nung núc những thịt, lộ ra chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ, kim chỉ một rưỡi chiều.

“Từ nay, mọi người phải tuân thủ thời gian biểu của nhà thờ. Dậy đúng giờ, ăn đúng giờ. Quá giờ ăn thì xin lỗi, đành chịu. Các học sinh đều chất bóp sê lương thực cho, các cô không ăn, họ chưa chắc đã chịu để yên.” Nói mãi nói mãi, Fabbi tự nhủ, lạ thật tại sao mình lại bình tâm mà tỉ tê với cô thủ lĩnh ca kỹ này.

“Ôi thôi, đúng là nhập tu viện rồi!” Hồng Lăng cười. Bọn đàn bà đều biết gốc tích câu nói này, họ bụm miệng cười. Cái cười của bọn họ vừa nghe đã biết là có ngụ ý, dù Fabbi chẳng hiểu gì chuyện trai gái cũng cảm thấy bị xoắn. “Yên nào, tôi chưa nói hết!” Fabbi thô bạo quát lên, anh có phần thô bạo với chính mình vì thấy mình hiền lành với họ quá.

Ngọc Mặc quay đầu nghiêm khắc nhìn đồng nghiệp. Tiếng cười tắt.

“Mỗi ngày ăn mấy bữa?” Đậu Hoàn hỏi.

“Cô muốn mỗi ngày mấy bữa, thưa cô?” Anh ta hất cằm lên. Mi mắt sụp xuống, nhìn cô bé lùn lại càng lùn.

“Chúng em quen ăn ngày bốn bữa, đêm lại thêm bữa nữa.” Đậu Hoàn trả lời thật thà.

Hồng Lăng vội tiếp lời: “Đêm đơn giản chút cũng được, mấy món nhẹ, một bát súp, một ly rượu mạnh là tạm được rồi.” Con bé biết Fabbi tức lắm, trêu tức Fabbi cũng khoái. Theo kinh nghiệm của nó, một đàn ông một đàn bà đấu đá nhau sẽ rất dễ thân nhau, hứng lên là quần lấy nhau.

Nan Ni hỏi: “Có được dự lễ không?”

Hồng Lăng khoái quá vỗ tay: “Ồ đây có người muốn cải tà qui chính để làm lại cuộc đời nhưng thực ra là để thăm dò, dự lễ thì được uống bao nhiêu rượu, đừng mắc bẫy, nó có thể uống cạn thùng rượu của các ông đấy.”

“Cút mẹ mày đi!” Nan Ni vờ mắng.

Ngọc Mặc lập tức khóa nắp đi, cô nói với Fabbi: “Thưa ông phó linh mục, nếu không được các ông tốt bụng thu nhận thì có thể chúng tôi đã gặp nạn rồi.” Cô vừa nói vừa dùng đôi mắt đen thăm thăm chiếu thẳng vào Fabbi, khiến anh chàng rơi tõm vào đó và chìm ngấm. “Thời loạn, được đãi chị em hớp cháo loãng chúng tôi cũng thấy cảm kích lắm rồi, nó thay chúng tôi cảm ơn chị em.”

Có lúc nào đó Fabbi quên bống thân phận của người đàn bà này, anh ta cảm thấy mình như đang ở trong một công viên hay bên bờ hồ Huyền Vũ, hoặc đi trong bóng mát của rừng cây ngô đồng Pháp trên đường Trung Sơn(4), vô tình gặp một người con gái, không cần hỏi han cũng biết là con nhà danh gia thế phiệt. Tuy sự đoan trang có vẻ hơi quá nhưng sự thanh lịch và hiền hậu là thật, lời ăn tiếng nói chừng chặc cho dù có chút điệu đà.

Fabbi vốn định nói gọn trong vài câu là xong, nhưng anh ta phát hiện ra mình đang dẫn Ngọc Mặc đi ra phía sau nhà thờ. Thấy các ả nghi nghi hoặc hoặc bám theo, anh ta bèn đứng lại, bảo họ nên nghe lời một chút, đi về chỗ ở dưới tầng hầm. Vừa rồi Fabbi nói là “xin cô đi theo tôi” chứ không phải “xin các cô đi theo tôi.”

Phía sau nhà thờ có một cái hồ hình chữ nhật, nước dùng để rửa tội. Bể xây bằng đá trắng, đáy hồ đọng một lớp lá đào rụng, đã úa thành màu nâu đỏ. Khi Thượng Hải thất thủ, người ta lo phần xác hơn phần hồn, suốt ba tháng trời không có ai rửa tội. Fabbi chỉ vào bể nước đã ngả màu nước trà và nói: “Tôi muốn cô xem cái này. Từ khi các cô đến, nước đã cạn mất nửa. Tôi có thể nhờ cô bảo họ đừng lấy trộm nước đi giặt quần áo và rửa ráy nữa được không?”

Fabbi lật tẩy chính mình: Mày chẳng cần phải dẫn cô ta ra đây mà nhắc nhở. Chẳng qua là mày muốn chuyện trò với cô ta, muốn cô ta cứ chiếu tướng mày để mày ngụy lặn trong đôi mắt đen của cô ta thêm nữa?

Cặp mắt ấy khiến Fabbi cảm thấy nguy hiểm và đáng sợ hơn cả chiến tranh. Mong sao mỗi nguy hiểm của cuộc chiến tranh bên ngoài bức tường sẽ chấm dứt vào ngày mai hoặc ngày kia, nếu được thế thì mỗi nguy hiểm ở trong này có tính hủy diệt hơn sẽ không kịp nảy sinh.

“Được, tôi nhất định sẽ chuyển lời của ông phó linh mục.” Ngọc Mặc mỉm cười.

Nụ cười của cô ta khiến Fabbi sợ chết khiếp. Cái ý nghĩ mà chính anh ta còn mù mờ thì cô ta đã biết tởng rồi và dùng nụ cười để an ủi anh ta: Không sao đâu, đàn ông mà, điều ấy chỉ nói lên rằng anh là con người bằng xương bằng thịt.

“Nếu trong ba hôm nữa nhà máy nước vẫn không làm việc thì chúng ta sẽ chết khát, sẽ khô như đám cỏ này.” Fabbi di chân lên đám cỏ mùa đông khô trắng. Anh ta nhận ra giọng nói mình hơi chua chát, nhưng biết làm sao được, anh ta không định nói kiểu như thế.

Ngọc Mặc nói: “Trước kia ở đây có một cái giếng, đúng không?”

“Năm ấy tuyết rơi rất nhiều, con ngựa non của linh mục Engman bị sa xuống giếng chết. Ông bảo A Cố lấp giếng đi.”

Ngọc Mặc nói: “Có thể đào lại không?”

“Không biết. Tốn công lắm. Dùng hết nửa hồ nước này lẽ nào vẫn chưa có nước máy?” Anh thăm cảnh báo mình: Đây là câu nói cuối cùng, nói xong câu này là không được hé răng nữa.

Ngay cả câu tự cảnh báo không phát ra thành lời này của anh ta Ngọc Mặc cũng nghe được, cô mỉm cười, khẽ cúi mình và nói: “Không dám phiền ông thêm nữa.”

“Nếu tình hình cứ tiếp tục xấu đi, nước không về, không biết tính sao nữa.” Fabbi thấy câu nói vớ vẩn của mình giữ được chân Ngọc Mặc lại. Anh ta hy vọng Ngọc Mặc coi đó chỉ là câu buột miệng nói một mình và cô ta cáo từ nhưng cô ta lại vin lấy câu nói ấy để lại có một cuộc đối thoại tiếp theo.

“Không đâu. Nếu vậy sẽ đi gánh nước, khi chạy đến đây chúng tôi thấy có một cái ao, ở mạn bắc ngay đây thôi.” Cô nói.

“Tại sao mình không nhớ có cái ao nhỉ?” Anh ta nghĩ, đây là câu cuối cùng, cô ta có nói gì cũng không bắt chuyện nữa.

“Tôi thì lại nhớ.” Cô ta lại cười tinh quái. Người đàn ông nào cũng muốn gần cô, hướng hồ là anh chàng cô đơn này. Cô đã sớm nhận ra anh chàng này rất cô đơn. Chẳng ai chấp nhận anh ta. Anh ta khác với dân tộc sinh ra mình và khác cả với dân tộc nuôi dưỡng mình.

Fabbi gật gật đầu nhìn cô. Miệng ngừng lại rồi nhưng mắt cứ tiếp tục nói. Điều này chính anh ta không ý thức được. Ngọc Mặc quay mình bước đi. Fabbi thấy đáng sau cô ta đẹp thật, toàn thân đều đẹp.

Đi mấy bước, Ngọc Mặc dừng chân quay lại: “Tôi qua chúng tôi cá nhau rằng, nếu người Trung Quốc và người phương Tây choảng nhau, ông đứng về phía nào.”

Fabbi nói: “Cô nghĩ sao?”

Ngọc Mặc cười nhìn anh ta một lát rồi bỏ đi.

Fabbi đột nhiên tức tối nghĩ: Đồ quỷ cái! Khi bóng dáng Ngọc Mặc đi khuất, anh ta tự nhủ không được phép để cho đôi mắt cô ta có cơ hội lôi kéo mình nữa cho dù là nửa giây đồng hồ. Đó là lôi kéo ư? Lôi kéo

khó gỡ đến thế ư? Tuy Fabbi là Fabbi Dương Châu, tư duy cũng theo kiểu Dương Châu nhưng anh ta có dòng máu đa tình lãng mạn Italia đang chảy trong người, anh ta đã đọc những trước tác sân khấu và văn học của thế giới mà cha mẹ là hậu duệ của dân Địa Trung Hải để lại, anh ta cảm thấy đôi mắt đen đó không chỉ lôi kéo người ta mà còn cảm thấy chúng lôi kéo người ta bằng câu chuyện nơi thâm sâu của chúng.

Đêm đó có mưa kèm theo tuyết cho nên trời lạnh thêm mấy độ. Linh mục Engman đọc sách ở căn buồng bên cạnh thư phòng có lò sưởi tường mà vẫn cảm thấy rét thấu xương. Tháp chuông bị bắn sập khiến mấy gian buồng tầng 2 hở toang hoác gió lùa lạnh ngăn ngắt, George Trần không ngừng bỏ thêm than vào lò. Khi George Trần định thêm nữa, Engman bảo, bớt chút nào hay chút ấy, than không kịp chuyển đến, ở khu an toàn nhiều người già và người bệnh bị chết rét rồi. Về sau ông đọc sách trong buồng ngủ. Nửa đêm không ngủ được, ông muốn đến phòng sách lấy mấy quyển về đọc, vừa đến cầu thang thì nghe tiếng đàn bà trong phòng sách. Ông nghĩ đám bà bà này giống như bệnh dịch, không cần thận lây đi khắp nơi. Đi đến phòng đọc, ông thấy Ngọc Mặc, Nan Ni, Hồng Lăng đang ngồi quanh đồng than tàn, ai cũng cảm đồ lóét vừa hơi vừa cười đùa.

Đây là nơi bốn bề xếp kín sách thánh, có cả ảnh Chúa!

Hai má ông tê cứng lại. Ông nghĩ đám đàn bà này không đáng để ông phải quả trách, ông đến phòng ngủ Fabbi Atonado gọi anh ta dậy.

“Fabbi, tại sao để những loại người này vào phòng đọc của tôi?!”

Fabbi vừa thiếp đi trong hơi rượu nồng nặc, bây giờ lại mượn hơi rượu quát ầm lên: “Cấm đọc! Các người dám đến đây à? Đây là đâu các người có biết không?”

Hồng Lăng nói: “Chúng em bị lạnh nổi cả cục cước đây này! Thấy không!” Con bé rút chân ra khỏi giày giơ ra cho hai linh mục xem. Thấy Fabbi lùi lại như tránh dịch, Nan Ni cười khục khục, Ngọc Mặc lấy cánh tay hích nó. Cô ta biết phen này rầy rà to rồi, chưa bao giờ thấy vị linh mục già điềm đạm này giận dữ đến thế.

“Đi thôi!” Cô cuốn cái nịt ngực trong tay lại, mặt nóng rát mà sống lưng lạnh buốt.

“Em không đi! Ở đây có lửa, tại sao lại để chúng ta chết rét?” Hồng Lăng nói.

Con bé quay lưng về phía hai vị linh mục, duỗi cái chân trần về phía vách lò, ngồi giạng ra như ra hiệu.

“Nếu cô không rời khỏi đây, tôi lập tức mời các người ra khỏi nhà thờ!” Fabbi nói.

“Mời cách gì đây?” Hồng Lăng ngoe nguẩy ngón chân, vừa trề con vừa đều cẳng.

Ngọc Mặc đến lôi nó: “Đừng lộn xộn nữa!”

Hồng Lăng nói: “Mời ra khỏi nhà thờ, nói dễ! Đốt cho chậu than nữa đi.”

“George Trần!”

Engman phát hiện thấy có bóng người thập thò góc cầu thang. Đó là George Trần, anh ta vừa đến đây, thấy chẳng nên dây vào chuyện này, anh ta lấu cá quay ngoắt lùi xuống.

“Tôi trông thấy anh rồi! George Trần lại đây!”

George Trần sợ cứng người, lò dò bước đến. Liếc nhìn cảnh tượng lập tức hiểu ra nhưng anh ta vờ vẫn hỏi: “Linh mục chưa đi nghỉ à?”

“Tôi bảo anh tắt lửa đi, anh chưa hiểu à?” Engman chỉ vào cái lò tường.

“Con định đến để tắt ă.” George Trần nói.

George Trần là trẻ ăn mày Engman nhặt về, đưa đi học nấu bếp mấy tháng, trở về anh ta tự đổi thành tên Tây: George.

“Rõ ràng anh đã bỏ thêm than vào!” Linh mục Engman nói.

Hồng Lăng cười mắt sáng lên: “George Trần sợ chúng em chết cóng đúng không?”

George Trần rất nhanh trộm mắt nhìn con bé. Thấy thế Engman hiểu ngay, anh ta đã kiểm soát trên thân xác ả gái điểm mồm mĩm này rồi.

Chú thích:

(4) Những địa danh nổi tiếng của thành phố Nam Kinh – ND.

5. Chương 5

Từ sáng sớm ngày 13 tháng 12 năm 1937, nhà thờ Wilson trên thực tế đã mất đi tính trung lập. Cô Thư Quyên của tôi cùng mười lăm nữ sinh không hề nghĩ rằng khi linh mục Engman đã đón các cô từ bến sông về nhà thờ, trong khi các cô một rữ người lẫn ra ngủ li bì thì một người lính Trung Quốc đã lên trèo qua tường và trốn trong ngôi mộ của nhà thờ. Người này là một thiếu tá hai mươi chín tuổi trung đoàn phó trung đoàn 2 sư đoàn 73 Quốc quân.(5)

Cô tôi nói với tôi rằng viên thiếu tá họ Đới là “người lính bẩm sinh”, “làm người lính vì lý tưởng chứ không phải vì miếng cơm”. Thiếu tá Đới rất khôi ngô tuấn tú, tôi tưởng tượng thế. Vì lý tưởng khiến người ta có khí chất, khí chất tạo nên vẻ đẹp đàn ông hơn cả mặt mũi. Chết đàn ông đó được đàn bà ưa chuộng, tất nhiên cô Thư Quyên của tôi, người đang khao khát được người đàn ông che chở không thể thờ ơ. Đơn vị bộ đội mà thiếu tá Đới phục vụ là sư đoàn tinh nhuệ mà Tưởng Giới Thạch dùng để tác chiến với quân Nhật ở Thượng Hải. Tưởng Giới Thạch có ba sư đoàn đều tinh nhuệ như sư đoàn 73, đó là những viên ngọc trong tay ông ta. Tổng cố vấn của ba sư đoàn là tướng Falkenhausen(6), một quý tộc Đức hiền hòa, không đậm tính cách Đức. Trong một tuần hầu như đơn vị của thiếu tá Đới đã đẩy quân Nhật xuống sông Hoàng Phố.

Sáng tối ngày 12, thiếu tá Đới còn muốn cùng nửa tiểu đoàn tử thủ tại các lô cốt trên đường Trung Sơn. Khi trời tối, rất đông quan binh chạy về phía bờ sông. Từ những câu nói theo giọng địa phương của họ, anh hiểu đại khái là: Buổi chiều, tư lệnh Đường triệu tập hội nghị sĩ quan cao cấp quyết định toàn tuyến rút lui về phía bờ sông, lệnh rút lui đã được truyền đạt một giờ đồng hồ trước đây.

Đới Đào cho rằng không thể như thế được. Nhân viên bộ đàm của anh ta không nhận được bất kỳ lệnh rút lui nào. Nếu sư đoàn tinh nhuệ của anh ta không tuân lệnh rút quân thì đội quân tạp nham nói tiếng man di làm sao có thể tự ý vứt vũ khí chôn trang bị mà rút lui?

Tiếp theo là cuộc đàm phán, chửi rủa và bắn nhau xung quanh chuyện rút và không rút. Tất nhiên, trong hồ sơ quân sự thì đó là chuyện “bắn nhầm”. Một đại đội trưởng dưới quyền Đới Đào bị đại quân rút lui xô ngã, đại đội trưởng đứng dậy nã một phát đạn vào kẻ đẩy anh ta. Binh lính được lệnh tử thủ lập tức chia rẽ làm hai, phần lớn bị làn sóng người rút lui cuốn đi. Còn lại hơn hai chục quan quân dựa vào vũ khí của mình bắt đầu nổ súng vào đại quân đang rút lui, những người đã vứt hết vũ khí. Bắn đến năm sáu phút, bên rút lui trà trộn đi lẫn vào xe tăng xe tải, tranh thủ khi đoàn xe bị lính của Đới Đào chặn lại, đám lính trèo lên xe, bị đẩy xuống, trong mấy phút đó, Đới Đào hiểu tường tận câu nói thua tan tác “không còn mảnh giáp” là thế nào. Đối với anh ta, một người lính con nhà thế gia, ngày tận số của thế giới cũng đến tới đến thế này mà thôi. Anh ta đau đớn ra lệnh ngừng bắn.

Khi anh ta và viên phó quan đến bờ sông thì đã 10 giờ đêm. Từng tấc đất bãi sông đều chật kín những tấm thân tuyệt vọng đầm đìa máu, mép thuyền nào cũng bầu đầy những bàn tay tuyệt vọng. Đới Đào được viên phó quan dẫn đi chỗ này chỗ kia, nghe viên phó quan giới thiệu cấp bậc và phiên hiệu đơn vị cũng chẳng ai thèm nhường đường để đến mấy chiếc thuyền cứu sinh cuối cùng. Đến 1 giờ sáng, số người muốn lên thuyền nhiều gấp mấy chục lần sức chèo, những bàn tay bám vào mạn thuyền bằng sức lực vượt quá giới hạn con người vẫn cứ bám đó. Chủ thuyền bèn lấy rìu nhằm những ngón tay mà chặt.

Đới Đào chẳng muốn mất công thêm nữa.

3 giờ sáng. Lềnh bềnh trên mặt sông không chỉ có ca nô thuyền buồm mà còn cả chèo gỗ, thủng gỗ, bàn giặt(7). Con người tuyệt vọng đến mức này sẽ trở nên lẫn lộn, cái bàn giặt mà được sử dụng để vượt Trường Giang đầy hung hiểm, để đến được bờ bên kia! Đới Đào phỏng đoán những người đầu tiên dùng

cách này qua sông đã bỏ mình dưới lớp sóng cồn ngày đông tháng giá rồi. Anh ta và viên phó quan chen ngược trở lại.

Khi viên phó quan tách ra khỏi anh ta thì đã 4 giờ sáng. Bờ sông vẫn đông nghịt lính và dân thường. Một người lính cúi búi om sòm bám chặt lấy chiếc áo vá chằng vá đụp của một người dân, người này chân đi đất, mặt mũi tím tái vì rét cũng cúi búi om sòm giữ chặt chiếc áo nhất định không chịu đổi lấy chiếc áo bông quân phục ấm áp. Đới Đào mắng người lính nọ, anh này như không nghe thấy gì. Đới Đào chỉ còn nắm viên đạn, giả sử anh ta không tiếc một viên thì người lính định hóa trang thành người bán hàng kia sẽ là vật hy sinh của một vụ “bắn nhầm” rồi.

Đới Đào đi mò mẫm trong ngõ nhỏ. Những ngôi nhà chưa đổ đều khóa cửa. Một ngôi nhà có vườn, nhà sập một nửa, cửa trước cháy thành than. Đới Đào bước vào, hành lang treo đầy những xâu khoai lang chưa khô hẳn. Anh ta tháo hết xuống nhét vào túi.

Dựa theo bản đồ thành phố Nam Kinh trong trí nhớ, anh ta chạy về phía đông. Bọn địch thường từ phía đông đến, nếu anh ta có thể luồn vào phía sau địch, vào những thôn làng đã bị chiếm thì có thể dựa vào hoàn cảnh đất rộng người thưa, địch ở chỗ sáng ta ở chỗ tối mà sống sót được. Ở đó sẽ tính tiếp. Làm người lính không chỉ dựa vào trí thức và kinh nghiệm mà còn phải dựa vào mệnh trời. Thiếu tá hai mươi chín tuổi là trẻ, về mệnh trời như vậy là lên nhanh so với các bạn tốt nghiệp cùng lứa ở trường quân sự Bảo Định. Anh ta nghĩ luồn vào phía sau lưng địch là mệnh trời chỉ vẽ cho mình, cho dù đó là một ý nghĩ phiêu lưu liều lĩnh.

Vào khoảng năm giờ sáng Đới Đào gặp tốp lính Nhật phá thành vào đầu tiên. Tốp nhỏ này có vẻ như vào thành kiếm ăn, nhà nào không kiếm được gì thì chúng đốt. Cứ như thế chúng tiến dần đến khu vườn Đới Đào đang ẩn nấp. Lùi mãi đến cái vườn cuối cùng, phát hiện tốp lính chỉ có bảy, tám tên, anh ta ngứa ngáy. Có thể giải quyết chúng bằng hai trái lựu đạn. Một trận có thể đánh được mà không đánh là một thằng ngu. Đới Đào sờ hai quả lựu đạn gài ở sau lưng do dự, không biết có đáng không. Một người lính phải có trí thức, có kinh nghiệm, có mệnh trời phù hộ nhưng cũng phải có tinh thần nữa. Cái máu trả hận trận đánh ở Thượng Hải bốc lên rồi.

Tim đập thình thịch, anh ta nấp trong ngôi nhà sau vườn. Ngoài cửa sổ là một cái ngõ nhỏ, cửa sổ đã được anh ta mở ra, chỉ cần hai giây là vọt ra được. Lúc này anh ta hăng lắm, cái cục hận mất thành Nam Kinh không còn nữa.

Tốp lính Nhật hiện ra. Đới Đào một tay cầm súng lục, răng cắn chót lựu đạn, giật, đếm nhẩm đến ba, bốn, anh ta ném nhẹ ra. Anh ta muốn chút ít thuốc nổ đó không được để phí, cho nên lựu đạn phải nổ ở vị trí đích đáng nhất. Vừa ném đi anh ta lập tức né mình lao đến ô cửa sổ. Người lính chăm chỉ luyện tập đã được hưởng thành quả, anh ta vọt qua ô cửa không đến hai giây, nháy mắt đã rơi xuống chân tường.

Phải nhận rằng lính Nhật được huấn luyện cũng không tồi, hai tên không bị thương vong lập tức áp sát cửa sổ. Đạn bắn vào cây vào tường chan chát, lát sau Đới Đào phát hiện tay trái trúng đạn.

Trước mắt anh ta là một bức tường cao, ánh lửa gần đó hắt lên cây thập tự trên nóc tòa nhà sau bức tường. Anh ta nhớ ra đây là một nhà thờ Mỹ. Đới Đào lập tức quyết định leo lên cây ngô đồng vào nhà thờ, cành cây chỉ chít vừa chỗ đặt chân nhưng mỗi lần vươn mình thì vết thương lại tóe máu.

Leo lên mép tường anh ta thấy bảy, tám cái giá chữ thập. Đây là khu mộ, mấy cây bách và một ít cây đồng thanh(8), anh ta nhìn thấy một ngôi nhà nhỏ như cái miếu bèn chui nhanh vào cái cổng vòm, ngồi xuống cởi cúc áo, lấy trong túi dệt ra gói cứu thương. Anh ta nắn vết thương, đoán chắc là bên trong không có đạn, thấy nhẹ người, bây giờ phải nghĩ chuyện cầm máu. Chiếc áo bông đầm máu đã đông cứng như tấm sắt, vừa lạnh vừa nặng.

Đới Đào băng chặt vết thương, rét quá răng đánh lập cập như muốn vỡ ra. Cái miếu tây là chiếc hầm mộ nhỏ như đồ chơi làm rất tinh vi. Anh ta nghĩ chết ở đây được hưởng ân huệ của người chết vô thừa nhận.

Đến sáng, anh ta mới biết mình đã ngủ một giấc.

Anh ta nghe thấy tiếng một đám con gái léo nhéo. Tính nhẩm hôm nay là 13 tháng 12 năm 1937. Sao mà ở đây lắm con gái thế?

Trời sáng hẳn, Đới Đào quyết định ở trong ngôi mộ để dưỡng thương, có gì ăn nấy.

Anh ta trốn trong nhà thờ Wilson hai ngày, chẳng ai thấy anh ta nhưng anh ta thấy tất cả, chẳng sót một ai kể cả cô Thư Quyên của tôi và các bạn. Ban đêm cũng không hề rảnh rỗi, anh ta lặng lẽ như con mèo rừng đi thám thính khắp phần đất nhà thờ, anh ta bám bên ngoài lỗ thông hơi trên hầm của đám đàn bà Tần Hoài hàng nửa giờ, nhớ kỹ từng khuôn mặt của họ.

Mấy xâu khoai khô và bể nước rửa tội nuôi sống anh ta hai ngày. Anh ta hiểu rằng đây là ngôi nhà thờ sơn cùng thủy tận, nếu không có mớ khoai sống thì cái mạng nhặt được trước mũi súng lính Nhật cũng tiêu ma vì đói.

Chú thích:

(5) Quân đội của chính phủ Trung Hoa dân quốc, do Quốc Dân Đảng nắm giữ - ND.

(6) Alexander Ernst Alfred Hermann von Falkenhausen (1878-1966) – ND.

(7) Tấm gỗ dài rộng vài tấc có khía rãnh, thường gác trong mép chậu giặt để vò xát quần áo – ND.

(8) Một loài cây lá nhỏ, xanh cả trong mùa đông, thường được trồng làm tường ngăn vườn cảnh – ND.

6. Chương 6

Bữa cơm chiều, Đậu Hoàn bước vào phòng ăn. Cô ta cũng biết mình chẳng ra gì, rất không biết điều, đôi giày hoa bước trên sàn gỗ cũ kĩ, cô cười toe toét: “Có súp kia à!”

Các cô bé nhìn ả, họ tin rằng ánh mắt ấy có thể ngăn chặn con người mặt dày nhất trên đời. Nhưng không được.

“Chúng tôi chỉ có hai cái bánh bao, hay thật.”

Chẳng ai thèm chấp. George Trần đã làm hai thỏi bánh, mười sáu học sinh, hai linh mục và người giúp việc mới được hai thỏi. Được voi đòi tiên, cô ta tưởng đến đây làm khách chắc?

“Các người ngày nào cũng ăn bánh bao quen rồi hả? Tôi ăn bánh ta chứ không ăn bánh Tây.” Đậu Hoàn nghiêng thùng súp đặt trên bàn về phía mình và ngó vào, thùng gần như trơ đáy, chỉ còn mấy lá rau cải nấu vàng và mấy sợi mì tương. Đậu Hoàn tiếp tục dày mặt vớ lấy cái muôi đồng, cái muôi có cán thẳng góc, muốn múc phải biết cách, tựa như múc nước giếng, lên xuống thẳng đứng. Múc như cô ta thì lần nào cũng đổ lại thùng. Đám nữ sinh coi như không có cô ta. Họ thản nhiên ngồi ăn.

“Ai giúp tôi nào?” ả mặt dày giơ ra cái lúm đồng tiền.

Một cô bé nói: “Ai đi gọi linh mục Fabbi Atonado giùm.”

“Gọi rồi.” Một cô trả lời.

Hết cách, ả trề môi: “Chẳng giúp thì thôi.” Rồi kiễng chân nâng cái muôi lên nhưng tay ngẩn, giờ quá đỉnh đầu mà cái muôi vẫn chưa lên đến mép thùng. ả lại chữa ngượng: “Bàn cao quá.”

“Quả bí xanh chề bàn cao là đúng rồi.” Không biết ai nói xen vào.

“Có mày là quả bí xanh!” Đậu Hoàn không chịu nổi nữa, buông cả muôi rơi tòm vào trong thùng “choang” một cái như tiếng chiêng mở màn kịch.

“Quả bí thối!” Một cô bé nói.

Đậu Hoàn trợn mắt: “Có giỡn ra đây chứ!”

Các cô gái không muốn “giỡn”, để ý đến đứa mặt dày này coi như đề cao nó, cho nên các cô gái im lặng, lại tiếp tục ăn. Nhưng Đậu Hoàn vừa ra đến cửa lại có người nói: “Quả bí thối tháng sáu.”

Câu nói đó là của Từ Tiểu Ngưu;

“Thối đến hạt cũng thối.” Sô-phi nói.

Đậu Hoàn quay lại, nhanh như cắt hất bát súp vào Sô-phi. Đậu Hoàn chẳng to hơn cô bé này bao nhiêu, dốt nát lại non dạ, chỉ có cơ thể sớm dậy đã thôi. Các cô bé buồn bực tức tối đã lâu lúc này mới có dịp xả ra, lập tức lao về phía Đậu Hoàn. Một cô đóng sập cửa phòng ăn, tì lưng vào. Đậu Hoàn lúc đầu chỉ phá quấy bây giờ biến thành thù địch của các cô bé. Cửa đã bị chặn lại nhưng những câu chửi tục tằn của Đậu Hoàn không chặn được, từ rất xa Fabbi đã nghe thấy. George Trần sợ anh ta đến chậm bèn nói: “Chúng nó đánh nhau một lúc lâu rồi, chỉ sợ làm sao rồi đó!”

Mà đúng thật, cửa mở ra, mặt Đậu Hoàn be bét máu, một nắm tóc bị giật đi. Tay cô ta sờ lên mảng trụi bằng đồng xu ánh nền chiếu vào trắng nhợt. George Trần vội chạy đến nâng dậy, cô ta hất tay ra tự bỏ dậy nói cứng: “Mấy cái chổi phát trần đã bị gãy trên người mẹ chúng mày rồi, tao thêm sợ mấy cái đám trẻ con chúng mày à? Mươi mấy đứa đánh một, đồ hèn!”

Các cô bé bị xúc phạm mặt tái đi, nước mắt lưng tròng. Mười mấy cô khăng khăng nói Đậu Hoàn mở mồm trước, ra tay trước. Các cô bị tổn thương đến thế nào? Những câu nói bắn thủ đầy dòi bọ chui vào lỗ tai sạch sẽ của các cô, những chuyện nhơ nhuốc giữa đàn ông và đàn bà chưa nghe thấy bao giờ, con này phơi bày hết ra.

Fabbi bảo George Trần đưa Đậu Hoàn về hầm. lát sau George Trần quay lại bảo Fabbi, tiểu thư Triệu Ngọc Mặc muốn gặp phó linh mục. Fabbi nói: “Không gặp gỡ gì cả!” Anh giật mình vì chính cái giọng thô lỗ của mình. Hơn nữa George Trần cũng kinh hoàng trước bộ mặt như tấm gương phản chiếu sự bực bội và khó chịu của Fabbi. Phó linh mục lập tức quay người đi đến chỗ linh mục Engman, anh đi thoăn thoắt, nghĩ bụng: Hừm, cái cô Triệu Ngọc Mặc này tưởng dùng cặp mắt sai khiến được ta chắc? Ta đã làm gì để rơi vào bàn tay cô ta nào? Muốn gặp ta là gặp được ư?... Phải tìm cách tống khứ mụ này đi, kiên quyết thỉnh nguyện với linh mục Engman, nhét tất cả bọn chúng vào khu an toàn, không nhét được cũng nhét, bọn Nhật ngày nào cũng đến khu an toàn lưng gãi, cho bọn Nhật lôi đi là xong!... Liệu có xong không?

Fabbi bỗng bước chậm lại, anh nhận ra rằng mình chẳng đến nỗi cứng rắn lắm.

Khi Fabbi Atonado lên sáu, trên đường đi truyền giáo, bố mẹ Fabbi Atonado chết cùng một lúc vì bệnh dịch. Chữ “mẹ” đối với cậu thực ra là bà vú, gọi là bà nhưng chỉ hơn mẹ mấy tuổi, bà đã chăm ẵm cậu bé từ khi Fabbi mới ra đời. Bầu vú nhão mềm của bà là chốn nương thân ấm áp tuổi ấu thơ của cậu, được nép mình vào đó là cậu ngủ ngon lành. Sau khi bố mẹ chết, người bà thật sự của anh đến Trung Quốc.

Bà ngoại mặc đồ đen, người cao to, tóc quăn, cậu bé nấp sau bà vú Trung Quốc, không làm sao bảo cậu chào bà ngoại của mình được. Bà đến để đưa cậu đi Mỹ, một ông giáo làng khó khăn lắm mới phiên dịch nổi cho hai bà cháu như thế, Fabbi nghe tin dữ co cẳng chạy biến.

Đang mùa gặt, khắp đồng đâu đâu cũng có những đồng rơm để trốn. Đêm đến Fabbi lên về ngôi nhà tranh của bà vú lấy mấy thứ đồ ăn bà phơi dưới mái hiên đem về lều rơm của mình. Mười hai con vịt của bà đẻ trứng ở đâu cậu cũng biết. Trước khi bà ra bờ sông thu trứng thì cậu đã nhặt trước hút sống rồi. Khi phát hiện ra đồ vật liên tục bị mất, bà biết ngay là do trộm nhà, thế là bà có cách, bà quả phụ muốn giữ Fabbi đâu phải không có tính toán cho mình?

Bà ngoại của Fabbi thanh lý di sản của con gái và con rể, bán đi những đồ đạc và quần áo có thể bán được. Chờ Fabbi nửa tháng trời thành công cốc, cuối cùng bà chịu không nổi đồ ăn thức uống, chỗ ở, nhà xí và ruồi muỗi vùng nhà quê Giang Bắc Trung Quốc, bà bỏ kế hoạch đón cháu ngoại về nước. Bà nói với tộc trưởng bà vú rằng, một khi tìm thấy Fabbi, nhất định xin ông giáo viên viết thư bằng tiếng Anh cho bà để bà lại đến đón cháu.

Nhưng bà ngoại Fabbi chẳng bao giờ nhận được bức thư nào từ vùng quê Giang Bắc Trung Quốc. Khi lớn lên, đã có lần anh hỏi hặn về sự lêu lổng của mình hồi bé, đó là khi anh được linh mục Engman nhận là học sinh của Viện Thần học. Sau khi bà ngoại trở về nước, Fabbi theo bà vú đến ở nhà người quen của bà, người này là bạn của bố mẹ cậu và cũng chính là người giới thiệu cho bố mẹ cậu nhận bà vú làm người giúp việc. Từ khi đưa Fabbi đến nhà ông này thì bà vú cũng làm luôn việc giặt giũ quét dọn ở đây. Fabbi cũng ăn cùng ở với các cậu ấm nhà này. Năm mười bảy tuổi, Fabbi tốt nghiệp trung học trường giáo hội Dương

Châu, đúng vào khi linh mục Engman đến trường giảng dạy, linh mục rất chú ý đến thiếu gia Trung Quốc mang gương mặt người phương Tây, ông chủ động gặp và nói chuyện với anh. Khi Engman mỉm cười từ trên bục giảng bước xuống đi về phía mình, anh mới hiểu được nỗi cô đơn của chàng trai mười bảy tuổi, anh không thể nào là người Trung Quốc được. Phong thái đĩnh đạc nhã nhặn cùng tri thức và tài diễn đạt của linh mục Engman trong một giờ đã thu phục chàng Fabbi trẻ tuổi, khi đó anh mới ngộ ra rằng chưa bao giờ mình chịu làm người Trung Quốc. Anh hiểu rằng linh mục Engman thân thiết với anh cũng vì anh là người phương Tây, linh mục ngầm cho anh hiểu rằng để anh sống chung với người Trung Quốc, tiếp tục làm người Trung Quốc là đầy dọa anh. Engman và Fabbi nói chuyện với nhau trông như hai con lạc đà đứng giữa bầy ngựa, lại tâm đầu ý hợp như người cũ gặp nhau.

Khi linh mục rời Dương Châu quay về Nam Kinh, người xách hành lý cho ông chính là Fabbi Atonado.

Sau khi tốt nghiệp học viện Thần học, Fabbi được linh mục kiêm giáo sư Engman xin cho học bổng đi Mỹ học thêm ba năm. Anh tìm thấy toàn bộ gia tộc tại Mỹ, lớn bé già trẻ đông đúc. Goerge gặp họ hàng căng thẳng quá, anh gãi muốn rách cả da đầu như có cả tổ kiến lửa trên đó. Anh phát hiện ra rằng mình cũng chẳng làm nổi người Mỹ, hàn huyên với người thân ở Mỹ là một Fabbi giả nào đó còn Fabbi thật là ở trong lòng, anh đếm từng giây từng phút mong sao cuộc hội ngộ họ hàng có tính lịch sử này mau mau chấm dứt.

Anh nhẹ gõ cửa nhà linh mục Engman, linh mục mời anh vào. Ông giữ trọn vẹn quan hệ với Fabbi như lần gặp đầu tiên, không hề thân thiết hơn một chút nào. Nếu bạn ở cạnh nhà ông thì lần đầu gặp, ông sẽ nói: “Rất vui được gặp ông!”, nhưng suốt mười năm sau đó, ông vẫn “rất vui được gặp ông!”. Ông có thể khiến cho người quen biết cảm thấy khô khan, sự thân thiết không hơn lên cũng chẳng chết đi.

“Có việc gì không, Fabbi?” Linh mục mời ngồi không khách sáo như mọi khi.

Fabbi đến để trình báo về cuộc đánh lộn giữa các nữ sinh với Đậu Hoàn và thúc giục ông đưa đám gái điếm đến khu an toàn. Nhưng bước chân vào phòng khách của Engman anh mới cảm thấy trong lòng vị linh mục đang đầy ắp những âu lo, nói câu chuyện đó sẽ là hấp tấp, không đúng lúc.

Linh mục đang nghe radio nước ngoài đưa tin về tình hình Nam Kinh, ông nhìn Antonado rảo bước đi đến rồi lại quay lại chiếc radio. Fabbi cùng ông nghe bản tin đầy những tạp âm xào xạo. Anh đưa mắt nhìn những khung ảnh đã được gỡ xuống xếp lại để phòng bom làm hỏng vỡ, nhìn bức tường trống trơn, anh vẫn nhớ như in vị trí và nội dung từng bức tranh vì mấy chục năm nay linh mục Engman không hề thay đổi hay dịch chuyển chúng. Trong cái khung hình bầu dục là ảnh của mẹ ông. Lúc đầu tấm ảnh rất nhỏ được gắn ở mặt sau chiếc đồng hồ bỏ túi mà người cha của ông để lại. Bức ảnh được phóng to và sửa sang vừa là tác phẩm nghệ thuật vừa là tác phẩm khoa học.

Phía trái bên dưới là bức ảnh toàn thân Engman thời trẻ chụp kỷ niệm ngày tốt nghiệp; bên phải là ảnh Giáo hoàng tiếp kiến Engman.

Linh mục Engman nói như nói với chính mình: “Có vẻ là thật rồi – họ đang bí mật tàn sát lính Trung Quốc. Tiếng súng vừa rồi là ở trường bắn bờ sông. Ngay cả phóng viên Nhật và phóng viên Đức cũng kinh hoàng trước tin này.”

Năm giờ sáng nay, tiếng súng rộ lên phía bờ sông. Tiếng súng máy dồn dập. Khi đó Engman còn ngỡ rằng quân đội Trung Quốc đang chống cự. Nhưng người phụ trách khu an toàn nói với ông, tất cả lính Trung Quốc không kịp rút lui đều bị bắt. Kết hợp tin nghe được trên radio và tiếng súng sáng nay, Engman nói với Fabbi: “Nhật Bản không đếm xỉa đến luật quốc tế về tù binh, thách thức văn minh và nhân đạo? Anh có tin được không? Đây có phải người Nhật mà tôi được biết hay không?”

Fabbi nói: “Phải tìm cách kiếm lương thực và nước. Nếu không ngày mai là hết nước ăn rồi.”

Engman hiểu ý Fabbi: Lúc đầu tưởng rằng nội trong ba ngày, quân chiếm đóng sẽ ngừng chém giết, buông lưới gươm đao phủ xuống, tiếp nhận thành phố mà chúng đã thỏa sức chém giết. Giờ đây không những không hề có mấy may dấu hiệu của sự văn minh trật tự mà giết chóc đã trở thành thói quen, chẳng biết bao giờ mới ngừng lại. Fabbi còn có ý rằng, sự gia ân của linh mục đối với mười mấy phụ nữ gái điếm, để cho họ lấy đi đồ ăn thức uống của nữ sinh, nay sắp đến lúc mọi người đều chịu chung hậu quả.

Linh mục nói: “Ngày mai tôi sẽ đi khu an toàn kiếm chút lương thực, cho dù là ít khoai tây, khoai lang, cũng tạm qua được hai ngày, không thể để bọn trẻ đói được.”

“Sau hai ngày thì sao? Còn nước nữa, làm thế nào?”

“Bây giờ chỉ tính được bằng giờ! Sống giờ nào hay giờ ấy!”

Fabbi nghe ra Engman sắp nổi nóng. Ông đã nhiều lần bảo Fabbi, ông muốn Fabbi khắc phục kiểu “tấn công tiêu cực”, tranh luận phải sáng sủa, phê phán phải thẳng thắn thoải mái như đại đa số người Mỹ. Kiểu “tấn công tiêu cực” như Fabbi là kiểu Trung Quốc, ông rất ghét.

Engman nói: “Về chuyện nước, anh có đề nghị gì thẳng thắn có tính xây dựng không?”

“Ngọc Mặc nói, khi chạy đến đây, họ có qua một cái hồ, tôi rất thuộc Nam Kinh mà không nhớ rằng gần đây có hồ, nhưng cô ta bảo cô ta nhìn thấy, tôi nghĩ bảo A Cố đi xem thử trước khi trời sáng.”

“Được, anh như vậy là rất tốt. Anh thấy chưa, có cách rồi đó.” Engman thưởng cho Fabbi một nụ cười, khác hẳn nụ cười thường thấy ở ông, luôn luôn lịch sự, thiếu sức nóng.

Fabbi rạo rức cả người, theo ông từng ấy năm, vậy mà chỉ trong mười phút anh được thấy ông giận dữ và nụ cười thật bụng. Xem ra có vẻ như sự xa lạ giữa hai người hàng xóm từng được giữ gìn cẩn thận nhiều năm đã bị xóa tan.

Linh mục Engman nói: “Gọi bọn trẻ đến sảnh lớn.”

Fabbi nói: “Chắc là chúng ngủ cả rồi.”

“Đi gọi đi.”

7. Chương 7

Bọn trẻ đã lên giường, nghe lời gọi, các cô bé mò mẫm trong bóng tối mặc quần áo rất nhanh đi xuống thang gác. Vào đến sảnh lớn, các cô trông thấy Fabbi ngồi trước đàn phong cầm(9), Engman mặc chiếc áo choàng chủ trì lễ tang. Thấy rõ có chuyện lớn chẳng lành, bất giác các cô bé nắm lấy tay nhau, thời khắc này mọi sự xích mích yêu ghét vật vãnh hàng ngày không còn nữa, tất cả là một tập thể, một gia đình.

Vì không có người đàn phong cầm – người này đã theo các thầy trò của trường lần lượt rời Nam Kinh, Fabbi phải làm thay hết. Phong cầm loại dựng đứng, thường ngày dùng để cho nữ sinh tập hát, bây giờ phủ một lớp thảm cũ, âm thanh phát ra như người cầm cùm.

Thư Quyên hiểu rằng ai đó đã chết, chiếc đàn được bọc thảm là để âm thanh tang tóc của nó chỉ vang lên trong một không gian rất nhỏ.

Cả gian sảnh lớn chỉ có ba cây nến, mọi cửa sổ đều buông rèm đen. Để phòng không, tất cả các tòa nhà của Nam kinh đều dùng rèm này.

Tiếng đàn của Fabbi khàn khàn, các nữ sinh thì thầm hát hết bài Khúc cầu siêu. Họ còn chưa biết cầu siêu cho ai, chưa biết mình đã mất ai cho nên sự hoang mang của họ về sự mất mát càng sâu càng rộng.

Nam Kinh và Giang Nam mất, quyền làm người dân tự do mất, nhưng hình như mất mát không chỉ Nam Kinh và Giang Nam, không chỉ quyền làm người dân tự do. Sự mất mát không rõ hình hài khiến các cô đứng đó như bầy thỏ non run rẩy bơ vơ trước sự nguy hiểm tột đỉnh.

Engman dẫn đầu các cô bé đọc lời cầu nguyện. Thư Quyên nhìn thấy linh mục Engman và chúa Giêsu đứng đó, người trước người sau. Bóng của Engman đổ lên bức tượng màu của Giêsu và khí chất thánh thần của Giêsu sống động trên nét mặt vị Linh mục.

“Các em, lẽ ra tôi không muốn quấy rầy các em. Nhưng tôi muốn các em có sự chuẩn bị, tình hình không phát triển theo hướng tốt đẹp.” Bằng một giọng nặng nề, ông thuật lại ngắn gọn những điều đã nghe trên radio. “Nếu tin tức đó là sự thật – hàng ngàn hàng vạn tù binh đã đồng loạt bị bắn chết, vậy thì hãy tin tôi, chúng ta đã quay lại thời trung cổ. Đối với người Trung Quốc, sự kiện bốn mươi vạn tù binh quân Triệu bị

chôn sống có lẽ không còn lạ với các em. Đừng hiểu lầm rằng lịch sử đã tiến lên được nhiều lắm.” Linh mục dừng lại ở đó. Giọng ông mỗi lúc một cay đắng, lưỡi như cứng lại.

Đêm, Thư Quyên nằm cạnh Tiểu Ngu. Cô bé này sụt sịt mãi, Tiểu Ngu hỏi tại sao, Thư Quyên bảo bố cô tài giỏi tháo vát, chẳng có con đường nào ông không đi qua được thể mà lại ném cô vào cái nhà thờ chết tiệt này, đói khát, không có cả chậu than để sưởi.

Thư Quyên nói thầm: “Bố mình bây giờ đang ở Mỹ uống cà phê, ăn trứng ốp-lét đó!”

Mấy tháng sau, cô biết rằng, suốt ngày mẹ cô sống trong các bản tin vô tuyến điện, cha cô ở trường về đến nhà là nằm phủ phục bên chiếc radio, nếu hai người nhìn vào mắt nhau, họ hiểu rằng trong đầu họ chỉ có một câu: “Không biết Thư Quyên giờ này ra sao?”

Điện thoại điện báo ở Nam Kinh bị cắt đứt, bố của Thư Quyên gặp một nhân viên của lãnh sự quán Trung Quốc, câu trả lời nhận được vô cùng mơ hồ, tình hình Nam Kinh vô cùng tồi tệ, nhưng không có một tin nào được chứng thực. Bố cô tìm cách gọi điện thoại cho người bạn ở Thượng Hải, người bạn nói ở tô giới(10), đã lan truyền tin quân Nhật thực hiện cuộc tàn sát lớn ở Nam Kinh, những tấm ảnh người dân bị bắn chết được phóng viên đem về Thượng Hải. Đúng lúc các cô đang oán trách gia đình thì bố mẹ họ đang tìm cách mua vé tàu thủy về Trung Quốc, họ bị sự hối hận và day dứt hành hạ đến rã rời, tâm lý chung của người Trung Quốc là “chết thì cả nhà cùng chết.”

“Nếu bố tớ về đón thì tớ kéo cậu đi luôn.” Tiểu Ngu bỗng nói và giật mạnh tay Thư Quyên.

“Liệu bố cậu có về đón cậu không?”

“Nhất định đón!” Tiểu Ngu có vẻ không vui vì cô bạn coi thường bố cô, một con người có tiền, có thể lực lại giỏi giang tháo vát.

“Mai đến thì tốt.” Thư Quyên mong bố Tiểu Ngu đến đón không kém gì cô bạn. Thân với Tiểu Ngu thật đúng lúc, có thể ăn theo được để thoát ra khỏi Nam Kinh trong trùng vây của quân Nhật

“Thế cậu định đi đâu?” Tiểu Ngu hỏi.

“Cậu đi đâu tớ đi đó.”

“Nhà tớ đi Thượng Hải. Tô giới Anh, Pháp, cả tô giới Mỹ nữa sẽ không có đánh nhau. Thượng Hải hay hơn Hán Khẩu. Hán Khẩu quê chết đi được, toàn người nội địa.”

“Được, chúng mình đi Thượng Hải.” Lúc này Thư Quyên không dám phản đối Tiểu Ngu, chẳng may cặp mắt xanh của nó chiếu sang người khác thì mất ăn, phải ở lại cái thành phố đầy người chết này. Tuy cô thấy dựa dẫm vào Thư Quyên có hơi mất thể diện nhưng đời còn dài, sẽ có lúc lấy lại thể diện, lấy lại gấp nhiều lần.

Loáng thoáng nghe tiếng chuông cửa. Trong ba giây đồng hồ, các cô bé đồng loạt nhồm dậy rồi chen chúc bên cửa sổ. Họ nhìn thấy A Cố và Fabbi chạy qua bên dưới cửa sổ. A Cố cầm đèn lồng chạy trước, Fabbi đuổi theo vẫy mạnh tay ra hiệu tắt đèn nhưng đã muộn, ánh đèn đến trước người và lọt qua khe cửa ra ngoài.

“Cầu xin đại nhân, mở cửa cho, đây là đội chôn xác người... người lính này còn sống, đại nhân không cứu thì anh ta lại bị bọn giặc bắn chết lần nữa!...”

Fabbi cố tình nói bằng giọng Tây: “Xin đi chỗ khác cho, đây là nhà thờ Mỹ, không can dự vào chiến tranh Trung - Nhật.”

“Ông lớn...” Lần này là giọng nói đầm nước mắt của người chảy máu quá nhiều: “Xin ông lớn cứu mạng...”

“Đi chỗ khác đi. Thành thật xin lỗi.”

Người đội viên chôn xác nói to hơn: “Bọn giặc đến bất kỳ lúc nào! Đến thì anh ta chết, tôi cũng chết! Xin làm ơn làm phúc! Hãy nhìn vào mặt thượng đế, tôi cũng là giáo dân!”

“Xin đưa anh ta đến khu an toàn!”

“Bọn giặc đến khu an toàn hàng chục lần để tìm lính Trung Quốc và người bị thương! Xin ông!”

“Rất xin lỗi, tôi không có cách nào cả. Xin đừng ép chúng tôi vi phạm lập trường trung lập của nhà thờ.

Mấy tiếng súng nổ không xa.

“Nhà từ thiện, xin trông cậy ông!...” Tiếng bước chân men chân tường xa dần.

Fabbi không biết làm sao, anh không thể để người lính Trung Quốc chảy máu đến chết hoặc bị hành hình lần nữa, cũng không thể không lo đến sự an toàn của mấy chục mạng người trong nhà thờ.

Linh mục Engman xuất hiện trong bóng đêm, ông vẫn mặc áo tang lễ.

“Có chuyện gì?”

“Thưa, bên ngoài có một thương binh Trung Quốc, trốn khỏi nơi tàn sát của người Nhật.”

Linh mục Engman thở dài, nhìn biết ngay trong đầu ông cũng chẳng có cách gì.

“Xin các ông!” Người thương binh nói giọng vùng ngoại tỉnh, từng chữ nói ra trong cơn đau đớn tột cùng.

“Để anh ta nằm ngoài cổng cũng không được, như vậy càng lôi chúng ta vào cuộc,” Fabbi nói bằng tiếng Anh.

Engman nhìn Fabbi, anh ta nói không phải không có lý. Nhưng nhà thờ sẽ mất đi tính trung lập, mất đi ưu thế bảo vệ nữ sinh, ông không thể mạo hiểm được. Ông nói: “Không được. Có thể bảo A Cố đưa anh ta đi, đưa đi đâu thì đưa.”

A Cố nói: “Thế thì coi như đưa anh ta đến chỗ chết!”

Người thương binh bên ngoài cổng rên rỉ tiếng rên không phải của con người nữa, nghe cũng biết máu sắp cạn rồi.

Từ cửa sổ của Thư Quyên nhìn ra, hai vị linh mục áo đen và A Cố như ba quân cờ trên bàn cờ đang ở thế giằng co. Điều thôi thúc linh mục Engman có thể là câu nói “máu sắp chảy cạn kiệt”. Quả nhiên ông cầm lấy chìa khóa từ tay A Cố, “xoạch” một cái ông mở ổ khóa Đức, rút chốt, tháo xích. Thế là cánh cửa nặng nề mở ra, các nữ sinh thở phào.

Nhưng linh mục Engman với động tác nhanh hơn quyết đoán hơn đóng sập cánh cửa lại, để người lính nằm bên ngoài. Ông định khóa cổng lại, nhưng tay ông lấy bẫy không làm được chính xác, Fabbi hỏi mấy lần ông không trả lời, cuối cùng cũng khóa xong.

“Bên ngoài không phải một mà là hai người! Hai thương binh Trung Quốc.” Rõ ràng ông cảm thấy lòng tốt của ông đã bị người ta giễu cợt.

Tiếng người chôn xác lại léo nhéo: “Bọn Nhật đến rồi kìa, chúng cười ngựa!...”

Xem vừa rồi hẳn ta giả vờ bỏ đi, làm như vứt thương binh lại, để mặc đó. Ông “hòa thương Tây” sẽ không nỡ bỏ đó, hơn nữa nếu nói có hai thương binh thì ông càng không muốn tiếp nhận. Cái trò đó quả nhiên linh nghiệm, vị linh mục đã mắc lừa, mở cửa ra.

“Đúng có tiếng vó ngựa!” A Cố nói.

Ngay cả Thư Quyên cũng biết rằng nếu lính Nhật rẽ vào cái phố nhỏ này thì tất cả mọi người bên trong hay ngoài cổng đều bị giết sạch.

“Tại sao ông dám lừa tôi? Rõ ràng không chỉ một thương binh!”, linh mục Engman nói: “Người Trung Quốc các anh đến lúc này vẫn còn dối trá?!”

“Linh mục, đã cứu người thì một người với trăm người có gì khác nhau đâu?!” Fabbi nói. Lần đầu tiên anh xung khắc trực diện với ân sư của mình.

“Anh im mồm đi.” Ân sư nói.

Tuy không hiểu điều hai ông Tây nói với nhau nhưng mấy người bên ngoài đoán là có liên quan đến sự sống chết của họ. Người chôn xác cuống lên thật sự: “Tiếng vó ngựa chạy về phía này rồi!”

Linh mục Engman cầm chìa khóa theo đường cũ quay về. Vừa đi được năm sáu bước, một bóng đen chặn lại, bóng đen nhanh nhẹn dứt khoát, có thể thấy đây là một người lính dày dạn.

Sô-phi bên cạnh Thư Quyên phát ra tiếng chó con ăng ăng. Mặt trận lan đến đây rồi, cái sân này sắp thành sa trường rồi.

“Mở cửa ngay lập tức!” Kẻ đột nhập tiến sát linh mục Engman, tòa nhà cháy xa xa hắt ánh lửa loang loáng xuống sân nhà thờ. Trong ánh sáng các cô gái trông thấy một quân nhân cầm súng lục chìa vào ngực linh mục Engman, sau lớp áo choàng đen và lồng ngực khô khốc là trái tim ông đang đập trước mũi súng. Thư Quyên nghĩ nếu nhảy cảm một chút, anh ta sẽ cảm nhận được trái tim ông đang đập điên loạn, nhịp đập rối loạn sẽ từ nòng súng truyền đến tay anh ta.

Fabbi giật chìa khóa từ tay linh mục Engman, mở cổng ra, đưa vào một nhóm người đen sì, một cái xác vớt từ máu ra nằm trên xe cút kít, người thương binh còn nói được tay chống một cành cây to, người đẩy xe chừng năm mươi tuổi mặc gi-lê đen.

Cổng đóng được một lát thì mấy kỵ binh Nhật phi đến, chúng hát ê a cười nói bi bô có vẻ khoái chí lắm.

Những người bên trong cổng đứng ngậy như tượng gỗ theo mọi tư thế chờ cho lính Nhật đi xa. Người sĩ quan trang bị đầy mình hai tay nâng súng, sẵn sàng cửa mở ra là bắn.

Khi tiếng vó ngựa xa hẳn mọi người mới trở lại bình thường.

Thư Quyên nói nhỏ với Tiểu Ngu: “Ta xuống xem đi.”

“Không được!” Tiểu Ngu kéo lại.

Thư Quyên mở cửa cầu thang đi xuống. Cô nghe tiếng Tiểu Ngu nói với các bạn: “Xem Mạnh Thư Quyên kìa! Rồi hơi đi kiểm chuyện!”

Thư Quyên không thích Tiểu Ngu làm vậy. Cô chỉ muốn rủ Tiểu Ngu làm chuyện bí mật vậy mà Tiểu Ngu tố giác cô. Cô xuống đến xuống rút nhẹ chốt, hé cửa ra chỉ đủ để nhìn toàn cảnh. Bất kể trong hoàn cảnh nào cô cũng không muốn người ta giấu cô điều gì. Cô biết người ta giấu cô là muốn tốt cho cô nhưng cô không chịu, kể cả chuyện cha mẹ giấu không cho cô biết ban đêm họ cãi nhau và cãi nhau về chuyện gì. Có lúc cô thấy mắt mẹ đỏ như trái đào, cô hỏi có phải mẹ khóc suốt đêm không, mẹ còn cười bảo không phải, tựa hồ không giấu cô là vô trách nhiệm với cô.

Lúc này cô đứng trước khung cửa hé mở, thấy cuộc chiến ở sân vẫn chưa phân thắng bại. Cái xe cút kít biến thành xe tăng xung trận đi vào trong sân, người lính cầm súng là đội quân mũi nhọn. Thư Quyên nhìn thấy trước ngực sau lưng người mặc gi-lê đen có dán những miếng vải trắng tròn, cô đoán là dạng trang phục thống nhất của người chôn xác.

“A Cố, đi lấy thuốc cấp cứu ngay, lấy nhiều bông băng vào cho họ cầm đi.” Ý định của linh mục Engman là rõ ràng, nơi đây không tiếp những người khách như thế này.

Người cầm súng vẫn không thay đổi tư thế tấn công, súng vẫn chìa vào linh mục Engman: “Ông định để cho họ đi đâu?”

“Xin ông bỏ súng xuống nói chuyện với tôi, ông thiếu tá.” Vị linh mục nói nghiêm nghị.

Ông đã nhận ra cấp bậc của người lính, một bên vạt quân phục bị sẫm màu, đó là máu đồng.

“Vì cầm súng nói chuyện mới có người nghe.”

Linh mục Engman nói: “Tại sao không cầm súng để người Nhật nghe các anh nói?”

Người lính cứng họng.

Linh mục lại nói: “Thưa ông sĩ quan, người cầm súng không nói chuyện được với tôi. Xin ông hạ súng của ông xuống.”

Viên sĩ quan chúc mũi súng xuống.

“Xin hỏi ông là ai, vào đây bằng cách nào?” Fabbi hỏi.

“Nơi đây đâu có khó vào? Tôi vào đây hai ngày rồi. Tôi là Đới Đào, thiếu tá trung đoàn phó trung đoàn 2, sư đoàn 73.”

Bỗng có tiếng léo nhéo điếc tai, những người đang đối chọi nhau bị phân tâm. Thư Quyên ngó ra thấy năm sáu ả điếm, dẫn đầu là Hồng Lăng từ phía nhà bếp đi ra. Mấy ả không kêu “buồn chán quá!” nữa. Nhìn thấy đồng máu thịt lù lù trên xe cút kít, họ dừng lại thì thầm. Đám đàn bà này lần đầu tiên hiểu rằng, cảnh thanh bình trên mảnh sân này là giả tạo, cảnh họ cười nói vui vẻ là giả tạo, bên ngoài máu chảy thành sông giờ đây đã chảy vào phía trong bức tường này rồi.

“Người Nhật hành hình lúc nào?” Linh mục nhìn người trên xe cút kít và hỏi.

“Sáng sớm hôm nay.” Đội viên đội chôn xác trả lời.

“Người Nhật bắn các anh bao nhiêu người?”

“Có đến năm, sáu ngàn.” Người lính chống gậy nói với giọng bi phẫn và xấu hổ: “Chúng tôi bị lừa! Bọn giặc bảo đưa chúng tôi đến đảo sông để khai hoang trồng trọt, đến bờ sông chẳng thấy có chiếc thuyền nào...”

“Các anh ở sư 154 phải không?” Viên thiếu tá đoán.

“Vâng, ông biết ạ?”

Viên sĩ quan không trả lời. Giọng địa phương của người lính đã cho anh ta biết. “Mau chóng tìm chỗ ẩm áp băng vết thương cho anh ta.” Viên thiếu tá nói, cứ như anh ta đã chiếm lĩnh nhà thờ và trở thành chủ nhân rồi.

Mấy người đang chuẩn bị đi thì linh mục Engman nói: “Khoan đã. Ông thiếu tá, lúc này tôi đã cứu các ông một lần,” ông chỉ tay ra cổng, “tôi không có cách gì cứu các ông lần nữa. Có mười mấy nữ sinh trên mười tuổi đang tị nạn trong nhà thờ, để các ông ở lại, người Nhật sẽ có cớ vào đây.” Ông nói tiếng Trung Quốc nghe rất khó khăn.

“Nếu họ đi sẽ bị bắn lần nữa.” Viên thiếu tá nói.

Hồng Lăng nói chớ vào: “Giết hết bọn người Nhật đi!... ông sĩ quan, cho họ vào hầm với chúng tôi!”

“Không được,” linh mục Engman quát to.

“Thưa Cha, hãy để họ băng vết thương đã rồi tính sau, được không?” Fabbi nói.

Linh mục nói: “Không được. Tình hình bây giờ đã không còn kiểm soát được. Không nước uống, không lương thực. lại thêm ba người nữa... Xin các vị nghĩ xem, tôi có mười sáu nữ sinh, lớn nhất mười bốn tuổi, ở cương vị tôi, các vị làm thế nào? Các vị sẽ làm như tôi, đó là cự tuyệt để binh sĩ vào đây. Binh sĩ sẽ kéo lính Nhật vào, như vậy có công bằng với các em nữ sinh không?” Tiếng Trung Quốc của ông chính xác đến mức đau khổ.

Viên thượng sĩ nói: “Không có chúng tôi thì người Nhật không vào hay sao? Chẳng có nơi nào họ không dám vào!...”

Linh mục im lặng một lát. Sự phản bác có lý. Dưới con mắt điên cuồng của quân chiếm đóng, không hề có vùng cấm, không có thần thánh. Ông quay sang viên thiếu tá: “Xin thiếu tá hiểu cho hoàn cảnh của tôi. Đưa họ ra đi. Thượng đế phù hộ cho các vị đến được khu an toàn. Thượng đế chúc các vị may mắn.”

“Đẩy xe vào trong kia.” Viên thiếu tá nói với đội viên đội chôn xác, tay chỉ về phía bếp. “Cho họ uống nước rồi xem xét vết thương cho họ.” Viên thiếu tá như không hiểu tiếng Trung Quốc của linh mục.

“Đứng im!” Engman đứng chặn trước chiếc xe, dang tay áo ra như đôi cánh đen.

Nòng súng của viên thiếu tá giờ lên.

“Ông định bắn ư? Bắn thì nhà thờ sẽ là của ông, khi đó ông muốn để họ ở đâu thì để. Bắn đi.” Engman quá nửa đời người ở Trung Quốc, sáu mươi là cái tuổi có chết cũng không phải tiếc nuối.

Viên thiếu tá gạt chốt an toàn.

Fabbi há hốc mồm, nhưng đứng yên, anh ta sợ một cử chỉ bất kỳ sẽ làm viên đạn trong nòng súng hoảng sợ bay đi.

Người lính trên xe rên lên một tiếng. Ai cũng nghe thấy con người đau khổ sắp chết phát ra tiếng kêu. Tiếng kêu rên nghe nùng nịu, như tiếng của đứa trẻ mười bốn mười lăm vừa vỡ giọng. Người lính trẻ con đau đớn đến thế mà mọi người vẫn cãi nhau bất tận, trước sự đau đớn như thế, còn gì quá quan trọng không? Cả sự sống chết cũng không còn quan trọng nữa.

“Nước đã đun nóng rồi!” George Trần từ đâu lặng lẽ đứng bên không can dự vào chuyện đôi co nhưng anh ta đã có ý chuẩn bị đón tiếp người bị thương, bây giờ chỗ nước cuối cùng trong bồn rửa tội đã đun nóng rồi.

George Trần vội dẫn đường cho chiếc xe, người lính chống gậy đi theo. Lúc này đám gái điếm dưới hầm cũng kéo nhau lên nhìn người lính thiếu niên sắp chết và viên thượng sĩ què chân, không biết đang ghen ghét hay sợ hãi, họ đứng hai bên vừa như đón chào lại vừa như đưa đám.

Viên thiếu tá vừa định đi theo thì linh mục gọi lại.

“Ông thiếu tá, đưa súng cho tôi.”

Viên sĩ quan cau mày: Lão Tây già này muốn gì đây? Bọn Nhật còn không thể bắt anh ta nộp súng được!

“Nếu ông muốn được nhà thờ che chở thì phải bỏ súng xuống. Ưu thế của nhà thờ chính là tính trung lập của nó, một khi người có vũ khí bước vào, tính ưu việt đó không còn nữa. Vậy cho nên, ông đưa vũ khí cho tôi.”

Viên thiếu tá nhìn đôi mắt màu nhạt của người khác sắc tộc và nói: “Không được.”

“Vậy tôi không thể để ông ở đây được.”

“Tôi không ở hẳn đây, có thể chỉ nán lại một hai ngày.”

“Ở đây một phút cũng phải làm một công dân bình thường. Nếu người Nhật phát hiện ông mang súng ở đây thì tôi không thể nào biện hộ cho ông, cũng không thể chứng minh địa vị trung lập của nhà thờ.”

“Nếu người Nhật vào đây mà tôi không có súng thì có nghĩa là để mặc cho họ giết chết.”

“Bỏ súng xuống ông mới có thể tị nạn ở đây như một công dân bình thường. Nếu không, ông phải lập tức rời khỏi đây.”

Viên thiếu tá do dự rồi nói: “Tôi chỉ ở một đêm, hỏi được mấy người lính về tình hình người Nhật tàn sát tù binh rồi tôi sẽ đi.”

“Tôi nói rồi, một phút cũng không được.”

“Ông thiếu tá nghe lời linh mục đi.” Fabbi đứng bên nói. “Vết thương của ông cũng không nhẹ, đi khỏi đây, không ăn, không uống, đâu cũng nhan nhản lính Nhật, ông đi được bao xa? Ít nhất phải dưỡng thương, nghỉ ngơi chút ít mới đi được.” Giọng Giang Bắc của anh ta dùng để giảng giải có vẻ rất lọt tai, nghe như khuyên can hai anh em đánh nhau trong làng.

Viên thiếu tá chậm chậm khóa khẩu súng, tách một tiếng, sau đó quay mũi súng về phía mình, báng súng về phía linh mục.

Thư Quyên nhận ra sự miễn cưỡng của anh ta giống như sự miễn cưỡng nhượng bộ trước đó của vị linh mục.

(9) Một loại đàn hơi dùng nhà thờ, tư thế ngồi đàn tựa như đàn piano – ND.

(10) Những vùng đất trong thành phố, nhiều nhất là ở Thượng Hải, Quảng Châu cắt ra cho người nước ngoài thuê – ND.

8. Chương 8

Viên thượng sĩ tên là Lý Toàn Hữu, cậu lính trẻ con tên là Vương Phổ Sinh, đó là điều mà cô Mạnh Thư Quyên của tôi và các bạn biết được ngay hôm sau. Cậu lính nhỏ mới có một tháng tuổi quân, từ ruộng khoai trước nhà đến thẳng trại quân, mặc vào người bộ quần áo lính. Hôm mặc bộ quần áo lính thì cũng được phát khẩu súng dài, một dây đạn, sau đó bị kéo ra sân phơi lúa, tập vài động tác đâm lê, vài tư thế xạ kích rồi bị lôi đến Nam Kinh. Một phát đạn cũng chưa được bắn vì chỉ huy nói đạn quý lắm, để đến lúc ra trận mới bắn. Khi đánh nhau mới nổ được mấy phát đã bị thương, khi cả một đoàn quân lớn đầu hàng thì cậu ta vẫn chưa biết rằng binh nghiệp của mình đã kết thúc rồi, cái mạng mười lăm tuổi suýt nữa cũng kết thúc luôn.

Thượng sĩ Lý Toàn Hữu chân trái bị thương rất nặng, bị bốn nhát kiếm, gân kheo đứt, do đó đây là bộ phận chết sớm nhất trên cơ thể, không còn dùng được và vướng víu cũng phải lôi theo. Hai người bị bắn bị chém thế nào rồi chạy thoát thế nào viên thiếu tá gặng hỏi mãi mới biết. Lúc đầu được hỏi, anh ta trả lời: “Nhắc lại làm đêch gì, thằng này chưa bao giờ nhục đến thế!”, hoặc: “Quên mẹ nó hết rồi!”. Mãi đến ngày thứ ba, có tí rượu vào anh ta mới kể đầu đuôi cho viên thiếu tá nghe. Rượu tất nhiên là của nổi trong nhà thờ, các ả kiếm cho mấy người lính, bởi vì khi đó lính và đàn bà đều chung hoạn nạn thành tri kỷ.

Câu chuyện được viên thiếu tá kể cho Fabbi nghe, Fabbi lại kể cho linh mục. Khi đến tai cô Thư Quyên của tôi và các bạn thì đã bị xén đầu xén đuôi. Khi lớn lên, Thư Quyên gặp lại Fabbi Atonado lại nghe ông kể lại chuyện của Lý Toàn Hữu và Vương Phổ Sinh, khi đó câu chuyện dựa theo kí ức, tưởng tượng và biên tập lại của ông, câu chuyện có chỗ không liên tục, được ông bổ sung bằng những hiểu biết tổng thể về cuộc chiến tranh qua nhiều năm. Hơn nữa trước khi gặp lại Thư Quyên ông đã kể cho bao nhiêu người, câu chuyện đã được gọt giũa và logic hóa cho nên đến những năm 80 câu chuyện Thư Quyên được nghe ông già kể lại đã khá đầy đặn thậm chí có tính văn học.

Câu chuyện thế này. Đơn vị bộ đội của Lý Toàn Hữu và Vương Phổ Sinh sau khi tuyên thệ: “Người còn, thành phố còn, đánh đến người cuối cùng” được hai hôm thì mất liên lạc với bộ tổng chỉ huy. Có nghĩa là, chỉ huy của họ không biết đánh đâu, đánh thế nào, cũng không làm sao biết được hướng tấn công của địch. Chỉ huy đơn vị không biết rằng họ đã bị chỉ huy cấp trên bán rẻ rồi, trang thiết bị vô tuyến điện tương đối tiên tiến tương đối hoàn thiện của mặt trận đã bị đưa lên tàu chuyển về hậu phương. Phi đội 300 chiếc máy bay của bộ đội không quân là lực lượng chiến đấu trên không duy nhất của tổng thống Tưởng Giới Thạch, nay dùng để chính phủ ông quan sát vị trí của quân địch, vì vậy pháo binh mất phương hướng. Bộ binh được điều đến từ các nơi, không còn liên lạc với nhau bằng vô tuyến điện, chẳng ai biết cần phối hợp với ai, tăng viện cho ai. Có đơn vị lẻ ra chặn được địch đánh vào thành phố nhưng thương vong quá nặng nề, đạn được cạn kiệt mà đơn vị ngay bên cạnh không hề biết, bỏ lỡ mất cơ hội tăng viện.

Lý Toàn Hữu là thượng sĩ tiểu đội trưởng của đơn vị lẻ ra phải tăng viện cho đơn vị khác lại án binh bất động. Khi lính Nhật công phá trận địa của đơn vị bạn, tiến quân ngay bên cạnh họ để vào thành phố, họ mới biết rằng mình đã là quân cờ chết trên bàn cờ.

May mà trời đã tối, họ và quân Nhật không thấy nhau. Đêm đến họ bị chỉ huy trưởng phản bội. Các sĩ quan từ cấp úy trở lên chạy sạch cả. Sáng sớm, một chiếc máy bay lên thẳng của Nhật bay đến, có tiếng loa của một tên Hán gian: “Các binh sĩ Trung Quốc, quân đội hoàng gia Đại Nhật Bản ưu đãi tù binh! Chỉ cần các bạn hạ vũ khí, đợi các bạn là cơm nóng, trà ngon, cá hộp của quân đội Nhật Hoàng!...” Lính Trung Quốc đã ba bốn bữa không biết đến mùi cơm. Máy bay lượn vòng quanh núi, lính Trung Quốc đứng trên sườn núi, dưới những cây bách giữa cổ nhìn lên. Lát sau máy bay vòng lại, tiếng loa Hán gian biến thành giọng của một mục đàn bà Nhật Bản, hát bài hát Trung Quốc, lát sau nữa, máy bay thả bạt ngàn giấy trắng, giấy vàng, giấy hồng. Người biết chữ đọc rồi bảo: “Người Nhật thả truyền đơn, yêu cầu ta đầu hàng!” Người biết nhiều hơn thì bảo: “Ghi rõ đây, đảm bảo không đánh không giết, có cơm ăn có chỗ ở, còn nói chống cự sẽ giết sạch. Tất cả quân đội Trung Quốc ở Nam Kinh đã đầu hàng cả rồi, đều đang được ưu đãi đây này!” Lại có tờ truyền đơn không lịch sự như vậy, nói sự chờ đợi của quân đội Nhật Hoàng không phải là vô hạn, đến 5 giờ sáng mai không đầu hàng thì muộn rồi.”

Đêm đến lính Trung Quốc bàn tán về mọi khả năng. Lý Toàn Hữu là tiểu đội trưởng của liên đội, đề nghị với trung đội trưởng, tranh thủ đêm tối trốn đi, có trốn thoát hay không thì đành trông vào may rủi. Trung đội trưởng nói: “Điều anh nghĩ e rằng người Nhật đã nghĩ đến rồi.” Một thượng sĩ tiểu đội trưởng khác nói:

“Ta cầm những tờ truyền đơn này, nếu người Nhật không giữ lời, ta sẽ đấu lý với họ, bằng chứng giấy trắng mực đen đây! Lại in cả tên sĩ quan tư lệnh của họ, chầy ỳ sao được?!”

Có tờ ghi rõ thể lệ đầu hàng: Một, xếp vũ khí thành đồng. Hai, binh lính xếp hàng theo tiểu đội, trung đội, đại đội, người đi đầu cầm cờ trắng – vải trải giường trắng, áo sơ mi trắng đều được. Ba, binh lính và sĩ quan giờ hai tay cao quá đầu, đi ra từ chỗ ẩn nấp, quân đội Nhật Bản ưa trật tự, kẻ phá rối bị nghiêm trị.

Lý Toàn Hữu chẳng còn một mẩu lương khô nhưng thuốc hút còn nửa túi. Anh nhồi tẩu hút hết điếu này đến điếu khác, nghĩ ngợi, nên cùng bộ đội đầu hàng hay trốn ở lại, hoặc nhân lúc trời tối lẻn đi. Nếu còn miếng ăn, anh ta sẽ không đầu hàng. Mọi người ai cũng móc thuốc ra hút, hơi thuốc rót vào máu thịt của mấy ngàn con người đói khát, chỉ còn thuốc là khiến người ta dễ chịu một chút.

Họ không biết rằng, lúc đó một tốp lính Nhật bằng một phần mười số quân của họ đang ở trên triền núi nhìn bạt ngàn những đống lửa thuốc lá mà cảm thấy e ngại: Đây là một đơn vị quân đội đông đảo, chẳng may vụ gọi hàng lừa đảo bằng truyền đơn thất bại thì rất khó đối phó.

Cuối cùng Lý Toàn Hữu bỏ ý định lẻn đi và ý định trốn ở lại. Kết quả đầu hàng thế nào thì đã rõ rồi, ít nhất truyền đơn của người Nhật cho họ thấy lỡ mớ bước sau, còn lẻn đi hoặc trốn ở lại thì không biết sẽ ra sao. Ngoài ra, Lý Toàn Hữu cũng như các chiến hữu, khi chưa biết may rủi thế nào thì dễ ngã theo quyết định tập thể, sự can đảm là của mấy ngàn người cộng lại, nguy cơ bị hủy diệt mấy mà ngàn người cùng gánh thì cũng dễ chịu hơn.

5 giờ sáng, lá cờ trắng đầu tiên hiện ra. Đó là tấm trải giường một lính kèn giờ lên. Tấm vải của một trung đoàn trưởng chạy trốn bỏ lại. Tấm vải được xé làm bốn, chia cho bốn trung đoàn. Sương mù dâng lên, khi đến trước mặt binh lính Nhật, các tù binh Trung Quốc mới phát hiện thấy dịch ít ta đông, chênh lệch nhiều đến thế. Nếu đêm qua họ phá vây thì phá được, nhưng họ không có máy vô tuyến điện, không biết được tình hình của quân đội Trung Quốc trên toàn mặt trận ra sao. Tình trạng đó đã bị quân Nhật lợi dụng.

Trong đơn vị này có một người cao số nhất, sống đến những năm 1990, thọ hơn 80 tuổi.

Người lính già này qua tư liệu lịch sử biết rằng, khi tiến đánh Nam Kinh quân đội Nhật thật vô sỉ và đối trá, họ đã vạch sẵn âm mưu từ rất sớm, chia rẽ quân đội Trung Quốc, đồng thời gọi hàng theo cách lừa đảo từng đơn vị một. Ngay từ đầu họ đã không tuân thủ qui ước Geneve về tù binh. Người lính già 80 tuổi nhìn các đoàn du khách Nhật đội mũ lưỡi trai che nắng mà đau thắt ruột.

Đó là chuyện sau này. Hãy quay lại câu chuyện của Lý Toàn Hữu.

Một tốp lính bị thương nhẹ từ một con đường nhỏ khác đi đến, trong đó có một thiếu niên. Liên đội của Lý Toàn Hữu được lệnh dừng lại ở ngã ba để cho tốp lính bị thương đi trước, có vẻ như đơn vị quân đội Nhật tiếp nhận đầu hàng nghĩ thật chu đáo, để cho những người bị thương đến nơi an toàn “có cơm ăn có chỗ ở” trước. Lúc đó Lý Toàn Hữu và chú lính nhỏ Vương Phổ Sinh còn chưa biết nhau.

Dưới sự dẫn đường của bốn lá cờ trắng, đoàn tù binh Trung Quốc lặng lẽ đi trên đường cái. Cứ mười mét lại có một người lính Nhật cầm súng áp giải, có lúc thò ra một viên thông ngôn Trung Quốc, nói với tù binh: “Đi sát vào! Đi nhanh lên!” Mỗi lần gặp Hán gian, sẽ lại có một vài người tù binh hỏi: “Người Nhật định đưa chúng tôi đi đâu?”

“Không biết.” Hán gian sẽ trả lời như vậy, bộ mặt vô hồn y như những người lính áp giải.

“Phía trước có cơm ăn nước uống không?” Một tù binh nào đó sẽ hỏi.

“Sao lại không?” Hán gian nói.

“Người Nhật không đánh không giết chứ?”

“Không giết! Đi nhanh lên!”

Đúng là có một số tù binh đã chui đầu vào ngô cụt mà còn giữ mấy tờ truyền đơn, thấy Hán gian lại móc ra cho chúng xem, niềm hy vọng của họ có căn cứ hẳn hoi, không phải viễn vông, phải yêu cầu người Nhật thực hiện lời đã nói.

Những tù binh đã nói chuyện với Hán gian mau chóng trở thành trạm chuyển tiếp: “Không giết chứ?”; “Họ nói không giết...”; “Có cơm ăn chứ?”; “Họ nói sẽ có.”

Truyền mãi truyền mãi, lời nói cứ đi theo ý nguyện: “Sắp có cơm ăn rồi! Đi một quãng là đến! Người Nhật không bao giờ sát hại tù binh!...”

Lại đi tiếp một thôi, chuyện ăn chuyện ở vẫn mù mịt, mấy phút trước đám tù binh có vẻ tin lắm bây giờ lại thấy chơi vơi thế nào. Họ quay sang thăm dò: “Vừa rồi cậu nghe ai nói có cơm ăn?” “Cậu nói chứ ai!”; “Tôi nói à? Tôi bảo chắc là sắp chia cơm...”, “Thử tìm thông ngôn hỏi lại xem!”.

Đến hơn 11 giờ trưa, sương mù tan, họ đến một khu xưởng bị phá hủy. Viên sĩ quan Nhật và viên thông ngôn trao đổi mấy câu. Viên thông ngôn cầm cái loa sắt tây nói to với đám tù binh: “Sĩ quan và binh lính, xin tất cả tạm nghỉ chân để chờ lệnh cấp trên.”

Một người lính Trung Quốc đánh bạo hỏi to: “Ăn cơm ở đây à?”

Viên sĩ quan Nhật ánh mắt như thép lạnh rọi thẳng vào mặt người vừa nói. Tất cả tù binh Trung Quốc thấy tim mình lạnh ngắt, chẳng có vẻ gì là có cơm ăn có chỗ ở cả.

Họ thấy thành phố họ đi qua trước đây hai ngày bây giờ vắng lặng trống rỗng đến rợn người.

Viên thông ngôn lãnh ý sĩ quan Nhật, lại nói với các tù binh Trung Quốc: “Sẽ ăn cơm tại bờ sông, sau đó có thuyền đưa các vị sang đảo để khai hoang trồng trọt. Từ nay lương thực của quân đội Nhật sẽ do các vị cung cấp...”

Tất cả đều yên tâm trước thông báo đó. Dù sao đó là những điều tin được, ít nhất cũng biết được bước sau của mình, cho dù dối đến mức không đứng vững nữa nhưng tinh thần cũng khá hơn. Viên thông ngôn lại nói: “Trong khi ở đây chần chừ hàng ngũ, tất cả nên chịu đựng một chút, phối hợp với sĩ quan và binh lính quân đội Nhật, để cho họ trói tay lại...”

Tiếng loa vẫn oang oang, binh lính Trung Quốc đã bắt đầu nghi hoặc: “Đang yên đang lành, trói ta lại để làm gì?!”

“Họ có súng, ta tay không, sao lại phải trói?!”

“Không chịu!”

Tiếng ồn ào nổi lên.

Một viên sĩ quan Nhật hét lên một tiếng, tất cả lưỡi lê tuốt trần trong tư thế sẵn sàng đâm giết.

Binh lính Trung Quốc yên lặng, đội hình co lại một chút.

Cái loa sắt lại truyền đạt ý của viên sĩ quan: “Trói lại vì sợ mọi người không tôn trọng kỷ luật, mất kiểm soát, thuyền đang đi trên sông, lộn xộn là rất nguy hiểm, quân đội Nhật hoàng phải đảm bảo cho sự an toàn của các vị.”

Giọng tên Hán gian đã khản đặc lại nhưng vẫn chưa xua tan được mối nghi hoặc trong đám tù binh Trung Quốc.

Một tù binh hét lên: “Trói lại thì đến bờ sông ăn uống thế nào?”

Viên thông ngôn không trả lời được. Tất cả đều bị câu hỏi đó làm thức tỉnh, đúng đấy, người Nhật nói đến đó sẽ ăn cơm kia mà? Tại sao lại trói để lên thuyền có trật tự? Trói tay thì cầm bát thế nào, một dùm lính Nhật thế kia, đủ người để bón cơm cho ta à? Cứ cho là tin họ thì tin câu nói nào của họ?

Viên sĩ quan Nhật đến bên viên thông ngôn hỏi tù binh Trung Quốc lộn xộn cái gì? Viên thông ngôn mỉm cười nói lại cái kế hoạch trước sau mâu thuẫn của hắn.

Viên sĩ quan suy nghĩ giây lát, thì thầm gì đó với viên thông ngôn. Tiếng loa lại vang lên: “Các binh lính Trung Quốc, trung tá thấy các vị nói có lý, ông ấy nghĩ chưa hết. Bây giờ thế này, mọi người hạ trại ở đây, chờ liên hệ được với bộ phận cung cấp thực phẩm sẽ thông báo tiếp để mọi người biết.”

Lý Toàn Hữu và các chiến hữu bị áp giải đến một bãi trống của một nhà máy, năm ngàn người nhét chặt cứng trong ngoài nhà máy, có muốn vươn vai, ngủ gục chút xíu cũng không được. Mệt và đói quá mức khiến họ ngồi mà ngủ thiếp đi. Khi trời tối, họ lục tục tỉnh giấc, chẳng một ai còn sức đứng dậy nữa.

Lý Toàn Hữu có vị trí sát tường, cách anh ta không xa là một chiếc lưới lê dài, đưa mắt dần lên phía trên nhìn, đó là một bộ mặt trống rỗng vô hồn. Người lính Nhật mười tám, mười chín tuổi. Lý Toàn Hữu hỏi: “Nước, có nước không?”

Người lính Nhật nhìn anh ta như nhìn con lừa hay một đồ vật gì đó.

Lý Toàn Hữu làm động tác uống nước, trong bụng nghĩ, đến cái ghế gỗ cũng không khô cứng như người lính này.

“Uống nước!...” Một tù binh khác cũng có nhu cầu như Lý Toàn Hữu, vừa ra hiệu vừa nói thật chậm hai tiếng Trung Quốc, cứ làm như chữ Trung Quốc đọc thật chậm thì ra chữ Nhật vậy.

Người lính Nhật vẫn câm lặng, đứng im.

Mấy người tù binh cùng nói: “Nước! Nước! Nước...”

Lý Toàn Hữu nói: “Vờ vịt làm gì, thằng khốn kiếp? Nó hiểu đấy! Cơm không cho, nước cũng không được một hớp!”

“Nước! Nước!...”

Thêm nhiều người kêu.

Viên sĩ quan gầm lên một tiếng, súng lên đạn rào rào.

Tù binh Trung Quốc nói khê với nhau: “Lẽ ra không nên chui vào cái nhà máy này, có chơi nhau với chúng một phen cũng khó!”

“Liều thì nên liều từ sáng rồi, khi đó bụng chưa rỗng như bây giờ!”

“Biết thế liều từ tối hôm qua, ta bao nhiêu là người, bao nhiêu là súng!”

“Nên biết rằng người Nhật có một dùm này thôi. Mặc kệ truyền đơn! Không liều là không xong!”

“Thôi đi, lúc đó không liều, bây giờ ân hận làm đêch gì!” Lý Toàn Hữu kết luận.

Viên thông ngôn lại xuất hiện: “Các binh sĩ Trung Quốc, vì khâu cung cấp hậu cần gặp trắc trở, đành phải chịu đựng chút nữa, qua sông lên đảo sẽ ăn cơm.”

“Chắc có cơm không?”

“Ngài trung tá bảo đảm với các vị! Đã thỏa thuận với bộ phận hậu cần trên đảo, chuẩn bị bánh bao cho năm ngàn người ăn!”

“Bánh bao cho năm ngàn người ăn!” Các tù binh Trung Quốc bàn tán xôn xao. Lúc này một con số cụ thể bất kỳ đều tăng thêm độ tin cậy của thông tin.

“Không biết mỗi người được mấy cái?”

“Có đủ no không?”

“Thuyền đi bao lâu mới đến đảo?”

Viên thông ngôn nói: “Cho nên tàu thuyền đã chờ ở bến rồi, bây giờ xin các vị phối hợp, xếp hàng ngay ngắn đi ra ...”

Binh lính Trung Quốc hầu như dốc chút sức còn lại để đứng lên, ai cũng phải mất đến ba bốn giây quay qua quay lại mới đứng vững được, ai cũng đầm đìa mồ hôi trên mặt trên lưng. Khi họ ra khỏi khu nhà máy đổ nát, viên thông ngôn nói với vẻ nhẹ nhõm: “Xin mọi người phối hợp, đưa hai tay cho quân Nhật trói, để đảm bảo lên thuyền trật tự, chỉ xin mọi người nhẫn nhục một chút!...”

Trong ánh hoàng hôn nhìn hàng lưới lê có vẻ như dày đặc hơn. Mấy chục chiếc đèn pin rọi loang loáng vào mặt tù binh Trung Quốc. Hán gian vẫn tiếp tục nói: “Chỉ là phòng xa thôi, có bất trắc xảy ra không bị rối loạn, xin mọi người chờ nên hiểu lầm!”

Lý Toàn Hữu có cảm giác sự thâm nghiêm của người Nhật và sự thân thiện của viên thông ngôn có gì đó không tương xứng. Anh ta không còn đủ sức để suy xét nữa. Cả một ngày đói khát, sợ hãi, lo lắng đã biến anh ta thành một cái ghế gỗ biết đi.

Lại hành quân thêm một giờ nữa, khi nghe thấy tiếng sóng thì trăng cũng mọc lên, đội ngũ hàng hai biến thành hàng một, dần dần tiến đến bờ sông. Khi những người tù binh cuối cùng đến bờ sông thì trăng đã lơ lửng trên cao, tỏa sáng vàng vạc.

Các tù binh Trung Quốc bị trói giật cánh khuỷu, đứng ở men sông, có người hỏi: “Tàu đâu? Tại sao chẳng có chiếc tàu nào thế này?”

Viên thông ngôn không biết biến đi đâu, mọi người đành hỏi nhau: Chắc là lát nữa đến, đây không phải là bến tàu, không cập bờ được, có thể tàu đỗ ở bến bên cạnh.

Gió sông cuốn theo những hạt nước li ti quật tơi tả vào năm ngàn tù binh Trung Quốc.

“Thế thì ta ở đây làm gì?”

“Đợi thuyền à?”

“Sao bảo thuyền đợi ta kia mà?”

“Ai bảo thế?”

“Cái tay Hán gian thông ngôn đó.”

“Nó nói như cắt! Ở đây không có bến, tàu đỗ làm sao? Tất nhiên phải đỗ ở bến bên cạnh, chờ ta sẵn sàng lên mới chạy đến đây.”

“Thế thì tại sao không để ta lên tàu ở bến?”

Câu nói đó làm câm tịt mọi điều tranh luận. Người hỏi câu đó là Lý Toàn Hữu, tiểu đội trưởng, 21 tuổi, biết chút chữ nghĩa và có đầu óc. Thấy nổi hoảng sợ hiện lên trong mắt trung đội trưởng, vừa đặt chân đến bờ sông tiểu đội trưởng Lý Toàn Hữu đã quan sát địa hình, đây là bãi sông hình chữ U, chỗ lõm hướng ra mép sông, ba phía có địa thế đất cao bao bọc, con đường từ chỗ đất cao xuống bãi sông rất dốc, lại hẹp, đó là lý do tại sao lính Nhật bắt tù binh Trung Quốc từ hàng hai chuyển sang hàng một. Tàu chở đầy người ai lại đỗ ở đây. Không có chuyện đó được. Tiểu đội trưởng Lý Toàn Hữu nhìn lên ba cao điểm, trên đó đứng đầy lính Nhật, ánh trăng chiếu rõ vũ khí của họ, cách một quãng lại có một khẩu súng máy hạng nặng. “Thế này là thế nào? Còn đợi gì nữa?”

Chẳng có ai trả lời, có những người không đứng nổi nữa, ngồi bệt xuống, đói khát đã khiến họ quy phục, phó thác tất cả cho ông trời.

Cứ thế chờ, mặt trăng lơ lửng đã đi dần sang phía bên kia vòm trời, vẫn chờ, tàu vẫn không thấy đâu. Đôi chân vốn lạnh cóng, tê dại bây giờ như không tồn tại nữa.

“Mẹ nó chứ, biết thế này thì lẽ ra không cho chúng trói!”

“Đúng thế, nếu tay chưa bị trói, có thể liềm một phen!”

“Trên thuyền đơn có cả tên sĩ quan tư lệnh của họ kia mà!”

“Đợi đến bao giờ nữa đây? Không chết rét thì cũng chết đói!”

Lý Toàn Hữu nhìn lính Nhật trên ba cao điểm, có vẻ chúng nó cũng đang chờ, khẩu đại liên cũng đang chờ. Nhìn trăng sao đoán bây giờ khoảng canh ba.

Đến canh tư, trong đám tù binh Trung Quốc có người hóa điên. Thương binh dựa vào nhau mà nằm, có chỗ mấy người đắp chung cái áo cái chăn, nghe ngao: “Cái rét canh ba cắn thịt cắn da đau nhức nhối, cái rét xé rách thịt rách da. Chỉ có cậu lính trẻ con là ngủ say như chết, đó là Vương Phổ Sinh”.

Vương Phổ Sinh nằm cách Lý Toàn Hữu bảy tám người. Thương binh được chút ưu đãi: không bị trói.

Lý Toàn Hữu lại nhìn lên, nền trời sáng hơn một chút, chiếu vào bạt ngàn những chiếc mũ sắt sáng xanh. Lý Toàn Hữu vừa quay lại thì nghe một tiếng động rất nhẹ, nhẹ đến nỗi anh ta không hiểu có phải ảo giác hay không. Âm thanh đó là cái vung tay mạnh của viên sĩ quan cầm kiếm – tiếng lưỡi kiếm cắt đôi luồng gió. Lý Toàn Hữu là một người lính khôn ngoan và láu cá, biết đánh đấm và cũng biết lẩn tránh khiến anh ta đánh nhau đến ba mươi tuổi vẫn còn nguyên râu nguyên tóc.

Đúng lúc nghe thấy tiếng động nhẹ, một ý nghĩ lóe lên, anh ta nằm rạp ngay xuống trước tiên. Vậy là anh ta không dựa dẫm ai cả, nhất là không trông cậy vào lòng dạ đen tối của địch, anh ta đã lơ mờ nhận ra mình cùng năm ngàn anh em đang đi vào cái thông lọng của người Nhật. Cái thông lọng chẳng ra có mục đích gì thì anh ta đoán mãi không ra, nhưng anh ta biết rõ nó đã thất bại. Kẻ chẳng thông lọng tất nhiên không thể có ý định tốt lành, vì thế khi nghe tiếng động nhẹ, anh ta lập tức nhìn quanh. Lý Toàn Hữu đứng cách mép nước ba bốn chục thước(11), không hy vọng thoát theo hướng đó, anh ta để ý một chỗ đất trũng ngay sát bên chân.

Lúc này thì ai cũng nghe thấy tiếng cọt xát của sắt thép. Có người hỏi: “Chúng nó làm gì?”

Trả lời anh ta là mười mấy khẩu súng đại liên đồng loạt nhả đạn. Còn Lý Toàn Hữu đã lao mình vào chỗ đất trũng.

Thân hình một chiến hữu đổ xuống đè lên, người giật giật, lập tức lưng Lý Toàn Hữu nhầy nhựa máu và óc. Một thân người nữa đổ vật xuống, theo mặt dốc lặn về đất trũng, cuối cùng Lý Toàn Hữu cảm thấy bụng dưới mình bị đè quá nặng. Con người sắp chết có sức mạnh kinh khủng, thân người đè lên anh ta liên tục cong mình lên và lặn đi lặn lại nhưng thấp dần rồi nằm yên. Lý Toàn Hữu mới hiểu, thì ra nội tạng con người cũng biết kêu gào, thân người cong rướn lên thì từ trong nơi sâu thẳm phát ra những âm thanh thê thảm ghê rợn đến cùng cực.

Tiếng súng kéo dài rất lâu, những xác người trên thân Lý Toàn Hữu vẫn liên tiếp bị giết đi giết lại một cách không cần thiết. Mỗi khi trúng đạn, cái xác đang lạnh dần như sống lại, cựa nhẹ một cái, sự rung động truyền thẳng đến thân thể Lý Toàn Hữu, lan tỏa ra tri giác và hồn phách khiến anh ta cảm thấy mỗi lần rung nhẹ là một lần mình dính đạn.

Bốn bề yên ắng trở lại, máu chiến hữu trên người Lý Toàn Hữu và trên những xác chết đã đông cứng lại, lính Nhật từ cao điểm đi xuống. Họ muốn mở một lối đi giữa một bãi đầy xác người nhưng rất khó khăn, có những đôi bốt giẫm thẳng lên xác người. Họ cầu nhau chuyện gì đó, có thể vì máu và bùn đất làm hỏng đôi giày. Họ vừa đi vừa dùng lưỡi lê, mũi giày hất xác binh lính Trung Quốc, những người hôm qua còn tin rằng sắp được ăn bánh bao và cá hộp! Những con em nhà nông Trung Quốc tốt bụng và cả tin đã bị nhử vào bẫy như thế đó. Những người lính Nhật tán gẫu và ngáp, nhân thể tìm những cái xác còn chút sức sống để xía vài nhát. Lý Toàn Hữu nghe thấy chúng vừa nói chuyện vừa đi đến.

Lý Toàn Hữu cảm thấy một bên chân lạnh vì gió từ phía sông thổi vào, vậy là nó bị hở ra, mong sao lính Nhật tưởng là chân của một cái xác và bỏ qua. Mấy phút sau, một người lính Nhật nhìn đúng cái chân lộ thiên đó, “bụp” một cái, mũi lê xuyên ngập vào lớp thịt dày, cơ bắp co giật theo bản năng khiến chiếc lê hơi khó rút ra. Lý Toàn Hữu cắn chặt hàm răng thép làm như cái chân hoàn toàn mất tri giác đó là của một xác chết, cựa quậy một chút là ăn đạn ngay. Nhát đâm thứ hai ngay sát nhát trước, mũi lê xuyên qua thịt vào đến lớp xương tạo nên một âm thanh chính Lý Toàn Hữu nghe thấy. Toàn thân Lý Toàn Hữu là cái thùng loa, âm thanh đó vang lên to gấp mấy lần rồi truyền lên não. Tiếng ma sát giữa sắt thép và thể xác con người gây một tiếng nổ trong đầu, toàn bộ tri giác, ký ức, tư duy bị xóa sạch chỉ trong khoảnh khắc. Sự đứt đoạn đó khiến một vùng sáng trắng trong đầu óc Lý Toàn Hữu xuất hiện và lan dần ra, lan đến toàn thân...

Sự yên tĩnh tuyệt đối khiến Lý Toàn Hữu tỉnh lại, anh ta không biết mình đã ngất đi bao lâu nhưng biết mình còn sống, cơn đói khát đã qua đi, sức lực toàn thân được hồi sinh.

Anh ta chờ cơ hội, chờ cho trời lại tối mới chậm chạp cựa mình. Bình thường thì không thể nào làm được, một người lính trên bãi huấn luyện độ khó cao cũng không thể thực hiện được, hai tay bị trói, một chân tê liệt, mọi động tác lật mình đều trông cậy vào một bên chân.

Mất khoảng một giờ đồng hồ mới có thể từ nằm sấp chuyển thành nằm nghiêng, tư thế này tiện hơn, có thể dùng một bên vai một bên chân để đỡ, Lý Toàn Hữu cẩn thận dịch chuyển, cố gắng thật nhẹ từng li một, vì không chắc lính Nhật đã rời khỏi đây hay chưa. Trời lúc một tối đen, dịch chuyển càng chậm vết thương càng đau, Lý Toàn Hữu luôn luôn phải dừng lại lau mồ hôi chảy vào mắt, từ chập tối đến giờ mới bò được năm sáu mét, anh ta mò ra bờ sông, muốn gì thì muốn cũng phải uống đầy một bụng nước rồi mới tính tiếp.

Lý Toàn Hữu dừng lại vì nghe thấy một tiếng người, toàn thân anh ta lạnh toát, lẽ nào lính Nhật còn để người lại trông xác? Lý Toàn Hữu không dám thở mạnh, lắng nghe, thì ra tiếng Trung Quốc: “Tôi... là... thương binh Vương Phổ Sinh...”

Lý Toàn Hữu tìm, bốn bề chẳng còn ai sống sót, tiếng nói lại cất lên nho nhỏ: “Cứu... tôi...”

Anh ta nghe ra tiếng trẻ con, hiện nay bắt trẻ con đi lính rất nhiều. Đứa bé trai tiếng kêu lên như tiếng dế và nghĩ rằng xa mấy dặm cũng nghe thấy.

Lý Toàn Hữu tìm thấy Vương Phổ Sinh, người cũng bị các xác chết đè lên, cậu ta bị một nhát đâm vào bụng nếu không có cái đùi một xác chết gác lên thì cái bụng vỡ toang rồi. Nhìn đôi môi cậu ta mấp máy sau lớp băng quấn, Lý Toàn Hữu biết rằng cậu ta đau lắm, khóc không ra nước mắt bèn nói: “Không được khóc! Khóc thì tao không đưa mày đi! Mày phải biết chúng ta cao số lắm, trời thương lắm mới còn sống sót!”

Cậu lính nhỏ im tiếng. Lý Toàn Hữu bảo cậu tìm cách cởi trói cho mình. Vất vả đến hơn một tiếng đồng hồ, nhiều lần định bỏ cuộc, cuối cùng cũng cởi ra được. Bây giờ có một chân hai tay, dễ dàng hơn nhiều. Lý Toàn Hữu bò ra mép sông, xác người tạo thành cái kè chắn, anh ta phải đẩy xuống nước rồi uống đầy một bụng nước sông tanh đến xóc óc, sau đó nhúng dầm một chiếc mũ bông, bò về. Anh ta vắt nước vào miệng Vương Phổ Sinh. Như đứa trẻ khát sữa, cậu bé hai tay chộp lấy cái mũ mút lấy mút để.

Hai người nằm sát vai nhau, mỗi người một tẩu thuốc bên mép. Tẩu thì lúc nào Lý Toàn Hữu cũng có trong người, anh ta mò trên xác chết kiếm cho Vương Phổ Sinh một cái.(12)

Mười lăm tuổi đời, lần đầu tiên Vương Phổ Sinh hút thuốc lấy từ túi thuốc của một xác chết. Điều này cậu ta chẳng thể nào tiên liệu được. Muốn được như Lý Toàn Hữu nói, hút thuốc vào sẽ tỉnh táo hơn, cậu ta bắt chước Lý Toàn Hữu hút nhưng vừa hút vừa nhỏ.

Lý Toàn Hữu nói: “Người ta không uống nước ba ngày thì chết, có đủ nước thì sống khỏe.”

Thời gian hút một túi thuốc trên bãi xác người bằng một nửa đời người, hút hết túi thuốc Lý Toàn Hữu cảm thấy Vương Phổ Sinh là một gánh nặng và anh ta không thể bỏ lại, nhưng đem theo một người đã lòi ruột để thoát thân mà bản thân mình cũng không lành lặn, điều đó hầu như không thể được. Trong khi hút thuốc, Lý Toàn Hữu đã vẽ ra con đường đi, bãi sông ba phía đất cao, chỉ có một phía có thể bò lên được. Người Nhật chọn nơi này là có tính toán, ở đây dễ xử lý xác chết, đẩy hết xuống sông là xong.

Lý Toàn Hữu mò được trong túi một đại đội trưởng một gói thuốc cấp cứu, lòi ra bông băng, một ống thuốc kem, đoán là thuốc sát trùng chống viêm, anh ta bôi thuốc lên bông rồi đắp vào vết thương của Vương Phổ Sinh. Cậu bé kêu ối một tiếng.

Lý Toàn Hữu nói “Nhìn lên trời kia, máy bay đến!”

Nước mắt giàn giụa, Vương Phổ Sinh nhìn lên trời, đoạn ruột lòi ra của Vương Phổ Sinh được Lý Toàn Hữu ấn nhanh vào trong bụng.

Lần này Vương Phổ Sinh không kịp kêu đã ngất lịm đi.

Lý Toàn Hữu nghĩ, may mà đói đã hai ba ngày ruột sạch nhẵn khả năng nhiễm trùng cũng ít hơn. Lý Toàn Hữu ngồi bên cạnh chờ cho Vương Phổ Sinh tỉnh dậy sẽ dẫn cậu ta đi. Nếu Vương Phổ Sinh không tỉnh lại anh ta sẽ đi một mình.

Hơi thở của Vương Phổ Sinh rất yếu, thoi thóp như muốn tắt. Đã mấy lần lấy ngón tay đặt lên miệng cậu ta không còn cảm thấy hơi nóng ở phả ra nhưng sờ ngực thì thấy tim vẫn đập nhè nhẹ.

Lý Toàn Hữu biết rằng càng chờ thì khả năng trốn thoát càng ít, bọn địch sẽ đến xử lý mấy ngàn xác chết này, có thể sớm mai chúng sẽ đến. Vậy mà cậu lính trẻ này vẫn không tỉnh dậy. Lý Toàn Hữu phát hiện đôi

tay mình nắm chặt, không phải vì đau đớn mà vì sốt ruột.

Có thể Lý Toàn Hữu đã dao động, muốn bỏ cậu bé Vương Phổ Sinh để đào thoát một mình, nhưng khi kể lại cho Đới Đào nghe, anh ta không thừa nhận, anh ta bảo quyết không thể thất đức như vậy được, Vương Phổ Sinh đã giúp cởi trói cho mình, sao có thể bỏ cậu ta lại đó không biết sống chết thế nào. Anh ta coi giữ Vương Phổ Sinh đến tận lúc trời tờ mờ sáng.

Cuối cùng Vương Phổ Sinh tỉnh lại, đôi mắt đen lầy mở ra trên bộ mặt trắng bệnh như của một xác chết. Cậu ta nhìn Lý Toàn Hữu nằm bên cạnh, hai người đắp chung một cái áo bông cứng ngắc vì máu đông. Lý Toàn Hữu nói: “Cậu bé, ta phải đi thôi.”

Cậu bé thều thào câu gì, Lý Toàn Hữu nghe không rõ.

“Gì cơ?”

Vương Phổ Sinh lặp lại. Lý Toàn Hữu hiểu rồi, cậu ta bảo thà nằm chết ở đây chứ không muốn đau đớn một lần nữa.

“Cậu bắt tôi chờ không một đêm à?”

Vương Phổ Sinh nài Lý Toàn Hữu chờ lát nữa, khi nào bụng đỡ đau thì nhất định sẽ đi.

Nhìn trời mỗi lúc một trắng dần, Lý Toàn Hữu khoát cánh tay Vương Phổ Sinh lên vai mình, anh ta được rèn luyện đến nơi đến chốn, có thể bò một chân, trên lưng còn cõng một người. Cậu này nặng chưa đến gánh thóc, cũng dễ dàng hơn.

Sương mù bốc lên từ mặt sông, tựa như đạn khói, lại càng tốt, quá tốt.

Bò được khoảng tám thước nghe thấy tiếng bước chân. Lý Toàn Hữu nhờ màn sương che khuất vội chen vào giữa hai cái xác, tìm vọt lên cổ, tưởng như há miệng nó sẽ nhảy ra ngoài.

Tiếng chân vang lên trong vùng đất trũng ba bên là gò cao. Không phải tiếng giày lính, lại có tiếng nói: “...phải đến mấy ngàn người...”

Tiếng Trung Quốc!

“Vẫn chưa nhìn rõ, sương mù dày quá, Bọn chó Nhật bắn nhiều lính Trung Quốc đến thế!”

“Bọn chó Nhật ma quỷ hiện hình!”

Qua giọng nói biết rằng đây là mấy người đàn ông địa phương Nam Kinh, tuổi chừng bốn, năm mươi.

“Ta có mấy người thế này thì làm bao nhiêu ngày cho xong?”

“Bọn Nhật chó má!..”

Than vãn, chửi bới... mấy người từ trên cao đi xuống.

“Quảng hết xuống sông hay lấp đất lên?”

“Nhanh tay lên, không khéo bọn Nhật đến bây giờ!”

Mấy người cặm cụi làm như kiến gặm xương. Lý Toàn Hữu nghĩ, để lộ mình ra ngay bây giờ thì tốt hơn, vì bọn Nhật có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào, khi đó có mặt bọn Nhật họ có muốn giúp cũng không giúp được.

Thế là anh ta kêu lên: “Mấy ông ơi, cứu tôi với!”

Tiếng nói im bật, nghe rõ cả tiếng sóng đập vào những xác người.

“Cứu tôi với!...”

Một người đi đến, thận trọng đặt chân vào những khoảng trống nhỏ giữa những xác người chồng chất.

“Ở đây!” Lý Toàn Hữu chỉ dẫn trong lớp sương dày đặc.

Có người dẫn đầu, những người còn lại bạo dạn hơn, giữa một biển xác người, họ đi dần đến chỗ hai người. Hầu như họ đồng thời cúi xuống khiêng Lý Toàn Hữu và Vương Phổ Sinh lên chỗ đất cao.

Người khiêng Lý Toàn Hữu nói “Yên lặng, không nói gì cả! Trước hết phải tìm chỗ giấu các anh đi đã rồi tính sau.”

Tới đỉnh dốc Lý Toàn Hữu mới nhìn ra, những người mặc đồng loạt quần áo xanh gi-lê đen này là lao công, lính Nhật trưng dụng để xử lý xác chết tù binh Trung Quốc bị giết hại một cách bí mật.

Sau khi làm xong công việc nhọc này, quá nửa số họ cũng bị giết chết, nhưng sáng sớm ngày 15 tháng 12 năm 1937 những đội viên đội chôn xác vẫn chưa biết rằng chờ đợi họ là một cái chết thảm thương. Có những người không bị giết, vì theo Nhật làm Hán gian loại mặt hạng, hoặc hoàn toàn do may mắn, một số khác khôn ngoan hơn, đang làm với đồng lương khá cao, cảm thấy cái việc này chẳng hay ho gì và đột nhiên biến mất. Tóm lại, cá biệt mấy người trong đội chôn xác còn sống sót đã kể lại mọi chuyện cho những người như cô tôi – những người không mệt mỏi, quyết truy cứu đến cùng sự kiện lính Nhật tàn sát dân thành Nam Kinh từ tháng 12 năm 1937 đến mùa xuân năm 1938.

Một ngày sau khi mấy người lính xâm nhập nhà thờ, A Cố biến mất.

Chú thích:

(11) Tức khoảng hơn mười mét, thước Trung Quốc bằng 0,33 mét – ND.

(12) Tẩu thuốc của người bình dân Trung Quốc là một khúc tre nhỏ dài độ hai gang tay, đầu tẩu nhỉnh hơn thân một chút, khi hút túi thuốc con con vẫn treo lủng lẳng ở thân tẩu, khi nhồi thuốc, người ta cắm đầu tẩu vào túi thuốc và nhồi thuốc trong túi – ND.

9. Chương 9

Sớm tinh mơ A Cố đi gánh nước, đến khi trời sáng vẫn chưa thấy về.

Fabbi Atonado xuống hầm hỏi Trương Ngọc Mặc có nói cho A Cố biết đường đến hồ nước không. Trương Ngọc Mặc nói đã nói rất rõ, hơn nữa A Cố còn nói cũng biết, cái hồ đó thuộc từ đường của một nhà giàu, để mùa hè thả sen.

Fabbi nói: “A Cố đi ba tiếng đồng hồ rồi chưa thấy về!”

Fabbi chọn lấy cái áo mới hơn một chút trong hai cái, lấy khăn lau mặt. Anh đi tìm A Cố, nếu chẳng may A Cố bị người Nhật gây khó dễ thì mặc thế này sẽ giúp anh có tư thế ăn nói hơn. Không thể không tìm A Cố, chẳng còn ai gánh nước, trẻ tuổi như George Trần sẽ bị người Nhật cho là tù binh lôi đi bắn hay chém đầu ngay. Hai phóng viên người Mỹ vừa mới rời Nam Kinh nói rằng, lính Nhật xếp thành dãy những cái đầu lâu người Trung Quốc để chụp ảnh, trưng bày ở đất Nhật như chiến tích.

Theo chỉ dẫn của Trương Ngọc Mặc, Fabbi đi theo con đường nhỏ lên phía bắc, đến ngõ thứ hai thì rẽ vào, đi đến tận cuối ngõ. Cảnh tượng trên phố vẫn như lần trước anh ta thấy, tường đen nhiều hơn, có nhà không còn nữa, bảy tám con chó chạy nhông nhông qua bên cạnh. Bốn ngày nay lũ chó béo lên, lông óng mượt. Cứ thấy lũ chó xúm xít lại chỗ nào là anh nhìn đi chỗ khác, vì ở đây tất phải có cái xác người bị xé tanh bành.

Fabbi tay xách cái xô, sẵn sàng quật vào lũ chó quen ăn xác chết đã có thói thích ăn thịt người sống. Ra khỏi ngõ, anh ta thấy hàng loạt tường đổ. Sau một chỗ khuyết nhìn thấy một hồ nước lấp lánh dưới nắng sớm. Bên hồ, chẳng thấy người cũng chẳng thấy xác A Cố đâu. Biết đâu anh ta gặp may bỏ lại ông linh mục già với đồng lương còm đi mất rồi. Cũng có thể bị người Nhật bắt đi sung vào đội chôn xác rồi. Xác người ngày càng nhiều, số lượng nhân công xử lý cũng phải tăng lên theo.

Trên mặt hồ cộng sen khô nổi lênh bênh. Đây là bức tranh yên tĩnh và thanh bình mà Fabbi đã quen mắt từ lâu rồi. Anh vục lấy nửa xô rồi xách về. Tí nước này cho mười mấy người là muối bỏ bể, phải dùng chiếc Ford cổ quí giá của linh mục Engman để chở nước thôi.

Về đến nhà thờ, Fabbi đỡ ghế ngồi phía sau ra, nhặt nhanh thùng, chậu, nôi xếp lên đó.

Chuyến đầu tiên về. George Trần nấu một nồi cháo to, mỗi người được chia một bát cháo và một đĩa nhỏ dưa muối có mùi của giẻ lau, vị của bã rượu nhưng ai cũng cảm thấy được ăn một món ngon hiếm có.

Đám đàn bà dưới hầm và nữ sinh mấy ngày chưa đánh răng rửa mặt, bây giờ mỗi người một cốc nước ngồi dưới mái hiên, nhúng khăn tay rửa mặt, còn lại súc miệng đánh răng.

Trương Ngọc Mặc dùng chiếc băng buộc tóc nhúng nước cọ sau tai, cổ gáy. Có tí nước, cô tiếc không dám dùng khăn tay, cô cởi cúc cổ áo, vắn dùng băng buộc tóc thò sâu vào lau phần trên ngực. Cô vô tình phát hiện Fabbì đang nhìn cô như phát dại. Cô bỗng thấy sờn gai ốc. Một sợi tình cảm len lỏi bò giữa hai người tựa như một nhánh dây leo đội lên từ khe đá không biết gốc ở đâu.

Đến lần thứ ba đi lấy nước Fabbì mới phát hiện tung tích của A Cố. Một đại đội lính Nhật đóng quân ngay trước hồ, chính họ bắn chết A Cố. Fabbì đoán đầu đuôi câu chuyện là A Cố gánh đôi thùng đến hồ nước gặp mấy người lính Nhật, họ muốn lấy hai cái thùng nhưng A Cố không hiểu họ hò hét cái gì. Lính Nhật cảm thấy để cho người Trung Quốc này hiểu được thì mất công bèn dòm một phát giết chết A Cố. Anh này trúng đạn cảm đầu chạy nhưng thể nào lại chạy ra giữa hồ, hai viên đạn đuổi theo chìm chết anh ta.

Cái hồ nước rất nông, Fabbì chỏ đi ba chuyến nước, xác của A Cố mới lộ ra trong bùn. Fabbì lội bùn đến đầu gối kéo xác anh ta vào bờ, kéo mãi kéo mãi, anh cảm thấy có người nhìn: Hơn chục lính Nhật xuất hiện phía sau từ bao giờ, hơn chục mũi súng lăm lăm chĩa vào anh. Nhưng Fabbì quay mặt đi, những mũi súng lần lượt chúc xuống. Bộ mặt người da trắng khiến anh được đãi ngộ không giống với A Cố.

Lần này xe của Fabbì không chở nước mà chở xác A Cố. Con người đen gầy trương lên béo trắng, linh mục Engman làm một lễ tang đơn giản cho anh ta và chôn ở khu mộ sau nhà thờ.

Bây giờ thì các nữ sinh biết rằng hai ngày nay uống nước ngâm xác A Cố, rửa bằng nước ngâm xác A Cố, George Trần dùng nước đó nấu cháo nấu mì...

Thư Quyên cảm thấy ruột gan cuộn lên, hai bên hàm ê ẩm, rồi cô nôn thốc ra mật xanh mật vàng.

Cô đi xuống gác định ra ngoài thở hít không khí mát mẻ cho đỡ buồn nôn.

Bất chợt cô trông thấy Từ Tiểu Ngu, Tô Mặc, và Lưu An Na đứng trước lỗ thông hơi, cô bé này là trẻ mồ côi. Từ hôm Từ Tiểu Ngu phản bội Thư Quyên trước mọi người, Thư Quyên xa lánh, đêm nằm quay lưng về phía Từ Tiểu Ngu. Nhưng Từ Tiểu Ngu chẳng thiếu bạn thân, lập tức lấy Lưu An Na thế chỗ. Thư Quyên đoán nếu bây giờ bố Từ Tiểu Ngu đến đón con gái thì Từ Tiểu Ngu sẽ xin bố đón Lưu An Na chứ không phải cô. Cho dù vậy, Thư Quyên vẫn quyết tâm sắt đá, không chịu làm lành trước.

Thư Quyên phát hiện thấy mấy bạn đang xem cái gì đó. Từ lỗ thông hơi dài và hẹp cao hơn mặt đất hai thước nhìn xuống hầm kho có thể thấy lưng người đàn ông, tuy chiếc áo len Fabbì cho anh ta mượn vừa dài vừa rộng, vậy mà cổ và vai vẫn kín. Đây là một người đàn ông có thể mặc bất kỳ quần áo gì cũng thành quân phục. Các nữ sinh đều biết viên thiếu tá 29 tuổi tên là Đới Đào, đã từng tham gia chặn đứng quân Nhật khi chúng tấn công Thượng Hải, suýt nữa thì đẩy một lữ đoàn quân Nhật xuống sông Hoàng Phố. Linh mục Engman biết được điều đó khi nói chuyện với viên thiếu tá. Đới Đào rất âm ỉc và khó hiểu với chuyện rút khỏi Thượng Hải và bỏ rơi Nam Kinh. Khi từ Thượng Hải rút về Nam Kinh, công sự bê tông cốt thép dựng lên theo chỉ đạo của viên tướng người Đức Falkenhausen không được sử dụng lần nào, quân đội cứ thế lếch thếch chạy về Nam Kinh. Nếu cuộc rút lui qui mô lớn của quốc quân(13) là để bảo vệ dân, bảo toàn lực lượng quân đội thì quyết định của Hội đồng Bảo an về cuộc thương lượng ba ngày đình chiến giữa hai phía Trung Nhật để quốc quân an toàn rút khỏi Nam Kinh, chuyển giao thành phố một cách an toàn cho phía Nhật, tại sao gặp phải sự cự tuyệt của Tưởng Giới Thạch? Kết quả là quân Trung Quốc không ra tử thủ cũng chẳng ra rút lui, khiến quân tâm rối loạn. Linh mục Engman và Đới Đào cùng chung mối quan tâm đến đề tài này.

Chú lính Vương Phổ Sinh được các ả điểm choàng cho áo lông báo, băng y tế không đủ, họ thay bằng các băng lụa màu. Cậu bé vốn đẹp trai biến thành con gái, cậu ta dựa vào tấm thảm, bên cạnh là Đậu Hoàn, mỗi người tay cầm một nắm quân bài tứ-lô-khơ, một tờ tạp chí cũ đặt ở giữa làm bàn chơi.

Qua lỗ thông hơi không nhìn được toàn cảnh nhà kho, ai đi vào “ống nhòm” thì các cô trông thấy người đó. Bây giờ là Trương Ngọc Mặc đi đến, cô nói gì với viên thiếu tá không ai nghe thấy, cho dù cô Thư Quyên

của tôi có căng thần kinh ra cũng không nghe được gì. Cô hơi thất vọng, thiếu tá Đới Đào lại đầu mảy cuối mắt với loại đàn bà như Trương Ngọc Mặc khiến cô bé Thư Quyên 13 tuổi vô cùng đau khổ.

Vì cô Thư Quyên của tôi không biết họ nói gì với nhau, cho nên tôi đành phải dùng trí tưởng tượng để lấp vào chỗ trống. Trong thời khắc quân Nhật đang say sưa với cuộc tàn sát thì những câu nói giữa một ả điểm nổi tiếng với chàng sĩ quan trẻ tuổi, có chí lớn sẽ phải như thế này:

“Lần đầu gặp anh tôi đã thấy quen quen,”

“Chắc không phải vậy? Cô lại không phải người Nam Kinh.”

“Anh cũng không phải người Nam Kinh chứ? Anh đã ở Thượng Hải à?”

“Ừ, sinh ở Tô Châu, đã ở Thượng Hải bảy tám năm.”

“Gần đây cô có đi Thượng Hải không?”

“Có đi đến mấy lần kia.”

“Đi với ai? Có đi với quân nhân nào không? Vào tháng bảy năm nay?”

“Đúng là cuối tháng bảy, đang mùa nóng.”

“Nhất định là ông sĩ quan đó đưa cô đến Câu lạc bộ Không Quân, tôi hay la cà đến Câu lạc bộ đó mà.”

“Tôi làm sao mà nhớ được?”

Ngọc Mặc cất tiếng cười, chứng tỏ cô nhớ rất rõ nhưng không được phép thừa nhận, danh dự và sự hòa thuận gia đình của ông sĩ quan nọ rất quan trọng.

Sự náo loạn hò hét của Hồng Lăng cắt ngang câu chuyện tâm tình của hai người.

“Chúng tôi quê mùa lắm, chỉ có Ngọc Mặc đã đi Bách Lạc Môn ở Thượng Hải, chị ấy nhảy đẹp lắm.”

Hồng Lăng đang trả lời Lý Toàn Hữu khi anh ta yêu cầu cô ta nhảy cho xem.

Tất các các ả đều tán đồng Hồng Lăng: “Ngọc Mặc mà nhảy thì tượng đất Bồ Tát cũng phải nhảy theo!...”

“Đâu chỉ có nhảy theo, tượng đất Bồ Tát phải động lòng nữa!”

“Ngọc Mặc mà nhảy thì tôi chỉ muốn bế cô ấy lên giường!”

Câu nói ấy là của một ả được gọi là hắc tinh tinh.

Thiếu tá Đới nói: “Tiểu thư Ngọc Mặc, người anh em chúng tôi từ cõi chết trở về muốn tiểu thư nhảy cho xem, tiểu thư cũng nên nể tình chút chứ?”

“Đúng đấy, sống ngày nào biết ngày ấy. Biết đâu tối nay người Nhật đến thì chúng ta chẳng ai có ngày mai cả.” Hồng Lăng nói.

Lý Toàn Hữu cảm thấy mình không đủ tầm để nói chuyện trực tiếp với Ngọc Mặc, anh ta chỉ nói nhỏ vài câu với Hồng Lăng rồi nhe máy cái răng bàn cước ra cười hề hề nhìn Hồng Lăng nói lại hộ ý của mình.

“Ai chẳng biết Nam Kinh có Tàng Ngọc Lâu(14), trong đó có cất một loại ngọc tên là Ngọc Mặc, mau mau cho các anh các em no mắt đi nào!” Hồng Lăng kêu gọi thay cho Lý Toàn Hữu.

“Người già ngọc ủa, làm sao nhảy được nữa!” Ngọc Mặc nói vậy nhưng vẫn đứng lên.

Thư Quyên luôn luôn phải dịch người mới xem được Ngọc Mặc múa, lúc đầu chỉ nhìn thấy cái lưng vừa thon vừa dẻo như lưng con chồn nâu uốn éo gây sự với đôi vai và cặp mông, rồi sau đó thấy cả ngực và cằm, đó là mảng đẹp nhất của cô ta, không hề rẻ tiền chút nào. Mái tóc dày đổ đồng trên vai, khi nhảy, mái tóc điên hơn cả người.

Thư Quyên phát hiện ra mình đang ngồi xếp chân vòng tròn từ lúc nào, mông đặt trên nền đá ẩm lạnh ngắt, người nghiêng sang một bên. Cô bé khác béo hơn và cứng hơn chẳng ngồi được như thế. Cô còn phát hiện ra rằng, mấy cô bạn “xem ống nhòm” ở hai lỗ thông hơi bên cạnh không còn ở đó nữa, có thể Từ Tiểu Ngu lôi đi cho Thư Quyên ở lại trợ trọi một mình.

Cặp móng tròn đầy rắn chắc của Ngọc Mặc nảy lên cuộn cuộn sau lớp áo lụa. Thư Quyên cảm thấy đó là động tác rẻ tiền. Thực ra cô biết đó là điệu Rumba rất phổ biến trong giao tiếp của lớp người như bố mẹ nhưng Ngọc Mặc múa thì khó coi. Cặp mắt rực lửa của ả điểm cao cấp cứ xoáy thẳng vào Đới Đào. Lúc đầu viên thiếu tá có nhìn đáp lại nhưng rồi không chịu nổi, ánh mắt của chàng trai trẻ lộ ra vẻ xấu hổ và cam chịu đuối thế. Nhưng Ngọc Mặc kéo lại, đúng là cái hồn yêu tinh bên trong lớp da thịt mỡ màng.

Thư Quyên ngày càng thất vọng với Đới Đào. Một người đàn ông con nhà tử tế, biết cô này xuất xứ từ đâu, biết cô ta múa may quay cuồng chẳng dẫn đến cái gì hay ho mà còn đứng đấy cười cợt? Không những chẳng nên cười mà phải đi chỗ khác luôn đi. Như mẹ Thư Quyên đã dặn bố Thư Quyên rằng, khi thấy bất kỳ kẻ mặt hạng nào lộ rõ ý đồ chèo kéo là người đàn ông như bố Thư Quyên phải bỏ đi ngay không chút nể nang. Ban đêm Thư Quyên nghe tiếng bố mẹ cãi nhau hầu hết là vì “kẻ mặt hạng” nào đó, nhưng cô vẫn không sao biết được “kẻ mặt hạng” là cô thư ký của ông, cô học trò của ông hay cô ca sĩ nào đó. Mong sao “kẻ mặt hạng” mà hàm răng trắng muốt đều tăm tắp của mẹ nghiền nát rồi nhổ ra đó không mặt hạng đến mức như Trương Ngọc Mặc.

Thư Quyên nhìn phía bên của Ngọc Mặc mà khâm phục: cơ thể con người mà kẻ mặt hạng này vận được thành tám khúc, trông như con sâu.

Bây giờ Ngọc Mặc lùi ra xa hơn, Thư Quyên nhìn thấy được toàn thân cô ta: mi mắt sụp xuống, mặt đỏ như say, mỉm cười chỉ ở đôi môi, giọng hát mượt mà đang ngân nga một ca khúc để phụ cho múa, đôi chỗ hát lạc điệu vì lười biếng hay khê nong do vừa ngủ dậy. Tóm lại, ca khúc đó khiến người ta liên tưởng đến một người đang ú ớ nói mơ.

Cô ta lại lượn đến chàng sĩ quan, liếc nhanh một cái rồi làn mi lại sụp xuống che cặp mắt sáng rực. Tôi có thể tưởng tượng bộ điệu của Trương Ngọc Mặc lúc đó, chắc cô phải mặc đồ nhung đen hay chiếc xường xám màu mận chín, làn da thiếu nắng trắng đến mức hắt ra một thứ ánh sáng lạnh lạnh. Cô ta đạt đến bậc ca kỹ năm sao không phải không có lý do, cô ta có dáng điệu thực nữ, đỉnh đặc khoan thai và đọc nhiều biết rộng, chỉ một khoảnh khắc ánh mắt phóng ra tia sáng chói lóa cũng đủ để người đàn ông cảm nhận được cô gái cao sang đang gợi tình.

Vậy mà cô Thư Quyên 13 tuổi của tôi chỉ biết ghen tức: Nhìn kẻ mặt hạng kia, ước ọ không ra làm sao!

Ngọc Mặc di chuyển đến trước mặt Lý Toàn Hữu. Anh này quê mùa thô lậu, tấm thân đàn bà lượn qua lượn lại cách có vài gang tay, chỉ được nhìn mà không được đụng vào, với anh ta thật là một sự hành hạ. Anh ta cười hềnh hếch che giấu đi cơn thèm khát điên dại. Chỉ có Đậu Hoàn vẫn vô tư chơi bài với Vương Phổ Sinh, chơi mãi chơi mãi cuối cùng cậu lính trẻ con mới tí tuổi đầu cũng bị vũ điệu của Trương Ngọc Mặc bắt làm tù binh.

“Ra bài đi!” Đậu Hoàn nhắc. Quay lại nhìn, cô ta phát hiện phần khuôn mặt lộ ra bằng bàn tay sau lớp băng lụa sắc sỡ đủ màu đang hướng về phía Ngọc Mặc, ánh mắt găm thẳng vào ngực vào eo người đàn bà. Đậu Hoàn phát mạnh vào lưng Vương Phổ Sinh.

Cái đêm Lý Toàn Hữu và Vương Phổ Sinh được đưa đến đây, Đậu Hoàn đã nhường đệm của mình cho Vương Phổ Sinh. Khi rửa vết thương trên bụng cậu lính trẻ, Đậu Hoàn thấy Vương Phổ Sinh gầy đến mức da bụng mỏng như tờ giấy, rách ra một vết dài tấc rưỡi, vết thương như cái miệng đùn bọt đỏ, cái gì mềm mềm màu xám lộ ra. Lý Toàn Hữu kể rằng anh ta muốn nhét ruột cậu lính vào nhưng hãy còn một ít ở ngoài, phải chờ Fabbi Atonado hay linh mục Engman mời bác sĩ ở khu an toàn đến xử lý. Từ hôm đó Đậu Hoàn trở thành hộ lý riêng của Vương Phổ Sinh, cho ăn cho uống, dọn cứt dọn đái.

Vương Phổ Sinh bị phát một cái, định thần lại nhoẽn miệng cười nhìn cô ta.

Theo cô Thư Quyên tả lại, tôi tưởng tượng Vương Phổ Sinh là một đứa bé mắt to miệng rộng vùng An Huy, quê cách Nam Kinh một hai trăm dặm, từ nhỏ đã đi làm cho nhà giàu, cho nên quân đội đến mộ lính, thì nhất định những người như cậu ta phải đi vì chẳng có ai bảo lãnh cả. Tối 16 tháng 12 năm 1937, cậu lính trẻ cười với cô gái tên là Đậu Hoàn, mép chui cả vào lớp vải băng. Đậu Hoàn nhìn mà yêu đến thất ruột. Hai người tuổi sần sần nhau, Đậu Hoàn chẳng nhớ mình mang họ gì, hình như họ Thẩm, một người Hoài Bắc múa trống kiếm ăn gánh cô bán cho nhà chứa.

Bảy tuổi đầu, Đậu Hoàn đã cực kỳ xinh đẹp, cô thuộc loại đầu ngu miệng vụng, lại xấu tính, chơi bài thua

thì cáu, thắng thì đòi tiền. Làm một năm, khách toàn loại phụ kiệu, đầu bếp, lính tráng. Năm năm đồn roi học được ngón gảy đàn tì bà. Mặc quần áo toàn đồ thừa của chị em, chẳng cái nào vừa lại còn vá vú. Má mì bảo: “Con này chỉ biết ăn.” Cô chẳng thấy động lòng, nói ngay: “Vâng, em chỉ biết ăn,” Cô được mỗi cái tính là hợp ai thì hầu hạ người ta hết lòng hết dạ.

Muốn làm quen với ai, cô nói: “Chúng ta là đồng hương mà!” cho nên thiên hạ đều là đồng hương của Đậu Hoàn, muốn nhận quà của khách hay của đồng nghiệp, cô nói: “Ôi, quên bém mắt, hôm nay là sinh nhật của em!” Cho nên mỗi năm Đậu Hoàn có 365 sinh nhật.

Đậu Hoàn hỏi: “Tại sao anh cứ nhìn cô ấy mãi thế?”

Vương Phổ Sinh cười: “Tại tôi chưa thấy bao giờ cả.”

“Khi nào cậu khỏi hẳn em đưa anh đến vũ trường lớn nhất tha hồ xem.”

Vương Phổ Sinh nói: “Biết đâu ngày mai tôi chết.”

Đậu Hoàn đập tay vào miệng Vương Phổ Sinh và nhổ nước bọt chân di ba lần: “Nói đại! Anh chết em cũng chết!”

Câu nói của Đậu Hoàn bị Hồng Lăng nghe được, cô ta gào lên: “Kinh thật, chúng mình ở đây tòi ra một cô Trúc Anh Đài(15)

Mọi người đều im lặng. Ngọc Sênh hỏi: “Ai đấy?”

Hồng Lăng không nói, cô hỏi Vương Phổ Sinh: “Vừa rồi Đậu Hoàn nói với cậu cái gì?”

Vương Phổ Sinh mặt đỏ gay.

Đậu Hoàn nói: “Đừng làm khó cho anh ấy, mới từng ấy tuổi đầu!”

Mọi người cười ầm lên vì câu nói lên mặt bà chị của Đậu Hoàn. Lý Toàn Hữu bảo: “Đậu Hoàn ơi, tại sao cô biết nó là đứa con trai?”

Chỉ còn Ngọc Mặc là đang nhảy, mặt cô mỗi lúc một đỏ thêm, cơn mê dại đắm đuối như trắng thêm lớp phấn cho đôi má.

Ngay cả cô tôi 13 tuổi cũng mê mẩn.

Viết đến đây, trong trí tưởng tượng của tôi, Ngọc Mặc không chỉ mê dại đắm đuối mà còn hoài cự. Cô đang nhớ đến một người đàn ông, một người cuối cùng khiến cô khao khát đàn ông nhưng cũng khiến sự khao khát đó cạn kiệt, không còn nữa. Người đó họ Trương, tên là Quốc Mô, nhưng người ta hay gọi anh ta là Thế Khiêu. Mấy đời nhà Trương Thế Khiêu đều làm nghề buôn bán, đến đời anh thì ông bà nội quyết định cho anh theo con đường học hành. Thế Khiêu học ở nước ngoài trở về Nam Kinh làm vụ trưởng trong Bộ Giáo dục. Đó là bộ mặt mà gia đình rải tiền ra để phấn đấu cho được. Nếu hôm đó Thế Khiêu không tham gia “Đêm Đàn Ông” thì đã không gặp Triệu Ngọc Mặc, nếu không gặp Triệu Ngọc Mặc thì anh ta đã không sa đoạ. Nếu anh ta gặp những cô như Hồng Lăng, Đậu Hoàn thì anh chẳng thèm nói câu nào. Tất nhiên loại như các cô này thì làm sao mà vào được vũ trường sang trọng. Vũ trường China ở đường Trung Sơn không lớn, biểu diễn Cabbalah đều là những ca thủ vũ công hạng nhất, vé nhảy cũng rất cao. Thường thường các tiểu thư công tử nhà giàu đưa cả nhà đến đó chơi. Đó là nơi Triệu Ngọc Mặc ôm cây đợi thỏ. Hôm đó Triệu Ngọc Mặc cực kỳ trang nhã, cô đeo một chuỗi ngọc trai màu trắng, thoáng nhìn biết ngay là đồ thật, tay cầm cuốn tạp thi “Hiện đại”. Cô vào vai cô gái đến tuổi lấy chồng thậm chí là muộn chồng của một đại gia. Hội của Thế Khiêu vừa bước vào đã thấy một tiểu thư ngồi tay vịn thành ghế. Con mắt sắc của đàn ông trong “Đêm Đàn Ông” là những tiểu thư loại này, trong đám họ, có người nghĩ cô đang chờ các bạn học hoặc đồng sự, có người lại nghĩ cô đang nghĩ chân sau khi nhảy mấy bài. Trương Thế Khiêu nhìn hai bạn đến mời cô nhảy, cả hai đều bật trở lại vì đụng phải đỉnh nằm sau nụ cười dịu dàng. Mọi người chọn Trương Thế Khiêu đi thử vận may.

Thế Khiêu hỏi cô có thể ban cho ân huệ cùng đi uống cà phê, cô nhìn lên, e lệ nhưng vẫn đứng dậy. Cô đứng thẳng chờ anh ta giúp cởi áo khoác như rất hiểu phép lịch sự phương Tây.

“Quý danh tiểu thư?”

“Em là Triệu Ngọc Mặc. Còn quý ông?”

Trương Thế Khiêu nói tên và nghĩ, một cô gái rất thanh lịch dàng hoàng. Khi uống cà phê anh chàng hỏi cô đọc gì. Cô kể lại điều cô đọc được trên tạp chí. Tiêu đề các bài trên tạp chí “Hiện đại” đều hiện đại, chính trị, kinh tế, lối sống, sức khỏe, chuyện về các ngôi sao điện ảnh. Tuy cô đoan trang thanh nhã nhưng anh cảm thấy cô không chỉ có vậy; thỉnh thoảng ánh mắt của cô lóe lên sáng chói khiến anh toát mồ hôi, lười cứng lại, tim như phình to ra. Những người con gái đã từng bên cạnh Thế Khiêu là những người chưa bao giờ phát ra năng lượng của giống cái, hơn nữa họ rất coi thường những người đàn bà như thế. Theo truyền thống, đàn ông xây dựng một gia đình cùng với người đàn bà là người vợ của mình nhưng về tâm lý và thân lý họ đều cảm thấy thiệt thòi quá lớn. Những người đàn ông từng trải hiểu rõ người đàn bà giàu nữ tính đến đâu, lắng lơ đến đâu một khi lấy chồng là họ bóp chết sự đòi hỏi đáp ứng khát vọng về thể xác. Đưa cái đẹp của gái nhảy vào con gái nhà lành là không tưởng, nhưng ngược lại đem nét hiền thực choàng lên cô gái nhảy để cho cô ta dùng tính cách hiền thực cư xử với bên ngoài nhưng dùng tính cách gái nhảy cư xử với riêng anh thì lại có thể được. Thí dụ như Triệu Ngọc Mặc. Cô ta là người đàn bà có tính cách rất mạnh mẽ, cô ta có ít nhất một vạn tính khí. Đối với tam giáo cửu lưu, cô có ngôn ngữ tác phong tam giáo cửu lưu(16). Từ nhỏ cô đã biết mình đầu thai nhầm chỗ, lẽ ra phải là cháu bấu của một gia đình quý phái. So với những cành vàng lá ngọc, cô còn kém chỗ nào? Tứ thư ngũ kinh(17) cô đã đọc, cầm kỳ thi họa cô thông hiểu, dòng dõi cha mẹ cũng không thấp hèn, họ đều thuộc thế hệ đọc nhiều biết rộng, chẳng qua cha cô là bại gia chi tử mà thôi. Hơn mười tuổi, cô bị cha cầm cổ cho ông chú họ trùm cờ bạc. Chú chết, thím bán cô vào thuyền hoa(18).

14 tuổi, Ngọc Mặc đã lãnh đủ sóng gió Tần Hoài, lệnh hầu rượu đều là những câu trong cổ thi nhưng cô nghe và nói đầu vào đấy. Năm 24 tuổi, gặp Trương Thế Khiêu, cô tính toán trong đầu: Chưa vội nói thật, quyến rũ anh ta cho quên nhà quên cửa hẵng hay. Cô gái nhảy siêu hạng 24 tuổi tính kế lâu dài, đời ngắn lắm, chúc rượu cho khách được mấy chén nữa đâu. Khi cô kể về thân thế thì hai người đã ở trong căn phòng của khách sạn. Thế Khiêu vừa mới biết làm đàn ông, anh nghĩ, ba mươi năm qua hoàn toàn bỏ phí. Nằm bên cạnh là lý tưởng của anh: Cô gái đầy khát vọng thể xác bên trong cái vỏ thực nữ. Khi đó anh còn chưa biết Triệu Ngọc Mặc là một ả điểm cao cấp, xuất sắc, chuyên nghiệp từ đầu đến chân.

Kể về mình, cô trộn vào đó một nửa dối trá, cô nói mười chín tuổi vẫn còn trong trắng, chỉ chúc rượu, cặp nhảy, cho đến khi cô gặp một kẻ phụ tình. Người ta hứa cưới, cô mới ngã lòng, mấy năm sau người ta cao chạy xa bay. Cô tháo nhẫn cưới, ốm một trận liệt giường tưởng chết. Người đẹp đắm địa nước mắt ngã vào lòng Thế Khiêu, chẳng ai chịu nổi ánh mắt thắm đắm những cay đắng cảnh đời, nói gì đến Trương Thế Khiêu trái tim mềm như bún và sẵn tấm lòng cứu nhân độ thế. Thế Khiêu không những không ghê sợ những điều Ngọc Mặc thổ lộ mà còn thề non hẹn biển, Trương Thế Khiêu đây quyết không phải là người thứ hai phụ tình trong đời Triệu Ngọc Mặc.

Người lật ra bộ mặt thật của Triệu Ngọc Mặc là vợ của Thế Khiêu. Cô thấy trong túi áo vét của chồng có danh thiếp của chủ nhà trọ. Nghĩ mãi không ra Thế Khiêu đến khách sạn làm gì, nhà thiếu gì buồng, đi khách sạn thì hay ho gì? Cô Trương gọi điện cho nhà trọ. Mở đầu cô hỏi ngay: “Ông Trương Thế Khiêu có đây không?” Chủ trọ thưa: “Cô Triệu đấy ạ”. Cô Trương rất nhanh trí đóng luôn vai “Cô Triệu”.

“Ừ, ừ...” và không nói gì nữa.

Chủ trọ nói: “Ông Trương bảo tôi nhắn với cô, ông ấy sẽ đến vào lúc 4 giờ chiều, trễ một tiếng, xin cô cứ đợi trong buồng.”

Cô Trương chỉ cần nửa ngày là lật tẩy được Triệu Ngọc Mặc. Khi cô lật ra con chủ bài cho chồng thấy, Thế Khiêu khăng khăng nói cô ta không phải gái điểm. Cô Trương nhờ tất cả bạn bè của Thế Khiêu nói hộ, anh mới tin rằng cả Nam Kinh chỉ có một Triệu Ngọc Mặc và là ả điểm nổi tiếng ở Tầng Ngọc Lâu trên sông Tần Hoài. Khi đó đã quá muộn. Tài ăn nói và kỹ năng giường chiếu của Triệu Ngọc Mặc khiến Thế Khiêu dính bùa mê. Anh ta bảo Triệu Ngọc Mặc là người con gái xinh nhất và bất hạnh nhất trên đời, các anh kỳ thị cô ta, căm ghét cô ta vậy mà các anh vẫn cho mình là những người thuộc giới trí thức ư?

Thực ra người đàn ông lãng tử như Trương Thế Khiêu quay đầu cũng chẳng khó gì, thôi thì cứ cay đắng mà nhắm nháp hậu quả, ầm ỨC mà chấp nhận thực tế, một lòng một dạ chăm sóc người già và con cái. Thế Khiêu ở châu Âu sáu năm, đức tính tốt đẹp nhất trong con người anh là chủ nghĩa nhân đạo, không bao giờ làm tổn thương người khác, nhất là kẻ yếu, nhất là kẻ yếu đã từng bị tổn thương. Cô Trương không

những dần lòng chịu đựng mà con ôm lên ôm xuống, thở ngắn than dài, ánh mắt thẫn thờ tuyệt vọng, nhưng không nói một câu khiến Thế Khiêu khó xử, kể cả tối tối Thế Khiêu đi đâu cũng không hỏi. Tất cả những cái đó khiến Thế Khiêu thông cảm. Ngọc Mặc vùng vằng giận dữ, làm mình làm mẩy, trách móc làm cho anh không còn thấy đáng yêu nữa, anh chán ngán. Các cơ quan chính phủ có sự điều chuyển, trước đó Thế Khiêu đã từng nói sẽ chuộc thân cho Ngọc Mặc, mua vé tàu cho cô để cô lặng lẽ theo anh đến Trùng Khánh. Đêm trước hôm xuất phát, Thế Khiêu viết một bức thư, nói anh bị thương trong trận oanh tạc của máy bay, chưa đi Trùng Khánh được, vợ anh sẽ đưa anh về quê miền núi Huy Châu dưỡng thương. Cùng với bức thư, anh gửi cho Ngọc Mặc hai lượng vàng và năm mươi đồng đại dương(19), không bằng kẻ phụ tình trước đã tặng cô chiếc nhẫn kim cương. Vị quan chức tin vào điều đã được dạy rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng này coi Ngọc Mặc bằng hai lượng vàng và năm mươi đồng đại dương.

Lúc này cô Thư Quyên của tôi ngộ ra rằng, biết đâu cha mẹ cô rời khỏi Nam Kinh là để cách ly “kẻ mặt hạng” nào đó rồi bỏ lại cô, đi Mỹ. Mẹ cãi nhau với bố mấy tháng, rồi thấy rằng chỉ có cách bỏ đi mới có thể cắt đứt tơ tình của bố cô với kẻ mặt hạng, bà bắt bố cô viết đơn xin một cơ hội khảo sát bằng tiền riêng của mình, dù biết rằng cuộc “khảo sát” hoàn toàn vô ích và vô nghĩa. Lúc đó cô còn nghĩ rằng cuộc sống của bố mẹ cô không có người đàn bà kiêu như Triệu Ngọc Mặc. Nếu không có chiến tranh thì cha mẹ cô không bao giờ để lộ ra trước mặt cô. Những gì để lộ ra trước kẻ mặt hạng, người đàn ông không bao giờ để lộ ra trước mặt vợ con, đó là đức tính và cũng là nhược điểm của họ. Những người đàn bà đẹp sống gửi trên nhược điểm đó của đàn ông lúc này gây cho Thư Quyên một mối thù hận. Lính Nhật chém giết đốt phá bên ngoài bức tường nhà thờ là kẻ thù, nhưng đối với cô bé 13 tuổi, cho đến lúc này, chúng vẫn là kẻ thù trừu tượng, mà những ả điểm xanh xanh đỏ đỏ dưới hầm kia, đối với Thư Quyên là cụ thể, là thù địch sờ sờ trước mặt. Đến như viên thiếu tá anh hùng chúng cũng không bỏ qua, cũng khai thác nhược điểm của anh ta.

Thế là cô quát vào lỗ thông hơi: “Bọn gái điểm! Không biết nhục!”

Căn hầm bỗng im ắng.

“Ai ở bên ngoài?” Ngọc Mặc hỏi.

Thư Quyên đã né mình khỏi lỗ thông hơi, lưng tựa vào phía ngoài tường nhà bếp.

“Bọn điểm thôi tha! Không biết nhục!” Cô đổi sang một giọng khác. Dù sao bên trong cũng không nhìn thấy cô.

“Cho dù mày có phải điểm hay không, bọn Nhật cũng coi mày là điểm!”

Thư Quyên nhận ra giọng của Ngọc Sinh da đen.

“Chúng mày tưởng chúng mày khác gái điểm à. Tụt quần ra như nhau cả!”

Đó là giọng Hồng Lăng.

Thư Quyên lai giả giọng: “Bọn điểm mặt dày!”

“Chúng mày nghe đây, người Nhật thích điểm trẻ con! Linh mục Engman đã trông thấy mười mấy tên lính Nhật xếp hàng hiếp một đứa bé gái, ông già cầu xin chúng rủ lòng thương, suýt nữa bị chúng bắn chết! Ai biết nó có phải ngọc ngà châu báu của bố mẹ hay không!” Đó là giọng ả điểm có tên là Nan Ni.

Thư Quyên phát hiện mình đang hé miệng, lâu quá rồi chưa nuốt nước bọt. Điều Nan Ni nói ra có thật không? Nhất định không phải, nói bịa ra như chuyện ma để dọa mình đó.

“Khu an toàn cũng bị người Nhật lôi ra mười mấy chục đứa bé gái!” Hồng Lăng hoan hô có vẻ khoái trá.

Thư Quyên nghĩ, thì ra cái đáng sợ không chỉ là sự cường bạo mà còn ở chỗ trước cường bạo, đàn bà con gái đồng loạt như nhau, không phân biệt sang hèn; bộ phận riêng tư thâm kín trong trắng nhất hoặc ô uế nhất của đàn bà đều bị coi như nhau, đều phải chịu cực hình.

Cô bỗng nhiên càng căm ghét lũ điểm này; chúng nó khoái trá chính ở chỗ cường bạo đã xóa nhòa ranh giới phân biệt cao sang với hèn hạ. Thư Quyên xúc một xéng tro từ phía sau bếp, trong đó còn những đốm than hồng. Cô đến trước lỗ thông hơi, ước lượng: Cứ cho là chỉ một nửa chỗ tro này rơi vào trong lỗ thì sẽ có mấy cục than hồng rơi trúng mặt bọn mặt hạng sống bám vào nhược điểm đàn ông, như vậy cũng đủ cho cô hả dạ và ít nhiều cũng giúp cho các bạn mình trút cơn tức giận. Nếu bọn này không vào đây thì chỗ nước

rửa tội đủ để mười sáu đứa sử dụng. Chính vì bọn điểm ăn cắp nước để giặt giũ, để rửa mặt, rửa dít, thì cô và các bạn mới phải uống nước ngâm xác A Cố, nếu như đủ nước thì A Cố đã không phải đi gánh nước và bị bắn chết... Khi chúng nó leo tường vào, cái nhược điểm đàn ông của A Cố bị chúng nó nắm lấy cho nên anh ta mới trở giáo, mở cửa cho chúng nó vào.

Bây giờ đến vị anh hùng trong mắt cô, thiếu tá Đới Đào cũng dùng nhược điểm của mình để chiêu chuộng chúng, chấp nhận chúng. Thiếu tá đã buông tuồng suông sã, anh ta sẵn sàng chịu đựng đau đớn của vết thương để cho mục điểm nổi tiếng ôm ấp.

Thư Quyên phát hiện Ngọc Mặc ôm viên thiếu tá vừa đung đưa vừa thỉnh thoảng nhìn lên lỗ thông hơi, cô ta biết Thư Quyên chưa đi khỏi đó, cô ta như muốn ra oai với cô bé: Trong lúc mảy chử, Ngọc Mặc tao đây đã chinh phục một tấm thân cao giá. Cô ta cố tình cho Thư Quyên thấy rằng cô ta cũng có thể làm những trò dễ tiện như Hồng Lăng, Đậu Hoàn cho cô xem. Triệu Ngọc Mặc tì cái cằm đẹp lên bờ vai rộng của viên thiếu tá, đôi tay mềm mại ôm lấy tấm lưng vạm vỡ của anh ta. Vết thương bị cô ta ghì chặt, anh ta đau đớn nhưng đau đớn một cách tự nguyện. Đột nhiên cô ta tặng viên thiếu tá một nụ cười tình tứ, anh chàng đành trơ trên đáp lại. Ngọc Mặc cảm thấy ngọn lửa dục vọng của anh ta bùng cháy, cái cười trơ trên của anh ta nói với cô rằng: Cô đã gây họa rồi đó.

Mọi người trong hầm đều biết ánh mắt hai người đang nhìn nhau có nghĩa gì. Họ đều cười khoái trá, chỉ có Vương Phổ Sinh không hiểu, cậu kéo tay Đậu Hoàn hỏi, họ cười gì. Đậu Hoàn ghé tai nói: “Chỉ có chú bé trinh trắng như anh mới hỏi ngớ ngẩn thế!” Cô tưởng mình nói khẽ nhưng thực ra ai cũng nghe thấy, họ càng cười to.

Thư Quyên nhìn độ dài chiếc xềng, nghĩ xem làm sao hắt cho trúng hơn.

“Cô làm gì ở đó?”

Chiếc xềng đầy tro rơi xuống. Thư Quyên quay lại nhìn, thấy Fabbi Atonado. “Cô định làm gì?” Anh ta nhìn đồng tro còn lập lòe mấy đốm than hồng.

Thư Quyên không trả lời, chỉ đứng tựa lưng vào tường, có bị cô giáo phạt cũng không đứng thẳng đến thế. Fabbi cao lớn tất nhiên không thể nhòm qua lỗ thông hơi được.

Dưới hầm càng huyền ảo hơn, bước nhảy nhanh hơn như muốn trêu tức kẻ vừa chửi họ là “đồ điếm”.

Fabbi đi về phía cửa bếp. Thư Quyên biết anh ta đến chỗ đám người này để ngăn chặn, nếu không ngăn chặn thì cái nghề làm ăn trên sông Tần Hoài sẽ lan vào nhà thờ. Fabbi vừa quay đi Thư Quyên đã lom khom trên cái lỗ thông hơi.

Điệu nhảy của ả điếm cao cấp thay đổi, tư thế và thần thái trong xã giao thượng lưu không còn nữa, Ngọc Mặc nhảy rất đàng điếm. Đó là điệu nhảy jitterbug(20) rất thích hợp với sự phóng đảng ma quái của cô. Nhảy đến gần ai Ngọc Mặc dùng vai hay khuỷu tay hích người đó. Khuỷu tay Ngọc Mặc hích vào Đới Đào, anh này sướng quên cha quên mẹ bật ra cái cười rất lính trắng. Triệu Ngọc Mặc không thêm giữ gìn nữa, cô muốn khúc ruột cong queo bây giờ duỗi thẳng ra, cô biết kẻ chửi cô là đồ điếm vẫn đang là khán giả của cô, thế thì cô sẽ đàng điếm cho mà xem, cái đàng điếm của cô có người mua đấy, tất cả đàn ông trong thiên hạ ai cũng muốn mua.

Thư Quyên thấy trong hầm bỗng im ắng, mọi người đều nhìn lên cửa thông lên bếp. Thư Quyên biết rằng Fabbi đang bảo mở ra.

Ngọc Mặc chỉ dừng một chút rồi lại nhảy tiếp. Không biết ai mở nắp hầm cho Fabbi. Khi Fabbi xuống đến hầm, Ngọc Mặc liếc nhìn anh và cười.

Linh mục dùng tiếng Anh nói: “Yên lặng!”

Không biết anh nói gì, Hồng Lăng bảo: “Xin chào linh mục. Mời em nhảy đi cho ấm người ạ!”

Về sau Thư Quyên biết được chính Tiểu Ngu, đưa An-na và Sô-phi đi mách Fabbi, muốn anh đến can ngăn những ả điếm “phục vụ bộ đội”.

Fabbi không dùng tiếng Giang Bắc ra lệnh như mọi lần mà chỉ dùng tiếng Anh có âm điệu Giang Bắc, nhắc lại: “Yêu cầu dừng lại.” Da mặt anh vàng vọt yếu mệt, hoàn toàn vô cảm, tựa như tỏ rõ cho những ả điếm

biết rằng nếu anh có chút giận dữ thì còn là tôn trọng họ. Anh đang biểu hiện sự cao quý thần thánh, thần nhiên như một vị thần nhìn đám dòi bọ.

Quả nhiên, sự thần nhiên không chút biểu cảm của Fabbi khiến mọi người co lại, Ngọc Mặc dừng lại trước tiên, tìm một điều thuốc đàn bà bị vận công queo châm vào ngọn nến, hít một hơi dài. Đới Đào đến bên mượn thuốc châm điều của mình.

“Xin mọi người giữ tự trọng, chỗ này không phải Tàng Ngọc Lâu, Mãn Đình Phương” Fabbi nói.

“Ôi, thưa ông linh mục, ông rất rành những biển hiệu sông Tần Hoài của chúng em!” Nan Ni không biết điều, vẫn còn nở mồm.

Bọn đàn bà cười âm lên.

Fabbi đưa mắt về phía Triệu Ngọc Mặc, ý nói: thì ra sự thanh cao trang nhã của cô chỉ là đồ giả. Bây giờ bản tính của cô đã lộ ra, cũng tốt, đừng tiếp tục giả bộ với tôi nữa, và cũng đừng nghĩ chuyện tung mạng nhện yêu ma lên đầu tôi nữa.

“Xin lỗi, thưa ông linh mục, vừa rồi mọi người lạnh quá mới uống chút rượu nhảy nhót tí chút cho ấm người.” Thiếu tá Đới Đào giữ lòng tự trọng phân bua cho mình và cho mọi người.

Fabbi nói: “Tình hình bên ngoài mỗi lúc một tồi tệ, khi mới vào thành, lính Nhật chưa dã man đến thế này, bây giờ chúng giết người không thèm chớp mắt. Chúng còn sục sạo khắp nơi tìm đàn bà, bắt được là...” Anh nhìn Ngọc Mặc, đưa mắt sang nhìn Hồng Lăng và Nan Ni đang đầm đìa mồ hôi. Anh bỏ lửng câu nói, tùy họ hiểu.

Đi ra đến lối lên, anh quay lại nói: “Đừng để người ta nói các người ‘Thương nữ bất tri vong quốc hận’.”

Cặp mắt đen láy của Ngọc Mặc lại chiếu thẳng vào vị linh mục trẻ.

Hồng Lăng tiếp lời bằng giọng Dương Châu: “Cách giang do xương hậu đình hoa.”(21)

“Hồng Lăng thêu gối đấy à!” Một ả cười to: “Trong bụng không chỉ có cám bã mà có cả thơ!”

“Em chỉ biết có hai câu đó.” Hồng Lăng lại cười.

“Người ta dùng thơ chửi mình, mình phải học thuộc kéo bị chửi mà không biết.”

Nan Ni nói: “Tôi chẳng biết gì, Đậu Hoàn chắc chắn cũng không biết. Đảm bảo rằng ai chửi nó nó sẽ gậy tì bà cho nghe.”

“Gậy cái con mẹ mày!” Đậu Hoàn nói.

Fabbi nói: “Nếu các người tận mắt nhìn thấy Nam Kinh bây giờ thế nào, nhìn thấy số dân Nam Kinh mỗi phút mỗi giây lại ít dần đi, thì các người sẽ không làm những điều đáng xấu hổ thế này.” Nói xong anh quay người bước lên bậc thang, thiếu tá Đào thấy vương vương trong cổ họng.

Ra đến bên ngoài, Fabbi im lặng phẩy tay bảo Thư Quyên trở về căn gác.

Chú thích:

(13) Chỉ quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch – ND.

(14) Nghĩa là ngồi lâu cất giấu ngọc.

(15) Nhân vật trong tác phẩm nổi tiếng Lương Sơn Bá – Trú Anh Đài. Hai người yêu nhau rồi cùng chết bên nhau. Câu chuyện được gọi là Romeo và Juliet của Trung Quốc – ND.

(16) Tam giáo là Nho, Đạo, Phật; Cửu lưu là nho, đạo, âm dương, pháo, danh, mặc, tung hoành, tạp, nông. Sau mang nghĩa rộng là các loại tôn giáo, học thuật, các tầng lớp xã hội, các hạng người... - ND.

(17) Tứ thư: Luận ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh Tử; Ngũ kinh: Chu Dương, Thượng thư, Kinh thi, Lễ ký, Nghi lễ, Xuân Thu. Sau mang nghĩa rộng là các trước tác kinh điển – ND.

(18) Ổ điểm trên sông, ở đây là sông Tần Hoài – ND.

(19) Tương đương 4 ngàn tệ bây giờ - ND.

(20) Điều nhảy của cao bồi miền Tây nước Mỹ, do lính thủy Mỹ truyền vào Trung Quốc – ND.

(21) Thương bắt tri vong quốc hận

Cách giang do xướng hậu đình hoa.

Hai câu trong bài thơ Bạc Tàn Hoài của Đỗ Mục, có nghĩa là: Con hát không biết cái hận mất nước, bên kia sông còn hát khúc Hậu Đình Hoa – ND.

10. Chương 10

Hơn chín giờ tối, linh mục Engman chậm chậm đứng dậy trong lầu An Lạc, nơi ông đọc sách. Mấy ngày nhịn ăn đã làm ông yếu đi. Ông đứng lên rất chậm để cho máu đủ thời gian đưa lên não tránh bị hôn mê. Ông cũng tỉnh giản một số động tác, sao cho các động tác dễ dàng nhất, cần thiết nhất, không lãng phí calo.

Buổi tối ông toàn ở trong phòng đọc sách, bên kia tường là thư viện của nhà thờ, nơi cất giữ những cuốn sách do bảy vị linh mục sưu tầm được và những cuốn sách mua được rất rẻ ở hội “Bán vì đạo nghĩa”. Các sứ giả nước ngoài khi hết nhiệm kỳ đều tổ chức quyên góp và tổ chức hội bán sách vì đạo nghĩa. Những quà tặng và thư tịch mà họ cho rằng không cần đem về nước đều được họ bán đi với giá rất rẻ hoặc cho không, bán và cho chẳng khác nhau là mấy. Một trăm năm nay, qua thanh lọc phân loại, thư tịch của nhà thờ đã rất toàn diện và phong phú.

Linh mục Engman đến gần lò sưởi, vịn tay vào mép lò ngồi xuống. Đây cũng là động tác mới có trong cơn đói, trước đây mấy ngày ông không phải vịn tay như thế. Đầu gối của vị linh mục hơn sáu mươi tuổi kêu lách tách như than cháy. Ông cầm kẹp lật thanh củi cho cháy to lên. Hôm nay trời lạnh quá.

Phòng ngủ của Fabbi ở bên kia tường thư viện. Lúc này anh chưa về. Không hiểu sao, giữa ông và Fabbi, những điểm rơi trong giao lưu thường không trùng nhau, khi Fabbi đến nói chuyện với ông là lúc ông đang tận hưởng sự cô đơn. Đúng lúc ông vừa ra khỏi sự cô đơn, rất muốn nói chuyện thì Fabbi lại hời hợt hoặc biến đi đâu. Linh mục Engman buồn bã tổng kết, người đời đại để cũng như ông và Fabbi, không dứt được ra cũng chẳng gắn được vào. A cần đến B đúng vào lúc B đầy đủ về tình cảm và không muốn bị quấy rầy; trái lại khi B cần có A ở bên để hỏi han và giao lưu thì nhu cầu đó lại là gánh nặng đối với A. Gặp nhau và giao lưu không đúng lúc là một sự quấy nhiễu rất khó chịu. Khi không muốn bị quấy rầy thì không thích sự có mặt của người khác. Đến với nhau không phải vì hợp mà vì hoàn cảnh không rời được nhau thì là bị động và miễn cưỡng. Miễn cưỡng đến với người khác và miễn cưỡng chấp nhận người khác đến với mình đều là quấy nhiễu. Sự có mặt trong tình huống như thế là sự có mặt không cần thiết.

Bây giờ ông đang gián tiếp chấp nhận sự có mặt không cần thiết của đám lính và gái điếm dưới tầng hầm, một sự có mặt hoàn toàn là quấy nhiễu.

Đội viên đội chôn xác đưa hai thương binh đến nhà thờ được một hôm thì linh mục Engman đến khu an toàn. Lính Nhật sục sạo vào khu an toàn một ngày mấy lần, thanh niên trai tráng đều bị coi là lính Trung Quốc lẫn trốn và bị bắt đi. Mấy người phụ trách chạy trốn chạy đáo xin can thiệp cứu giúp đều mất công không. Những người bị bắt đi nếu có chút kháng cự đều bị bắn tại chỗ. Thế là linh mục Engman không dám hé răng yêu cầu khu an toàn chấp nhận mấy thương binh nữa. Bác sĩ Wilson đang khám bệnh cho đoàn người rỗng rần xếp hàng. Ông kéo bác sĩ ra hỏi nhỏ có thể dành một giờ đến nhà thờ mổ cho một ca không. Ca thế nào? Bụng bị lưỡi lê đâm... Engman vừa nói đến đó, bác sĩ Wilson vội hỏi, không phải tù binh Trung Quốc chứ? Engman hỏi tại sao ông biết. Bác sĩ bảo trong đám đội viên đội chôn xác có kẻ mất gốc, báo với người Nhật có một số đội viên đã cứu tù binh Trung Quốc. Ngay sáng sớm lính Nhật đã chôn sống mấy chục đội viên. Từ đó việc xử lý xác chết tù binh đều có sự giám sát của lính Nhật. Bác sĩ Wilson khuyên linh mục, nếu nhà thờ có thu nhận tù binh thoát chết thì phải lập tức đưa họ đi chỗ khác. Từ khu an toàn trở về linh mục Engman đến ngay hầm kho. Chỗ ở tạm thời có thể coi là ngăn nắp, một cái rèm cũ của phòng đọc sách ngăn cản hầm làm hai, đàn ông chiếm một phần nhỏ. Linh mục Engman chưa bao

giờ ngửi thấy cái mùi hỗn tạp như ở đây, lương thực lưu cữu, mỹ phẩm, pho mát, rượu... Vật chất không còn tồn tại nhưng phi vật chất vẫn còn lại dai dẳng, không chỉ còn lại mà còn sinh sôi, chúng lên men phát mốc, nơi đây trở thành vương quốc của các mùi, nó dữ dội chống lại bất cứ kẻ nào xâm nhập. Khi theo bậc thang bước xuống, chút nữa thì linh mục Engman ngất đi. Vương quốc mùi vị được bổ sung mùi người của mười mấy người đàn bà và ba người đàn ông, hai thùng bài tiết, thêm vào đó là mùi nước hoa, mùi phấn son, thuốc chải đầu, bột chì than, thuốc lá... Linh mục Engman nhận ra rằng không chỉ mũi mà mắt ông cũng không chịu nổi, mắt cay, nước mắt đầm đìa. Lúc đó ông biết vết thương của viên sĩ quan họ Đới cũng không hề nhẹ, xương sườn bị trúng đạn, máu vẫn thấm ra. Thương binh nặng Vương Phổ Sinh mới mười lăm tuổi. Thấy ông xuống, cậu ta giơ tay lên thái dương chào kiểu quân sự. Rõ ràng là cậu bé muốn lấy lòng ông sợ ông trục xuất để giữ tính trung lập của nhà thờ. Linh mục Engman đột nhiên thay đổi điều định nói. Khi đến, ông sắp xếp câu đầu tiên là: “Rất đáng tiếc, chúng tôi không thể để các vị ở đây đường thương.” Lúc này ông mỉm cười với cậu lính trẻ, câu nói biến thành: “Có đỡ chút nào không?” Ông biết, thế là vô cùng khó rồi, nếu câu đầu thay đổi thì sau đó khó mà nói câu từ biệt. Ông muốn thuyết phục họ lợi dụng đêm tối trốn vào rừng hay về nông thôn. Lương thực thuốc men ông sẽ lo đủ. Nhưng nhìn bộ mặt quần đầy băng của Vương Phổ Sinh, câu nói của ông đổi thành: “Nhà thờ có thể để các vị ở thêm vài ngày, nhưng để là người dân thường tị nạn thì ngài thiếu tá phải bỏ vũ khí xuống.”

Hai thương binh im lặng, đưa mắt nhìn Đới Đào.

Viên thiếu tá nói: “Xin cho tôi được giữ lại trái lựu đạn đó.”

Sự uy nghiêm vốn có của linh mục Engman xuất hiện: “Nhà thờ chỉ tiếp nhận dân thường không tác sát trong tay.”

Đới Đào nói: “Trái lựu đạn không phải để tấn công cũng không phải để tự vệ.” Anh ta đưa mắt nhìn mọi người.

Tất nhiên linh mục Engman hiểu nó dùng để làm gì. Bọn họ có hai người đã từng bị bắt làm tù binh và bị hành quyết. Sử dụng lựu đạn có thể có kết cục nhẹ nhàng thậm chí huy hoàng, đối với người lính thua trận, không có sự rút lui vĩnh cửu nào có thể vẻ vang hơn trang trọng hơn. Nếu may mắn còn kéo thêm vài tên địch để lột lưng.

Lần đầu bị linh mục tước vũ khí, Đới Đào đã lên giữ lại trái lựu đạn nhỏ của Đức đem xuống hầm. Mấy người đàn bà mách với A Cố, lúc ấy anh còn sống, vì ở chung với nó họ ngủ không yên. A Cố lại tố với Engman.

“Nếu ông giữ lựu đạn thì ông không phải là dân tị nạn không tác sát trong tay.”

Viên thượng sĩ Lý Toàn Hữu nói: “Thiếu tá nghe linh mục đi.”

Đới Đào lạnh lùng nhìn Lý Toàn Hữu: “Để cho bọn quỷ phương Đông tước vũ khí còn chưa đủ sao?”

Engman biết câu chưa nói ra lời còn khó nghe hơn: bây giờ còn muốn để cho quỷ phương Tây tước vũ khí nữa sao.

Đới Đào nói với Lý Toàn Hữu và Vương Phổ Sinh: “Bây giờ các anh là hạ cấp của tôi, tôi là chỉ huy của các anh, các anh có bốn phận phải phục tùng tôi.”

Khi đó người đàn bà tên Triệu Ngọc Mặc từ sau tấm rèm ngăn bước ra, dịu dàng nhìn từng người đàn ông, cứ như cô là bà chủ gia đình đứng ra dàn xếp bất hòa.

Linh mục Engman nhớ rằng lúc đó ông nhìn người đàn bà đó và hơi gật đầu, trong giây lát ông quên thân phận hèn kém của cô ta. Ông cảm thấy cô ta xuất hiện thì không khí giữa những người đàn ông thay đổi, sự đối địch giảm đi. Thực ra cô ta chưa nói gì cả, chưa làm gì cả, cô mỉm cười một cách vô cơ kiểu đàn bà, cô nhìn như trách móc: Hòa thuận một chút có hơn không, có gì đáng để gây sự với nhau đâu?

Engman nhớ rằng khi đó ông còn nói, tiếng lựu đạn nổ, người Nhật sẽ quy kết nhà thờ che giấu lính Trung Quốc, hành động của nhà thờ vô tư tiếp nhận nạn nhân sẽ biến thành điều bịa đặt. Điều quan trọng nhất là chọc tức quân chiếm đóng, họ sẽ san phẳng nhà thờ, kể cả mười sáu cô bé. Các cô bé là những sinh linh yếu đuối nhất trong chiến tranh, một khi họ phải hy sinh thì đó là sự hy sinh không thể tưởng tượng nổi.

Sau đó ông kể lại những gì ông tận mắt nhìn thấy trên đường trở về từ khu an toàn. Khi đó Fabbi lái xe vòng qua một ngõ nhỏ về nhà thờ gặp mấy người lính Nhật quây lại trước một hiên nhà, chúng đang lột quần áo của một cô bé chừng mười ba mười bốn tuổi. Ông bảo Fabbi dừng xe. Ông kéo kính xuống, thò nửa người mặc áo lính mực ra, dùng tiếng Anh nói to: “Dừng lại, xin hãy nể mặt Chúa!...” Ông tường tận kể hết câu chuyện rồi nói: “Lẽ ra tôi không kể cho các vị chuyện không vui nhưng tôi muốn để các vị biết, tất cả những gì chúng tôi – hy vọng cũng có cả các vị – làm đều lấy việc bảo vệ sự an toàn của các em học sinh làm chuẩn mực, tiếp nhận các vị, phần nào đó đã nguy hiểm cho các em, hướng hồ các vị còn cất giấu vũ khí.”

Mấy người lính Trung Quốc im lặng. Ông cũng im lặng một lát để cho lời nói của mình thấm sâu một chút vào đầu họ rồi mới rời khỏi căn hầm. Chiều hôm đó Đới Đào giao lại quả lựu đạn cho ông. Nhân dịp đó ông và viên thiếu tá trẻ nói về chuyện rút lui khỏi Thượng Hải và Nam Kinh thất thủ. Kể cũng lạ lùng, người sĩ quan có tên Đới Đào xuất hiện đúng vào lúc Engman thêm nói chuyện nhất. Trong nửa giờ nói chuyện, hai bên cư xử với nhau rất nồng nhiệt, thật hiếm thấy.

Lúc này Engman quần chặt tấm áo choàng lông ngỗng định quay về chỗ ngủ. Ông cảm khay nén theo thang gác đi xuống sảnh lớn thì nghe tiếng chuông gọi cổng. Ông lập tức quay lên, kéo rèm cửa lên, mở cửa sổ nhìn xuống sân.

Fabbi đã ra cổng, đang nói chuyện với khách không mời mà đến. Tiếng là nói chuyện nhưng để trả lời câu hỏi của Fabbi “Xin hỏi có việc gì không?... Đây là nhà thờ của nước Mỹ!... Không có lương thực, chất đốt!...” Người nọ cứ giạt chuông. Fabbi nói một câu thì tiếng chuông lại thêm giậm dừ và nóng nảy, cứ như người nọ dùng tiếng chuông để chửi bới.

Engman đi nhanh xuống gác, mở cửa xưởng đóng sách, kiểm tra xem khóa có chắc chắn không. Nhưng ông nghĩ, chính khóa lại mới không an toàn, kẻ xâm nhập sẽ cho rằng nơi phải khóa sẽ là nơi cất giữ đồ quý, tất nhiên càng dò vào, như vậy càng nguy hiểm cho các em học sinh. Ông lấy chùm chìa khóa ở thắt lưng ra, tay run lấy bấy tra hết chìa này đến chìa khác cuối cùng mở được cửa mò mẫm đi vào. Ông ngẩng mặt nói vọng lên phía trên: “Các cô bé, bất kể xảy ra chuyện gì, không được hé răng, không được xuống dưới nhà!”

Ông biết bọn trẻ nghe thấy rồi, ông chạy về phía nhà bếp.

“Người Nhật đến rồi, không được nói chuyện, mọi việc để tôi và Fabbi đối phó!”

Ông nghe một người đàn bà nói nửa câu muốn hỏi gì đó lại thôi ngay, không phải bị bịt miệng mà bị một tiếng nói khế ngăn lại.

Trên đường ra cổng, lính mực Engman nghĩ câu chữ và cách ăn nói. Cách cổng năm sáu bước, ông dừng lại hít một hơi rồi nói với Fabbi: “Mở cửa ra.”

Fabbi quay đầu lại nhìn, anh trấn tĩnh lại khi thấy dáng đi và giọng nói bình thản đĩnh đạc của vị lính mực. Hình như đây chính là khoảnh khắc ông chờ đợi, để thử xem, trước sức cảm hóa của ông, có trái tim nào không bị chinh phục, có nhân tính nào không quay trở lại.

Vì vậy khi cổng mở ra, trước mặt kẻ xâm lược là một ông già tiên phong đạo cốt râu tóc bạc phơ. Ông độ lượng với mọi lứa tuổi màu da, tính cách, vô tội hay có tội... Sự tức giận của lính Nhật tích tụ lại khi ấn chuông cổng hình như đã được nụ cười của lính mực Engman tiếp nhận hết và xả hết ra.

“Chúng tôi đói!” Tên hạ sĩ quan Nhật cầm đầu nói tiếng Anh nghe ngồ ngộ.

“Tôi cũng đói.” Engman nói với sự quan tâm đối với tất cả sinh mạng đang kêu đói dưới gầm trời này. Ông nói thêm: “Và còn khát nữa.”

“Chúng tôi cần vào bên trong.” Tên sĩ quan nói.

“Xin lỗi đây là nhà thờ của Mỹ. Xin ngài cư xử như đối với lãnh thổ Mỹ.” Engman vẫn mỉm cười.

“Chúng tôi vào cả đại sứ quán Mỹ.”

Engman có nghe nói, đại sứ quán Mỹ ở một nơi an toàn nhất của khu an toàn thường xuyên bị cưỡng bức đón tiếp lính Nhật, chúng tự tiện vào trộm được gì thì trộm, cướp được gì thì cướp, lấy cả xe hơi của nhân

viên ngoại giao và kiều dân Mỹ đã rút về nước. Xem ra tòa nhà hẻo lánh xa trung tâm thành phố này có vẻ an toàn hơn.

“Chúng tôi vào tự tìm lấy cái ăn!” Tên hạ sĩ quan gào lên.

Bảy tám tên phía sau như nghe thấy lệnh xung phong, chúng chen nhau vào cổng. Vị linh mục biết rằng sự thể đã đến mức này thì đành phó thác cho trời vậy.

Linh mục Fabbi nói: “Mở cổng ra là hỏng hết!”

Engman nói: “Tường thành Nam Kinh còn không chặn được họ mà tường của ta đây đàn bà còn leo được vào.”

Fabbi theo sát phía sau lính Nhật đi vào nhà thờ. Không đèn cũng không nến, cái lạnh đông đặc bên trong còn gia buốt hơn bên ngoài. Tốp lính Nhật do dự một chút ở cửa lớn, tên hạ sĩ quan dùng đèn pin chiếu lên bức tượng Giêsu tuần nạn trên bục giảng đạo, rồi chiếu lên trần nhà cao chót vót rồi lùi lại, có vẻ như sợ mai phục.

Linh mục Engman nói nhỏ với Fabbi: “Nếu họ đi vào xưởng đóng sách thì phải tìm cách giương đông kích Tây, kéo sự chú ý của họ sang hướng khác.” Fabbi nói nhỏ: “Làm thế nào để giương đông kích tây?”

Engman trầm ngâm. Vào thời khắc gay go này đành phải hy sinh cái ít quan trọng hơn.

“Bảo George Trần khởi động ô tô.”

Fabbi hiểu ý. Lính Nhật cướp được ô tô sẽ được thưởng cấp thưởng, cũng có thể qua Hán gian đổi lấy cái ăn hoặc vật có giá trị.

Tốp lính Nhật vừa đẩy cửa xưởng đóng sách thì nghe đâu đó có tiếng máy ô tô. Nghe biết ngay là động cơ già nua, vừa ho lục khục vừa thở hổn hển, dềnh dứ mãi không nổ. Chúng lia đèn pin đi tìm tiếng máy nổ và dễ dàng tìm thấy gara và thấy George Trần đang nằm dưới gầm xe để “sửa chữa”.

Lính Nhật đá chân vào đầu George Trần. Anh này nói bằng tiếng Anh: “Ai đấy? Đang sửa xe!” Tiếng Anh của George Trần khó nghe hơn cả của viên hạ sĩ quan Nhật.

Engman nói: “George Trần. Xin anh đi ra.”

Fabbi đã đạo diễn cho George Trần, đài từ cũng biên soạn đủ, toàn là tiếng Anh cả. Bây giờ chui từ gầm chiếc xe Ford già nua ra thì quên hết lời kịch, bộ mặt nhem nhuốc cũng không che hết được sự hoảng hốt.

“Anh là ai?” Viên hạ sĩ quan hỏi.

“Anh ấy là bạn tôi kiêm tạp vụ.” Engman đứng xen vào giữa và nói.

George Trần tiếp tục nói lời kịch đã được học – cho dù thứ tiếng Anh ấy có dở thế nào, cho dù tất cả những người nói tiếng Anh trong thiên hạ không hiểu nhưng anh ta đã làm cho viên hạ sĩ quan Nhật hiểu được rằng xe hỏng, đang sửa nhưng sửa mãi không được. Hắn quay lại nói gì đó, mấy người lính đều hô lên “hây”. Viên chỉ huy quay sang nói với Engman: “Phải mượn chiếc xe này.”

Linh mục Engman nói: “Đây không phải tài sản cá nhân tôi, nó là tài sản của nhà thờ, tôi không có quyền cho bất kỳ ai mượn cả.” Chiếc xe cũ kỹ và thân thương ông ném ra làm vật thế mạng, phải hy sinh nó để bảo vệ những sinh mạng trên gác và dưới hầm kia. Như vậy ông với nó lại càng gần gũi khó chia lìa. Ông nói những điều đó là để những người lính Nhật tin rằng ông dứt nó ra là việc bất đắc dĩ, ngoài nó ra nhà thờ chẳng còn gì đáng để họ để mắt. Ông nói thêm một câu: “Cho nên ông chỉ huy có thể cho cái giấy mượn được không để tôi dễ ăn nói với bộ phận tài vụ của nhà thờ.”

Người sĩ quan Nhật nhìn ông già như muốn nói: Ông sống trên cung trăng đến bây giờ à? Không biết chiến tranh nghĩa là gì nữa à? Hắn nói: “Đến bộ tư lệnh quân chiếm đóng lấy giấy mượn.”

Bất kể linh mục Engman và Fabbi tỏ ý ngăn cản và phân trần thế nào, tốp lính Nhật vẫn đẩy chiếc xe Ford cũ kỹ ra ngoài gara. Viên sĩ quan ngồi ghế lái nhả ga mấy lần, mò mẫm một hồi, nổ được máy. Mấy người lính Nhật gào thét như những thổ dân săn được con mồi to, chúng lóc nhóc đuổi theo chiếc xe ra khỏi cổng.

Fabbi thở hắt ra một tiếng rõ to. George Trần giương đôi mắt ếch, anh ta vẫn không tin hẳn, chiến tranh đã lan vào tận sân nhà thờ và đi suốt qua ngay bên cạnh

Engman nói: “Họ đã lấy của chúng ta một vật đáng giá nhất, chắc rằng chúng ta sẽ yên ổn thêm được một chút.”

11. Chương 11

Cô Thư Quyên của tôi và các bạn chẳng hiểu bên ngoài đã xảy ra chuyện gì. Các cô chỉ nghe thấy tiếng quát của Engman: “Không được nói chuyện, không được ra ngoài.” Không một ai nói gì, cũng không chen nhau nhòm ra cửa sổ như mọi khi. Ánh sáng đèn pin lọt qua khe rèm, khua qua khua lại như những chiếc đèn chiếu nhỏ nhưng ai cũng nằm im phăng phắc trên giường.

Khi dưới sân rộ lên tiếng máy của chiếc xe Ford, một vài cô bé bạo dạn bò dậy nhìn qua khe rèm. Nhìn không rõ nhưng nghe tiếng reo hò, tiếng nói to bằng tiếng Nhật, họ đoán người Nhật đã vào và lái chiếc xe của linh mục Engman đi rồi.

Các cô bé ngồi trong chăn, bàn tán, lần sau họ đến sẽ lấy gì, sẽ làm gì. Thư Quyên nhớ lại những lời nghe được khi đứng bên lỗ thông hơi tầng hầm, cô nói: “Mấy mụ ấy bảo lính Nhật đến khu an toàn chỉ cốt lùng sục con gái.”

Các cô bé hiểu “mấy mụ ấy” là ai.

“Tại sao họ biết? Họ trốn ở đây kia mà.” Sô-phi nói.

Thư Quyên nói “Người Nhật tìm thấy đàn bà là bắt đem đi, bà già hay bé con bảy tám tuổi đều bắt hết!”

“Phịa!” Từ Tiểu Ngu nói.

“Hỏi linh mục Engman xem ai phịa!” Thư Quyên nói: “Mấy hôm trước ông ấy và Fabbi đến khu an toàn trông thấy mười mấy lính Nhật cường hiếp một bé gái!”

“Đúng là phịa!” Tiểu Ngu nói to, có vẻ như quát lên thì điều cô không muốn tin sẽ bị phủ định.

Thư Quyên chẳng nói gì nữa. Cô biết cô và Tiểu Ngu chẳng còn gì nữa, đây là sự đổ vỡ cuối cùng. Nam Kinh đang thê thảm, kẻ sống người chết đều thê thảm nhưng giờ đây, đối với cô bé 13 tuổi, sự thê thảm vô biên ấy rất mơ hồ, còn mất đi tình bạn với Tiểu Ngu mới là thê thảm thực sự. Tiểu Ngu tàn nhẫn quá, những đứa con gái xinh đẹp đều tàn nhẫn. Như Triệu Ngọc Mặc dưới hầm kia, đa tình với ai thì kẻ đó khôn đồn, đa tình là cạn tình.

Sau khi quát lên “phịa!” với Thư Quyên, Tiểu Ngu dứt khoát dọn đi chỗ khác, cô chen vào nằm cạnh Lưu An Na. Thư Quyên nằm một lúc rồi ngồi dậy mặc quần áo. Khi cô mở nắp cửa lên xuống, Tiểu Ngu lại hỏi với ra: “Làm gì đấy Mạnh Thư Quyên?”

“Không việc gì đến mày.” Thư Quyên làm như vậy để lấy lại sĩ diện để cho các bạn coi, mày không muốn làm bạn với tao cũng được thôi, tao làm bạn với mày như thế là đủ rồi. Mày lấy câu chuyện khoác lác bố đến cứu để lấy lòng bao nhiêu đứa? Cái bóng ma quỷ của bố mày chẳng thấy đâu! Cứ cho là bố mày có cứu được, cảm ơn, đây không thêm.

Mấy cô nói: “Thư Quyên, đừng xuống!...”

Tiểu Ngu cau kinh ngăn các bạn: “Mặc kệ nó!”

Mấy cô bé kia ngoan ngoãn nghe lệnh, mặc kệ Thư Quyên.

Mạnh Thư Quyên hoàn toàn bị cô lập. Cô được hưởng tự do của sự cô lập. Cô đi lung tung trong sân, đi đến nhà bếp, biết đâu tìm được cái gì ăn, biết đâu trong lò còn than hồng, mình làm cái lò con con sưởi đôi chân đang lạnh như băng. Bao nhiêu ngày không có nước nóng rửa chân, vùi trong chăn cả đêm mà chân

vẫn lạnh ngắt. Cô đi đến góc bếp thì nghe tiếng đôi nam nữ đang nói chuyện. Người đàn ông là George Trần, cô nhận ra ngay.

“... Không được đâu, cho cô thì linh mục ném tôi ra ngoài.”

“Chỉ luộc mấy củ khoai tây thôi mà, ông ấy không biết đâu!” Người đàn bà nói.

“Linh mục đuổi đi thì tôi đi ăn mày!”

“Đuổi đi thì em nuôi anh.”

Thư Quyên nhận ta tiếng Hồng Lăng.

“Luộc năm củ được không?”

“Không được!”

“Ba củ.”

“... Ồi, bẹo thùng cả má rồi đây này!”

“Bẹo à, em còn cần cho ấy chứ!”

Thư Quyên nghe tiếng người nói biến thành tiếng mèo kêu, sợ quá cô lặng lẽ rút lui. Cái thầy thối ở đây không bán lấy tiền được, đổi lấy khoai thì được. Thư Quyên lùi bảy tám bước đến quãng giữa hai lỗ thông hơi của hầm kho. Thư Quyên nghe thấy tiếng khóc dưới hầm. Cô ngồi xuống ngó vào.

Không phải chỉ có một người khóc. Nan Ni và hai người nữa. Người say thì khóc như thế, mặt ngây ngô, tiếng khóc cũng ngây ngô. Triệu Ngọc Mặc cũng say, tay cầm ba bát rượu đổ dành ba cô gái. Ít rượu còn lại dưới hầm hành hạ các cô đến thế.

Nan Ni nói: “... Tôi vừa nhìn thấy bọn lính Nhật rồi, hung hãn quá! Chúng đụng vào thì chỉ có chết thôi...”

Ngọc Mặc đỡ: “Làm sao cô thấy được lính Nhật, thấy được giày của nó là cùng...”

“Thấy rồi!...”

“Thôi được, thấy rồi, thấy rồi...” Ngọc Mặc nói.

“Tôi phải đi khỏi đây, tôi không thể ở đây đợi chúng đến hãm hiếp tôi.” Nan Ni nói như người mất hồn.

Thư Quyên để ý, thiếu một người: Thiếu tá Đới Đào. Có thể như anh ta đã nói khi đến đây: anh ta không định ở lâu. Bây giờ khoảng mười giờ đêm rồi, anh ta đi đâu?

Lý Toàn Hữu nói: “Thuốc men làm đêch gì nữa! Vô ích thôi!”

Thư Quyên vội chuyển sang lỗ thông hơi khác, nhìn thấy Đậu Hoàn quỳ bên cạnh Vương Phổ Sinh. Cậu lính nhỏ nửa thân để trần, bụng đắp cái tất bông của đàn bà, mắt mũi miệng tai đều như nhỏ lại trên bộ mặt sưng húp rất đáng ngại.

“Nó nói gì?” Lý Toàn Hữu hỏi Đậu Hoàn.

“Cậu ấy kêu đau.”

Lý Toàn Hữu nói: “Thối quá rồi, đổi thuốc làm gì nữa?! Thôi kệ cho nó đau!”

Đậu Hoàn đứng dậy cầm cái bát trong tay Lý Toàn Hữu ngậm một hớp rồi quỳ xuống mớm vào miệng Vương Phổ Sinh.

“Có rượu vào sẽ đỡ đau.” Đậu Hoàn nói rồi mớm từng miếng một hết bát rượu. Mọi người im lặng như đang chịu đau hộ cậu bé.

Thư Quyên nhìn thấy phần trên thân Vương Phổ Sinh giãy giụa nhẹ, không hiểu là tránh rượu hay tránh môi Đậu Hoàn. Vương Phổ Sinh đang thoi thóp vẫn không quên xấu hổ.

Đậu Hoàn cho Vương Phổ Sinh uống thuốc xong, cô ôm chiếc tì bà lên. Chỉ còn mỗi một dây, cái dây to nhất, trầm và đục. Đậu Hoàn vừa đàn vừa hát khe khẽ. Lát sau cô hỏi Vương Phổ Sinh:

“Có hay không?”

“Hay.”

“Hay thật không?”

“Ừ.”

“Từ nay ngày nào em cũng đàn cho anh nghe.”

“Cám ơn.”

Đậu Hoàn nói: “Đừng cám ơn em, lấy em đi.”

Lúc ấy chẳng ai cười, chẳng ai bảo cô ta là chị cả hâm.

“Em sẽ về làm ruộng với anh.” Đậu Hoàn nói như trẻ con diễn chuyện vợ chồng.

“Nhà tôi không có ruộng.” Vương Phổ Sinh cười.

“Thế nhà anh có gì?”

“... Nhà tôi chẳng có gì.”

“... Thế thì ngày ngày em sẽ đàn cho anh nghe. Em đàn, anh múa gậy kiếm ăn nuôi mẹ.” Đậu Hoàn nói. Một cơn mơ ngọt ngào.

“Tôi không có mẹ.”

Đậu Hoàn sưng người, hai tay ôm lấy Vương Phổ Sinh, lát sau mọi người thấy đôi vai cô rung lên. Lần đầu tiên Đậu Hoàn khóc như một người con gái trưởng thành.

Nan Ni lúc đầu khóc như hóa dại, bây giờ cô lặng lẽ khóc theo Đậu Hoàn. Những người đàn bà xung quanh đều khóc.

Đậu Hoàn khóc một hồi rồi cầm cây đàn quẳng đi: “Cái của nợ này chẳng ra gì! Làm cho ai cũng phải khóc! Có mỗi một sợi, khó nghe hơn cả bật bông.”

Bây giờ Thư Quyên hiểu ra rằng, sự đột nhập của lính Nhật đã khiến đám đàn bà này thay đổi. Họ cảm thấy chẳng đâu an toàn cả, chẳng có nơi nào là vùng cấm đối với quân chiếm đóng. Lúc đầu họ biết nơi ẩn náu này là một cái lỗ hổng có may mắn được chiến tranh bỏ sót, tuy nhiên chẳng ai biết được “bỏ sót” đến bao giờ. Hôm nay sự đột nhập của quân Nhật khiến họ hiểu rằng cái lỗ hổng đó sẽ được lấp kín bất cứ lúc nào. Ba chục vạn quân Nhật tràn ngập Nam Kinh sẽ tràn vào mọi ngõ ngách, mọi căn nhà, mọi lỗ hổng.

Rời khỏi lỗ thông hơi, Thư Quyên phát hiện mắt mình đầm nước. Cô đã bị đám đàn bà dưới hầm làm rơi nước mắt!

Có thể sự hấp hối của Vương Phổ Sinh làm cho Thư Quyên đau lòng, có thể sự cầu hôn kiểu trẻ con của Đậu Hoàn khiến cô cảm động, cũng có thể vì giai điệu trầm đục tấu lên của chiếc tì bà một dây, đó là giai điệu bài “Hái chè” mà người Giang Nam ai cũng quen thuộc. Giờ đây Giang Nam không còn nữa, chỉ còn điệu “Hái chè” run rẩy trên một sợi dây đàn.

Âm điệu bài “Hái chè” trên một sợi dây đàn vẫn ngân nga mãi trong lòng Thư Quyên, âm điệu này hoàn toàn không còn chút vui vẻ dí dỏm mà rầu rĩ như đưa tang. Cô đi vào sảnh lớn trong cái lạnh buốt ruột buốt gan, cô ngồi trong bóng tối. Giai điệu kỳ lạ như đưa tang của bài “Hái chè” khiến cô nghĩ đến Giang Nam đã từng có, giang nam có gia đình mình, có bố mẹ cãi nhau liên miên... Khoảnh khắc này cô thấy mình hoàn toàn hòa hợp được với những người đàn bà dưới tầng hầm, trong khi với bố mẹ đột nhiên cô có một nỗi nhớ nhưng như xé lòng và cô sợ rằng mãi mãi không còn được gặp lại.

Lúc này cô nghe thấy có tiếng người nói ở tầng hai. Cô nhận ra giọng của Fabbi Atonado và viên sĩ quan họ Đối. Hai người đàn ông đang tranh cãi.

Rất lâu sau, ông kể cho Thư Quyên nghe, cuộc tranh cãi tối ngày 18 năm 1937 xung quanh chuyện Đối Đào muốn xin lại khẩu súng lục và quả lựu đạn.

Sau khi lính Nhật cướp chiếc xe Ford, viên thiếu tá quyết định rời khỏi nhà thờ. Anh ta đến buồng ngủ Fabbi gõ nhẹ cửa và nói: “Linh mục Atonado, tôi, Đới Đào đây.”

Fabbi uống rượu một mình trong bóng tối. Nghe tiếng gõ cửa, anh không muốn mở. Anh và linh mục Engman đã sống bên nhau hơn hai chục năm, người nào cũng phát minh ra vô số biện pháp để tránh sự quấy nhiễu của người kia. Vào lúc này không có sưởi, linh mục Engman nhất định sẽ không gõ cửa buồng anh.

Viên thiếu tá vẫn gõ cửa: “Linh mục đã ngủ chưa?”

“Ừ. Có chuyện gì mai nói.”

“Mai thì muộn quá.” Viên thiếu tá nói.

Fabbi đành phải cất chai rượu đi, anh đặt nó vào cái khe giữa giường và tủ con. Fabbi sợ dĩ là Fabbi Dương Châu vì khi chỉ có một mình thì anh là một nông dân Trung Quốc từ đầu tới chân. Đi với linh mục Engman hơn hai chục năm vẫn không uống được rượu tây như Bordeaux, Brandy, Wishky. Tối đến, đóng cửa lại là anh quay về với cuộc sống nhà quê: Vài hớp rượu mạnh, đồ nhắm là khẩu vị của tiểu thị dân Trung Quốc: mấy miếng đậu phụ, nửa quả trứng vịt muối hay vài cái cánh vịt quay, rất tiếc bây giờ ngay cả đồ nhắm xoàng xĩnh thế cũng không có, đành phải uống khan.

Vừa vào cửa, Đới Đào đã ngửi thấy mùi rượu quê. Anh ta nói: “Linh mục Atonado uống rượu một mình à?”

Fabbi âm ừ, mời viên thiếu tá ngồi vào chiếc ghế tựa duy nhất. Thời buổi chiến tranh, người ta chẳng cần đến mắt vẫn hành động chính xác. Fabbi lấy chai rượu rót một ít vào chén đưa cho Đới Đào. Về mặt này Fabbi cũng là nông dân Trung Quốc: Có khó chịu đến thế nào với vị khách không mời mà đến thì khách đã vào nhà vẫn được mời ăn mời uống.

Hai người uống mò trong đêm. Rượu có thể làm người ta dễ thổ lộ những điều khó nói.

“Không biết linh mục có thể cho tôi xin lại vũ khí mà linh mục Engman đã tịch thu của tôi hay không. Tối nay tôi sẽ rời nhà thờ.”

“Tối nay? Đi đâu?”

“Vẫn chưa biết.”

“Bất kể anh đi đâu, không mang vũ khí vẫn an toàn hơn là có vũ khí.”

Đới Đào không tranh luận với Fabbi thế nào thì an toàn hơn, anh ta cứ nhắm vào mục tiêu của mình: “Ông có giúp được tôi không?”

“Giờ này linh mục Engman đi ngủ rồi.”

“Tôi biết, tôi nghĩ nhất định ông biết linh mục Engman cất súng lục và lựu đạn của tôi ở đâu...”

“Tôi không biết... Hơn nữa nếu biết cũng không thể đưa cho ông.”

“Tại sao?”

“Tôi làm sao có thể đưa cho ông được? Chính tay linh mục Engman nhận nộp, trả lại cho ông hay không, do ông ấy quyết định.”

“Được, thế thì tôi sẽ đi gặp linh mục Engman.” Đới Đào đặt chén xuống và đứng dậy.

“Hãy để cho ông già được ngủ yên lành!” Trong đêm tối giọng của Fabbi là giọng của một nông dân.

“Ông ấy có ngủ yên lành được không? Ông có ngủ yên lành được không?”

“Ông cũng biết ông ấy không được ngủ yên lành ư? Từ lúc để các ông vào đây, ông ấy không một ngày nào yên lành cả! Chúng tôi cũng không một ngày nào yên lành cả!”

Viên thiếu tá lạnh lùng: “Vì thế tôi phải đi.”

“Ông đi một mình, không đem cả hai người hạ cấp của ông, chúng tôi càng không yên lành! Ông muốn họ liên lụy chúng tôi? Liên lụy mười mấy học sinh của tôi?”

Fabbi nói gay gắt, tư duy theo ngôn ngữ vùng Dương Châu lại có sự sắc sảo chặt chẽ của luật gia phương Tây.

“Vương Phổ Sinh không qua nổi hai ngày nữa, Lý Toàn Hữu chân bị nặng như thế đi sao được?” Đới Đào nói nghe đã đuối lý.

“Đi không được thì anh vút lại, mặc xác? Y như các anh đối với dân Nam Kinh, nói vút đi là vút phải không?” Fabbi hoa chân múa tay, từng chữ từng chữ thấm đẫm mùi rượu nặng bắn vào không trung. “Chưa thấy quân đội một quốc gia nào như các ông, địch chưa đến tự mình đã là kẻ thù của dân nước mình, phóng lửa đốt sạch làng mạc trong phạm vi một dặm xung thành, nói là để cho địch không còn chỗ nấp, để các anh dễ đánh hơn. Cuối cùng thì các anh đã đánh chưa? Các anh vút bỏ dân mà chạy, sau khi đã đốt nhà người ta!”

Suốt ba mươi năm nay chưa lúc nào như lúc này FabbiAtonado cảm thấy mình là một người Mỹ thuần túy như thế, cảm thấy mình tách khỏi người Trung Quốc rõ ràng đến như thế.

“Bây giờ giống như chỉ huy của mình, ông cũng vút lại thương phế binh của mình mà chạy!”

Đới Đào đã nắm lấy cái chén trà bằng sứ, ngón tay biến thành những cái vuốt sắt. Không có lựu đạn thì sẽ dùng nó để giết chết con quỷ Tây dương miệng lưỡi độc địa này. Anh ta đứng chỉ cách Fabbi hơn một mét, xông lên, đập vỡ cái trán hói, để cho cái óc phía sau bộ mặt mũi lõm sâu tự nhận là cao hơn người Trung Quốc một đầu kia bao nhiêu trắng đỏ chảy tất cả ra. Sự nhục nhã hơn trăm năm của Trung Quốc có liên quan chặt chẽ đến lũ quỷ Tây dương này, cũng như bọn Nhật, chúng không coi người Trung Quốc là con người. Chúng nó chưa làm điều gì tốt lành ở Trung Quốc cả. Anh ta nghe thấy âm thanh đặc biệt của chén sứ đập vỡ hộp sọ và cái giọng đặc biệt của một sinh mạng sắp lìa đời, cái giọng xóa nhòa ranh giới ngôn ngữ, ranh giới con người và con vật, cái giọng khiến anh ta chuyển từ phần nộ sang khoái lạc, đến say sưa, cuối cùng đạt đến thang bậc xuất thần nhập hóa...

Đới Đào từ từ buông chén trà, lần ra phía cửa. Rượu vừa bốc lên đầu, bàn tay nắm chén trà đến tê dại đang hồi phục tri giác.

“Xin lỗi.” Fabbi nói phía sau anh ta.

Đới Đào đi men theo hành lang, đi qua thư viện, phòng đọc sách. Vừa rồi sức lực bỏ ra để chế ngự hành động giết người đã vượt xa sức lực dùng để giết người. Anh ta kiệt quệ không còn chút sức lực nào để về cái hang của ẩn thân nữa.

Cả đêm đó Đới Đào ngủ ở chiếc ghế dài trong gian cầu nguyện. Bụng rỗng uống mấy hớp rượu khiến giấc ngủ của anh ta như chết đi mấy tiếng đồng hồ. Giêsu tuần nạn trên cây thánh giá, ánh mắt hấp hối lộ ra dưới mi mắt thạch cao chiếu vào anh ta.

Đới Đào tỉnh dậy thì trời đã gần sáng. Toàn thân anh ta lạnh ngắt, như đã đông cứng và dính vào chiếc ghế. Anh ta đi ra sân. Mấy ngày rồi mới lại nghe tiếng chim hót. Đây là thời kỳ không bình thường, con người sống hay chết chẳng có gì chắc chắn hơn chúng. Không biết chúng có hiểu điều đó hay không.

Năm phút sau, anh ta thấy mình đang lang thang ở khu mộ. Cả nhà thờ đây là chỗ anh ta quen thuộc địa hình nhất. Khi chạy vào nhà thờ, anh ta đã hạ cánh ở đây. Anh ta lấy cành cây quét trên cái mộ xi măng xây kiểu châu Âu. Đới Đào không hiểu tại sao mình lang thang đến đây, mấy ngày nay toàn đi đây đi đó không mục đích, làm những việc vô nghĩa. Chơi bài, đánh mạt chược với mấy cô gái làng chơi mãi cũng chán. Lúc nào cũng có đàn bà bên cạnh vẫn là một việc chán đến phát điên phát rồ, một chuyện lông gà lá tỏi cũng cãi nhau đến nửa ngày. Sau cái chết của Đậu Hoàn, đám đàn bà như mắc chứng bệnh thần kinh, buồn cũng như vui, đều là hysteric(22) cả. Lúc đầu anh ta khuyên các cô vài câu, về sau thấy khuyên cũng chẳng để làm gì, chính mình cũng chán đời đến cùng cực. Con đường phía trước phía sau đều mờ mịt, đường đường là một người lính mà chui rúc giữa đám đàn bà son phấn, phải như mấy hôm trước chết quách lại sướng. Sự buồn chán của anh ta chỉ lọt vào mắt một người đàn bà, đó Triệu Ngọc Mặc.

Đới Đào chắc có mục đích đến khu mộ để tìm vũ khí đã bị lính mục Engman tước mất. Để làm gì? Để báo thù người Nhật chăng? Làm một hiệp sĩ độc hành, giết thẳng nào được thẳng đó, nếu bắt được sĩ quan cho nó mang bức thư về. Thư viết: “Chúng mày đã lừa hơn mười vạn lính Trung Quốc, bắn chết họ, chôn sống họ, từ nay trở đi chúng mày nên mọc thêm mắt đằng sau lưng...”

Trẻ con quá.

Nhưng phải tìm ra vũ khí.

Khi đó anh ta nghe thấy tiếng nói sau lưng: “Xin chào.”

Quay đầu lại, Đới Đào trông thấy linh mục Engman đang đứng dưới gốc cây như một pho tượng người đã coi mộ. Linh mục mỉm cười đi tới.

“Ở đây không đào được thứ ông cần đâu.”

Đới Đào ném cái cành cây đi: “Tôi chẳng đào gì ở đây cả.”

“Tôi thấy ông đang đào cái gì.” Linh mục cười như trêu chọc. “Ông nên biết rằng, những người sống chúng ta không nên lợi dụng những người chết đáng tôn kính, đem những thứ đã từng quấy rối sự yên nghỉ của họ chôn ngay bên cạnh họ.”

Hay thật, tiếng Trung Quốc của ông phải nói là gần đến mức hoàn mỹ nhưng vẫn nghe ra tiếng nước ngoài. Hệ thống tư duy của một dân tộc khác được ông diễn đạt bằng âm điệu của chữ Trung Quốc.

Đới Đào đứng thẳng người, vết thương trên cánh tay trái khiến mặt anh ta giật một cái. Linh mục Engman lo lắng nhìn anh ta.

“Vết thương đau lắm không?”

“Không sao.” Anh ta trả lời.

Linh mục Engman nhìn lướt qua khu mộ với ánh mắt tự hào của ông chủ rồi ông giới thiệu với Đới Đào bảy vị linh mục nằm dưới mộ. Ông dùng giọng điệu mang chút trang trọng của một buổi chiêu đãi khách quý. Vì đề nghị sắp đưa ra của mình, Đới Đào phải làm ra vẻ hứng thú và kiên nhẫn nghe ông già say sưa thuyết trình.

“Ông có cảm thấy mấy người phương Tây này lẩn thẩn không, đi nửa vòng trái đất cuối cùng được chôn ở đây?” Linh mục Engman hỏi.

Đới Đào đâu có rồi hơi mà nghĩ những chuyện đó.

“Lần trước ông có nói với tôi, tổng cổ vấn của các ông là người Đức, tên là Falkenhausen? Tôi có ấn tượng với ông ta.” Ông bật cười vì một ý nghĩ kỳ lạ vừa nảy ra trong đầu. “Âm nhạc là sản phẩm của cảm tính, nhưng triết học và khoa học lại xây dựng trên cơ sở lý tính, nước Đức sinh ra cả ba: nhà soạn nhạc, nhà triết học và nhà khoa học. Họ lại có thể lý tính hóa cả kinh tế và quân sự đến mức độ triết học. Cho nên tôi nghĩ tướng Falkenhausen không phải là nhà quân sự giỏi mà là nhà triết học quân sự giỏi. Cũng có thể tôi vô đoán...”

“Thưa linh mục,” Đới Đào nói.

Linh mục Engman tưởng anh ta muốn phát biểu nhưng lập tức ông phát hiện vừa rồi anh ta không hề nghe diễn giải có tính tổng kết của ông; coi như ông đã đọc thoại. Ông im lặng chờ đợi cho dù ông đã biết anh ta định nói gì.

“Tôi phải đi khỏi đây rồi.”

“Đi đâu?”

“Xin ông trả lại vũ khí cho tôi.”

“Ông không đi xa được đâu. Khắp nơi đều có lính Nhật. Bây giờ Nam Kinh là doanh trại của 30 vạn lính Nhật. Nếu ông đem theo vũ khí thì càng khó đi xa.”

“Tôi không thể tiếp tục ở đây được.” Đới Đào không nói ra điều muốn nói: Anh ta cảm thấy ở dưới hầm, người chưa chết nhưng đã bắt đầu mọc và thối rữa rồi. Tinh thần thối rữa trước tiên.

“Ông quê đâu?” Engman hỏi.

Đới Đào ngạc nhiên nhìn ông.

“Hà Bắc.”

Bố anh ta là một người lính cục mịch đi ra từ lò chiến tranh, trên người mười mấy vết thương, biết được vài con chữ, muốn lên quan chỉ có một con đường: Dám chết. Người anh cả và anh ta đều tốt nghiệp trường quân sự, hai cô em cũng gả cho quân nhân...

Nhưng anh ta chỉ muốn trả lời linh mục ngắn gọn vậy thôi.

Linh mục Engman như nhìn thấy dòng dõi hiền hách của viên thiếu tá vì ông nói tiếp: “Tôi thấy ông không giống với những quân nhân khác. Nhiều quân nhân khác khiến tôi coi thường, tòng quân để thăng quan phát tài, chiếm đoạt đàn bà.”

“Ông có thể trả lại vũ khí cho tôi không?”

“Ta sẽ nói chuyện đó sau, được không? Ông lập gia đình chưa?”

“Ừ.” Câu trả lời càng ngắn.

“Có con chứ?”

“Có một con trai.”

Nói đến con, tim anh ta nhói lên. Đứa con năm tuổi, con đường trưởng thành còn dài quá, có sự chăm sóc của người bố như mình không?

“Khi mẹ tôi chết, tôi mới mười tuổi,” Engman nói. Giọng ông đầy ắp tình cảm khiến viên thiếu tá chú ý.

Engman bỗng phát hiện mép Dới Đào có vết trắng. Nhất định bị viêm lợi. Người Trung Quốc cho rằng đó là do tâm hỏa nặng quá. Người Mỹ thì cho rằng đó là do thiếu vitamin dẫn đến suy giảm miễn dịch và bị nhiễm trùng. Xem ra lúc này chẩn đoán của Mỹ và của Trung Quốc đều đúng với viên thiếu tá này. Hai bên mép không nằm ngang nhau nữa, miệng hơi lệch, nếu không khuôn mặt ngăm đen góc cạnh sắc nét này sẽ càng giàu nam tính. Đàn ông có khuôn mặt này thì hẳn có thể viết binh thư, võ có thể lãnh binh tác chiến, nhưng Engman không hình dung được khi loài người có được hòa bình lâu dài thì đường nét như thế này vẽ ra bộ mặt của vai trò gì.

“Cha tôi qua đời lúc tôi mười sáu tuổi.”

“Sau khi cha ông qua đời thì ông theo đạo Thiên Chúa phải không?”

“Cha mẹ tôi đều là tín đồ đạo Thiên Chúa.” Engman nói.

Nhìn Engman lúc này ai cũng phải ngạc nhiên, con người đến chừng ấy tuổi vẫn còn nghĩ về cha mẹ.

“Hai mươi tuổi tôi bắt đầu học Thần học. Khi đó tôi bị chứng bệnh ẩn ức tinh thần(23) rất nặng.”

“Tại sao vậy?”

“Ai biết được? Cứ thế bị bệnh thôi.”

Thực ra Engman chưa nói thật. Nguyên nhân của bệnh đó là một lần ông thất bại trong tình yêu. Lúc đầu ông nghĩ rằng hai người đều kín đáo chia sẻ, cuối cùng ông phát hiện chỉ có mình ông giữ mối tình đơn phương.

“Khi bệnh của tôi trở nên nghiêm trọng, tôi gặp một ông già lang thang đang nhiễm bệnh bạch hầu sắp chết. Khi đó tôi ở chung gia đình người anh. Tôi bí mật đưa ông ta đến chuồng gia súc ở trang trại, lấy rơm rạ che đi. Bởi vì tôi thay anh nuôi đàn gia súc cho nên ngoài tôi ra không ai vào đó cả. Tôi mua thuốc cho ông ta, ngày ngày đưa thuốc đưa cơm. Một sinh mạng sống lay lắt cứ thế dần dần hồi phục. Ông già sống lại từng ngày cho tôi một cảm giác mạnh mẽ, hình như chẳng có cái gì có thể khiến tôi cảm thấy mạnh mẽ như thế. Hết một mùa đông ông mới khỏi hẳn.

Ông già cảm ơn tôi mãi vì được tôi cứu sống. Thực ra ông cứu sống tôi. Qua việc cứu ông tôi đã cứu chính tôi. Mùa đông năm ấy chứng bệnh ẩn ức tinh thần của tôi không chữa mà khỏi. Cứu giúp người cần cứu giúp có thể khiến mình sung sướng.”

Đới Đào nghe linh mục Engman kể chuyện đã qua bằng tư duy Mỹ, văn phạm Anh, không hiểu tại sao bỗng dưng ông lại nói về một đề tài quá ư riêng tư như thế. Phải chăng ông muốn nói Trung Quốc có quá nhiều cuộc đời bi thảm cần ông cứu giúp cho nên ba mươi năm trước ông đã đến Trung Quốc? Hay là cũng như bảy vị linh mục nằm trong mộ kia, ông đến đây vì nơi đây là nguồn bất tận cung cấp những người Trung Quốc đáng thương để ông cứu giúp mà bản thân việc cứu giúp khiến các ông có cảm giác an lành.

Hoặc giả ông đang muốn nói, anh ta Đới Đào nên học tập ông, hãy giúp hai đồng đội thương phế binh dưới hầm để cũng có được cảm giác an lành?

“Tôi muốn nói với ông rằng, ông già lang thang đó là do Thượng đế sai đến.” Ông nhìn thấy giữa hai đầu lông mày của Đới Đào xuất hiện một nét chống lại nhưng ông vẫn nói tiếp: “Thượng đế dùng ông già nhắc nhở tôi, nên cứu người khác để cứu mình. Thượng đế muốn chúng ta cứu giúp lẫn nhau, nhất là trong thời khắc ai cũng có những hoạn nạn, ốm đau, bệnh tật. Tôi mong ông tin vào Thượng đế. Trong thời khắc con người không còn sức lực và không còn nắm chắc vận mệnh của mình – như lúc này, ông nên tin vào Thượng đế chứ không phải tin vào vũ khí.”

Đây nhất là buổi truyền giáo ít người nghe nhất trong đời vị linh mục già. Đới Đào lắng nghe và nghĩ vậy.

“Ông còn tiếp tục tìm vũ khí không?”

Đới Đào lắc đầu. Tất nhiên anh ta tiếp tục tìm và tìm gắp.

Chú thích:

(22) Ixteerri, chứng phát cuồng, rò dại – ND.

(23) Còn gọi là trầm cảm, mang nỗi bức dọc không nói ra được và trở nên buồn phiền – ND.

12. Chương 12

Buổi sáng, những người đàn bà trong căn hầm tĩnh dậy, phát hiện vắng Đậu Hoàn. George Trần nói lúc mờ sáng, anh ta dậy đun nước thấy Đậu Hoàn say bí tỉ đi lang thang ở sân. Thấy George Trần, cô ta giơ cái đàn tì bà lên nhờ anh kiểm cho ba sợi dây đàn. Cô ta bảo đàn của cô chỉ còn một dây, nghe chượng tai lắm. George Trần dỗ dành để trời sáng sẽ kiểm cho cô. Sao mà chờ đến sáng được? trời sáng thì Vương Phó Sinh đi rồi, chẳng nghe được cô đàn nữa. George Trần nói rằng mình không thuộc đường. Cô ta bảo sông Tần Hoài mà không biết à? Cô chỉ dẫn cho George Trần, dây đàn để ở trong ngăn kéo bàn trang điểm của cô ở Tần Hoài. George Trần bảo buồn ngủ quá, ngủ một giấc rồi đến đó lấy dây đàn cho cô. Đậu Hoàn nói: “Vương Phó Sinh không đợi được đâu.” Sau đó George Trần không để ý cô ta đi đâu nữa.

Đến trưa Đậu Hoàn vẫn không về.

Buổi sáng Fabbi đẩy chiếc xe cút kít đến khu an toàn chở lương thực, chiều về bảo mọi người, bác sĩ Wilson ở khu an toàn đã cấp cứu cho một cô bé mười lăm tuổi nhưng không cứu sống được. Cô bé bị lính Nhật thay nhau hãm hiếp rồi đâm mấy nhát. Cô bé lúc chết tay vẫn nắm chặt mấy sợi dây đàn.

Theo lời kể của cô tôi và các ảnh tư liệu, tôi tưởng tượng ra cảnh tượng trước và sau khi Đậu Hoàn rời nhà thờ. Có ba tấm ảnh tư liệu: Mặt chính diện, nhìn ngang phần thân trên người, nhìn ngang phía bên kia. Ảnh tư liệu được ban chỉ huy khu an toàn chụp để làm bằng chứng tội phạm của quân Nhật. Đậu Hoàn có khuôn mặt nhìn ngang hoàn hảo, cho dù tóc rối tung, mặt sưng, vì khóc nhiều hoặc do bị lính Nhật đánh. Khi đó cô thoi thóp, bị lính Nhật coi là xác chết, bỏ lại trên phố. Sự việc xảy ra lúc hơn sáu giờ sáng, trong một cửa hàng tạp hóa rỗng không, một tốp lính Nhật khá đông xếp hàng trật tự để thay nhau hãm hiếp. Trong cửa hàng có một chiếc ghế dài rất nặng là chỗ cô bé bị hành hạ. Bọn lính Nhật chỉ đóng khố, xếp hàng chờ đến lượt.

Chân tay Đậu Hoàn bị kéo dang ra trói vào ghế. Cô bé luôn miệng chửi và nhổ nước bọt. Bọn lính sùi gan vì cô cố tình làm bẩn, bèn tát cô. Cô nằm im, không phải bị khuất phục mà đột nhiên nhớ đến Vương Phó

Sinh. Nhớ lại đêm qua hẹn với Vương Phổ Sinh sống với nhau suốt đời, đánh đàn kiếm ăn. Trái tim cô tan nát khi nghĩ lại chuyện đó.

Đậu Hoàn còn nhớ cô hẹn với Vương Phổ Sinh: Cô muốn có bốn sợi dây đàn để gảy bài Xuân giang hoa nguyệt dạ, Mai hoa tam lộng cho anh nghe. Cô bảo: “Em còn biết hát Tô Châu bình đàn đấy nhé.” Cô chỉ lo Vương Phổ Sinh nhắm mắt tắt thở thì cô không thực hiện được lời hẹn.

Bị trói chặt trên ghế Đậu Hoàn còn mơ mơ màng màng nhớ lại mình đã nhảy ra khỏi nhà thờ như thế nào, trong ánh sáng mờ mờ buổi sớm cô nhận ra hướng đông tây nam bắc. Từ nhỏ cô đã bị giam trong kỹ viện, thực tế là nô lệ bị tù đầy, do đó lên phố là bị lạc, nhất là bây giờ Nam Kinh là một đồng đồ nát, khắp nơi lửa cháy, cửa hàng trống rỗng, chẳng mấy chốc Đậu Hoàn ân hận mình đã quá mạo hiểm. Định quay lại thì mới thấy mình quên cả đường về. Mùa đông năm giờ sáng trời vẫn tối như giữa đêm. Đậu Hoàn càng đi càng lạc lối. Cô nghe thấy mấy lính Nhật đi đến, cô bỏ chạy vào một ngõ nhỏ, chúng đuổi theo, Đậu Hoàn rất nhanh, trong chốc lát cô chui vào một ngõ nhỏ và bỏ rơi chúng. Đúng lúc cô chui ra khỏi ngõ cô vướng phải vật gì mềm mềm ngã sấp xuống. Sờ thấy một đồng ruột gan. Đậu Hoàn kêu thét lên như gặp ma, cô buông xuôi đôi tay lạnh ngắt đứng tại chỗ mà kêu khóc đến nửa phút.

Thế là chết rồi! Ba tên lính đã bỏ cuộc bây giờ vậy lại. Tiếng kêu của cô còn đánh thức trung đội kỵ binh đang đóng trại gần đó, thế là lập tức chúng tìm chỗ có tiếng kêu kéo nhau đến.

Cô bé Đậu Hoàn mười lăm tuổi nằm trên chiếc ghế dài chỉ có một ý nghĩ, chết đi, chết đi cho nhanh để biến thành ác quỷ quay lại bóp chết căn chết từng con một bầy dã thú đã hành hạ cô. Bị mấy cái tát, cô phun ra không còn là nước bọt mà là máu, cô nhìn thấy từng đũa bị phun trúng người... một dòng máu lớn nhất phun ra từ bụng cô rồi rơi đến bụng dưới. Bầy thú đói người không thích thứ đồ chơi vừa gào thét vừa nhổ bọt phun máu lên chúng bèn dùng lưỡi lê để bắt cô phải im.

Năm 1994, cô tôi tìm thêm được một tấm ảnh của Đậu Hoàn. Tấm ảnh gây sốc tìm thấy trong cuốn vở ghi của một tên hàng binh Nhật. Trong ảnh, người con gái bị trói vào chiếc ghế, hai chân dang rộng, ống kính chiếu thẳng vào chỗ kín, mặt không nhìn rõ, chắc là vì cô bé giãy giụa mạnh, phần mặt không nét nhưng cô tôi cho rằng đó chính là Đậu Hoàn. Lính Nhật không những bạo hành với một cô gái tuổi hoa mà như thế này là còn đóng đinh cô lên bức tường ô nhục truyền từ đời này sang đời khác.

Tôi nhìn bức ảnh và nghĩ, thật là một việc đen tối tệ hại hết mức mà con người có thể làm. Chúng xâm phạm và làm nhục người con gái một dân tộc khác kỳ thực đã làm nhục cả dân tộc đó. Chúng lấy tấm ảnh như thế làm chiến lợi phẩm là để xỉa nhát dao vào tâm linh của dân tộc bị làm nhục. Từ đó về sau tôi thường nghĩ, vết thương tâm linh sâu đến thế cần mấy thế kỷ để chữa lành? Một ký ức đã khắc cốt ghi xương cần bao nhiêu đời người để nó phai nhạt đi?

Vương Phổ Sinh đang sốt cao, nhìn thấy ba sợi dây đàn, cậu hỏi: “Đậu Hoàn đâu?”

Ngọc Mặc lấp dây vào đàn và gảy cho Vương Phổ Sinh nghe khúc Xuân giang hoa nguyệt dạ như Đậu Hoàn đã hứa.

Cậu lính trẻ hiểu chuyện gì đã xảy ra, nước mắt chảy ra đầm đìa từ trong đôi mắt đỏ như máu.

Thư Quyên và các bạn được linh mục Engman cho biết tin về Đậu Hoàn. Ông bắt đầu như thế này: “Các em, chúng ta hãy cầu nguyện, cầu nguyện cho người hy sinh, cầu nguyện cho kẻ ác sớm trở lại tính người.”

Ông và Fabbi cùng bước lên gác. Trong một không gian nhỏ bé, hai thân hình cao lớn cúi lưng đứng tư thế cầu nguyện. Các cô bé nhìn nhau, muốn hiểu tại sao hai vị linh mục lại như thế, nét mặt các cô căng cứng như đồ thạch cao.

Tiếp theo, Fabbi Atonado kể lại một cách ngắn gọn về tai họa của Đậu Hoàn. Linh mục Engman không hài lòng, ông nói với Fabbi: “Nên cho các em biết toàn bộ sự việc.” Fabbi kể lại, hết năm phút.

Linh mục Engman đưa mắt nhìn khắp lượt: “Các em, sau này các em sẽ là nhân chứng, chẳng may người này không còn nữa thì còn người khác có thể làm chứng, phải có người làm chứng mới được.”

Nghe xong, các cô bé đều biến thành những bức tượng thạch cao. Chỉ khi sự hung hiểm xảy ra với một người mình quen biết thì mới có cảm giác nó là thật, là chân thực. Trong đám nữ sinh có những người nhớ lại hôm Đậu Hoàn mới đến, chỉ vì một bát súp mà họ xung đột với cô bé. Tội nghiệp Đậu Hoàn, mười lăm

tuổi đầu đã bị bán đi bán lại mấy lần. Nếu còn đường sống thì cô bé có chọn cái nghề hèn mạt ấy không, ai bảo là gái điếm không có tình cảm? Cô bé có mối tình sâu sắc đến thế với Vương Phổ Sinh. Các cô nhớ lại đôi tay sưng đỏ vì lạnh của Đậu Hoàn giặt băng, phơi băng cho các thương binh, nhớ lại lần Đậu Hoàn ôm ấp con mèo hoang mới đẻ rơi từ trên xà nhà xuống, cô cuống quýt tìm cái ăn cho nó, con mèo chết, cô khóc và chôn nó ở gốc cây đào... Các cô bé thấy thương quá, tại sao trong đám đàn bà ấy không phải ai khác mà lại chính cô bé Đậu Hoàn mười lăm tuổi phải chịu bất hạnh đến thế?

Linh mục Engman nói: “Bây giờ, các em thu dọn đồ đạc chuyển ngay xuống hầm kho, năm 1927, trong sự kiện Nam Kinh(24) tôi và Fabbi cùng mấy vị giáo sư thần học đã ẩn náu ở đó, thoát được qua mấy lần càn quét nhà thờ của quân Trục Lỗ và quân Giang Hữu. Cho nên rõ ràng ở đó an toàn hơn trên gác này nhiều.”

Fabbi hỏi ngay: “Có thích hợp hay không? đám người kia ăn nói cư xử rất phóng dăng ...”

“Không có gì quan trọng bằng an toàn. Dọn đi, các em.”

Trước bữa cơm chiều, mười sáu nữ sinh dọn xuống gian hầm hầm hầm hầm hầm hầm, ba quân nhân dọn lên xuống đóng sách. Nếu lính Nhật có phát hiện ra thì linh mục Engman sẽ hết sức giải thích rằng họ là thường dân bị thương, còn người Nhật có tin hay không thì đành cậy nhờ số phận. Đây là đề nghị của Đới Đào, dụng ý của anh ta rất rõ ràng, trong lúc này đàn ông ông không có chọn lựa nào khác, phải bảo vệ đàn bà con gái.

Bữa cơm tối, mọi người đang ăn bát mì loãng thì nghe tiếng Fabbi gọi qua lỗ thông hơi: “Từ Tiểu Ngu, lên đây một lát.”

Một dấu hiệu tin mừng khiến cặp mắt Từ Tiểu Ngu sáng rực trông thật đẹp khiến trong khoảnh khắc, Thư Quyên phải mê cô bạn thân trước kia. Tiểu Ngu lên rồi, các bạn túm tụm lại nơi lỗ thông hơi nhìn thấy đôi chân xinh xinh của Tiểu Ngu dừng lại trước đôi giày da đàn ông, đồng thời nghe tiếng kêu ghen ngào sung sướng: “Bố!...”

Về sau Thư Quyên được biết, để về được đến Nam Kinh đón con, bố Tiểu Ngu đã bán đi một dãy cửa hàng ở Áo Môn. Về đến nơi ông mới phát hiện ra rằng đồng tiền chẳng còn mấy giá trị. Lính Nhật có thể chẳng cần đến tiền vẫn có khối thứ chúng muốn. Ông bán đủ thứ, bán cả thể diện cả lương tâm mới được cái giấy thông hành để đưa con đi. Vào Nam Kinh khó như lên trời, ra khỏi Nam Kinh khó như ra khỏi bầu trời.

Tóm lại cảnh bố con nhà họ Từ gặp nhau cũng xúc động như tất cả những cuộc gặp gỡ của người thân trong cảnh loạn ly. Trong mấy phút Tiểu Ngu kể hết cho bố nghe cô phải chịu đựng nỗi sợ hãi, sự đói rét, không rửa mặt rửa chân, nếu không muốn phải rửa bằng nước đã ngâm xác A Cố đến trường lên.

Thế rồi Từ Tiểu Ngu quỳ xuống rất thấp nói với các bạn đang chen chúc nhìn bố con cô: “Bố tớ đến đón tớ rồi!” nghe cứ như: “Thiên binh thiên tướng đến đón tớ rồi!”

Ai cũng hâm mộ cô bé, hâm mộ đến mức căm ghét, cho nên chẳng ai nói gì, kể cả Lưu An Na, người mà Tiểu Ngu bằng lòng đưa đi theo cũng xì mặt xuống không hé răng. Người ta sướng thế có còn nhớ đến lời hứa không? Đừng mơ hồ.

Lúc này ánh mắt của Thư Quyên và của Tiểu Ngu chạm nhau.

Tiểu Ngu đứng lên, các cô bé nghe thấy: “Bố ơi, con muốn đưa một bạn con cùng đi.”

“Đi làm sao được!?” Bố gắt lên.

“Con muốn đem theo.”

Bố cô do dự. Hai mươi giây, các cô bé nín thở. “Được, con muốn đưa bạn nào đi?”

Khi Tiểu Ngu đi vào gian hầm, cả mười lăm bạn không ai nói gì. Bây giờ Từ Tiểu Ngu đang nắm quyền sinh quyền sát trong tay. Những người đàn bà Tần Hoài phía sau lớp rèm ngăn cách cũng im lặng. Cái may mắn ấy rơi vào ai đây, đối với họ cũng là một đại sự ghê gớm lắm.

Từ Tiểu Ngu nhìn từng bạn, hầu hết các bộ mặt đều khó coi, ai cũng có vẻ như sẵn sàng, cho dù được chọn làm đầu sai nhà Từ cũng bằng lòng.

“Lưu An Na.” Tiểu Ngu nói.

Lưu An Na xấu hổ quá mặt đỏ ửng đứng lên, đến đứng bên Từ Tiểu Ngu.

Từ Tiểu Ngu nhìn những khuôn mặt còn lại, ai càng giương mắt nhìn, càng khó coi. Thư Quyên ngồi chỗ của mình nhìn lên lỗ thông hơi. Cô vô cùng ân hận đã không chịu cúi đầu trước Tiểu Ngu, bây giờ có cúi đầu cũng muộn rồi, cô cố tình tỏ ra thản nhiên. Từ Tiểu Ngu, mày cứ sống mà ra đi, còn tao sống chết không việc gì đến mày.

Sô-phi vo ve như con muỗi: “Tiểu Ngu ơi, cậu chả bảo là bố cậu sẽ đón cả tớ đi mà?”

Lúc đó Thư Quyên muốn trừng mắt với Sô-phi: mày hạ mình cầu xin thế à? Nhưng cô thấy Tiểu Ngu đang nhìn mình, ánh mắt đầy thiện ý nhưng là thiện ý của kẻ mạnh, chỉ cần Thư Quyên mở miệng, cho dù chỉ nói hai chữ Tiểu Ngu là Tiểu Ngu thỏa mãn rồi, mọi giận hờn xóa đi hết, tình bạn trở lại như ngày xưa. Cho dù thế nào gia cảnh và phẩm chất của Thư Quyên đáng để làm người bạn thân thiết lâu dài với Tiểu Ngu.

Lúc đó Thư Quyên rất bối rối, không tài nào mở miệng được, mắt cứ đau đáu nhìn Tiểu Ngu. Lúc này cô hèn hạ thế nào, kém cỏi thế nào chỉ mình cô biết.

Nhưng cuối cùng Tiểu Ngu thu ánh mắt lại, Tiểu Ngu lại một lần nữa chơi Thư Quyên. Cô vẫn tiếp tục vờn các bạn.

“Rút thăm đi.”

Cô lấy một tờ giấy trong cuốn sổ của mình, xé thành mười bốn mảnh rồi lấy ra một mảnh, vẽ bông hoa mai lên đó.

“Tớ không cần. Các cậu rút đi.” Thư Quyên nói, đằng hoàng quay lưng về phía Tiểu Ngu.

“Nào,” Tiểu Ngu như cầu xin Thư Quyên “Bố tớ không thể đưa tất cả đi được...”

Thư Quyên lắc đầu.

Kết quả rút thăm, một cô bạn từ trước đến nay chẳng mấy khi nói với Từ Tiểu Ngu một câu đi theo bố con Tiểu Ngu, còn lại mười ba bạn chia nhau thổi sôcôla bố Tiểu Ngu đem đến. Nói đúng hơn là mười hai, Thư Quyên từ chối phần của mình. Tiểu Ngu muốn dùng chút quà để an ủi những bạn bị bỏ lại, Thư Quyên không để cô được thỏa mãn.

Hôm đó, trời tối lại từ lúc Từ Tiểu Ngu chọn bạn, không, từ lúc các bạn nghe tiếng máy ô tô của bố Từ Tiểu Ngu khởi động ở cổng, chiếc xe con của ông Từ Đại Hưởng rồ máy phóng đi... Các cô bé nhận thấy bóng đêm trong căn hầm đã nuốt chửng mình.

Bên kia rèm, Nan Ni hỏi rồi tự trả lời:

“Chắc là bố cô bé ấy có tiền?... Đúng là có tiền thật. Có tiền bắt quỹ đây cối xay.”

“Nan Ni, ông chủ lò giết vịt của mày chẳng có vài đồng sao?”

“Cặp đùi của Nan Ni quắp lão không chặt, lão chuồn rồi!” Giọng Hồng Lăng.

“Câm cái miệng thôi của chúng mày lại!”

Các cô bé nhận ra giọng Triệu Ngọc Mặc.

“Năm kia lão bảo sẽ chuộc tao về làm vợ kế.” Nan Ni nói.

“Chưa thấy đứa nào ngu như mày, đi với lão có phải bây giờ là Vịt Quý Phi không?”(25)

“Biết đâu bây giờ cả vịt cả người bị lính Nhật thịt sạch cả! Bọn Nhật trông thấy con vịt Na Ni ngon lành thế thì sao nhỉ?...”

“Hừ, thằng nào trèo lên tao kẹp chết thằng đó!” Giọng Na Ni nghe thật dữ dằn.

“Nan Ni, mày im miệng đi có được không?” Ngọc Mặc lại can thiệp.

Lát sau Na Ni thổn thức: “Đúng là chẳng có ai ngu như tôi! Theo lão ấy dù thế nào cũng còn hơn chui vào cái hang của này, cuối cùng biết đâu lại giống như Đậu Hoàn!...”

Các nữ sinh vốn ngồi sát nhau bây giờ càng dính lại với nhau. Tiếng khóc của Nan Ni đột ngột dừng lại, các cô bé đoán chắc có ai lấy chặn đề lên đầu Na Ni.

Các cô bé nằm ép vào nhau ngủ thiếp đi. Cũng không biết mấy giờ rồi, các cô nghe thấy phía bên kia rèm xao động, ai đó nói có người ấn chuông cổng. Lính Nhật?

Chú thích:

(24) Năm 1927 quân Giang Hữu thuộc quân đội Quốc dân đảng đang đánh đuổi quân Trục Lỗ chiếm Nam Kinh, ngày 24-3 xảy ra vụ cướp bóc và giết hại kiều dân và nhân viên các cơ quan và sứ quán nước ngoài ở Nam Kinh. Tàu chiến Anh Mỹ đổ trên sông Trường Giang trả đũa, bắn đại bác vào thành suốt một giờ - ND.

(25) Ví với mỹ nhân Dương Quý Phi của Đường Minh Hoàng đời nhà Đường - ND.

13. Chương 13

Linh mục Engman vẫn còn đọc sách trong phòng đọc, bây giờ ông đứng dậy đi xuống gác, đến gian hầm, ông nói vào lỗ thông hơi: “Không sao đâu, tôi và cha Fabbi sẽ ứng phó được với họ, nhất thiết không được nói gì.”

Sau đó ông đi đến cửa xưởng đóng sách, đẩy nhẹ cửa và giật mình. Đối Đào đứng ngay cửa, một thái độ quyết tử. Phía sau, trên chiếc bàn làm giường, Vương Phổ Sinh đang sốt cao, không biết tỉnh hay ngủ. Lý Toàn Hữu để nguyên giày nằm dưới thảm, một bên vai nghiêng như sắp trườn bò.

“Chưa đến lúc vạn bất đắc dĩ, tuyệt đối không nên ra. Tôi và cha Fabbi sẽ xua họ đi.” Ông vỗ nhẹ lên vai Đối Đào và còn mỉm cười.

Linh mục Engman đến cổng, tiếng chuông vẫn liên hồi... Đêm hôm mở cửa cho người lạ là không khôn, nhưng không mở thì càng ngu. Ý nghĩ ấy cứ lượn qua lượn lại trong đầu như quả bóng bàn. Fabbi đi ra, miệng sặc hơi rượu.

Linh mục Engman mở cánh cửa nhỏ bằng quyển sách nhìn ra, đồng thời né mình sang bên, đề phòng một chiếc lưới lê đâm vào. Quả nhiên một chiếc lưới lê đâm vào thật, may mà mắt ông không chờ sẵn đó. Bên ngoài ánh đèn ô tô lọt vào khe cửa. Một xe lính Nhật chẳng?

“Xin hỏi các vị cần gì?” Linh mục Engman hỏi bằng tiếng Anh.

“Mở cửa!” Câu nói tiếng Trung Quốc. Nghe nói lính Nhật đóng ở Nam Kinh năm sáu ngày đã nói thạo: “Mở cửa! Cút ra ngoài! Lương thực! Xăng! Con gái!” vì trong vài ngày họ lặp lại những từ đó hàng ngàn lần.

“Xin hỏi tôi có thể giúp được gì không?” Giọng nói bình thản đơn điệu của linh mục Engman có thể làm yên những cái đầu điên.

Báng súng trả lời. Mỗi nhát nện và khe cửa lại rộng ra một chút, trong luồng sáng của đèn ô tô, có thể nhìn rõ cái then giữa hai cánh cửa chỉ là một thanh sắt nhỏ.

“Đây là nhà thờ Mỹ, mấy chục năm trước Người Mỹ đã mua mảnh đất này! Cho các ông vào đây coi như chúng tôi đã để các ông xâm nhập lãnh thổ nước Mỹ!” Fabbi hùng biện bằng giọng Dương Châu thay cho giọng Anh ôn tồn của linh mục Engman, bọn này mềm không muốn, thử cứng xem sao.

Quả nhiên một người Trung Quốc trả lời.

“Quân đội hoàng gia Đại Nhật Bản có được tình báo chính xác là nhà thờ chứa chấp lính Trung Quốc!...”

“Nói láo!” Fabbi cắt ngang câu nói của tên Hán gian: “Quân chiếm đóng lấy cớ tìm lính Trung Quốc để cướp lương thực! Cái trò đó còn mới mẻ gì với chúng tôi?”

Bên ngoài yên một chút.

“Thưa ngài linh mục”, Hán gian nói: “Đừng nên dồn ép người có súng!”

Linh mục Engman nghe thấy tiếng động phía sau, quay lại, ông thấy một bóng người cầm súng đi đến. Xem ra lính Nhật đã biết cách vào nhà thờ mà không cần phí sức phí lời.

Linh mục Engman nói khẽ: “Họ đã vào rồi! Định làm điều xấu nhất đây.”

“Các ông như vậy là xâm lược!” Fabbi chặn kẻ xông ra cổng. “Đã nói với các ông rồi, ở đây không có lính Trung Quốc! Tôi sẽ đến khu an toàn tìm ông Rabbi!”

Một tiếng súng nổ, Fabbi kêu lên và ngã xuống. Ông chỉ cảm thấy bị một lực rất mạnh xô vào một bên vai. Ngã xuống nền đá lạnh ông mới thấy bên vai nóng bỏng đồng thời nghe thấy tiếng linh mục Engman gào thét: “Các người dám nổ súng vào một chức sắc tòa thánh!” Ông lao đến: “Fabbi!”

“Không sao thưa Cha,” Fabbi cảm thấy linh mục chạy đến y như hơn hai mươi năm trước Engman đã chạy từ bục giảng xuống: Hơn hai mươi năm trước linh mục Engman muốn tìm một người trẻ tuổi để trông cậy suốt đời và ông đã tìm thấy Fabbi, hơn hai mươi năm qua ông đã thỏa nguyện.

Cổng mở ra, hơn hai chục lính Nhật xông vào nhà thờ.

Linh mục Engman chạy theo sau: “Ở đây hoàn toàn không có binh sĩ Trung Quốc! Xin các ông ra ngay!”

Fabbi không thiết xem vết thương, chạy nhanh về phía cuối sân.

Trong xưởng đóng sách, hai người lính Trung Quốc đã chuẩn bị chiến đấu. Lý Toàn Hữu đứng sau cửa, tay cầm chiếc búa kiếm được trong thùng dụng cụ. Anh ta sẽ để tên lính vào rồi từ phía sau phang một búa, cướp lấy súng. Sau đó cùng với thiếu tá Đới Đào biến nơi này thành lô cốt, dùng súng và lựu đạn cướp được để đánh một trận.

Đới Đào quì sau một chiếc bàn, quay ra cửa, tay cầm một chiếc cào vãn dùng để cào than. Anh ta tính để cho hai tên lính Nhật vào sẽ sập cửa lại, anh ta và Lý Toàn Hữu cùng tấn công, lấy bất ngờ làm ưu thế.

Anh ta nhớ lại tiếng hô vừa nãy của Fabbi và Engman: “Ở đây hoàn toàn không có binh sĩ Trung Quốc!...” Thật lạ, anh ta bắt đầu hiểu câu nói đó.

“Lý Toàn Hữu, bỏ búa xuống.” Đới Đào nói khẽ đồng thời liệng bỏ đôi giày đi.

“Thôi, không chơi nữa à?” Lý Toàn Hữu không hiểu.

“Không liều được. Nghĩ mà xem, nếu đánh có nghĩa là linh mục đã chứa chấp binh sĩ.”

“Vậy làm sao?”

Người Nhật sẽ lật tung cái nhà thờ này lên. Đám nữ sinh và đám đàn bà thì sao?”

“... Bây giờ thì sao?”

“Cởi quần áo ra, nằm ngủ. Đóng giả dân thường.”

Lý Toàn Hữu vừa vứt cái búa, đang định ghép hai cái bàn làm giường thì cửa bị đập tung, một luồng đèn pin rọi vào.

Lý Toàn Hữu suýt nữa vớ lấy cái búa.

Linh mục Engman bình thản nói: “Họ là giáo dân, nhà bị cháy, chạy vào đây trú nhờ.”

“Đi ra!” Tên Hán gian dịch câu chữ, dịch cả giọng điệu người Nhật.

Đới Đào từ từ bò dậy, khó chịu như người đang ngủ bị đánh thức.

“Mau lên!”

Đới Đào khoác lên mình chiếc áo vét cũ của Fabbi, cũng như chiếc áo len bên trong, thoáng nhìn cũng biết không phải của anh ta, quá dài quá rộng.

Lý Toàn Hữu mặc cái áo bông dài của George Trần lại có vẻ ngắn, vạt chỉ đến đầu gối, đội chiếc mũ phớt của Fabbi, to quá, sụp đến mắt.

“Kia là ai?” Ánh đèn chiếu vào Vương Phổ Sinh đang nằm.

“Đây là thằng cháu ngoại tôi, nó ốm nặng quá, sốt cao mấy ngày rồi...”

Lý Toàn Hữu chưa nói xong, hai tên lính đã xông đến, lôi Vương Phổ Sinh ra khỏi chăn, Vương Phổ Sinh đã bất tỉnh nhân sự bị lôi ra sân, hoàn toàn không chống cự không giãy giụa, chỉ có thở nặng nhọc và gấp gáp, tựa hồ như cậu bé mười lăm tuổi đang thoi thóp chờ chết bị hành hạ được kích thích sống lại.

“Nó mới là đứa bé, lại ốm rất nặng!” Hai vị linh mục cầu xin.

Hai tên lính bất chấp, cứ lôi Vương Phổ Sinh ra sân. Engman đi theo định tiếp tục thuyết phục nhưng một đầu lê cản lại, chiếc áo choàng lông ngỗng của ông rách toạc một miếng, lông ngỗng bay ra trắng xóa. Linh mục Engman dừng người lại, mũi lê đâm sâu chút nữa thì vào tim rồi. Nhát đâm hầu như chỉ để gợi trí tưởng tượng cho ông: Mũi lê có nhọn không? Vào tim cũng dễ như thế đó. Với mũi lê như thế, trái tim là một vật mềm yếu và không biết trốn chạy. Còn lúc này Engman coi mũi lê đó là hành động thách thức, đùa giỡn với phong thái uy nghiêm của ông, tại sao có thể dùng lưỡi lê để đáp lại thái độ mềm mỏng của ông? Ông càng không buông xuôi, bước theo hai tên lính đang lôi Vương Phổ Sinh: “Bỏ cậu ấy xuống!...”

Hành động mãnh liệt của Engman khiến lông ngỗng bay tung như tuyết rơi, tạo nên cơn bão tuyết nhỏ xung quanh ông.

“Hãy nhìn lên Thượng đế, buông cậu ấy ra!”

Ông lại cản hai tên lính, đồng thời bỏ áo khoác ra, cuốn vào cậu bé. Vương Phổ Sinh nằm dưới đất hơi thở yếu ớt như sắp tắt.

Một viên thiếu tá đi đến, lấy mũi giày đi ngựa thúc vào cậu bé, nói một câu. Viên thông ngôn dịch câu nói đó: “Nó bị lưỡi lê đâm.”

Engman nói: “Đúng vậy.”

“Đâm ở đâu?”

“Ở nhà.”

“Không đúng, trên pháp trường. Nó là tù binh Trung Quốc được cứu ra khỏi pháp trường.”

“Pháp trường nào?” Linh mục Engman hỏi.

“Pháp trường xử bắn tù binh Trung Quốc.” Viên thông ngôn diễn tả cả sự tức tối không kìm lại được của tên chỉ huy.

“Ồ các ông bắn tù binh à?” Linh mục Engman hỏi: “Xin lỗi tôi không biết. Thì ra quân đội Nhật đặt mình ra ngoài qui pháp Genève. Viên thiếu tá có dáng người thường thấy của đàn ông Nhật, vai rộng chân ngắn, mày rậm mắt nhỏ, nếu không giết người nhiều đến mức mờ mắt thì cũng thuộc loại khô ngô. Hắn bị Engman dồn vào chỗ bí mấy giây rồi nói với thông ngôn một câu.

“Ngài thiếu tá nói, ngài lấy nhà thờ làm chỗ chứa chấp lính Trung Quốc, bây giờ ngài chẳng còn gì để nói nữa chứ?”

“Họ làm sao có thể là lính được?” Engman chỉ vào Đới Đào và Lý Toàn Hữu đang đứng bên.

Lúc này một tên lính Nhật đẩy một người đàn ông Trung Quốc chừng bốn mươi tuổi ra. Viên thông ngôn nói: “Đây là đội viên đội chôn xác mà người Nhật thuê, ông ta bảo có hai tù binh còn sống được đưa đến đây.” Hắn quay sang người đàn ông nọ” Ông có nhận ra hai người đó không?”

Người đàn ông rất hăng hái: “Nhận ra được!” tay chỉ vào Đới Đào: “Người này là một!”

Fabbi quát lên: “Đồ chó! Mày cũng chẳng đáng là đồ chó!”

Engman biết ngay là người này không nhận ra hoặc không nhớ rõ hình dạng người được cứu.

Hai lên lính Nhật quay sang Đới Đào, trong nháy mắt tóm lấy cánh tay anh ta. Đới Đào nhìn cái đau thấu tim, mặc kệ cho họ bề ra đằng sau. Engman nói với người đội viên chôn xác: “Anh nói láo, lần đầu tiên trong đời anh trông thấy ông này.”

Viên thiếu tá hỏi qua phiên dịch: “Anh có nhận ra đúng là người này không?”

Fabbi Atonado dùng tiếng tiếng Dương Châu lớn tiếng: “Hắn nhận ra cái con khỉ! Hắn sửa bảy cốt giữ cái mạng sống!”

Viên thiếu tá sai dẫn Đới Đào đi, lính mục Engman bước lên định can lại nhưng bị giáng một cái tát, ông loạng choạng.

“Nhận sai người rồi!” Lý Toàn Hữu nói vội, anh ta chống gậy kéo lê cái chân đau, cố gắng đứng thẳng người lên. Lý Toàn Hữu nói với người đàn ông: “Mày nhìn kỹ tao đi, tao có phải là người mày cứu không?”

“Người ta cứu, tôi không cứu!” Người này cuống lên để lộ chân tướng.

“Mày nói là nhận ra hai người kia mà? Tại sao mày không nhận ra bố mày đây?” Lý Toàn Hữu chỉ vào mình, thái độ rất lính tráng còn đồ.

“Họ đều là dân thường!” Engman nói, ông cố vớt vát, sau đó ông đành buông xuôi như đối với chiếc xe Ford thân yêu của ông. Tuy chỉ là vớt vát nhưng ông không nề hà, ông tiến đến đỡ Đới Đào. Ông đã từng hàn huyên rất ý hợp tâm đầu với chàng trai này, ông còn muốn nói với anh ta nhiều nữa...Ông cảm thấy một cái tát nữa, tai ông ong ong, ông nhìn thấy tên chỉ huy bóp bóp bàn tay, lắc lắc cổ tay, cái tay đánh người già cũng không dễ chịu.

George Trần từ bếp đi ra có vẻ như định lau máu trên mặt vị linh mục. Khi lính Nhật áp sát nhà thờ, anh ta đang làm trò vợ chồng với Hồng Lăng; trả với giá mỗi ngày ba củ khoai. Xong công việc tốt lành, hai người ngủ say bí tỉ. Tiếng súng lính Nhật bắn Fabbi đánh thức họ dậy, anh ta dặn Hồng Lăng tìm chỗ trốn, còn mình chạy ra sân nấp sau đồng củi đốt lò sưởi nhìn ra.

George Trần là một người không có chí, anh ta tin rằng mạng người quý lắm, phải có mà sống. Gần đây kết với Hồng Lăng, anh ta cảm thấy cuộc sống thật thú vị.

Anh ta nhìn thấy áo linh mục Engman bị lưỡi lê đâm rách, lại nhìn thấy linh mục bị tát vào mặt, anh ta bất giác nắm lấy thanh củi. Vị linh mục đáng kính mà bị đối xử như thế, lũ quỷ Nhật lùn còn không đáng bưng bô cho ông! Nhưng anh ta buông thanh củi xuống, vì hai chục tên lính Nhật có súng thật đạn thật trong tay, không đùa được. Anh ta ngồi nguyên đó, tiến không được thoái không xong, vừa để cho cái tin điều “có mà sống” lớn dần lên, vừa chửi mình vong ân bội nghĩa, không ra cái thá gì. Linh mục Engman nuôi George Trần từ khi anh ta mười ba tuổi, cho ăn cho mặc, dạy đọc chữ viết chữ, khi nhận ra rằng chẳng trông cậy được gì vào anh ta nhưng ông vẫn không mệt mỏi dạy anh ta học hành. Cho dù linh mục là người vô tư nhưng đó không phải lỗi của ông, đối với anh ta linh mục chán ghét nhiều hơn là hiền từ, anh ta còn kém xa con ngựa con rơi xuống giếng. Nhưng không có linh mục Engman thì anh ta chỉ từ một thằng ăn mày bé con trở thành người ăn mày to xác, nếu cao số thì thành người ăn mày già, sống đến hết đời, đâu có một George Trần đầu bếp của nhà thờ? Lẽ nào trước mắt Hồng Lăng tuổi xuân môn môn, không phải là George Trần một đầu bếp có quyền có thế và chùm chìa khóa tủ thức ăn lủng lẳng nơi dây lưng? Nghĩ đến đây anh ta trông thấy linh mục Engman bị cái tát thứ hai, chắc là gãy răng rồi, rằng anh ta cũng thấy đau thay cho ông.

George Trần vừa đến gần thì bị một tên lính bắt.

“Anh ta là đầu bếp của nhà thờ!” Fabbi nói.

Viên thiếu tá hỏi người đội viên chôn xác: “Anh có nhận ra người này không?”

Người chôn xác nhìn mặt người thanh niên Trung Quốc mặt trắng bệch dưới ánh đèn pin như là đang cố nhớ lại rồi ầm ố bụng một tiếng: “Ừ.”

Engman nói: “Anh ta là trẻ mồ côi bảy năm trước tôi nhận về nuôi.”

Viên thiếu tá hỏi người chôn xác: “Trong mấy người này, ai là lính Trung Quốc?”

Người nọ cầm lấy đèn pin, soi mặt từng người.

“Tôi đã nói những người tôi thu nhận đều là dân thường, là giáo dân của nhà thờ này.” Linh mục Engman nói.

Người chôn xác chiếu đèn vào mặt Lý Toàn Hữu rồi nói: “Tôi nhận ra rồi, đúng người này.”

Đới Đào nói: “Anh nhận ra tôi kia mà, tại sao lại thành ra anh ta?”

Fabbi nói: “Cho nên anh là thằng chỉ bấy! Anh chẳng nhận ra ai cả! Đầu bếp của nhà thờ cũng là lính, mắt chó của anh mù rồi...” George Trần không dám động đậy, mắt không dám chớp chỉ dám liếc ngang, liếc qua liếc lại như đang âm mưu gì.

Viên thiếu tá tháo găng tay sờ nhẹ lên trán George Trần. Hắn muốn sờ thấy vết lõm do đội mũ lính lâu ngày. Nhưng George Trần hiểu lắm là hắn muốn chọn chỗ để chém, anh ta lùi lại theo bản năng, quay đầu đi. Viên thiếu tá tất nhiên chẳng sờ thấy gì, đang phân vân lại thấy thái độ George Trần như vậy, “soạt” một cái hắn rút kiếm ra, George Trần ôm đầu bỏ chạy. Tiếng súng nổ, George Trần gục xuống.

Đới Đào nói: “Các ông đã giết người vô tội! Tôi là lính Trung Quốc, các ông bắt tôi đi!”

Fabbi nâng George Trần dậy, George Trần giãy giụa ngày càng yếu, viên đạn xuyên thủng cuống họng.

Sau khi ngã xuống anh ta giãy giụa cuối cùng đến sát lỗ thông hơi. Phía sau tấm lưới, mười mấy cặp mắt trẻ từ trong bóng tối đang nhìn anh ta. Người đầu bếp trẻ tuổi tay nghề không cao nhưng tốt bụng, chẳng nói gì nhiều với các cô bé vậy mà khi chết lại gần các cô đến thế.

Thư Quyên lấy tay bịt miệng, nếu không cô lại gào lên như Sô-phi. Sô-phi đang được một cô khác ghì chặt vào lòng và vỗ nhẹ nhẹ. Mấy bạn bạo dạn bấy giờ trở thành bậc đàn chị của các cô bé nhút nhát.

Viên thiếu tá nhìn kỹ Đới Đào. Lính chuyên nghiệp có thể ngửi được mùi của nhau. Hắn cảm thấy người đàn ông Trung Quốc này toát lên sự lạnh lùng và khát máu của người lính.

Hắn quay sang linh mục Engman: “Ồ, ông linh mục, vùng trung lập của người Mỹ không còn trung lập nữa hả? Ông còn phủ nhận chứa chấp kẻ thù của quân Nhật nữa hay không?”

Đới Đào nói: “Tôi tự ý nhảy tường vào, không can gì đến ông linh mục cả.”

Linh mục Engman nói “Anh ta không phải kẻ thù của quân Nhật. Không tác sát trong tay tất nhiên là người dân vô tội.”

Viên thiếu tá dung bàn tay đeo găng trắng ra hiệu đưa ba người Trung Quốc còn sống đi.

Fabbi nói: “Các ông nói chỉ bắt hai người! DDã bắn chết của chúng tôi một làm thuê.”

Viên thiếu tá nói: “Nếu chúng tôi phát hiện thấy bắt nhầm chúng tôi sẽ đem trả lại.”

Fabbi kêu lên: “Thế còn người chết oan?”

“Trong chiến tranh có nhiều người chết oan lắm.”

Linh mục Engman đến trước mặt viên thiếu tá: “Tôi cảnh cáo các ông một lần nữa, đây là địa bàn của nước Mỹ, trong lãnh thổ Mỹ ông nổ súng giết người, tùy tiện bắt bớ người tị nạn, ông có nghĩ đến hậu quả không?”

“Ông có biết thượng cấp của chúng tôi sẽ giải quyết hậu quả thế nào không. Họ sẽ nói: Đó chỉ là hành động mất kiểm soát của cá nhân trong quân đội, những người đó đã bị trừng trị theo quân pháp. Thực tế chẳng có ai truy cứu những “hành vi cá nhân” cả. Hiểu chưa, ông linh mục? Trong chiến tranh hành vi mất kiểm soát xảy ra từng giây đồng hồ.” Viên thiếu tá nói lưu loát, phiên dịch cũng lưu loát.

Linh mục Engman cứng lưỡi. Ông biết chính phủ Nhật sẽ chối bay mọi tội ác.

Đới Đào nói: “Thưa linh mục, xin lỗi, tôi tự ý leo tường vào đã gây cho ngài những lo lắng không cần thiết.” Anh ta gơ tay chào theo kiểu quân sự.

Theo nhận xét của Triệu Ngọc Mặc, giọng nói của Đới Đào rất đẹp. Cô quên hỏi quê anh ta ở đâu. Cũng có thể anh ta đi lính từ nhỏ, bốn bề là nhà, giọng nói pha tạp, không còn thuần khiết nữa.

Cô cứ thế giương mắt nhìn anh bị lôi đi. Ai nghĩ được anh và cô lại chia tay theo cách như vậy...

Chỉ mới tối hôm kia thôi, anh còn nói với cô rằng lẽ ra anh phải rời khỏi nhà thờ từ sớm kia, sợ dĩ còn nấn ná là vì anh còn đang lặng lẽ tìm lại vũ khí. Anh nói, người đàn ông nào đã quen đeo súng lục thì giống như người đàn bà quen đeo trang sức, không có nó thấy mất tự tin. Nói thế rồi anh nháy mắt với cô. Cô hiểu, anh hẹn cô ra ngoài.

Họ lần lượt ra khỏi căn hầm. Cứ y như là một cuộc hẹn hò bí mật, mỗi cái đưa mắt đều có nghĩa. Hai người men theo chiếc cầu thang ọp ẹp leo lên cái gác chuông rệu rã. Cô nhớ lại, trong bóng tối anh chìa tay cho cô, sợ cô ngã và nói: “Coi như thám hiểm một phế tích cổ xưa.”

Gió trên gác chuông cũng khác, lạnh hơn nhưng như là gió tự do. Vì kiến trúc bị sập xệ tạo ra một không gian méo mó cho nên con người cũng phải vận vẹo khi đi đứng hoặc ngồi trong đó. Đới Đào lấy ra một chiếc ống nhòm bỏ túi, đưa lên nhìn xung quanh rồi đưa cho cô. Phố xá mờ ảo dưới ánh trăng, tách ra những ngò nhỏ như nhánh cây rồi nối vào các ngôi nhà như lá cây. Có điều lúc này các ngôi nhà đều đen sì. Chỉ vì đây đó còn lẹt đẹt tiếng súng mới khiến người ta nghĩ rằng đây không phải là ngôi thành đã vắng bóng con người từ ngàn năm trước mà hãy còn sinh mạng để cho cung cấp cho cuộc săn lùng bắn giết.

“Nhà các cô ở phía nào?” Đới Đào thấy cô nhìn lâu thế mới lẩm tưởng là cô đang tìm sông Tần Hoài.

“Em không tìm nó,” cô cười lạnh lùng, “mà đây đâu phải nhà em.”

Đới Đào không nói gì nữa, anh hiểu rằng sự lạnh lùng của cô là do anh gây ra.

Hai người ngồi im, lát sau anh hỏi cô nghĩ gì. Cô đang nghĩ xem có nên hỏi anh quê ở đâu, có con chưa, vợ bao nhiêu tuổi. Nhưng cô nghĩ đây là câu hỏi của người định sống với nhau lâu dài. Nếu anh hỏi cô như vậy, cô cũng lơ đi không trả lời.

Vậy cho nên cô nói: “Em nghĩ... em muốn một liều thuốc.” Đới Đào mỉm cười: “Vừa khéo, tôi cũng đang muốn hút thuốc.”

Hai người nhìn nhau rồi lại quay ra nhìn phố xá. Nếu bây giờ được nghe tiếng rao bán thuốc lá thì có nghĩa là thành phố đã hồi sinh, hai người có thể ra ngoài. Tiếng rao bán thuốc lá là khúc dạo đầu, tiếp theo sẽ là tiếng rao bánh bao, đậu rán... Anh và cô có thể tìm quán nào đó ăn bữa tối rồi đến vũ trường nhảy đến khuya.

Có thể cô cũng nghĩ tương tự như vậy, anh nói: “Đó cũng là duyên số. Nếu không thì cái cấp trung đoàn phó bé con con như tôi làm sao mà hẹn được tiểu thư Triệu Ngọc Mặc.”

“Anh đã hẹn đâu mà biết là không được.”

“Tôi hẹn cô lên lên gác ngắm cảnh đấy thôi?” Anh cười, đầu ngoẹo sang bên, ý nói anh đang đem cái gác chuông đổ nát này và thắm cảnh ngoài kia ra chiêu đãi cô.

“Cái này cũng tính à?”

“Sao lại không tính?”

Anh đứng rất không thoải mái, có thể vì thế mà vết thương đau hơn cho nên anh hơi dịch lên phía trước gần cô. Dưới ánh trăng mờ, cô nhìn anh. Cô biết, cái nhìn của Triệu Ngọc Mặc là nghiêng nước nghiêng thành.

“Tất nhiên là không tính.” Cô nhìn anh và nói.

Anh điều khiển được một trung đoàn sĩ quan binh lính bây giờ chẳng điều khiển nổi trái tim mình. Anh sắp đổ gục nhưng vẫn đứng im, anh coi trái tim mình như một người lính bước bình nhất của trung đoàn. Anh phải sai khiến và sai khiến được.

“Thôi vậy, không tính nhé. Sau này hẹn cô đi ăn tối, đi nhảy mới tính.” Anh nói.

“Em nhớ rồi đấy nhé.” Cô nói chậm rãi: “Nếu anh không giữ lời, không đến mời em là em sẽ...” cô càng nói chậm lại.

“Cô sẽ thế nào?”

“Em sẽ đến mời anh.”

Anh bật cười: “Con gái mời con trai?”

“Em lần đầu tiên mời con trai vậy anh nên coi chừng.” Cô đưa tay xoa rất nhẹ lên má anh. Đây là động tác của gái làng chơi, mà cô cũng chẳng muốn giả làm con gái nhà lành. Với con gái nhà lành, anh chẳng được hưởng đầy đủ rồi sao! Điều cô muốn anh nhớ là cô nợ anh một buổi chiều dài thuần túy là kiểu gái gọi cao cấp. Vì cuộc chiều dài tình dục hừng hực sức sống đó, anh hãy sống, đừng có lao vào những cuộc chém giết đổ máu nữa.

“Vậy thì tôi cũng nhớ.”

“Nhớ cái gì? Nói lại nghe nào.”

“Nhớ rằng người đẹp Nam Kinh Triệu Ngọc Mặc đã hẹn, vì lời hẹn đó, tôi không được chết.” Anh cười, nửa đùa nửa thật. Đàn ông đi lính đều là cao thủ tán gái, anh cho cô thấy vẻ khoan tán tỉnh anh chẳng hề kém cô chút nào.

Hai người xuống gác, đến hành lang thì chia tay. Anh nói cần đi gặp Fabbi. Cô hỏi muộn rồi tìm ông ấy làm gì. Anh cười về thần bí.

Bây giờ Ngọc Mặc nghĩ về nụ cười cuối cùng ấy của anh.

...

Các cô nhìn qua lỗ thông hơi, thấy một tên lính Nhật đá vào người Vương Phổ Sinh, vừa đá vừa quát: “Đứng dậy! Đứng dậy!”

Chú lính nhỏ đau đớn quá, kêu lên thảm thiết, các cô gái run lên.

“Một quân đội tàn nhẫn như các ông, tôi chưa hề thấy bao giờ!” Linh mục Engman chạy đến định kéo tên lính đang đập vào bụng Vương Phổ Sinh, lại một mũi lê xé rách áo ông, lông ngỗng bay ra theo sau ông: “Xin ông hãy vì thượng đế tha cho đứa bé!...”

Viên thiếu tá lấy kiếm chặn ông lại. Lý Toàn Hữu đứng cách hắn chỉ một bước chân, anh ta đột nhiên phát lực, chồm đến viên sĩ quan trẻ tuổi. Chẳng ai kịp phản ứng, hai người ôm cứng lấy nhau. Lý Toàn Hữu tay trái khóa cổ, tay phải bóp chặt khí quản viên thiếu tá. Chân tay viên thiếu tá mềm oặt, thanh gươm rơi xuống đất. Lý Toàn Hữu đổi tư thế, tay trái vẫn siết cổ hắn. Lính Nhật không dám bắn, chúng tuốt lê đến giải cứu. Khi lưỡi lê cắm vào ngực Lý Toàn Hữu cũng là lúc cổ họng viên thiếu tá bị hai chiếc kim tay của Lý Toàn Hữu bóp muốn vỡ ra. Bọn lính dùng lưỡi lê đâm nát người Lý Toàn Hữu, cứ mỗi cơn đau, bàn tay lại siết chặt hơn. Chân tay viên thiếu tá mềm nhũn, tri giác dần dần tê dại đi.

Cuối cùng đôi tay của người lính Trung Quốc cứng lại, đôi mắt trừng trừng nhìn hắn cũng dại đi, hàm răng nghiến lại bật ra một câu nguyên rủa đủ khiến viên thiếu tá khó chịu.

Tên này vận dụng tất cả sức lực còn lại mới cố đứng vững được. Máu miệng ộc ra, chân tay tê dại dần dần thức tỉnh. Hắn biết, chỉ cần đôi tay siết cổ hắn thêm năm phút, có thể chỉ ba phút thì hắn cùng về nơi chín suối với người lính Trung Quốc này rồi. Hắn cảm thấy cổ họng đau buốt, được rồi, biết đau thế là tốt.

Viên thiếu tá ra lệnh bọn lính bắt đầu lục soát. Khắp nơi trong nhà thờ nhoang nhoáng bảy tám luồng sáng đèn pin. Linh mục Engman đứng tại chỗ chìm vào sự cầu nguyện đầy xúc động và trầm lặng. Ánh mắt Fabbi hoảng loạn nhìn theo luồng sáng sục vào xương đóng sách. Mười sáu chỗ nằm của các nữ sinh vẫn còn đó, mười sáu cái đệm cỏ, mười sáu cái chăn lại còn lễ phục của ban đồng ca sẽ là đầu mối lục soát của bọn Nhật. Nếu chúng giàu trí tưởng tượng, từng bộ từng bộ vấy dạ thủy thủ màu đen khiến chúng liên tưởng đến những tấm thân non tơ... Ai biết được câu chuyện sẽ khủng khiếp đến mức nào!

Phát hiện ra cái lỗ lên gác hai là không khó, Fabbi nhìn thấy luồng sáng lia đến căn gác, ánh sáng lọt qua khe rèm.

Đám lính lục soát nhà ăn hầu như chẳng thu được gì, Fabbi thở phào, một cái lò nướng mới kê chặn đường xuống hầm kho, cái lò phối hợp rất hài hòa với các tủ kệ khác trong nhà bếp.

Thực ra lính Nhật vào bếp có một động cơ khác; chúng cạy cái tủ đã khóa của George Trần, lấy ra một túi khoai và nửa bao bột. Mấy chục vạn quân Nhật vào thành cũng phải chịu đói, cho nên tìm thấy lương thực là chúng reo ầm lên.

Ngay ở dưới sàn gỗ các nữ sinh và các cô gái điểm đều không chớp mắt nhìn trừng trừng lên trần hầm và nhìn ánh đèn lọt qua cửa lên xuống.

Qua tấm rèm, các cô gái điểm nghe thấy hai ba nữ sinh đang rên rỉ. Ngọc Sinh rít răng: “Các cụ tiểu thư, còn ho he tao sang bóp chết!”

Nan Ni bơi dạt lên mặt. Ngọc Sinh trông thấy cũng lấy hai tay sờ xung quanh xoa bỏ hóng bụi bắn lên mặt! Ngọc Mặc chưa chút cười thầm: Chúng mày không nghe à? Trong tay bọn súc sinh bà già bảy mươi cũng thành gái tơ. Chỉ có Hồng Lăng không nhìn cái cửa lên xuống hình chữ nhật. Cô dờ dẩn trong bóng tối, chốc chốc lại nấc lên thổn thức, cô nhìn rõ George Trần từ con người nhanh nhẹn hoạt bát đến lúc thành cái xác đầm đìa máu thịt, cô không thể nào tin được đó là sự thật. Cô đã qua tay vô số đàn ông nhưng trong thời khắc loạn lạc, sống nay chết mai này lại kết với George Trần, một tình yêu hiếm có đã nảy nở trong cô. Hồng Lăng nghĩ trên đời này bây giờ không còn George Trần tai vỉnh chưa nói đã cười nữa. Cô không thể tin được. Cô vẫn thường nghe George Trần nói: “Thà sống hèn còn hơn là chết.” Con người một lòng một dạ cam chịu “sống hèn”, an phận giữ mình như vậy mà cũng không được toại nguyện. Hồng Lăng tê tái nghĩ: Tội nghiệp cho George Trần của tôi.

Hồng Lăng phát hiện thấy trong tay Ngọc Mặc cầm cái gì đó, một cái kéo nhỏ dùng trong việc khâu vá, nhỏ hơn bàn tay nhưng rất sắc. Cô đã thấy Ngọc Mặc dùng nó cắt chỉ, cắt hoa ngày tết, sửa lông mi cho cô, nói cắt đi vài lần lông mi sẽ đen và dày. Lông mi của Hồng Lăng đen và dày như bây giờ là nhờ cái kéo này. Nó chưa bao giờ rời khỏi Ngọc Mặc, bao giờ cũng được để chung với mấy món đồ trang sức thiết thân. Cô không biết bây giờ chị cầm nó để làm gì. Có thể chị dùng để cắt họng, cắt động mạch, để giữ thân và để báo thù cho thiếu tá Đới Đào mà chị sắp phải rời xa. Bọn Nhật sục sạo căn bếp vẫn lật hòm phá tủ, chúng nói xì xồ, mỗi tiếng phát ra lại có một hai cô bé co rúm lại.

Nan Ni nói khẽ: “Chị Ngọc Mặc, chia cho em nửa cái kéo.”

Ngọc Mặc không thèm để ý, sức nào mà tách ra được, gây tiếng động để oan gia à? Ai cũng thích cái kéo đó, cho dù nó là cái răng của con hổ sắp chết cũng được.

Ngọc Sinh nói: “Không có kéo dùng đầu gối cũng được. Miễn sao đầu gối chưa bị giữ chặt, thúc thật mạnh lên cái ấy của nó ...”

Ngọc Mặc suýt một tiếng, bảo họ im.

Bố nuôi Ngọc Sinh là võ sĩ đánh tay không, hồi bé cô có học ở ông mấy miếng võ tay vô chân. Một phút sau cô đã quên mất sự nhắc nhở của Ngọc Mặc, lại bắt đầu dạy “võ gia truyền”. Cô bảo các bạn nếu hai tay chưa bị trói thì càng tốt, tóm vào cái ấy mà bóp cho nó không để được ra súc sinh Nhật bản con nữa.

Ngọc Mặc dùng cùi chỏ thúc mạnh cô ta vì tiếng căn bếp trên đầu bỗng nhiên im ắng. Tựa hồ như ba tên lính Nhật nghe được tiếng các cô nói chuyện.

Các cô ngồi im phăng phắc, chiếc kéo trong tay Ngọc Mặc đã ướt đầm mồ hôi. Cô chưa bao giờ yêu nó như bây giờ, cô yêu nó hơn cả chiếc nhẫn kim cương mà kẻ phụ tình đã tặng. Cô có được cái kéo từ khi mới mười ba tuổi. Bà chủ kỹ viện mất chiếc kéo dùng để khâu vá, vu cho Ngọc Mặc lấy đánh cô một trận như tử. Về sau cái kéo được tìm thấy, bà chủ tặng nó cho cô như vật bồi thường vì sự sai trái của mình. Từ đó Ngọc Mặc thề sẽ vươn lên, rũ bỏ cái phận người rẻ mạt, chỉ vì cái kéo mà phải chịu nhục.

Một nữ sinh thút thít. Ngọc Mặc vén rèm lên, nghiêng răng nói nhỏ: “Chúng mày khóc cái gì? Có chúng tao đây thí mạng cho còn sợ cái gì hả?”

Từ trong bóng tối, Thư Quyên nhìn bóng dáng đôi vai tròn, cái eo thon. Nhiều năm sau Thư Quyên dịch phá cách câu nói của Ngọc Mặc thành: “Tao không xuống địa ngục thì đứa nào xuống.”

Trở lại sau rèm, qua lỗ thông hơi Ngọc Mặc nhìn thấy Vương Phổ Sinh không quần áo, mình quần đầy băng bị lòi xềnh xệch ra phía cổng.

Vương Phổ Sinh đau quá kêu một tiếng thật dài. Đới Đào quát lên: “Thằng bé này chẳng sống nổi hai ngày, sao lại còn...”

Câu nói của Đới Đào bị một nhát chém cắt đứt. Hai hôm trước Ngọc Mặc đã dùng lời hẹn ước ngọt ngào để giữ anh sống, anh nói anh nhớ rồi, vậy mà cái đầu chứa đựng lời hẹn ước đó đã rơi xuống đất ngay trước mắt cô!

Vương Phổ Sinh không còn sức sống bỗng bật ta một tiếng kêu quái dị: “Tao giết tám đời bọn Nhật Bản!”

Viên thông ngôn không dịch câu rửa này.

Vương Phổ Sinh tiếp tục la lên: “Tao giết tất cả bọn đàn bà con gái Nhật thối tha!”

Viên thiếu tá bắt viên thông ngôn dịch đơn giản câu này.

Nghe xong hấn dùng thanh kiếm đâm máu Đới Đào đâm ngay vào ổ bụng đã nát của Vương Phổ Sinh.

Ngọc Mặc lấy tay úp chặt hai tai, tiếng kêu cuối cùng của Vương Phổ Sinh thấm thiết quá. Mới hai ngày trước đây thôi, Đậu Hoàn còn hồn nhiên bảo sẽ gầy đàn kiếm ăn và sống với cậu lính nhỏ này đến đầu bạc răng long, giờ đây hai người đã theo nhau làm một đôi hồn ma trẻ tuổi.

Ánh đèn pin tắt, tiếng giày đinh đã xa dần về phía cổng. Tiếp theo tiếng còi ô tô “bim...” một hồi dài, sự cáo từ theo kiểu diễu võ giương oai của kẻ gây ác. Khi tiếng máy ô tô đã xa, những người đàn bà và các bé gái nhìn thấy đôi chân của lính mục Engman và của Fabbi bước đi chậm chậm, loạng choạng kinh hoàng. Hai người đang di chuyển mấy cái xác...

Ngọc Mặc khóc rưng rức. Cô lúi khỏi lỗ cửa, một tay nắm chặt cái kéo một tay quạt nước mắt, tay đầy đất khiến mặt mũi nhem nhuốc. Cô yêu thiếu tá Đới Đào, cô là người con gái đa sầu đa cảm, một trái tim có thể yêu nhiều đàn ông, cô yêu cả ba người lính này, yêu đến thất ruột.

Lúc này là hai giờ sáng.

14. Chương 14

Sáu giờ sáng ngày 20 tháng 12 năm 1937, hai vị lính mục dẫn đầu 13 nữ sinh tiến đưa ba người lính, các cô bé hát khúc cầu siêu bằng giọng trầm trầm. Cô Thư Quyên của tôi đứng ở hàng đầu. Sau khi lính Nhật rời đi, các cô lấy những tờ giấy trắng tinh làm mấy chục bông hoa trà, một vòng hoa đơn sơ đặt trước bốn thi thể. Lúc này khi các cô bé nâng vòng hoa đi đến sảnh lớn thì Ngọc Mặc cùng các bạn đã ở trong sảnh, các cô vừa bận bịu mấy tiếng đồng hồ tắm rửa thay quần áo cho người chết, các cô còn cạo mặt cho họ. Đầu thiếu tá Đới Đào đã được ghép lại với thân thể, Ngọc Mặc lấy chiếc khăn quàng lông mịn quần cổ cho anh. Thấy các bé gái đi đến, các cô đều đưa mắt chào.

Khi đó chỉ có Thư Quyên vội vàng đưa mắt đi chỗ khác, cô vẫn hận lắm. Cô nghĩ, trên đời này những sinh mạng rẻ mạt, không hề cao quý thì sống dai như đám đàn bà chuyên nghề mua vui đang đứng kia, còn người cao quý như thiếu tá Đới Đào thì yếu mệnh và còn phải đón nhận cái chết thảm thương đến thế.

Cô thấy đám gái điếm mặc quần áo tang, mặt trắng xanh do không thoa phấn, Triệu Ngọc Mặc mặc chiếc áo dài lụa nhưng đen như một góa phụ. Cô này lắm trang phục thật, có cả áo tang. Thư Quyên muốn lườm cô ta một cái nhưng lại thôi. Các cô gái điếm ai cũng cài trên mái tóc một bông hoa trắng tết bằng sợi len tháo ra từ chiếc áo len.

Lính mục Engman mặc chiếc áo choàng trang trọng nhất của ông nhưng vì đã lâu không mặc cho nên bị bọ cắn thủng lỗ chỗ. Mái tóc bạc phơ chải ngược ra sau, ông đội chiếc mũ rất nặng, tay cầm một chiếc gậy lễ cũng rất nặng bước lên bục giảng.

Tang lễ bắt đầu, Thư Quyên rơi nước mắt. Cô Thư Quyên của tôi không phải là người mau nước mắt, cô khóc, chính cô cũng thấy lạ. Cô đã nhiều lần kể với tôi về cái chết của ba người lính và đám tang của họ, bao giờ cũng nói: “Cô không hiểu mình khóc cái gì mà khóc thảm thiết đến thế.” Về già, Thư Quyên là một nhà văn lớn, cô có thể viết ra hàng đống chữ, phân tích rất sâu sắc một chút cảm giác nho nhỏ. Cô nói, lúc đó cô khóc vì cô hoàn toàn vứt bỏ hy vọng đối với cái gọi là con người: Con người tại sao bỗng dưng gây ra cuộc chiến tranh để đánh nhau? Đánh vài ngày thì người chẳng là người nữa, thoái hóa thành con vật, mà con vật cũng không tàn sát đồng loại. Sự chịu đựng, trốn chạy, kinh hoàng của đồng loại... cô không thấy được hết. Đứng giữa đám bạn bè hát khúc An Hồn, Thư Quyên đầm đìa nước mắt nhìn bốn thi hài trên bệ.

Họ bị tàn sát như thế nào, cô chứng kiến từ đầu đến cuối. Sự tàn nhẫn của con người đúng là không có giới hạn, không có điểm dừng. Thiên hạ không hề có công lý, nếu có thì làm sao một nhóm người có thể đến một nước khác mà ngang ngược hành hạ người dân bà nước khác tàn độc như vậy? Thư Quyên khóc rưng rức như muốn trút ra tất cả những oan khuất chứa chất trong lòng.

Bây giờ sáng, họ an táng những người xấu số ở khu mộ của nhà thờ.

Sau đó linh mục Engman thay đôi giày đế cao su để đi bộ đến khu an toàn. Ông đến đó để báo cáo chuyện xảy ra đêm qua, nhân tiện nghe ngóng xem có thể tìm được phương tiện giao thông nào để bí mật đưa các em nữ sinh đi ra khỏi Nam Kinh. Chỉ cần có một chiếc xe đưa các em đến nhà riêng ông Rabbi, hoặc nhà ông Robinson, chận chội một chút cũng được. Cần có một hai ủy viên của khu an toàn đi theo xe từ nhà thờ đến đó, khoảng năm kilômét, để dọc đường khỏi bị quân Nhật cướp xe. Sau chuyện tối qua, linh mục Engman hiểu rằng không những nhà thờ không còn an toàn mà hơn nữa đã bị quân Nhật để ý. Ông có cảm giác, sau khi lục soát căn gác, quân Nhật nhất định nghi ngờ các em học sinh vẫn còn trong nhà thờ, từ đó hoài nghi lời giải thích của Rabbi rằng: Trước khi Nam Kinh thất thủ, các em đã được cha mẹ đón đi rồi. Thậm chí ông còn kinh hoàng khi nghĩ đến, lính Nhật còn đánh hơi thấy mùi của các em. Ông nhớ lại tối qua có thoáng nghe thấy tiếng một kêu thất thanh. Mong sao đó là ảo giác của ông do thần kinh quá căng thẳng.

Đúng vào lúc ông đang lo ngại điều đó thì ở bên ngoài, nơi thành phố đã thành địa ngục, viên thiếu tá Nhật cũng đang suy nghĩ xem tiếng kêu non nớt hẳn nghe thấy tối qua là cái gì.

Tất nhiên, tôi viết như vậy là gượng ép, là tưởng tượng. Nhưng căn cứ vào hành động của hắn chiều hôm nay, tôi có cảm giác tâm lý viên sĩ quan này có lẽ đúng như vậy. Khi người đầu bếp bị bắn gục xuống, hắn nghe thấy tiếng kêu, tiếng đứa bé gái như còn mùi sữa mẹ. Lại nữa, mấy tên lục soát căn gác đã báo cáo đó là buồng ngủ tập thể. Sau khi rời khỏi nhà thờ, kết hợp những hiện tượng, tiếng kêu, hơn chục bộ chăn đệm, hơn chục bộ váy áo lễ phục, hắn nghi ngờ rằng các nữ sinh vẫn còn ở trong nhà thờ. Viên thiếu tá nghĩ đến những thiếu nữ mặc váy dạ đen thủy thủ da thịt thơm tho đến thế nào, được ném mùi thì chết cũng đáng. Ruột gan hắn cồn cào như lửa đốt. Viên thiếu tá cũng như đa số đàn ông Nhật lúc này có một thứ bệnh hoạn là thích giao cấu với vị thành niên, họ có sự thèm khát rất cổ lỗ và độc ác đối với con gái còn bé hoặc còn trẻ. Viên thiếu tá tưởng tượng tiếng kêu thoáng nghe như có như không đó thành tiếng kêu gào trong đêm đầu tiên. Hắn càng nghĩ càng mê mẩn. Tiếng kêu đó là một bóng hồng trong toàn bộ sự kiện đẫm máu này. Nếu cái hưng phấn bệnh hoạn và tội lỗi đó có một phần vụn là đẹp đẽ, nếu không có chiến tranh cái một phần vụn đẹp đẽ đó là trí tưởng tượng đen tối thì cũng mãi mãi không được phép nảy nở sâu tận đáy lòng người dân ông. Nhưng chiến tranh khiến nó khác đi rồi, cái trí tưởng tượng bệnh hoạn đó trong lòng viên thiếu tá và những người dân ông đồng hương của hắn lập tức trở thành nỗi khát vọng được thỏa sức bạo ngược. Là kẻ chiến thắng, nếu không chiếm hữu đàn bà của quốc gia thù địch thì chưa gọi là chiến tranh một cách an toàn và chiếm hữu đàn bà của quốc gia thù địch quan trọng nhất là chiếm hữu thành phần đẹp nhất – đó là các thiếu nữ. Do đó viên thiếu tá phải hoàn thành nốt phần cuối cùng của cuộc chiếm đóng, đó là chiếm hữu thiếu nữ của quốc gia thù địch, chiếm hữu cái đêm đầu tiên của họ.

Tôi nghĩ viên thiếu tá chắc phải mất đến nửa ngày trời để tìm được chậu hoa Giáng sinh. Hắn định đem chậu hoa đến, dùng một cách khác để ẩn chuồng cống nhà thờ. Có chậu hoa, hắn sẽ không còn là một sĩ quan của quân chiếm đóng buộc phải làm tên đồ tể bất đắc dĩ như tối hôm qua nữa.

Ta hãy quay lại những chi tiết nhạt nhẽo khô khan của cuộc thương thảo diễn ra trong chuyến đi của linh mục Engman đến khu an toàn để bàn việc đưa các em nữ sinh ra khỏi nhà thờ. Cứ mặc kệ cho viên thiếu tá đi tìm chậu hoa mà hắn cho rằng không thể thiếu được để làm cố xâm nhập vào nhà thờ chiều nay.

Tôi phải quay lại khu mộ nhà thờ một chút, đó là lúc bảy giờ mười lăm, linh mục Engman vừa ra khỏi cổng. Các cô gái điếm và các em nữ sinh đã về căn hầm, chỉ còn một mình Ngọc Mặc ở lại, cô đứng trước mộ Đới Đào.

Fabbi quay lại trông thấy, nói: “Về thôi, sắp mưa rồi.”

Ngọc Mặc lấy mu bàn tay quệt nhanh má không muốn để cho Fabbi thấy mình khóc.

Fabbi đứng nguyên tại chỗ chờ, thấy Ngọc Mặc không có ý định về, anh quay lại và nói: “Về mau lên, ở ngoài không an toàn đâu.”

Ngọc Mặc quay lại, hai mắt đỏ và sưng húp vì khóc. Lúc này cô không xinh, mà còn xấu đi. Nhưng Fabbi vẫn thấy cô hấp dẫn. Anh còn nhìn thấy cô gái hai mươi tuổi này đã bỏ lỡ hàng ngàn hàng vạn cơ hội làm nữ giáo viên, nữ thư ký, nữ đại gia, bà lớn... Nhưng bây giờ anh tin rằng chính vì cô bỏ lỡ hàng ngàn hàng vạn cơ hội may mắn đó cho nên trông cô vô cùng hấp dẫn. Một trong hàng ngàn hàng vạn cơ hội may mắn là chàng trai hai mươi tuổi Fabbi từ nước Mỹ về tình cờ gặp cô bé hơn mười tuổi đang bị bán vào nhà chứa. Fabbi dốc hết số tiền dành dụm được trả cho người bán cô bé. Cô bé bảo với Fabbi rằng cô tên là Triệu Ngọc Mặc. Đó là một khả năng mà cả hai cùng bỏ qua mất.

Do đó bây giờ Fabbi hỏi cô: “Nhà cô còn ai không?”

“Chắc hẳn còn.” Cô lơ đãng trả lời: “Hỏi thế để làm gì?”

“Sợ xảy ra chuyện gì... mất liên lạc, tôi cần tìm người nhà cô.”

“Sợ chẳng may tôi chết đi ư?” Ngọc Mặc cười như mỉa. “Đối với người nhà tôi, tôi chết hay tôi sống chẳng khác gì nhau.”

Fabbi không nói gì nữa, vết thương trên vai chốc chốc lại nhói lên.

“Họ chỉ cần có thuốc phiện hút là xong, mấy người chị em đều bị bán đi lấy tiền mua thuốc hút.”

“Cô có mấy chị em?”

“Tôi là chị cả, còn hai em gái một em trai. Khi mẹ chưa nghiện tôi không hề kém các bạn, tôi học trường tốt, tôi đã học một năm trường của giáo hội.”

Cô kể lại chuyện cha cô đem cô gán nợ cho chú họ cô, bà thím lại bán cho nhà chứa. Cô kể với thái độ vô cùng dửng dưng, chính cô cũng cảm thấy quá ư bình thường, nhạt nhẽo. Cô kể đến cả chuyện cái kéo khiến cô bị đánh đập nhục nhã, chuyện chiếc kéo khiến cô nghiêng răng lại quyết chí, cho dù phải dùng cái nghề hèn mạt này, cô cũng phải có ngày mở mày mở mặt.

Lúc này Fabbi và cô đã ngồi trong sảnh lớn, mùi thơm của hương và nến của lễ cầu siêu Misa vẫn chưa tan hết.

Ngọc Mặc ngồi xuống hàng ghế đầu, cầm lấy cuốn kinh thánh để sẵn ở đó cho giáo dân, cô cười chua chát. Cô mỉa mai chính mình.

Do đau đớn vì vết thương, Fabbi cứng người đứng trước mặt cô. Cô kể với anh nhiều thể khiến anh khó xử, có chút xấu hổ vì anh không phải linh mục rửa tội, cô cũng không phải con chiên xưng tội. Đối với Fabbi, con người suốt ngày lặng lẽ một mình thì hiểu kỹ quá về người khác là một gánh nặng khiến anh khó chịu. Biết đâu người đàn bà tên là Ngọc Mặc này đang tính toán một điều gì đó chẳng lành.

Đột nhiên cô chuyển sang chuyện khác: “Thế còn ông phó linh mục?” Cô muốn biết đời tư của anh, chuyện đời tư đối lập chuyện đời tư.

Không hiểu sao Fabbi cũng bắt đầu kể. Anh kể cho cô nghe cha mẹ anh để anh ở lại Trung Quốc như thế nào, cha nuôi và bà vú nuôi anh lớn lên như thế nào. Vừa kể anh vừa nghĩ, hình như chưa từng có ai cần nghe chuyện của anh, chưa có ai lắng nghe anh kể chuyện như Triệu Ngọc Mặc. Trước sự chăm chú lắng nghe đó, bỗng nhiên trong anh bùng lên nhu cầu khao khát được thổ lộ; những tình tiết đã kể anh quay lại kể chi tiết hơn. Anh nghĩ những chi tiết đó anh kể rất sinh động, bởi vì đôi mắt và gương mặt Triệu Ngọc

Mặc nhập thần đến vậy. Khi anh kể đến sự căng thẳng và sợ hãi khi gặp những người thân thích ở Mỹ, Ngọc Mặc mỉm cười thương hại. Người đàn bà này có thể thấu hiểu tình cảnh con người sâu sắc đến vậy!

Fabbi nghĩ, nếu có người chịu nghe anh tâm sự, anh có thể bỏ rượu. Gương mặt chăm chú lắng nghe đến thế đủ làm anh say.

Ngọc Mặc nói: “Tôi chưa hề nghĩ, trong đời này lại có lúc nói chuyện với một linh mục.”

Fabbi càng không nghĩ rằng, anh lại trao đổi chi tiết cuộc đời mình với một cô gái điếm.

“Vậy ông sẽ ở trong nhà thờ suốt đời?”

Fabbi từng người, chưa bao giờ anh nghi ngờ việc anh sẽ gắn bó suốt đời với ngôi nhà thờ này và mộ của anh sẽ đặt cạnh mộ linh mục Engman. Bây giờ nghe Triệu Ngọc Mặc hỏi, anh bỗng thấy hoài nghi. Cũng có thể anh vẫn luôn luôn hoài nghi nhưng anh không để ý, tuy vậy hoài nghi và không hoài nghi luôn tồn tại song song với nhau, tựa như sự tồn tại của thượng đế cũng vậy, như có lại như không.

Nhất là trong sự kiện đêm qua, đấng sáng thế sao mà yếu đuối bất lực đến thế, sao mà cũng dễ bị bắt nạt như dân lành vậy? Anh nhìn người đàn bà đã gọi cho anh sự hoài nghi. Miệng anh đang nói về những gì xảy ra sau khi anh gặp được linh mục Engman nhưng trong đầu lại nghĩ về cơ hội gặp cô gái hăm mốt tuổi đã bị bỏ qua, cô gặp một thanh niên phương Tây nói tiếng Dương Châu, anh đưa cô vào trường Wilson, trường nữ học của giáo hội, lặng lẽ chờ cô lớn lên. Đợi cô tốt nghiệp trung học rồi trở thành người đỗ đạt cao, Fabbi đến trước mặt cô và tuyên bố mình đã hoàn tục... Bây giờ Fabbi đang nhìn đôi môi, đường nét tuyệt đẹp của cái cằm xinh xắn đã được vô số đàn ông hôn. Chiếc áo dài bó sát thân như lớp da của cô; đó là cơ thể của người đàn bà Trung Quốc trong tranh thủy mặc, đường nét uyển chuyển cực kỳ huyền diệu, chỉ có người đàn ông phương Tây hiểu văn hóa Trung Quốc mới biết mơ đến một cơ thể như thế – sau khi người đàn bà có tên Triệu Ngọc Mặc đau đầu nhìn anh, anh đã mơ mấy lần, mơ thấy Triệu Ngọc Mặc trút bỏ từng lớp áo, lộ ra làn da mịn màng, làn da trắng xanh của cuộc sống đêm, anh tỉnh ra và giận mình và càng giận cô.

Có thể giận chính là yêu. Nhưng anh căm ghét một Fabbi dễ yêu, một tình yêu nhục dục và thấp hèn đến thế.

Điều Fabbi cảm thấy an toàn, đó là người đàn bà có tên Triệu Ngọc Mặc không bao giờ yêu anh. Cái nhìn đau đáu mang vô số hàm ý chỉ là xảo thuật, cô dùng nó để tìm kiếm sự thuận lợi cho mình, do đó anh càng thấy giận. Anh bị lừa rồi, nếu cô thật lòng yêu anh có phải anh xong đời rồi không? Lẽ ra anh phải cảm ơn cô, vì với anh, cô chỉ dùng xảo thuật thôi.

“Tôi về đây.” Cô đứng dậy, cặp mắt đỏ đã bớt sưng.

Cô chảy nước mắt quá nhiều vì viên thiếu tá họ Đới, thiếu tá có linh thiêng nên biết rằng mình có diễm phúc lắm, nếu Fabbi ở vào vị trí của viên thiếu tá thì cô thế nào nhỉ? Cô sẽ thương cảm một chút và nghĩ: Ồ, cái anh chàng Fabbi nửa tây nửa ta không còn nữa. Nhưng anh còn sống hay đã chết thì có gì khác nhau nhỉ? Đối với cô, chẳng có gì khác nhau cả.

“Thưa ông linh mục, ông nhớ rồi chứ ạ?”

Fabbi ngơ ngác nhìn cô. Cô ngoẹo đầu như cười, Fabbi hiểu rồi, cô hỏi anh có nhớ chuyện đời tư của cô không. Con người nhẹ tựa bụi hồng như cô, một khi đã rời đi thì tựa hồ như chưa bao giờ đầu thai vào thế gian này. Bây giờ nếu như Fabbi có trí nhớ tốt thì nên nhớ cô như hạt bụi nhưng cũng có gốc có rễ.

Fabbi bỗng thấy nhói đau trong lòng, nỗi đau chưa hề có bao giờ.

15. Chương 15

Hai giờ chiều, linh mục Engman đi bộ từ khu an toàn về đến nơi. Ông lúi ra từ trong áo choàng năm sáu cân gạo. Fabbi nấu cháo chín rồi gọi mọi người đến phòng ăn. Linh mục Engman bảo họ rằng, hôm kia lính Nhật ngang nhiên đến khu an toàn bắt đi mấy chục người đàn bà. Chúng dùng thủ đoạn cực kỳ đê tiện, trước hết bịa ra chuyện lòng bất lính Trung Quốc, dùng kế điệu hổ ly sơn, đưa mấy vị lãnh đạo khu an toàn đến cổng Học viện Nữ học Kim Lăng, đồng thời dùng xe tải bố trí sẵn đưa mấy chục người đàn bà đi ra cửa bên. Linh mục Engman nói điều kiện sinh hoạt ở khu an toàn còn tồi tệ hơn ở nhà thờ, quá chật chội phóng uế mọi chỗ mọi nơi, bệnh truyền nhiễm lan tràn, giữa nạn nhân với nhau luôn luôn xảy ra xung đột vì miếng ăn, cho nên lãnh đạo khu an toàn cho rằng mười mấy em mười bốn mười lăm tuổi ở đó không hề an toàn hơn so với ở nhà thờ. Bà Whittlyn và linh mục Engman đã thoả thuận, đêm nay đưa xe cấp cứu đến nhà thờ chuyển các em nữ sinh đến nhà riêng bác sĩ Robinson.

Sự kiện xảy ra hồi bốn giờ chiều ngày 21 tháng 12 năm 1937 đã được cô Thư Quyên của tôi ghi chép lại sau khi thoát hiểm. Nhiều năm sau cô viết lại. Tôi đã được đọc bản ghi chép với văn chương điêu luyện. Tôi không phải là nhà văn sử học như cô, tôi viết tiểu thuyết, đọc bản ghi chép đó tôi không thể kìm lại được sự tưởng tượng theo tư duy tiểu thuyết. Bây giờ tôi dựa vào trí tưởng tượng để phục hồi sự kiện đó bằng ngôn ngữ tiểu thuyết.

Nam Kinh tháng 12 trời chóng tối, bốn giờ chiều đã nhá nhem. Lại thêm có mưa, sáng sớm chưa kịp qua trưa đã ngã về chiều.

Linh mục Engman đã ngủ gà gật trong phòng đọc sách – ông đã dọn vào ở trong phòng đọc sách để khỏi mất thêm củi lửa đốt lò phòng ngủ, cũng để nghe tiếng Fabbi lên xuống gác, ra vào cửa, những âm thanh khiến ông cảm thấy đỡ trống vắng, có cảm giác được Fabbi làm bạn một cách gián tiếp, giúp ông can đảm hơn.

Fabbi từ đầu cầu thang chạy đến kêu lên: “Thưa Cha!...”

Đó là thứ âm thanh hồn siêu phách lạc.

Linh mục Engman ngồi trong ghế bành đứng dậy, nhưng hai chân yếu quá lại ngồi phịch xuống. Fabbi đã đến cửa.

“Có hai xe tải đến! Con đứng trên gác chuông nhìn thấy!”

Fabbi tội nghiệp lúc này như đứa trẻ vô tâm, linh mục Engman đứng lên, tấm áo choàng lông ngỗng ngực bị xé một miếng dài lộ ra lớp vải lót màu đỏ trông y như vết thương.

“Bảo mọi người chuẩn bị. Không được gây tiếng động, nhà có sập cũng không ra.” Ông vừa nói vừa đổi sang mặc áo tang màu đen, cầm lấy cây trượng.

Ra đến ngoài, trước mắt linh mục Engman là mảng sân rộng vàng khè, lính Nhật mặc quân phục ngồi kín mít trên bờ tường, tựa như loài chim lạ lông vàng rơi từ trên trời xuống trong nạn dịch chim.

Chuông cổng kêu. Lần này âm thanh có vẻ rụt rè, kêu một tiếng lại dừng một quãng lại kêu... Linh mục Engman đã trông thấy Fabbi từ trong bếp đi ra, ông biết đám đàn bà con gái đã được báo tin. Ông há hăm ý nói đến lúc rồi đó, phải đối đáp rồi.

Linh mục Engman và Fabbi Atonado sánh vai đi ra cổng, lần này ô cửa nhỏ không có lưới lê thọc vào mà là một màu đỏ rực. Linh mục Engman nhìn rõ rồi, viên thiếu tá tay trái nâng chậu hoa nhỏ, tay phải nắm chuỗi kiếm.

“Tại sao phải bấm chuông? Các ông không thích đi cửa chính mà.” Linh mục Engman nói.

“Xin ông nhận lời xin lỗi của tôi.” Viên thiếu tá nói. Đôi giày đi ngựa đập gót nghe chói tai, hấn cúi rạp người xuống để chào, “vì hôm qua đã quấy quả ngài linh mục.”

Vì hai câu xin lỗi mà hấn phải luyện tiếng Anh đến khổ sở.

“Mang hơn trăm binh lính lăm lăm súng ống đến xin lỗi ư?” Linh mục Engman nói.

Viên thông ngôn xuất hiện, một Hán gian nho nhã chừng năm mươi tuổi đeo kính gọng vàng.

“Sắp đến ngày Giáng sinh, sĩ quan binh lính chúng tôi đến chúc mừng ngày lễ.” Viên thông ngôn nói, chủ của y chỉ cười cười, dài từ do y soạn, có vẻ như y đã thuộc.

“Cám ơn. Xin nhận tấm lòng tốt.” Linh mục Engman nói: “Bây giờ có thể xin binh lính của ông trên tường lui xuống được không?”

“Xin ngài linh mục mở cổng cho ạ.” Viên thông ngôn truyền đạt câu nói lịch sự hết mức của viên thiếu tá.

“Mở hay không đối với các ông có khác gì đâu?”

“Ngài linh mục nói đúng lắm, đã không khác gì thì tại sao không mở cho lịch sự?”

Linh mục Engman lắc đầu kéo Fabbi đi.

“Ông linh mục, chộc tức những người khách như chúng tôi là không khôn ngoan đâu ạ.” Viên thông ngôn nói bay bướm.

“Tôi cũng tưởng thế,” Engman dừng chân, quay đầu nói với cánh cổng đóng: “nhưng sau mới biết đối với các ông, chộc tức hay không chộc tức cũng thế thôi.”

Fabbi nói nhỏ: “Đừng để câu chuyện xấu thêm nữa.”

Linh mục Engman nói: “Hãy còn có thể xấu thêm được hay sao?” Ông cương quyết không để bọn chó đại mặc quân phục màu vàng này vào bằng cổng chính. Để chúng nó vào cổng chính là nâng chúng lên tầm con người rồi.

Ông quay đầu lại, mảnh sân rộng trong ánh trời nhá nhem đã ngập trong cơn lũ màu vàng. Một tốp lính kiếm được cái rìu chặt đứt chốt cổng. Viên thiếu tá dẫn hơn chục tên lính sai chân bước tới như muốn tiếp quản nhà thờ.

“Lần này thì tìm bắt ai đây?” Linh mục Engman hỏi.

Viên thiếu tá lại cúi gập người. Dân tộc này lắm nghi lễ rắc rối thật. Viên thông ngôn dùng ngôn từ cao sang nói với linh mục Engman: “Thưa ngài linh mục, chúng tôi đến đây với tấm lòng thành.” Y nói tiếng Anh một cách khổ sở, viên thiếu tá cũng khổ sở vào vai: “Làm thế nào mới có thể hàn gắn được rạn nứt trong mối quan hệ giữa chúng ta?”

Linh mục Engman mỉm cười, trong tròng mắt sâu, ánh mắt xanh xám lạnh như đóng băng.

“Được, tôi tiếp nhận sự xin lỗi thành thật của các vị, và cũng tiếp nhận lời chúc của các vị, bây giờ tôi chỉ cho các vị cửa ra ở chỗ nào.” Linh mục Engman nói và quay đầu, tựa như dẫn họ ra cổng.

“Đứng lại!” Viên thiếu tá nói bằng tiếng Anh. Hắn đóng vai kịch câm, để cho viên thông ngôn nói thay, bây giờ không ê a được nữa.

Linh mục Engman dừng chân nhưng không quay lại, tư thế ấy tỏ ra rằng “biết trước là như thế rồi.”

Viên thiếu tá nói nhỏ với viên thông ngôn, vẻ dửng dưng, tên này lại vẫn khách sáo một cách trơ trẽn: “Lễ chúc mừng Giáng sinh của chúng tôi vẫn chưa bắt đầu mà!”

Linh mục Engman nhìn viên thiếu tá, lại nhìn những luồng đèn pin loang loáng khắp sân. Trời đã tối, đang sẩm dần thành đêm, phía sau ánh đèn là những bóng người đen hơn cả nền trời đêm.

“Trước Giáng sinh, bộ tư lệnh chúng tôi tổ chức dạ hội, cấp trên yêu cầu chúng tôi mời mấy vị khách quý.” Hắn nhận chiếc phong bì lớn từ tay viên sĩ quan xách cặp, trên đó ghi chữ Trung Quốc: “Thiếp mời.”

“Xin nhận tấm lòng, nhưng tôi không nhận lời mời.” Linh mục Engman không chìa tay ra cầm, để cho cái thiệp mời in rất đẹp loay hoay giữa ông và viên thiếu tá.

“Ngài linh mục hiểu lắm rồi, chỉ huy của chúng tôi không mời ngài linh mục.”

Linh mục Engman ngẩng mặt rất nhanh, nhìn viên thiếu tá đang cúi đầu, ánh mắt cung kính. Ông giật lấy tấm thiệp mở ra, một dự cảm chẳng lành khiến bàn tay sớm bị chứng parkinson run lấy bầy. Viên thiếu tá bảo một tên lính soi đèn cho ông. Thiệp mời gửi cho các thiếu nữ ban đồng ca.

“Ở đây chúng tôi không có ban đồng ca.” Linh mục Engman nói.

“Ngài linh mục đừng quên, hôm qua ngài cũng bảo ở đây không có lính Trung Quốc.”

Fabbi giật lấy thiệp mời từ tay Engman và đọc, anh sững người rồi đọc lại. Đọc lần đầu anh không tin ở mắt mình, đọc lần hai thì chẳng vào chữ nào. Anh ném tấm thiệp xuống đất gào lên: “Đồ súc sinh!” Tiếng Giang Bắc lúc này là ngôn ngữ rất tốt để biểu hiện. Fabbi quay sang viên thiếu tá, mặt anh xám lại: “Lần trước đã nói với các ông, nữ sinh trường Wilson đã được cha mẹ đón đi cả rồi!”

“Chúng tôi nghiên cứu rất kỹ lịch sử của Wilson, trường nữ học nổi tiếng của giáo hội. Một số ít trong các nữ sinh không có bố mẹ.” Viên thông ngôn dịch lại ý của viên thiếu tá một cách chậm rãi và rành rọt, có vẻ như cời mở để cùng tìm ra lẽ phải.

“Các em đó được các cô giáo đưa đi tản cư rồi.” Fabbi nói.

“Không đâu, theo tình báo chính xác, một ngày trước khi Nam Kinh thất thủ, buổi sớm còn nghe thấy các cô bé hát ở đây, quân đội hoàng gia đại Nhật Bản có rất nhiều bạn Trung Quốc, cho nên đừng tưởng chúng tôi điếc, chúng tôi mù.” Viên thiếu tá nói qua phiên dịch.

Linh mục Engman vẫn lặng im, tựa như câu chuyện giữa Fabbi với viên thiếu tá chẳng làm ông để tâm, ông còn việc lớn hơn phải suy nghĩ.

Ai đã bán rẻ các em? Cũng có thể khi cung cấp cái tin chết người này, người đó tưởng là bọn Nhật thật sự muốn nghe các em hát cho nên định lập công chuộc tội với chúng. Đúng là trong quân Nhật có tin đồ Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo. Kẻ bán rẻ các em có thể không biết rằng quân Nhật là một lũ cuồng điên bệnh hoạn đến thế nào, chúng tin rằng gái trinh bổ dưỡng tinh thần, chúng lấy lông mới mọc ở chỗ hiểm của gái tơ làm bùa hộ mệnh, đeo trên cổ có thể trừ tà, tránh được cái chết trong mưa bom bão đạn... Linh mục Engman đang mơ màng với những ý nghĩ đó, tỉnh ra thấy Fabbi đang dùng thân mình chặn lính của viên thiếu tá lại.

“Các ông không có quyền lực soát ở đây!” Fabbi nói: “Muốn lực soát hãy giẫm lên xác tôi!”

Fabbi đã thành biểu tượng liệt sĩ.

Sau những chiếc đèn pin, có tiếng động khẽ, hơn trăm lính, kiếm, súng đều ở trong trạng thái chiến đấu, sĩ khí bừng bừng, tất cả sẵn sàng. Linh mục Engman kêu lên và đi đến trước mặt viên thiếu tá: “Các em mới có mười mấy tuổi, chưa bao giờ tiếp xúc với xã hội, chưa nói tiếp xúc với đàn ông, với binh lính...”

Trong bóng tối bộ mặt viên thiếu tá hiện lên nụ cười: Nghe hợp khẩu vị quá, cái hân cần chính là sự trinh trắng như tuyết đầu mùa đó.

Hắn nói: “Xin ngài linh mục yên tâm, tôi xin lấy danh dự một quân nhân để quốc đảm bảo, hát xong tự tôi sẽ đưa các em về đây.”

“Thưa Cha, làm sao tin được lời lẽ ma quỷ của hắn?” Fabbi dùng tiếng địa phương Giang Bắc chất vấn linh mục Engman: “Con có chết cũng không để chúng làm điều súc sinh đó!”

“Các em sẽ không nhận lời mời đâu.” Linh mục Engman nói.

Viên thiếu tá nói: “Đối với các em đó là một việc rất tốt lành, hoa tươi, đồ ăn, âm nhạc, tin rằng các cô bé không ngốc nghếch từ chối lòng tốt của chúng tôi để cuối cùng gây ra chuyện không vui.”

“Ngài thiếu tá, mời quá đột ngột. Các em chưa chuẩn bị, nên cho các em ít thời gian để tắm rửa, chải đầu, mặc lễ phục. Hơn nữa cũng cho chúng tôi thời gian để nói chuyện có đầu có đuôi với các em, khuyên giải các em đừng có sợ. Các ông là thù địch của các em, việc phải đi với quân đội thù địch, đối với các em là điều quá ư khủng khiếp, chẳng may các em làm điều quá khích như tự thương, tự sát thì hậu quả thế nào?”

Tài ăn nói nổi tiếng của linh mục Engman lúc này được phát huy tối đa, tựa như ông đứng trên lập trường của người ngoài cuộc, đưa ra một sự thực có sức thuyết phục nhất, vừa thuận lợi cho hắn vừa dễ dàng cho các em.

“Cha nghĩ bọn súc sinh này thật sự muốn nghe hát sao?” Fabbi nói.

“Thưa ngài linh mục, ngài nghĩ cần bao nhiêu thời gian để các cô bé chuẩn bị?”

“Ba tiếng là đủ.”

“Không được, một tiếng phải chuẩn bị xong.”

“Ít nhất phải hai tiếng!”

“Không được!”

“Hai tiếng là ít nhất. Chắc ông không muốn nhìn thấy một bầy em bé đói rét, mặt mũi nhếch nhác, tóc tai bù xù, run rẩy sợ sệt đi với các ông chứ? Các ông muốn bọn trẻ sạch sẽ tinh khôi, yên tâm và tự nguyện, đúng không? Tôi cần thời gian khuyên giải các em, nói rằng các ông không giết người, không đốt nhà, không cướp, không hiếp, đúng không? Nếu không các em tự sát tập thể thì tính sao?” Linh mục Engman nói.

Lời nói thông thiết của vị linh mục già khiến viên thiếu tá suy nghĩ cẩn thận, hắn nói: “Tôi cho ngài một giờ hai mươi phút.”

“Một giờ bốn mươi phút.” Linh mục Engman nói với khẩu khí chắc nịch như lời thượng đế.

Linh mục Engman đã thắng trong cuộc đàm phán.

“Đồng thời tôi xin thiếu tá đưa binh lính đi, các ông bày binh bố trận thế này hy vọng gì tôi trấn an được các em, hy vọng gì giúp các em xua đi nỗi sợ hãi? Bọn trẻ không phải những em bé bình thường trong xã hội. Ông nghĩ đi, trường các em rất gần nhà thờ, nhà trường là cái nôi của các em, các em chưa bao giờ rời xa cái nôi. Do đó các em rất nhạy cảm, rất e dè, nhút nhát. Khi tôi chưa chuẩn bị tâm lý cho các em, những binh lính quân chiếm đóng lăm le gươm súng thế này thì những lời thuyết phục của tôi trở nên vô nghĩa hết.

Viên thiếu tá lạnh lùng nói một câu, viên thông ngôn dịch ra: “Thỉnh cầu đó tôi không thể đồng ý.”

Linh mục Engman cười nhạt: “Lực lượng này của các ông đủ để bao vây một tòa thành, còn sợ mấy đứa bé gái tay không ư?”

Lại một câu phản bác cực kỳ sắc bén, viên thiếu tá đứng yên một lát rồi ra lệnh binh lính rút ra khỏi sân nhà thờ.

“Thưa Cha, con không nghĩ cha lại tin lời ma quỷ của hắn!...” Fabbi nổi nóng.

“Ta không tin một chữ nào.”

“Vậy tại sao không cự tuyệt lời mời?”

“Cự tuyệt thì chúng cũng tìm ra bọn trẻ.”

“Nhỡ không tìm được thì sao? Ít nhất ta có thể gặp may!”

“Ta có thể gặp may muộn một chút. Bây giờ ta có một giờ bốn mươi phút, phải nắm chắc từng phút để tìm ra giải pháp.”

“Giải pháp cứu mạng sống của Cha phải không?” Fabbi đã thực sự phản chủ.

Linh mục Engman không hề tức giận, tựa như ông không nghe thấy câu nói của Fabbi. Khi quá xúc động, Fabbi chẳng làm chủ được tiếng Anh của mình nữa, phát âm, ngữ pháp đều lộn xộn, nói ra thật khó mà hiểu nổi. Linh mục Engman có thể coi như không hiểu anh ta nói gì.

“Chúng ta có hơn một giờ. So với không có phút nào là khá lắm rồi.”

“Con thà chết chứ không thể nộp các em...”

“Ta cũng thế.”

“Vậy tại sao Cha không liều chết cự tuyệt?”

“Dù sao ta cũng có thể liều chết muộn một chút, muộn hơn một giờ... Bây giờ thì anh đi chỗ khác đi.”

Bên ngoài tối đen như giữa đêm, Fabbi rời bỏ linh mục Engman. Anh ta quay lại trông thấy linh mục Engman đi đến trước tượng Chúa tuần nạn và quỳ xuống. Fabbi lúc này không biết rằng khi anh nói với viên thiếu tá thì một ý tưởng đã lóe lên trong đầu vị linh mục. Bây giờ ông đang kéo ý tưởng đó lại, xem xét, phân tích nó thật bình tĩnh.

16. Chương 16

Khi linh mục Engman nói với viên sĩ quan Nhật rằng các em cần tắm gội chải chuốt để đi dự hội, Thư Quyên và các bạn giương mắt lên nghe. Linh mục lẩn thẩn rồi sao? Không phải ông đã kể cho các cô nghe kết cục của Đậu Hoàn hay sao? Ông lại muốn từng người từng người trong các cô chịu cực hình như Đậu Hoàn hay sao? Sự việc mà người đàn ông dùng để hủy diệt đàn bà nó như thế nào? Làm sao dùng nó để tàn phá những Sô-phi, Thư Quyên thành Hồng Lăng, Ngọc Mặc, Na Ni, cuối cùng là tấm thân tan nát như Đậu Hoàn, các cô bé đã hiểu và chính vì hiểu mà cuộc hủy diệt sắp tới đây càng trở nên khủng khiếp.

“Có thật là người Nhật sẽ đưa chúng mình về không?” Một cô bé hỏi. Bây giờ mà hãy còn ngu ngơ như thế.

Các bạn chẳng ai đáp lời. Cô bé này học dưới Thư Quyên một lớp, nhà ở vùng quê An Khánh, mẹ là một quả phụ giàu có, không hiểu lấy đâu ra ý nghĩ kỳ quặc là đưa con về Nam Kinh để được giáo dục kiểu phương Tây.

“Không nghe à? Có đồ ăn ngon, có hoa,” Cô bé ngốc nghếch nói.

“Thế thì cậu đi đi!” Sô-phi nói. Đó là câu chữ.

“Cậu đi thì tớ đi.” Cô bé An Khánh đáp lại.

“Cậu đi tớ cũng không thèm đi!”

Cô bé không nói gì nữa.

“Cậu đi đi mà!” Sô-phi hét lên. Lúc này tìm được chỗ để trú cái bực dọc không dễ.

“Bọn Nhật có đồ ăn thức uống ngon, có cả chỗ ngủ ấm nữa đấy!”

Không biết cô bé An Khánh chồm đến cạnh Sô-phi từ lúc nào, giáng cho Sô-phi một cái tát. Sô-phi không thấy đau lại còn muốn cảm ơn vì có được chỗ để trú giận. Thế là nắm đấm, móng tay, chân, toàn thân đồng loạt trút giận. Cô bé An Khánh bật khóc, Sô-phi cũng lập tức khóc theo, khóc một cách oan ức như là cô bé đánh người ta đánh bị thương luôn cả mình, các cô bé đến can, can mãi, can mãi rồi khóc cả lượt.

“Đồ đi rạc, đồ điếm!” Sô-phi vừa dấm đá vừa chửi. Cô bé đánh trúng ai thì người đó chịu. Cục giận của cô lớn quá, có cả nỗi giận Từ Tiểu Ngu, nó coi Sô-phi là con ngốc nó chơi xấu lắm quá, chơi đúng vào lúc tính mạng treo sợi tóc này.... “Đồ đi rạc!...” Những câu chửi của Sô-phi bị những cú dấm cú đá của chính cô làm đứt từng đoạn.

“Này, mày chửi ai?” Tấm rèm vén lên, xuất hiện Hồng Lăng, đằng sau là Na Ni và Ngọc Sinh.

“Đi cũng là người nhá.” Hồng Lăng có vẻ như chán ngấy chuyện các nữ sinh cãi nhau: “Đừng có thối mồm nữa.”

Ngọc Mặc nói: “Trước đây ăn nói tử tế cả, học đâu ra cái thói dă man thế hả? Học ai thế hả?”

Na Ni nói: “Bắt chước chúng tao phải không?... Tại sao chúng mày lại bắt chước loại người như chúng tao?”

Đám nữ sinh thôi đánh nhau, ngồi im lau nước mắt, sửa sang quần áo đầu tóc.

Cô bé An Khánh vẫn khóc hu hu.

Tầm rèm lại vén lên, Ngọc Mặc đi tới, hai cánh tay nuốt nà chống eo, một dáng người ghê gớm.

“Có cảm miệng đi không?” Ngọc Mặc dùng giọng chợ búa Nam Kinh nói: “Khóc nữa con mẹ mày không nghe thấy đâu nhưng bọn Nhật nghe thấy đó, mấy đứa chúng mày,” cô chỉ tay vào Hồng Lăng: “Lắm mồm.”

Nói xong cô đi vào phía bên kia rèm, nơi cửa đám đàn bà.

Các bé gái im thin thít. Cũng lạ, Triệu Ngọc Mặc nói thật bình thường, như người mẹ trẻ trách mắng các con, hay như cô giám quản nhà trường ngăn chặn những nữ sinh nghịch ngợm phá phách.

Lúc này các nữ sinh rất cần cô nói một lời như thế, vô tư, hơi thô lỗ, chẳng coi việc gì là ghê gớm cả.

Khi linh mục Engman đứng dậy, tư duy và tri giác bỗng chốc bay đi hết, ông biết mình đang ở bên bờ suy sụp. Một mối, đói khát, buồn đau suốt hơn năm trời đã vắt kiệt con người ông, chút sức lực còn lại hầu như không đủ để thực hiện được những điều ông phải nói, phải làm. Những điều ông phải nói, phải làm nó quá ư tàn nhẫn, để bảo vệ một số sinh mạng ông phải hy sinh một số khác. Sở dĩ những sinh mạng phải chịu hy sinh là bởi vì họ không thuần khiết, là những sinh mạng cấp thấp hơn, không đáng để ông phải bảo vệ, không đáng được nhận sự bảo hộ của nhà thờ và của thượng đế của ông. Ông buộc phải đưa ra sự lựa chọn này, đưa những sinh mạng không thuần khiết lắm, những sinh mạng cấp thấp hơn lên đài tế thần để bảo vệ những sinh mạng thuần khiết hơn, đáng bảo vệ hơn.

Phải vậy không? Trước mặt thượng đế, có phải ông có quyền quyết định cuối cùng sự sống và cái chết, có quyền thay mặt thượng đế chọn lựa cái nào tốt cái nào xấu?...

Ông đi qua khoảng sân xuống nhà bếp.

Ông sẽ gọi “Các con...” để bắt đầu bài diễn thuyết về sự lựa chọn, như hàng ngàn hàng vạn lần ông gọi các nữ sinh: “Các con của ta”. Lẽ nào những người đàn bà kia cũng là các con của ông? Lạ thật, ông cảm thấy một sự xúc động dâng trào, gọi họ là các con mà ông không hề cảm thấy giả tạo và gượng ép. Vậy thì từ lúc nào ông thay đổi cách nhìn của ông đối với những người đàn bà đó? Tất nhiên không hoàn toàn thay đổi, nếu không ông đã chẳng chọn họ làm vật hy sinh và đưa đi cung phụng. Ông vẫn không tôn trọng họ nhưng không còn ghét họ.

Ông phải tỏ ra đau lòng: Sự tình phải là như thế, người Nhật bắt đi chỉ có thể là họ. Chỉ có thể hy sinh họ mới có thể cứu các nữ sinh. Ông sẽ nói với họ: “Các con của ta, hy sinh mình để cứu người khác có thể khiến một nhân cách đạt đến thang bậc thần thánh nhất. Qua sự hy sinh, các con trở nên người đàn bà thuần khiết nhất...”

Nhưng khi bước chân đến cửa nhà bếp, ông bỗng thấy những lời nói đó vô cùng vớ vẩn, vô cùng sống sượng và giả dối, thậm chí khiến ông khó xử.

Vậy thì nói cái gì?

Thậm chí ông mong họ chống lại ông, trở mặt với ông, mặt sát ông, như vậy ông sẽ đủ sức nói xằng với họ: “Rất tiếc, các cô phải đi theo người Nhật, lập tức rời khỏi nhà thờ.”

Không thể lãng phí một giây nhưng linh mục Engman lòng dạ như lửa đốt vẫn đang lãng phí thời gian.

“Thưa Cha!” Fabbi chạy từ sân sau đến: “Khu mộ đầy những lính Nhật! Chúng nhảy qua tường mai phục ở đó!”

Engman lập tức đẩy cửa bếp. Trong đầu ông chỉ còn một ý nghĩ: Mong sao những người đàn bà này được như tất cả những người đàn bà con nhà lành Trung Quốc, bằng lòng chấp nhận số phận của mình.

Nhưng ông đứng sững lại.

Những người đàn bà đang vây quanh một cái bàn, giữa có một ngọn nến sắp tắt như đang có cuộc hội nghị bí mật.

“Tại sao các cô lại ở đây?”

“Tôi gọi các cô ấy đến ạ.” Ngọc Mặc nói.

“Mười mấy lính Nhật không theo chỉ huy về mà phục ở khu mộ!” Fabbi nói.

Ngọc Mặc đứng đưng nhìn anh ta, ánh mắt quay sang linh mục Engman: “Chị em chúng tôi vừa bàn nhau...”

Ngọc Sinh nói: “Chị bàn với ai nào?!”

Ngọc Mặc nói tiếp: “Chúng tôi sẽ đi theo người Nhật. Để các em học sinh ở lại.”

Linh mục Engman bỗng cảm thấy nhẹ người, nhưng ông bị cắn rứt bởi chính sự nhẹ người đó và giận mình quá tàn nhẫn.

Fabbi nói xen vào: “Các cô nghĩ có rượu có thịt ư?”

Nan Ni nói: “Có rượu có thịt chúng tôi cũng không đi.”

Ngọc Mặc nói: “Tôi không ép các cô, bản thân tôi thay được người nào hay người ấy.”

Hồng Lăng uể oải đứng dậy và nói: “Chúng mày tưởng chúng mày quý giá hơn chị Triệu Ngọc Mặc? Thối hơn bùn dưới ao, còn tự coi mình là báu lắm!” Cô đi đến bên Triệu Ngọc Mặc, một tay vòng sau lưng đàn chị và nói: “Em kết với chị, em đi với chị.”

Ngọc Sinh nói to: “Hèn và sang đều là mạng người, ai nên đi thì đi!...”

Mấy người khác lầu bầu: “Tôi còn phải nuôi mẹ nuôi em.”

“Chẳng điểm danh tôi, việc gì tôi phải đi?”

Triệu Ngọc Mặc giận dữ nói: “Các cô cứ ở đây mà trốn đến cùng, chiếm chỗ của người ta, ăn tranh của người ta, giương mắt nhìn bọn Nhật lủ nhai con đi hành hạ! Thế còn các cô trốn ở lại để dành cho ai? Ở lại để có người thương có người yêu ư?” Lúc này Triệu Ngọc Mặc như người đàn bà quê mùa đánh đá, một lời nói ra mấy người bị chửi nhưng lại chẳng biết cô chửi người nào. “Cứ trốn đi, trốn đến đổi đời đầu thai, đầu thai cho tốt, cũng làm học sinh, làm đệm cho bọn Nhật chó má của các cô!”

Những điều Triệu Ngọc Mặc nói, linh mục Engman không hiểu lắm. Có chỗ không hiểu chữ, có chỗ hiểu chữ nhưng không hiểu nghĩa. Nhưng Fabbi hiểu hết, anh lớn lên ở vùng quê Giang Bắc, có rất nhiều đàn bà bất hạnh, họ thường giận cá chém thớt, mượn chuyện dạy con để kể khổ. Điều khiến người ta cảm thấy buồn cho họ là chịu để cho số phận an bài, sự chống lại của họ trước mọi bất công cuối cùng đều kết thúc bằng việc chấp nhận nó, và chấp nhận với vẻ cam phận. Lời của Ngọc Mặc quả nhiên khiến hầu hết những người đàn bà ở đây đều cam phận, họ ngồi yên lặng.

“Các cô không nhất thiết phải thay nữ học sinh.” Fabbi nói với Ngọc Mặc.

Ngọc Mặc ngớ ngàng, Fabbi cảm thấy ánh mắt của linh mục Engman đâm vào bên má. “Không ai đi cả.”

Engman nói bằng tiếng Anh: “Hãy nói những câu có ích, Fabbi!”

“Hãy giấu họ dưới hầm, có thể người Nhật không tìm ra.” Fabbi nói.

“Sự mạo hiểm đó chúng ta không làm được!”

“Sau sự kiện Nam Kinh, quân Trục Lỗ và quân Giang Hữu mấy lần vào nhà thờ, chúng ta đều trốn được kia mà?” Fabbi gợi ý linh mục Engman.

“Nhưng người Nhật đã biết có nữ sinh trốn trong nhà thờ...”

“Đó là khi thừa nhận với họ, Cha đã nghĩ hy sinh những người này.” Fabbi quá xúc động, phát âm không rõ nhưng nói rất nhanh. Anh thấy vị linh mục già nghe khá vất vả để hiểu anh nói gì, anh nhắc lại những lời buộc tội vừa rồi. Anh chưa bao giờ như thế này, anh cảm thấy mình là người đàn ông Trung Quốc từ đầu tới chân, đó là bài ngoại, phong kiến, muốn ngăn chặn tất cả những người đàn ông nước ngoài ức hiếp đàn bà dân tộc mình.

“Fabbi Atonado, việc này tôi không bàn với anh!” Giọng trầm của linh mục Engman chặn đứng giọng cao của Fabbi.

Chuông cổng vang lên. Ngọn nến lay động một cái.

“Xuống hầm mau!” Fabbi nói với đám đàn bà: “Tôi còn sống không ai có thể nghĩ đến chuyện lôi các người đi làm đẽm cả!”

“Không ai lôi cả, chúng tôi tự nguyện.” Ngọc Mặc nhìn Fabbi. Vì ánh mắt này mà Fabbi phải chờ bao ngày bao đêm, ánh mắt đã khiến Fabbi nhiễm độc và bị nghiện, giờ đây đôi mắt phát ra ánh sáng đỏ sẽ cùng thân thể rời đây mà đi, để lại cơ nghiện cho Fabbi.

“Tôi đi nói với viên thiếu tá, xin thêm mười phút nữa.” Engman nói.

“Hai mươi phút. Đóng giả nữ sinh, ít nhất phải hai mươi phút.” Ngọc Mặc nói.

Linh mục Engman mắt sáng lên, ông không nghĩ Ngọc Mặc lại còn giỏi hơn ông, thông thạo hơn ông, đóng giả luôn nữ sinh!

“Cô thấy đóng có giống được không?” Ông hỏi.

Hồng Lăng nói: “Linh mục cứ yên tâm, chúng em đóng chính vai mình không giống còn đóng vai ai cũng giống hết!”

Ngọc Mặc nói: “Fabbi, hãy mang trang phục học sinh đến đây, không phải đồ hàng ngày mặc, lấy thứ trang trọng nhất đó, mau lên!”

Fabbi chạy đến xưởng đóng sách, khi lên gác bỗng nhớ lại vừa rồi Ngọc Mặc không gọi anh ta là “phó linh mục” mà gọi “Fabbi”, phát âm Fabbi theo đúng tên Trung Quốc.

Yêu cầu của linh mục Engman được viên thiếu tá chấp thuận. Lính của hắn đứng yên trong giá lạnh hai mươi phút. Lý do ông đưa ra nghe xuôi tai: Lễ phục để mặc khi hát đồng ca lâu ngày chưa mang ra dùng, có cái phải đính cúc, có cái phải khâu lại, rồi phải là cho phẳng phiu. Binh lính sát vai nhau đứng phía ngoài tường, lưỡi lê chìa lên trời. Hai mươi phút thì hai mươi phút, của ngon vật lạ cũng đáng để chờ. Người Nhật trọng nghi thức lắm. Một đĩa cá nóc bày lên bàn cũng trang điểm thành tác phẩm nghệ thuật hướng chỉ món mỹ vị gái trinh.

Sau hai mươi phút, cửa nhà bếp mở ra, một bầy thiếu nữ mặc váy đen thủy thủ, đầu đội mũ lễ thánh xuất hiện, những gương mặt hơi cúi xuống, cô nào cũng kẹp một cuốn sách thánh ca, cánh tay khép lại, tựa như các cô gái trinh trắng khó chịu với khuôn ngực đầy đặn của mình.

Các cô là một bầy “nữ sinh” xinh đẹp nhất thành Nam Kinh. Đó là tôi tưởng tượng ra thế, bởi vì với các cô, nữ sinh luôn luôn chỉ là giấc mơ, các cô trang điểm, ăn mặc nữ sinh theo giấc mơ của mình cho nên lại thêm cái đẹp của mộng mơ.

Lại nữa, thành cổ Nam Kinh từ xưa đã thu hút vô số mỹ nữ Giang Nam, biến họ thành giai nhân tuyệt sắc chốn lầu xanh, rất hiếm khi để lọt ra những gái làng chơi xấu xí. Con gái xấu trước tiên không qua được sát hạch nhập môn, nếu không sẽ hạ thấp tên tuổi của kỹ viện, làm mất lòng khách hàng. Vì vậy Giang Nam trong thời kỳ điện ảnh còn mạnh nha, con gái đẹp nghèo khổ chỉ có hai lối ra, một là nhà hát, hai là lầu xanh.

Cô Thư Quyên của tôi không tận mắt nhìn thấy Triệu Ngọc Mặc và các cô ra đi như thế nào. Sau này nghe Fabbi nói, cô nào cũng lộng lẫy.

Triệu Ngọc Mặc cao nhất cho nên đi sau cùng.

Linh mục Engman đi đầu, làm dấu thánh cầu xin may mắn cho các cô. Đến Triệu Ngọc Mặc, cô cười bên lên, nhún đầu gối y hệt một nữ sinh.

Linh mục Engman nói nhỏ: “Các cô đến đây ban đầu là để lánh nạn.”

“Cám ơn linh mục lúc đó đã thu nhận chúng em. Nếu không bọn con gái chúng em bây giờ thành cái gì rồi.”

Fabbi xán đến, nhìn Ngọc Mặc không chớp mắt. Ngọc Mặc nói tiếp: “Chúng em sống chỉ gây họa cho người ta.” Cô ranh ma liếc nhanh hai vị linh mục.

Fabbi mở cánh cổng nặng nề cho các cô. Bên ngoài ánh đèn pin chiếu sáng lớp lớp lưỡi lê dày đặc như rừng. Viên thiếu tá đứng ngay như tượng gỗ, khuôn mặt khuất trong bóng tối, nhưng đôi mắt và hàm răng trắng

có vẻ hân hoan ra mặt. Fabbi không bao giờ nghĩ rằng mình lại mở toang cánh cửa trực tiếp đưa người ta vào đường cùng.

Fabbi nghĩ, tất cả những vận may mà Ngọc Mặc đã bỏ lỡ lẽ ra còn có hy vọng lấy lại, cho dù chỉ một hai, cho dù hy vọng lấy lại là rất nhỏ, nhưng ra đi lần này thì chẳng còn gì để lấy lại nữa. Nghĩ thế, ruột gan anh đau thắt lại. Anh đã nhiễm bệnh đa sầu đa cảm của người Trung Quốc từ nhỏ vì bà vú hay dẫn đi xem kịch. Bà vú đã cấy hạt giống đa sầu đa cảm trong tâm hồn anh. Hạt giống thì cấy rồi nhưng hạt giống cũng có thể biến dị.

Một chiếc xe tải đỗ ở bên cái cây bị cháy, phía cuối xe có hai tên lính. Khi một “nữ sinh” tới thì chúng mỗi đứa một tay nắm lấy cánh tay giúp cô bước lên thang. Không muốn giúp cũng không được, chúng lập tức giờ súng chặn đường lui.

Viên thiếu tá đi cạnh Ngọc Mặc.

Fabbi đi theo hai người, cách ba bước chân.

Linh mục Engman đứng nơi cổng, bộ râu nhiều ngày chưa cạo khiến dung mạo ông như người cổ đại, hay là ông thoát ly loài người để biến thành thần?

Tôi tưởng tượng ông đứng đó, đầu óc trống rỗng, chỉ mong sao vở kịch suôn sẻ cho đến khi hạ màn, đừng có xảy ra chuyện gì bất thường, ông không thể chịu nổi bất kì trục trặc nào nữa.

Ông đưa mắt tiền từng “nữ sinh” bước lên bậc thang của chiếc xe và khuất trong mũi bật, qua dáng người và động tác của họ, ông có thể phân biệt được ai với ai nhưng không biết hết tên. Ông ân hận vì đã không hỏi một câu tên của các cô – tên cha mẹ đặt cho chứ không phải tên ở lầu xanh. Ông chỉ nhớ một cái tên, đó là Triệu Ngọc Mặc. Chắc đây là tên bố mẹ đặt cho. Ông sẽ không bao giờ biết được rằng, Triệu Ngọc Mặc chỉ muốn quên cái tên này đi.

Bữa tối hôm đó là súp khoai tây. Sau khi George Trần chết, Fabbi nấu cho mọi người ăn món cháo, món súp gạo.

Chỉ có khác là mỗi em được ăn hai suất vì khi chuẩn bị bữa chiều, anh không nghĩ sẽ thừa ra mười ba suất. Cuối cùng, các em học sinh đã thực hiện được điều cầu nguyện: Xin cho con được ăn một bữa no nê, đừng cho các ả gái điếm tranh mất phần. Các em không tưởng tượng rằng lời cầu nguyện đã được đáp ứng, đáp ứng theo cách tàn khốc đến thế. Các em xúc từng thìa súp, Thư Quyên nhìn trộm Sô-phi ngồi đối diện, trên má Sô-phi có một vết máu, vết móng tay trong cuộc hỗn chiến, vết máu đó là chỗ sinh động nhất trên gương mặt tê dại của cô bé. Chẳng ai thốt lên: Ôi, những người đàn bà đó đã cứu chúng ta. Cũng không có ai nói: Không biết các chị ấy có sống sót được hay không? Nhưng Thư Quyên cũng như các bạn đều day dứt nỗi ân hận: lúc đó mình chỉ muốn được ăn no, đâu có biết lời cầu nguyện của mình lại biến thành lời nguyện rửa độc địa đối với họ.

Phải cần nhiều thời gian, cần một quãng đời trưởng thành, các cô mới nhìn được rõ cái tối hôm đó và những người đàn bà bị các cô coi là loại mặt hạng.

Trước bữa tối, Fabbi Atonado hướng dẫn các em cầu nguyện rồi hấp tấp ra khỏi nhà thờ.

Mười hai giờ đêm Fabbi quay về, dẫn theo một phụ nữ người châu Âu cao lớn. Các em quen biết bà, khê gọi “bà Whittlyn”. Bà cũng như Fabbi, nói thông thạo tiếng Trung Quốc, cái đưa tay cái nhìn đều giống người Trung Quốc. Bà đưa thợ đến cắt tóc cho các em. Sau hai giờ một bầy bé gái biến thành con trai hết. Bà đi chiếc xe cứu thương đến, gần sáng rồi đi, trong xe đầy những “bệnh nhân” nhỏ tuổi mặc quần áo sọc, em nào cũng hốc hác vàng vọt, đôi mắt vô hồn. Những bộ quần áo sọc thùng thình như bên trong không có gì cả.

Cô tôi và các bạn đóng giả các bé trai bị bệnh truyền nhiễm, ẩn náu ở phòng bệnh Y học Viện Kim Lăng hai ngày, sau đó được bí mật đưa về một vùng quê sát Nam Kinh, từ đó đi tàu thủy đến Vu Hồ rồi đi Hán Khẩu. Fabbi Atonado đi theo suốt dọc đường, từ linh mục biến thành bác sĩ giám hộ. Chẳng ai ngờ được, cái nghề nguy trang tạm thời đó vĩnh viễn thay đổi cuộc đời Fabbi. Nửa năm sau anh quay lại Nam Kinh, rồi bỏ chức vụ trong nhà thờ và dạy môn Lịch sử thế giới và lịch sử tôn giáo ở trường đại học giáo hội Wilson và kiêm đứng lớp ở một sở trường đại học khác. Trong các cô bé được mười

ba người đàn bà Tần Hoài cứu đêm đó, chỉ có mỗi mình cô Mạnh Thư Quyên của tôi vẫn còn thư từ với Fabbi.

17. Chương 17

Tại phiên tòa quốc tế xét xử tội phạm, cô Mạnh Thư Quyên của tôi cho rằng cô đã gặp người đàn bà khuôn mặt hoàn toàn khác nhưng vóc dáng không hề thay đổi, người đó đúng là Triệu Ngọc Mặc. Khi đó Mạnh Thư Quyên viết một bức thư cho Fabbi Atonado, báo tin rằng Triệu Ngọc Mặc còn sống. Bà ngoại của Fabbi ở Mỹ chết tháng 10 năm 1945, để lại cho Fabbi mồ côi chút gia sản. Fabbi đi Mỹ để bán đi. Trong thư gửi Fabbi, cô tôi kể lại Triệu Ngọc Mặc đã phủ nhận mình là Triệu Ngọc Mặc như thế nào. Thư trả lời của Fabbi đến sau một tháng, anh nói có thể Triệu Ngọc Mặc phải biến thành người khác mới có thể sống sót được.

Cùng với sự kiện quân Nhật hủy diệt cướp bóc hãm hiếp tại Nam Kinh bị tố giác mỗi ngày một nhiều, qui mô của nó hiện ra càng ngày càng rõ, cuộc bám đuổi Triệu Ngọc Mặc của cô tôi cũng ngày càng ráo riết. Cô cho rằng bảy ngày của tháng 12 năm 1937 đã biến đổi cuộc đời cô. Cô kể với tôi, sau khi rời nhà thờ, cô và các bạn phát hiện mình thường buột miệng nói những từ của gái làng chơi hoặc buột miệng hát những câu hát của họ, những câu hát đầy sức sống nhưng bản thân được các nữ sinh bắt chước hoàn toàn vô thức. Nếu có cãi nhau thì các cô không còn là những cô gái ngoan nết nữa mà cũng thô bạo, chẳng ai nhường ai, người này văng tục người kia văng tục hơn. Một khi phá bỏ điều cấm kỵ, các cô bỗng cảm thấy chẳng có gì ghê gớm cả, con trai con gái cũng thế, ai chẳng nói mỗi chuyện đó? Khi cần trút giận thì chẳng ngôn từ nào trút giận hiệu quả bằng ngôn từ của gái làng chơi. Sau đó mấy tháng Fabbi Atonado bỏ ra bao nhiêu công sức cũng không thể biến các cô trở lại như các cô bé hát đồng ca ngày xưa.

Nói đến đây, cô tôi cười: “Fabbi làm sao biết được đó là sự giải phóng lớn lao của chúng tôi, chúng tôi học được ở những người đàn bà bị bán làm con nô tỳ thấp hèn cách giải phóng bản thân.”

Năm tôi hăm chín tuổi, cô Mạnh Thư Quyên của tôi hoàn thành việc điều tra về tung tích của mười ba cô gái sông Tần Hoài.

Triệu Ngọc Mặc là người duy nhất sống sót, cũng chính cô là người làm chứng lần đó các sĩ quan cao cấp của quân đội Nhật Bản đã chia sẻ với nhau thân xác của cô và mười hai “nữ sinh” khác. Trong đó có hai cô định dùng dao ăn (lấy ở phòng ăn của nhà thờ Wilson) chống lại, bị giết tại chỗ. Còn lại mười một cô sau khi bọn sĩ quan sử dụng, bị ném vào Sở phục vụ mới thành lập. Trong hai ba năm, các cô liên tiếp theo nhau lìa đời, có cô bị bắn chết vì định bỏ trốn, có cô chết vì nhiễm bệnh, cá biệt có cô chết vì tự sát. Sự sống sót của Triệu Ngọc Mặc có thể là do diện mạo và dáng điệu khác thường của cô, những kẻ hành hạ thân xác cô là sĩ quan hạng trung và hạng dưới, cho nên sự canh gác dần dần nới lỏng, cuối cùng cô trốn thoát được. Có thể cô trốn sau khi ở Sở phục vụ bốn năm. Còn tại sao cô thay đổi diện mạo, cô tôi không tìm được câu trả lời và tôi cũng không tìm được câu trả lời.

HẾT

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/kim-lang-thap-tam-thoa>